



Viettronics



**Tổng công ty cổ phần
Điện tử và Tin học Việt Nam**

TÀI LIỆU

ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG THƯỜNG NIÊN NĂM 2021

1. Chương trình Đại hội.
2. Quy chế tổ chức Đại hội cổ đông thường niên năm 2021.
3. Báo cáo Kết quả hoạt động SXKD năm 2020, kế hoạch SXKD năm 2021.
4. Báo cáo tài chính tóm tắt năm 2020 đã được kiểm toán.
5. Báo cáo tài chính hợp nhất tóm tắt năm 2020 đã được kiểm toán.
6. Báo cáo Hoạt động của Hội đồng quản trị năm 2020.
7. Báo cáo Hoạt động của Ban kiểm soát năm 2020.
8. Tờ trình phân phối lợi nhuận năm 2020.
9. Tờ trình quyết toán thù lao HĐQT và Ban kiểm soát năm 2020, dự kiến năm 2021.
10. Tờ trình lựa chọn công ty kiểm toán báo cáo tài chính năm 2021.
11. Tờ trình về việc sửa đổi, bổ sung Điều lệ.
12. Tờ trình về việc sửa đổi, bổ sung Quy chế nội bộ về quản trị Tổng công ty.
13. Tờ trình về việc sửa đổi, bổ sung Quy chế hoạt động của Hội đồng quản trị.
14. Tờ trình về việc sửa đổi, bổ sung Quy chế hoạt động của Ban kiểm soát.

Hà Nội, tháng 4 năm 2021

CHƯƠNG TRÌNH

ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG THƯỜNG NIÊN NĂM 2021
TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN ĐIỆN TỬ VÀ TIN HỌC VIỆT NAM

- Thời gian: Bắt đầu từ 8h00 ngày 27 tháng 4 năm 2021
- Địa điểm: Tầng 11, Tòa nhà Mipec - 229 Tây Sơn, Đống Đa, Hà Nội.

Thời gian	Nội dung
8h00 – 8h30	Đón tiếp đại biểu, Kiểm tra tư cách cổ đông
8h30 – 8h45	1. Khai mạc, Chào cờ, Tuyên bố lý do. 2. Giới thiệu thành phần tham dự Đại hội. 3. Báo cáo kết quả kiểm tra tư cách cổ đông. 4. Giới thiệu Chủ tọa Đại hội.
8h45 – 9h00	5. Giới thiệu Đoàn chủ tịch, Ban kiểm phiếu và Ban thư ký Đại hội. Đại hội biểu quyết thông qua danh sách đoàn chủ tịch, ban kiểm phiếu. 6. Thông qua Quy chế tổ chức Đại hội. 7. Thông qua chương trình Đại hội.
9h00 – 11h00	8. Báo cáo kết quả hoạt động SXKD năm 2020, kế hoạch SXKD năm 2021. 9. Báo cáo tài chính tóm tắt năm 2020 đã được kiểm toán. 10. Báo cáo tài chính hợp nhất tóm tắt năm 2020 đã được kiểm toán. 11. Báo cáo hoạt động của Hội đồng quản trị năm 2020. 12. Báo cáo hoạt động của Ban kiểm soát năm 2020. 13. Tờ trình phân phối lợi nhuận năm 2020. 14. Tờ trình quyết toán thù lao HĐQT và Ban KS năm 2020, dự kiến năm 2021. 15. Tờ trình lựa chọn công ty kiểm toán báo cáo tài chính năm 2021. 16. Tờ trình về việc sửa đổi, bổ sung Điều lệ. 17. Tờ trình về việc sửa đổi, bổ sung Quy chế nội bộ về quản trị Tổng công ty. 18. Tờ trình về việc sửa đổi, bổ sung Quy chế hoạt động của Hội đồng quản trị. 19. Tờ trình về việc sửa đổi, bổ sung Quy chế hoạt động của Ban kiểm soát. 20. Đại hội thảo luận 21. Hướng dẫn cách thức biểu quyết tại Đại hội và biểu quyết thông qua các nội dung.
11h00 – 11h15	22. Đại hội giải lao (Ban kiểm phiếu làm việc).
11h15 – 11h20	21. Báo cáo kết quả kiểm phiếu biểu quyết.
11h20 – 11h30	22. Thông qua Biên bản và Nghị quyết ĐHĐCĐ năm 2021.
11h30 – 11h35	Bế mạc Đại hội.

Số: **144** TTtr/ĐT-HĐQT

Hà Nội, ngày **26** tháng 04 năm 2021

TỜ TRÌNH

(Về việc thông qua Quy chế tổ chức Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2021)

Kính gửi: Đại hội đồng cổ đông năm 2021

Tổng công ty Cổ phần Điện tử và Tin học Việt Nam

Để tiến hành Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2021, Hội đồng quản trị Tổng công ty kính trình Đại hội đồng cổ đông của Tổng công ty cổ phần Điện tử và Tin học Việt Nam thông qua Quy chế tổ chức Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2021 của Tổng công ty cổ phần Điện tử và Tin học Việt Nam.

Dự thảo Quy chế được đính kèm tờ trình này.

Hội đồng quản trị kính trình Đại hội đồng cổ đông xem xét thông qua.

Trân trọng kính trình!

Nơi nhận:

- Như trên;
- CBT;
- HĐQT, BKS;
- Lưu VT, KHĐT.



QUY CHẾ

**TỔ CHỨC ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG THƯỜNG NIÊN NĂM 2021
CỦA TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN ĐIỆN TỬ VÀ TIN HỌC VIỆT NAM**
(Ban hành kèm theo Tờ trình số **1.4.4**. TTr/ĐT-HĐQT ngày 26/04/2021
của Hội đồng quản trị Tổng công ty cổ phần Điện tử và Tin học Việt Nam)

Chương I NHỮNG QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Phạm vi áp dụng

Quy chế tổ chức Đại hội đồng cổ đông sử dụng cho việc tổ chức Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2021 của Tổng công ty cổ phần Điện tử và Tin học Việt Nam.

Điều 2. Quy chế này quy định cụ thể quyền và nghĩa vụ của các bên tham gia Đại hội, điều kiện, thể thức tiến hành Đại hội.

Điều 3. Cổ đông và các bên tham gia có trách nhiệm thực hiện theo các quy định tại Quy chế này.

Chương II QUYỀN VÀ NGHĨA VỤ CỦA CÁC BÊN THAM GIA ĐẠI HỘI

Điều 4. Quyền và nghĩa vụ của các cổ đông tham dự Đại hội đồng cổ đông

1. Điều kiện tham dự Đại hội.

Tất cả các cổ đông sở hữu cổ phiếu Tổng công ty cổ phần Điện tử và Tin học Việt Nam theo danh sách chốt ngày 31/03/2021 hoặc những người được ủy quyền tham dự hợp lệ.

2. Quyền và nghĩa vụ của các cổ đông đủ điều kiện tham dự Đại hội.

a. Cổ đông hoặc người được ủy quyền đến dự Đại hội cần mang theo các giấy tờ sau:

- Giấy chứng minh thư nhân dân/ hộ chiếu hoặc giấy tờ có giá trị tương đương.
- Giấy ủy quyền (trường hợp được ủy quyền tham dự Đại hội*)

(*Nếu cổ đông là cá nhân, thì văn bản ủy quyền phải được ký bởi chính cổ đông đó; Nếu cổ đông là tổ chức, thì văn bản ủy quyền phải được đóng dấu và được ký bởi người đại diện hợp pháp của tổ chức đó).

Sau khi xuất trình các giấy tờ nêu trên cho Ban Kiểm tra tư cách cổ đông, cổ đông hoặc người được ủy quyền đến dự Đại hội được nhận một **Thẻ biểu quyết và một Phiếu biểu quyết** do Tổng công ty in và đóng dấu kiểm soát.

Phiếu biểu quyết theo mẫu của Tổng công ty phát hành kèm theo tài liệu gửi cho cổ đông do cổ đông gửi tới Đại hội, được Ban kiểm tra tư cách cổ đông ghi nhận như phiếu do Ban tổ chức đại hội phát trực tiếp tại đại hội khi Phiếu gửi tới được kèm theo bản chính hoặc bản sao được công chứng các giấy tờ sau: Giấy chứng minh nhân dân hoặc Thẻ căn cước công dân hoặc các giấy tờ tương đương của cổ đông/người được ủy quyền. Các thông tin về cổ đông trên các giấy tờ kèm theo phiếu biểu quyết phải phù hợp với các thông tin của cổ đông trên phiếu biểu quyết.

Sau khi được Ban kiểm tra tư cách cổ đông xác nhận tính hợp lệ của Phiếu biểu quyết do cổ đông gửi tới, Phiếu sẽ được đóng dấu kiểm soát của Tổng công ty và được ghi nhận như các phiếu biểu quyết trực tiếp tại Đại hội.

b. Cổ đông được ủy quyền bằng văn bản cho người nhận ủy quyền thay mặt mình tham dự và biểu quyết tại Đại hội đồng cổ đông. Người được ủy quyền tham dự Đại hội không được ủy quyền lại cho người khác tham dự Đại hội.

c. Cổ đông hoặc người được ủy quyền tham dự Đại hội, sau khi nghe báo cáo về các nội dung cần thông qua sẽ cùng thảo luận và thông qua bằng biểu quyết.

d. Cổ đông tham dự Đại hội khi muốn phát biểu ý kiến thảo luận phải được sự đồng ý của Chủ tọa, phát biểu ngắn gọn và tập trung vào đúng những nội dung trọng tâm cần trao đổi, phù hợp với nội dung chương trình của Đại hội đã được thông qua. Những vấn đề đã được người trước phát biểu thì không phát biểu lại để tránh trùng lặp. Cổ đông hoặc người được

ủy quyền tham dự Đại hội cũng có thể ghi các nội dung vào phiếu câu hỏi, chuyển cho Ban Thư ký Đại hội.

e. Cổ đông hoặc người được ủy quyền được biểu quyết tất cả các vấn đề thuộc thẩm quyền của Đại hội đồng cổ đông theo quy định tại Điều lệ Tổng công ty.

f. Trong thời gian tiến hành Đại hội, các cổ đông phải tuân thủ theo sự hướng dẫn của Đoàn Chủ tịch, ứng xử văn minh, lịch sự, không gây mất trật tự.

g. Cổ đông hoặc người được ủy quyền dự họp đến sau khi Đại hội đã khai mạc, sau khi hoàn tất thủ tục đăng ký, được tham dự và tham gia biểu quyết về các nội dung cần biểu quyết còn lại theo chương trình Đại hội đã được thông qua. Trong trường hợp này, hiệu lực của những biểu quyết đã tiến hành không bị ảnh hưởng.

Điều 5. Quyền và nghĩa vụ của Chủ tọa, Đoàn Chủ tịch.

1. Chủ tịch Hội đồng quản trị là Chủ tọa cuộc họp Đại hội đồng cổ đông.

2. Nhiệm vụ của Đoàn Chủ tịch:

a. Điều hành các hoạt động của Đại hội theo chương trình đã được Đại hội thông qua. Tiến hành các công việc cần thiết để Đại hội đồng cổ đông diễn ra có trật tự, phản ánh được mong muốn của đa số cổ đông tham dự Đại hội.

b. Hướng dẫn các đại biểu tham dự Đại hội thảo luận.

c. Trình dự thảo và những nội dung cần thiết để Đại hội biểu quyết.

d. Trả lời những vấn đề do Đại hội yêu cầu.

Điều 6. Quyền và nghĩa vụ của Ban Kiểm tra tư cách cổ đông dự Đại hội.

Ban Kiểm tra tư cách cổ đông dự Đại hội đồng cổ đông do Hội đồng quản trị quyết định. Ban Kiểm tra tư cách cổ đông dự Đại hội nhận giấy tờ của cổ đông hoặc người được ủy quyền đến họp để kiểm tra tính hợp lệ và đối chiếu với danh sách cổ đông có quyền dự họp đã chốt ngày 31/03/2021; Phát các tài liệu Đại hội; Báo cáo trước Đại hội về kết quả kiểm tra tư cách cổ đông tham dự Đại hội trước khi Đại hội chính thức được tiến hành.

Điều 7. Quyền và nghĩa vụ của Ban Thư ký Đại hội.

1. Chủ tọa cử Ban Thư ký Đại hội.

2. Ban Thư ký thực hiện các công việc trợ giúp theo phân công của Chủ tọa, bao gồm:

a. Ghi chép đầy đủ, trung thực các nội dung Đại hội.

b. Công bố dự thảo Biên bản, Nghị quyết của Đại hội và thông báo của Đoàn Chủ tịch gửi đến các cổ đông khi được yêu cầu.

c. Tiếp nhận phiếu câu hỏi của các cổ đông.

Điều 8. Quyền và nghĩa vụ của Ban Kiểm phiếu.

1. Chủ tọa giới thiệu Ban Kiểm phiếu và lấy ý kiến thông qua tại Đại hội.

2. Ban Kiểm phiếu có nhiệm vụ:

a. Giám sát việc biểu quyết của các cổ đông hoặc người đại diện tham dự Đại hội.

b. Tổng hợp số cổ phần biểu quyết theo từng nội dung và thông báo kết quả cho Chủ tọa và Ban Thư ký Đại hội.

Chương III TIẾN HÀNH ĐẠI HỘI

Điều 9. Điều kiện tiến hành Đại hội

Cuộc họp Đại hội đồng cổ đông được tiến hành khi có số cổ đông dự họp đại diện trên 50% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết theo danh sách cổ đông chốt ngày 31/03/2021.

Điều 10. Trật tự của Đại hội

1. Tất cả các cổ đông đến tham dự Đại hội ăn mặc lịch sự, chỉnh tề.

2. Cổ đông khi vào phòng Đại hội phải ngồi đúng vị trí hoặc khu vực do Ban Tổ chức Đại hội quy định, tuyệt đối tuân thủ việc sắp xếp vị trí của Ban Tổ chức.

3. Không hút thuốc lá trong phòng Đại hội.

4. Không nói chuyện riêng, không sử dụng điện thoại di động trong khi Đại hội diễn ra. Điện thoại di động phải tắt hoặc không để chuông báo.

Điều 11. Cách thức biểu quyết thông qua các vấn đề tại Đại hội.

Tất cả các nội dung trong chương trình của Đại hội đều phải được lấy ý kiến biểu quyết thông qua công khai của tất cả cổ đông tham dự Đại hội bằng **THẺ BIỂU QUYẾT** và **PHIẾU BIỂU QUYẾT**. Mỗi cổ đông được cấp một **THẺ BIỂU QUYẾT** và một **PHIẾU BIỂU QUYẾT**. Trên **THẺ BIỂU QUYẾT** và **PHIẾU BIỂU QUYẾT** đều ghi: Mã số Cổ đông, số cổ phần được biểu quyết (sở hữu và/hoặc được ủy quyền) của cổ đông và có đóng dấu treo của Tổng công ty. **PHIẾU BIỂU QUYẾT** ghi các nội dung xin ý kiến Đại hội và các ô thể hiện phương án biểu quyết: Tán thành, Không tán thành, Không có ý kiến.

1. Cổ đông thông qua từng nội dung xin ý kiến Đại hội bằng cách giơ **THẺ BIỂU QUYẾT** để biểu quyết theo một trong các phương án sau: **Tán thành, Không tán thành, Không có ý kiến**. Khi biểu quyết, mặt trước của **THẺ BIỂU QUYẾT** có ghi Mã số cổ đông, Số cổ phần sở hữu và/hoặc đại diện phải được hướng về phía Chủ tọa.

2. Đối với các nội dung biểu quyết thông qua bằng **PHIẾU BIỂU QUYẾT**: Cổ đông đánh dấu (**V**) hoặc (**X**) vào ô lựa chọn một trong số các phương án: **Tán thành, Không tán thành, Không có ý kiến** trên **PHIẾU BIỂU QUYẾT**. Cổ đông/người đại diện theo ủy quyền ký tên trên **PHIẾU BIỂU QUYẾT** để hoàn thành việc biểu quyết thông qua các nội dung xin ý kiến tại Đại hội.

3. Ban Kiểm phiếu sẽ tiến hành ghi nhận Mã cổ đông biểu quyết cho từng phương án (Tán thành, Không tán thành, Không có ý kiến) và thu lại **PHIẾU BIỂU QUYẾT** để tổng hợp kết quả biểu quyết thông báo cho Chủ tọa và Ban thư ký Đại hội.

4. **PHIẾU BIỂU QUYẾT** bị rách hoặc ghi sai trước khi Ban kiểm phiếu thu về, Cổ đông/người đại diện theo ủy quyền tham dự Đại hội có thể xin đổi phiếu với Ban Tổ chức để thay thế.

5. **PHIẾU BIỂU QUYẾT** hợp lệ là phiếu do Ban tổ chức phát ra và được đánh dấu lựa chọn 1 trong 3 phương án (Tán thành, Không tán thành, Không có ý kiến) đối với từng nội dung xin ý kiến trên Phiếu; Ký, ghi rõ họ tên của cổ đông/người đại diện theo ủy quyền trên Phiếu. Các trường hợp còn lại là phiếu không hợp lệ;

Điều 12. Thông qua Quyết nghị của Đại hội đồng cổ đông:

Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông về các nội dung: Loại cổ phần và tổng số cổ phần của từng loại; Thay đổi ngành, nghề và lĩnh vực kinh doanh; Thay đổi cơ cấu tổ chức quản lý Tổng công ty; Dự án đầu tư hoặc bán tài sản có giá trị bằng hoặc lớn hơn 35% tổng giá trị tài sản của Tổng công ty được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất được kiểm toán; Tổ chức lại, giải thể Tổng công ty được thông qua khi được số cổ đông đại diện ít nhất 65% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết của tất cả các cổ đông và đại diện cổ đông dự họp chấp thuận.

Các quyết nghị của Đại hội đồng cổ đông về các vấn đề trong chương trình Đại hội không thuộc trường hợp nêu trên được thông qua khi được số cổ đông đại diện trên 50% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết của tất cả các cổ đông và đại diện cổ đông dự họp chấp thuận.

Chương IV **KẾT THÚC ĐẠI HỘI**

Điều 13. Biên bản và Nghị quyết cuộc họp Đại hội đồng cổ đông.

1. Biên bản và Nghị quyết họp Đại hội đồng cổ đông phải lập xong và thông qua trước khi bế mạc cuộc họp.

2. Biên bản và Nghị quyết họp Đại hội đồng cổ đông phải được lưu giữ tại Tổng Công ty.

Điều 14. Hiệu lực thi hành

Quy chế này gồm 04 (bốn) Chương, 14 (mười bốn) Điều, được đọc công khai trước khi tiến hành Đại hội đồng cổ đông và có hiệu lực thi hành ngay sau khi được Đại hội đồng cổ đông biểu quyết thông qua.

Hà Nội, ngày 26 tháng 04 năm 2021

BÁO CÁO

V/v: Kết quả sản xuất kinh doanh năm 2020
Kế hoạch SXKD năm 2021 của Viettronics

PHẦN I: KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG NĂM 2020.

I. Báo cáo kết quả sản xuất kinh doanh của Công ty mẹ.

1. Về kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của Viettronics năm 2020.

a. Theo số liệu Báo cáo tài chính năm tại Công ty mẹ (bao gồm văn phòng Tổng công ty và Trường VTC), kết quả tổng hợp như sau:

Đơn vị tính: triệu đồng

TT	Chỉ tiêu chủ yếu	TH 2019	KH 2020	TH 2020	TH2020/ TH 2019	TH2020/ KH2020
1	Tổng Doanh thu	303.741	179.200	108.295	35,65%	60,43%
	- Doanh thu từ hoạt động kinh doanh tại Tổng công ty	302.445	177.200	106.747	35,29%	60,24%
	- Doanh thu đào tạo của VTC	1.296	2.000	1.548	119,44%	77,40%
2	Tổng chi phí	296.632	176.200	153.599	51,78%	87,2%
3	Lợi nhuận trước thuế	7.109	3.000	-45.304	-	-
	- Lợi nhuận từ hoạt động SXKD	8.007		-44.514		
	- Lợi nhuận khác tại TCTy	34		106		
	- Chênh lệch thu chi của Trường VTC	-933		-896		

b. Phân tích, nguyên nhân

- Doanh thu trực tiếp bán hàng và cung cấp dịch vụ năm 2020 của Tổng công ty giảm mạnh so với số thực hiện năm 2019 và đạt 60% kế hoạch năm 2020. Nguyên nhân chủ yếu do:

+ Dịch bệnh Covid 19 ảnh hưởng lớn tới việc tham gia đấu thầu nhiều dự án. Một số dự án bị hủy thầu hoặc bị lùi thời gian thực hiện; một số dự án đang thực hiện thay đổi về tiến độ cung cấp hàng hóa do nguồn hàng chủ yếu từ Trung Quốc, kéo theo việc thanh toán bị kéo dài...

+ Tổng công ty phải cạnh tranh gắt gao với nhiều đối thủ mạnh trong các dự án về truyền tải điện.

+ Việc giải ngân, thanh quyết toán từ các dự án của nhà nước bị chậm do phụ thuộc vào tiến độ giải ngân của các chủ đầu tư, làm ảnh hưởng không nhỏ đến dòng tiền của dự án.

+ Doanh thu từ hoạt động tài chính năm 2020 đạt 11,67 tỷ đồng bằng 70% kế hoạch năm và đạt thấp so với năm 2019. Nguyên nhân giảm mạnh so với cùng kỳ năm trước do năm 2019 Tổng công ty có khoản thu từ việc thoái vốn tại công ty con (VDD);

+ Doanh thu của Trường VTC thấp do hoạt động của Trường VTC còn nhiều khó khăn.

- Về chi phí: Các chi phí quản lý, chi phí giá vốn đều ở mức thấp so với năm 2019 và kế hoạch năm đề ra, tuy nhiên chi phí tài chính tăng cao do phải trích lập khoản dự phòng cho khoản đầu tư tại các đơn vị (VTB, DM VINA, VTD, VNC, VCN) do kết quả kinh doanh, giá cổ phiếu và quy định hiện hành về việc trích lập.

+ Chi phí tại Trường VTC không đủ bù đắp cho hoạt động tại Trường.

- Lợi nhuận năm 2020 chi tiết gồm:

+ Từ hoạt động SXKD của Tổng công ty: **420 triệu đồng;**

+ Hoạt động của Trường VTC: **-896 triệu đồng;**

+ Trích lập dự phòng đầu tư tại các đơn vị: **-44,828 tỷ đồng.**

Tổng cộng: **- 45,304 tỷ đồng.**

Như vậy, nếu loại trừ các nguyên nhân tác động do yếu tố khách quan, chính sách quy định về đầu tư/ tài chính trong việc trích lập dự phòng và việc Trường VTC là đơn vị hạch toán phụ thuộc thì hoạt động của Tổng công ty năm 2020 có lãi.

* Nguyên nhân chính ảnh hưởng đến kết quả sản xuất kinh doanh (LNTT) không đạt kế hoạch, kết quả chung bị lỗ do:

- Các khoản trích lập dự phòng đầu tư tài chính theo quy định hiện hành theo kết quả hoạt động và giá cổ phiếu của một số đơn vị có vốn góp tại thời điểm cuối năm 2020. Tổng cộng giá trị phải trích lập thêm năm 2020 là 44,828 tỷ đồng.

- Trường VTC đang trong quá trình tái cơ cấu tuy nhiên năm 2020 bị ảnh hưởng của dịch bệnh nên công tác tuyển sinh chưa cải thiện nhiều, hoạt động chưa hiệu quả kéo giảm kết quả hoạt động chung của Tổng công ty.

- Hoạt động kinh doanh trực tiếp của Tổng công ty năm 2020 bị ảnh hưởng nặng nề bởi dịch bệnh Covid 19, kết quả dẫn tới doanh thu và kết quả hoạt động kinh doanh trực tiếp đều đạt thấp.

2. Thu cổ tức tại các doanh nghiệp có vốn góp.

Năm 2020, Tổng công ty đã thu được cổ tức từ vốn đầu tư của Tổng công ty tại các doanh nghiệp đạt 8,819 tỷ đồng. Cụ thể:

- Công ty CP Điện tử Biên Hòa: 3,06 tỷ đồng, tương đương 10%VDL

- Công ty CP Viettronimex: 1,848 tỷ đồng tương đương 17%/VDL.

- Công ty CP Máy tính Việt Nam: 113 triệu đồng tương đương 13,2%/ VDL.

- Công ty CP Viettronics Tân Bình: 3,327 tỷ đồng, tương đương 5%/ số lượng cổ phiếu đang lưu hành.

- Công ty cổ phần Máy tính và Truyền thông: 471 triệu đồng, tương đương 2,2% VDL.

3. Thực hiện dự án đầu tư.

Tổng công ty đang trong quá trình nghiên cứu triển khai dự án E5 Cầu Giấy Hà Nội, cụ thể: Tổng công ty tiếp tục nộp bổ sung hồ sơ đề xuất chủ trương đầu tư dự án, hiện đang xem xét bổ sung các yêu cầu thẩm định của Sở ban ngành theo quy trình, phân cấp.

4. Các công tác khác.

a. Công tác tổ chức cán bộ, lao động tiền lương.

Năm 2020, Tổng công ty đã thực hiện quy trình bổ nhiệm 01 Phó Tổng giám đốc Tổng công ty. Qua đó, Tổng công ty đã tổ chức phân công, bố trí nhiệm vụ trong Ban điều hành và sắp xếp điều chỉnh một số vị trí tại các Ban theo yêu cầu công việc.

Tổng công ty đã tiến hành xếp lương cho người lao động, thực hiện các chế độ chính sách liên quan đến quyền lợi của người lao động đúng theo quy định của Pháp luật và các quy định nội bộ Tổng công ty.

b. Các công tác hành chính, quản trị.

Tổng công ty thực hiện công tác hành chính quản trị đảm bảo phục vụ kịp thời yêu cầu công tác Lãnh đạo và các bộ phận / phòng ban chức năng.

c. Công tác công bố thông tin, giao dịch trên sàn UPCOM.

Tổng công ty thực hiện đầy đủ và nghiêm túc công tác công bố thông tin định kỳ và đột xuất theo Quy định về công bố thông tin hiện hành áp dụng với công ty đại chúng qui mô lớn có cổ phiếu giao dịch trên sàn UPCOM.

II. HOẠT ĐỘNG TẠI CÁC CÔNG TY CON VÀ LIÊN KẾT.

1. Nhóm công ty con.

1.1. Công ty cổ phần Viettronics Tân Bình (VTB): Vốn góp Tổng công ty chiếm 55,54%.

Các chỉ tiêu thực hiện năm 2020:

- Tổng doanh thu: 103,45 tỷ đồng bằng 69,43% kế hoạch năm và bằng 69,40% so với thực hiện 2019.

- Lợi nhuận trước thuế: 9,39 tỷ đồng bằng 104,32% kế hoạch năm và bằng 104,73% so với thực hiện năm 2019.

- Lao động bình quân: 114 người

- Thu nhập bình quân/người/tháng: 11,9 triệu đồng. Năm 2020 do những khó khăn do thiên tai và dịch bệnh liên tiếp làm giảm sút sức tiêu thụ trên thị trường nói chung và đối với các sản phẩm sản xuất kinh doanh của VTB nói riêng. VTB phải nhận lại nhiều hàng từ các đại lý do không tiêu thụ được trong khi quá hạn thanh toán. Nguồn cung cấp nguyên vật liệu bị gián đoạn, đình trệ do ảnh hưởng hậu quả của từ dịch bệnh cũng đã làm ảnh hưởng nghiêm trọng đến kế hoạch sản xuất của VTB.

1.2. Công ty cổ phần Điện tử Bình Hòa (VBH): Vốn điều lệ 29 tỷ, trong đó Tổng công ty chiếm 51%.

Các chỉ tiêu cơ bản ước thực hiện năm 2020:

- Tổng doanh thu: 49,428 tỷ đồng, bằng 114,95% kế hoạch năm và bằng 86,72% so với cùng kỳ 2020.

- Lợi nhuận trước thuế: 1,217 tỷ đồng, bằng 116% kế hoạch năm và bằng 59,37% so với cùng kỳ năm 2019.

- Lao động bình quân: 169 người

- Thu nhập bình quân/người/tháng: 7,3 triệu đồng.

Năm 2020 hoạt động của VBH gặp nhiều khó khăn do chịu tác động tiêu cực bởi dịch Covid-19: sản xuất hầu hết các sản phẩm đều giảm, dẫn đến hiệu quả đạt thấp; chi phí phát sinh thêm để vừa duy trì hoạt động vừa đảm bảo phòng chống dịch bệnh; công nợ tồn đọng nhiều, trong tình trạng khó thu hồi.

Để đạt được các chỉ tiêu trên, VBH đã nỗ lực đàm phán với các đối tác hiện hữu, tìm kiếm thêm các đối tác mới để tăng cường thêm đơn hàng đồng thời với việc liên tục tiết giảm chi phí, cải tiến quy trình công nghệ nhằm tăng tối đa hiệu quả sản xuất.

1.3. Công ty cổ phần Điện tử Biên Hòa (BELCO): Vốn điều lệ 60 tỷ, trong đó vốn góp của Tổng công ty chiếm 51%.

Các chỉ tiêu cơ bản thực hiện năm 2020:

- Tổng doanh thu thực hiện: 25,013 tỷ đồng bằng 92,54% kế hoạch năm và bằng 120,79% so với cùng kỳ 2019.

- Lợi nhuận trước thuế: 7,064 tỷ đồng bằng 140,72% kế hoạch năm và bằng 35,9% so với cùng kỳ 2019.

- Lao động bình quân: 39 người

- Thu nhập bình quân/người/tháng: 9,01 triệu đồng.

1.4. Công ty cổ phần Viettronics Thủ Đức (VTD): Vốn điều lệ 69 tỷ trong đó vốn Tổng công ty chiếm 97,01%.

Các chỉ tiêu cơ bản thực hiện năm 2020:

- Tổng doanh thu thực hiện: 16,3 tỷ đồng bằng 85,79% kế hoạch năm và bằng 29,29% so với cùng kỳ 2019.

- Lợi nhuận trước thuế: -4,66 tỷ đồng.

- Lao động bình quân: 34 người

- Thu nhập bình quân/người/tháng: 9 triệu đồng.

1.5. Công ty cổ phần Công trình Viettronics (VNC): Vốn điều lệ 20 tỷ trong đó vốn góp của Tổng công ty chiếm 65% vốn Điều lệ.

Các chỉ tiêu cơ bản thực hiện năm 2020:

- Tổng doanh thu: 26,88 tỷ đồng bằng 42% kế hoạch năm và bằng 95,53% so với cùng kỳ 2019.

- Lợi nhuận trước thuế: -1,5 tỷ đồng (Kế hoạch năm : 0,5 tỷ đồng)

- Lao động bình quân: 23 người

- Thu nhập bình quân/người/tháng: 5,5 triệu đồng.

1.6. Công ty cổ phần Viettronics Công nghiệp (VCN): Vốn điều lệ 30 tỷ, trong đó vốn góp của Tổng công ty chiếm 91,86%.

Các chỉ tiêu cơ bản đạt thực hiện năm 2020 như sau:

- Tổng doanh thu: 4,93 tỷ đồng, bằng 164,47% kế hoạch năm.

- Lợi nhuận trước thuế: - 369 triệu đồng.

- Lợi nhuận trước thuế: - 369 triệu đồng.

- Lao động bình quân: 5 người.

1.7. Trường Cao đẳng Công nghệ Viettronics (VTC).

- Chênh lệch thu - chi của VTC năm 2020 là: - 896 triệu đồng.

- Tổng số lao động bình quân: 25 người.

- Thu nhập bình quân/người/tháng: 6,3 triệu đồng.

Năm 2020 hoạt động của VTC tiếp tục gặp rất nhiều khó khăn.

Kết quả tuyển sinh năm học 2020-2021 VTC tuyển được 109 HSSV hệ chính quy.

Những khó khăn hiện tại của VTC đã và đang ảnh hưởng đến hoạt động hiện tại và khả năng duy trì hoạt động trong thời gian tới.

2. Nhóm các công ty liên kết:

2.1. Công ty cổ phần Máy tính và Truyền thông (VIETCOM): Vốn điều lệ 60 tỷ đồng, trong đó vốn góp của Tổng công ty chiếm 35,7%.

Các chỉ tiêu cơ bản thực hiện năm 2020:

- Tổng doanh thu: 10,776 tỷ đồng bằng 107,76% kế hoạch năm và bằng 81,82% so với cùng kỳ 2019.
- Lợi nhuận trước thuế: -287 triệu đồng.
- Lao động bình quân: 20 người
- Thu nhập bình quân/người/tháng: 7 triệu đồng.

Kết quả hoạt động năm 2020 của Vietcom đạt thấp do ảnh hưởng của dịch Covid, nhiều khách hàng đã trả lại diện tích thuê trước thời hạn và doanh thu tài chính giảm do chính sách hạ lãi suất tiền gửi của Ngân hàng.

2.2. Công ty cổ phần Viettronimex: Vốn điều lệ 25,73 tỷ đồng, trong đó vốn góp của Tổng công ty chiếm 42,16%.

Các chỉ tiêu cơ bản thực hiện năm 2020:

- Tổng doanh thu thực hiện: 33 tỷ đồng bằng 110% kế hoạch năm và bằng 103% so với cùng kỳ 2019.
- Lợi nhuận trước thuế: 6,6 tỷ đồng bằng 101% kế hoạch năm và so với cùng kỳ 2019.
- Lao động bình quân: 49 người
- Thu nhập bình quân/người/tháng: 10 triệu đồng.

2.3. Công ty CP Cơ khí Điện tử Phú Thọ Hòa (VIEMCO): Vốn điều lệ 6,119 tỷ đồng, trong đó vốn góp của Tổng công ty chiếm 33,77%.

Các chỉ tiêu cơ bản thực hiện năm 2020:

- Tổng doanh thu: 16,3 tỷ đồng bằng 108,7% kế hoạch năm và bằng 86,32% so với cùng kỳ 2019.
- Lợi nhuận trước thuế: 141 triệu đồng bằng 141% kế hoạch năm. (Năm 2019: - 410 triệu đồng).
- Lao động bình quân: 47 người
- Thu nhập bình quân/người/tháng: 7,6 triệu đồng.

2.4. Công ty CP Máy tính Việt Nam (CMT): Vốn điều lệ 3 tỷ đồng trong đó vốn góp của Tổng công ty chiếm 28,5% (tương đương 855 triệu đồng).

Các chỉ tiêu cơ bản thực hiện năm 2020:

- Tổng doanh thu: 21,12 tỷ đồng bằng 88% kế hoạch năm và bằng 87% so với cùng kỳ 2019.
- Lợi nhuận trước thuế đạt 500 triệu đồng bằng 93,46% kế hoạch năm so với cùng kỳ 2019.
- Lao động bình quân: 24 người
- Thu nhập bình quân/người/tháng: 6,1 triệu đồng.

2.5. DM VINA

Kết quả hoạt động năm 2020:

- Công ty lỗ: 7,837 tỷ đồng (số liệu đã kiểm toán) (lỗ theo FS) giảm so với năm 2019.
- Lao động hiện có: 25 người.

III. Các khó khăn, tồn tại.

Tình hình hoạt động của Viettronics có một số khó khăn như sau:

a. Nguồn vốn hoạt động của Công ty mẹ thấp, chủ yếu vốn là nguồn đầu tư tại các đơn vị thành viên..

- Giá cổ phiếu, tình hình sản xuất kinh doanh của các công ty con ảnh hưởng trực tiếp tới việc trích lập các khoản đầu tư và khó chủ động trong công tác điều hành.

b. Biên lợi nhuận của các hoạt động kinh doanh trực tiếp tại công ty mẹ chưa cao. Rủi ro về chiếm dụng vốn, chậm thanh toán/ thu hồi công nợ.

c. Về lợi ích thu được từ các công ty con: Với các khó khăn tại các đơn vị, giá trị lợi ích thu được (cổ tức) so với quy mô vốn đầu tư còn thấp.

d. Nhân sự người đại diện vốn tại các đơn vị thành viên cần triển khai cụ thể, quyết liệt hơn để giúp kết nối giữa hoạt động điều hành của Tổng công ty và công ty thành viên.

e. Rất cần việc xem xét tái cơ cấu nguồn vốn đầu tư tại các đơn vị thành viên theo định hướng.

f. Hoạt động của Trường còn khó khăn, gây ảnh hưởng tới kết quả của Công ty mẹ.

g. Hoạt động của các đơn vị thành viên của Viettronics chủ yếu là nhập khẩu linh kiện để gia công, lắp ráp, vốn và hàm lượng công nghệ hạn chế, khó cạnh tranh được với các sản phẩm nhập khẩu nên thị phần bị thu hẹp, hoạt động sản xuất kinh doanh từ ngành hàng chính khó khăn.

h. Chính sách quy hoạch, tiền thuê đất tăng cao, hợp đồng thuê đất còn thời hạn ngắn hoặc sắp hết hạn và không dễ dễ gia hạn.

i. Một số đơn vị còn tồn tại ý kiến ngoại trừ của đơn vị kiểm toán trong báo cáo tài chính các năm trước, không dễ giải quyết dứt điểm trong thời gian ngắn.

PHẦN II: KẾ HOẠCH SXKD NĂM 2021

I. Mục tiêu chung

- Xây dựng kế hoạch năm 2021 có lãi, phù hợp với tình hình kinh tế xã hội chung, đặc biệt do những khó khăn của dịch Covid 19 năm 2021 tiếp tục ảnh hưởng sâu rộng tới hiệu quả chung của tất cả các đơn vị trong hệ thống Tổng công ty, khá thi, có tăng trưởng so với kết quả thực hiện 2020.

Cải thiện hoạt động sản xuất kinh doanh trực tiếp tại Công ty mẹ theo hướng ổn định, thận trọng, tập trung vào chỉ tiêu lợi nhuận thực hiện.

- Đề xuất/ xây dựng phương án cụ thể cơ cấu vốn đầu tư tại các doanh nghiệp hợp lý để tập trung nguồn lực thúc đẩy hoạt động kinh doanh tại công ty mẹ theo định hướng.

II. Kế hoạch chi tiết.

1. Các chỉ tiêu kế hoạch chính

Trên cơ sở kết quả thực hiện năm 2020, tình hình thực tế hiện nay, dự kiến kế hoạch sản xuất kinh doanh năm 2021 của Tổng công ty gồm các chỉ tiêu chính như sau:

Chỉ tiêu	Thực hiện 2020 (đồng)	Kế hoạch 2021 (đồng)	Tỷ lệ %	
			KH2021/TH 2020	KH2021/KH 2020
Tổng Doanh thu, trong đó:	108.294.950.225	125.000.000.000	115,4%	69,8%
Doanh thu bán hàng & cung cấp dịch vụ. Trong đó:	95.616.003.481	106.900.000.000	111,8%	65,8%
- Doanh thu từ hoạt động trực tiếp tại Tổng công ty	94.067.466.981	104.600.000.000		
- Doanh thu đào tạo của Trường VTC	1.548.536.500	2.300.000.000		
Doanh thu hoạt động tài chính, khác	11.672.113.042	18.100.000.000	155,1%	108,5%

Tổng Chi phí, trong đó:	153.599.447.159	122.000.000.000	79,4%	69,2%
Lợi nhuận trước thuế (LNTT)	(45.304.496.934)	3.000.000.000		100%

- Trong dự kiến về hiệu quả hoạt động (LNTT) đã tính bao gồm phần chênh lệch thu chi của Trường VTC, tuy nhiên chưa bao gồm các tính toán ảnh hưởng của biến động giá cổ phiếu/ các khoản trích lập đầu tư tại các công ty con, công ty có vốn góp do việc dự báo này đối với các cổ phiếu đã giao dịch trên sàn HOSE, UPCOM là rất khó dự báo, tình hình SXKD tại các đơn vị thành viên/ liên kết còn lại cũng còn nhiều khó khăn, khó để dự kiến chính xác sớm được.

2. Biện pháp thực hiện.

Để đảm bảo hoàn thành kế hoạch sản xuất kinh doanh năm 2021, Tổng công ty xác định cần phải thực hiện các biện pháp cụ thể như sau:

- Nỗ lực hoàn thành kế hoạch của Công ty mẹ và các đơn vị thành viên, làm cơ sở thu cổ tức từ phần vốn đầu tư tại các đơn vị có vốn góp theo dự kiến.
- Các Ban, bộ phận kinh doanh trực tiếp của Tổng công ty phải phấn đấu hoàn thành đồng thời các chỉ tiêu về doanh số/ lợi nhuận được giao.
- Rà soát, sắp xếp lại, điều chỉnh về nhân sự và tổ chức bộ máy tại cơ quan Tổng công ty theo hướng tinh gọn, phù hợp tình hình thực tế, góp phần vào việc thực hiện hoàn thành kế hoạch sản xuất kinh doanh được giao.
- Tìm biện pháp phù hợp và hiệu quả để thu hồi công nợ tồn đọng của các dự án.
- Trường VTC sớm có biện pháp để sớm cân đối được thu chi.
- Rà soát, xây dựng phương án thoái vốn tại những doanh nghiệp đơn vị theo chủ trương đề ra để tái cơ cấu nguồn lực đầu tư, tập trung phát triển hoạt động sản xuất kinh doanh chính, mang lại lợi ích kinh tế cao cho Tổng công ty.
- Tiếp tục hoàn thiện các quy chế/ quy trình nội bộ để tạo điều kiện cho hoạt động SXKD của Tổng công ty được thuận lợi/ thông suốt.
- Tiếp tục việc phê duyệt chủ trương, thực hiện đầu tư theo quy định với dự án theo tiến độ nhằm tạo doanh thu/ lợi nhuận cho Tổng công ty trong thời gian sắp tới.

3. Kế hoạch đầu tư và cơ cấu vốn đầu tư.

- Đầu tư thành lập Công ty TNHH MTV Đầu tư giáo dục Viettronics: Tiếp tục nghiên cứu triển khai.
- Đầu tư góp vốn dự án dự án sửa chữa, tân trang màn hình: Tổng công ty đã đầu tư giai đoạn 1, xem xét các bước đầu tư tiếp theo phù hợp.

4. Kế hoạch về thu cổ tức tại các đơn vị thành viên.

Năm 2021 dự kiến Tổng công ty có thể thu cổ tức từ phần vốn đầu tư tại một số đơn vị. Tuy nhiên do nguyên nhân chính là ảnh hưởng của dịch Covid 19, các đơn vị gặp không ít khó khăn trong năm 2021 sắp tới, cần theo dõi, cập nhật kịp thời.

5. Kế hoạch đầu tư mua sắm và kế hoạch khoa học công nghệ.

Tổng công ty sẽ thực hiện mua sắm một số máy móc thiết bị, công cụ dụng cụ quản lý phục vụ cho hoạt động của các phòng ban trong Cơ quan Tổng công ty để đảm bảo nhu cầu hoạt động thường xuyên. Việc đầu tư, mua sắm/ sửa chữa lớn sẽ được trình duyệt khi có phát sinh cụ thể.

Kế hoạch Khoa học Công nghệ của Tổng công ty tập trung vào nghiên cứu hoàn thiện các sản phẩm mang tính ứng dụng.

Tuy nhiên, cùng với tình hình chung khó khăn, năm 2021, Tổng công ty cũng sẽ tiết giảm việc đầu tư mua sắm để giảm thiểu chi phí.

6. Quản trị doanh nghiệp, quản lý chi phí hoạt động.

- Tăng cường công tác thông tin, phối hợp giữa người đại diện tại các đơn vị, các Ban chức năng của Tổng công ty để kịp thời thông tin, báo cáo, trình duyệt theo phân cấp công tác quản trị tại Tổng công ty và các đơn vị thành viên.

- Tổng công ty sẽ sớm rà soát để điều chỉnh/ bổ sung Quy chế, Quy định không còn phù hợp để hoạt động điều hành, sản xuất kinh doanh được thuận lợi, thông suốt phù hợp với tình hình thực tế.

- Tổng công ty dự kiến tiết giảm chi phí quản lý so với thực hiện năm 2020: chi phí quản lý gián tiếp; Chi phí lương gắn với hiệu quả và chỉ tiêu hoàn thành kế hoạch, tùy thuộc vào kết quả thực hiện cuối năm để phân phối; Chi phí bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế... đảm bảo theo đúng quy định liên quan;

7. Kế hoạch nhân sự.

Năm 2021, Tổng công ty sẽ chỉ tuyển dụng các lao động mới khi cần thay thế/ bổ sung các vị trí nghỉ hưu hoặc điều chuyển công việc.

Tổng công ty sẽ tuyển dụng lao động phù hợp với nhu cầu thực tế, việc tuyển dụng đảm bảo bộ máy tinh gọn, phù hợp yêu cầu công việc cụ thể và có đánh giá/ giám sát về mức độ hoàn thành/ hiệu quả công việc.

8. Các nội dung liên quan khác.

- Tham gia Đại hội cổ đông 2021 tại các đơn vị: Đối với các công ty con, công ty có vốn góp, Tổng công ty sẽ tham gia chỉ đạo một số nội dung quan trọng như xây dựng kế hoạch năm, kế hoạch nhiệm kỳ, phân phối lợi nhuận, công tác tổ chức, nhân sự ... theo định hướng chung thống nhất trong toàn Tổng công ty.

Năm 2021, tại một số đơn vị có nội dung bầu nhân sự do là Đại hội kết thúc nhiệm kỳ hoặc thay thế người đại diện đến tuổi nghỉ hưu hoặc vì một số lý do để phù hợp với nhu cầu quản lý, điều hành của Tổng công ty, do đó, theo thẩm quyền phân cấp, Tổng công ty sẽ có phương án nhân sự phù hợp, kịp thời, đảm bảo quyền lợi của cổ đông Tổng công ty tại đơn vị.

- Tổ chức Đại hội cổ đông của Tổng công ty: Tổng công ty tổ chức Đại hội cổ đông thường niên trong thời hạn quy định: 27/04/2021.

- Tổng công ty sẽ tăng cường công tác đào tạo, cử cán bộ đi tham gia các khóa học để nâng cao trình độ chuyên môn, cập nhật quy định liên quan trong quá trình công tác.

- Các hoạt động của Đảng, đoàn thể: Chính quyền thực hiện nghiêm túc các chủ trương của Đảng bộ Tổng công ty cũng như hỗ trợ tích cực cho các hoạt động của đoàn thể, công đoàn và một số tổ chức kinh tế, xã hội...

Trên đây là toàn bộ nội dung báo cáo tình hình hoạt động năm 2020 và dự kiến kế hoạch năm 2021 của Viettronics.

Trân trọng kính trình Đại hội đồng cổ đông xem xét thông qua./.

Nội nhận:

- Như trên;
- CBT;
- HĐQT, BKS;
- Lưu VT, KHDT.



TÓM TẮT BÁO CÁO TÀI CHÍNH CÔNG TY MẸ NĂM 2020
(Trích từ báo cáo tài chính công ty mẹ đã được kiểm toán năm 2020)

Đơn vị tính: VNĐ

A	TÀI SẢN	Mã số	31/12/2020	01/01/2020
I	TÀI SẢN NGẮN HẠN	100	247,556,774,292	295,126,302,526
1.1	Tiền và các khoản tương đương tiền	110	81,178,659,385	64,220,651,879
1.2	Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn	120		
1.3	Các khoản phải thu	130	145,437,497,355	209,439,530,522
1.4	Hàng tồn kho	140	16,520,955,887	16,670,499,168
1.5	Tài sản ngắn hạn khác	150	4,419,661,665	4,795,620,957
II	TÀI SẢN DÀI HẠN	200	288,539,004,536	335,880,304,317
2.1	Các khoản phải thu dài hạn	210	96,245,200	96,245,200
2.2	Tài sản cố định	220	49,286,763,403	51,898,466,820
-	TSCĐ hữu hình	221	31,517,623,403	34,129,326,820
-	TSCĐ vô hình	227	17,769,140,000	17,769,140,000
2.3	Tài sản dở dang dài hạn	240	5,388,703,214	5,338,703,214
2.4	Các khoản đầu tư tài chính dài hạn	250	233,705,123,162	278,532,808,416
2.5	Tài sản dài hạn khác	260	62,169,557	14,080,667
	TỔNG CỘNG TÀI SẢN	270	536,095,778,828	631,006,606,843

B	NGUỒN VỐN	Mã số	31/12/2020	01/01/2020
I	NỢ PHẢI TRẢ	300	77,611,879,776	124,872,210,857
1.1	Nợ ngắn hạn	310	77,311,879,776	124,572,210,857
1.2	Nợ dài hạn	330	300,000,000	300,000,000
II	VỐN CHỦ SỞ HỮU	400	458,483,899,052	506,134,395,986
2.1	Vốn chủ sở hữu	410	458,483,899,052	506,134,395,986
-	Vốn góp của chủ sở hữu	411	438,000,000,000	438,000,000,000
-	Quỹ đầu tư phát triển	418	38,679,596,792	38,679,596,792
-	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421	(18,195,697,740)	29,454,799,194
2.2	Nguồn kinh phí, quỹ khác	430	-	-
	TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN	440	536,095,778,828	631,006,606,843

KẾ TOÁN TRƯỞNG



Nguyễn Trung Dũng

PHÓ TỔNG GIÁM ĐỐC PHỤ TRÁCH



CÁC CHỈ TIÊU TÀI CHÍNH CƠ BẢN

STT	Chỉ tiêu	Đơn vị	31/12/2020
1	Cơ cấu tài sản		
	- Tài sản ngắn hạn/ Tổng tài sản	%	46.18
	- Tài sản dài hạn/ Tổng tài sản	%	53.82
2	Cơ cấu vốn		
	- Nợ phải trả/Tổng nguồn vốn	%	14.48
	- Nguồn vốn chủ sở hữu/Tổng nguồn vốn	%	85.52
3	Khả năng thanh toán		
	- Khả năng thanh toán nhanh	Lần	1.05
	- Khả năng thanh toán hiện hành	Lần	3.20
4	Tỷ suất lợi nhuận		
	- Tỷ suất lợi nhuận sau thuế/Tổng Tài sản	%	(8.45)
	- Tỷ suất lợi nhuận sau thuế/Nguồn vốn chủ sở hữu	%	(9.88)

KẾ TOÁN TRƯỞNG



Nguyễn Trung Dũng

PHÓ TỔNG GIÁM ĐỐC PHỤ TRÁCH



Vũ Hải Vĩnh

TÓM TẮT BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG SXKD CÔNG TY MẸ NĂM 2020

(Trích từ báo cáo kết quả hoạt động SXKD công ty mẹ đã được kiểm toán năm 2020)

Đơn vị tính: VNĐ

STT	Chỉ tiêu	Mã số	Năm 2020	Năm 2019	20/19 (%)
1	Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	95,616,003,481	268,523,582,817	35.61%
2	Các khoản giảm trừ doanh thu	02		359,358,147	
3	Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ (10=01-02)	10	95,616,003,481	268,164,224,670	35.66%
4	Giá vốn hàng bán	11	88,743,159,001	261,125,052,263	33.98%
5	Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ (20=10-11)	20	6,872,844,480	7,039,172,407	97.64%
6	Doanh thu hoạt động tài chính	21	11,672,113,042	35,425,115,807	32.95%
7	Chi phí tài chính	22	45,314,162,331	14,792,445,179	
8	Chi phí bán hàng	24	453,848,986	303,703,168	149.44%
9	Chi phí quản lý doanh nghiệp	25	18,180,310,165	20,293,505,902	89.59%
10	Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh [30=20+(21-22)-(24+25)]	30	(45,403,363,960)	7,074,633,965	-641.78%
11	Thu nhập khác	31	1,006,833,702	152,282,990	661.16%
12	Chi phí khác	32	907,966,676	118,082,234	768.93%
13	Lợi nhuận khác (40=31-32)	40	98,867,026	34,200,756	
14	Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế (50=30+40)	50	(45,304,496,934)	7,108,834,721	-637.30%
15	Chi phí thuế TNDN hiện hành	51			
16	Chi phí thuế TNDN hoãn lại	52		-	
17	Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp (60=50-51-52)	60	(45,304,496,934)	7,108,834,721	-637.30%

KẾ TOÁN TRƯỞNG



Nguyễn Trung Dũng

PHÓ TỔNG GIÁM ĐỐC PHỤ TRÁCH



TÓM TẮT BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT NĂM 2020

(Trích từ báo cáo tài chính hợp nhất đã được kiểm toán năm 2020)

Đơn vị tính: VNĐ

A	Tài sản		31/12/2020	01/01/2020
I	Tài sản ngắn hạn	100	614,819,982,100	691,516,653,112
1.1	Tiền và các khoản tương đương tiền	110	121,145,412,763	101,507,704,988
1.2	Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn	120	62,250,418,537	62,505,057,180
1.3	Các khoản phải thu ngắn hạn	130	246,388,478,104	306,223,088,754
1.4	Hàng tồn kho	140	173,471,314,803	206,086,574,603
1.5	Tài sản ngắn hạn khác	150	11,564,357,893	15,194,227,587
II	Tài sản dài hạn	200	259,070,642,923	275,871,206,544
2.1	Các khoản phải thu dài hạn	210	18,469,300,688	15,530,707,140
2.2	Tài sản cố định	220	101,230,905,326	101,221,987,152
	- Tài sản cố định hữu hình	221	64,079,600,326	63,344,671,604
	- Tài sản cố định vô hình	227	37,151,305,000	37,877,315,548
2.3	Bất động sản đầu tư	230	8,458,028,079	8,937,290,031
2.4	Tài sản dở dang dài hạn	240	55,217,761,125	41,461,266,694
2.5	Các khoản đầu tư tài chính dài hạn	250	63,034,532,912	92,204,220,780
2.6	Tài sản dài hạn khác	260	12,660,114,793	16,515,734,747
	Tổng cộng Tài sản	270	873,890,625,023	967,387,859,656

B	Nguồn vốn		31/12/2020	01/01/2020
I	Nợ phải trả	300	264,110,267,137	340,794,936,705
1.1	Nợ ngắn hạn	310	199,745,613,581	274,652,858,688
1.2	Nợ dài hạn	330	64,364,653,556	66,142,078,017
II	Vốn chủ sở hữu	400	609,780,357,886	626,592,922,951
2.1	Vốn chủ sở hữu	410	609,420,357,886	626,232,922,951
	- Vốn đầu tư của chủ sở hữu	411	438,000,000,000	438,000,000,000
	- Cổ phiếu ngân quỹ	415	(13,064,952,951)	(13,064,952,951)
	- Chênh lệch đánh giá lại tài sản	416	(19,974,146,692)	(19,974,146,692)
	- Quỹ đầu tư phát triển	418	54,159,183,882	59,962,344,145
	- Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	420	26,619,705	26,619,705
	- Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421	6,658,854,040	17,664,979,162
	- Lợi ích cổ đông không kiểm soát	429	143,614,799,902	143,618,079,582
2.2	Nguồn kinh phí và quỹ khác	430	360,000,000	360,000,000
	Tổng cộng Nguồn vốn	440	873,890,625,023	967,387,859,656

KẾ TOÁN TRƯỞNG


Nguyễn Trung Dũng



CÁC CHỈ TIÊU TÀI CHÍNH CƠ BẢN

TT	Chỉ tiêu	Đơn vị	31/12/2020	01/01/2020
1	Cơ cấu Tài sản			
	- Tài sản dài hạn/Tổng tài sản	%	29.65%	28.52%
	- Tài sản ngắn hạn/Tổng tài sản	%	70.35%	71.48%
2	Cơ cấu Nguồn vốn			
	- Nợ phải trả/Tổng nguồn vốn	%	30.22%	35.23%
	- Nguồn vốn chủ sở hữu/Tổng nguồn vốn	%	69.78%	64.77%
3	Khả năng thanh toán			
	- Khả năng thanh toán nhanh	lần	2.21	1.77
	- Khả năng thanh toán hiện hành	lần	3.08	2.52
4	Tỷ suất lợi nhuận			
	- Tỷ suất lợi nhuận sau thuế/Tổng Tài sản	%	0.91%	1.43%
	- Tỷ suất lợi nhuận sau thuế/Nguồn vốn chủ sở hữu	%	1.30%	2.21%

TRƯỞNG BAN TC-KT



Nguyễn Trung Dũng

PHÓ TỔNG GIÁM ĐỐC PHỤ TRÁCH



TÓM TẮT BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG SXKD HỢP NHẤT NĂM 2020

(Trích từ báo cáo kết quả hoạt động SXKD hợp nhất đã được kiểm toán năm 2020)

Đơn vị tính: VNĐ

STT	Chỉ tiêu	Mã số	Năm 2020	Năm 2019	20/19 (%)
1	Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	677,116,356,394	795,678,507,034	85.10%
2	Các khoản giảm trừ doanh thu	02	8,334,590,336	8,941,945,121	93.21%
3	Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ (10=01-02)	10	668,781,766,058	786,736,561,913	85.01%
4	Giá vốn hàng bán	11	494,473,803,501	609,651,750,927	81.11%
5	Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ (20=10-11)	20	174,307,962,557	177,084,810,986	98.43%
6	Doanh thu hoạt động tài chính	21	12,331,035,754	15,782,900,718	78.13%
7	Chi phí tài chính	22	3,992,083,821	(7,713,449,319)	-51.75%
	Lãi hoặc lỗ trong công ty liên doanh liên kết	24	(2,868,417,868)	(8,097,285,839)	35.42%
8	Chi phí bán hàng	25	94,273,399,094	100,484,358,832	93.82%
9	Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	61,244,261,653	68,449,381,566	89.47%
10	Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh [30=20+(21-22)+45-(24+25)]	30	24,260,835,875	23,550,134,786	
11	Thu nhập khác	31	2,978,087,254	2,504,405,939	118.91%
12	Chi phí khác	32	2,001,260,730	333,823,338	599.50%
13	Lợi nhuận khác (40=31-32)	40	976,826,524	2,170,582,601	
15	Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế (50=30+40)	50	25,237,662,399	25,720,717,387	
16	Chi phí thuế TNDN hiện hành	51	7,042,012,696	5,944,013,817	118.47%
17	Chi phí thuế TNDN hoãn lại	52	10,243,087,955	5,906,582,937	
18	Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp (60=50-51-52)	60	7,952,561,748	13,870,120,633	57.34%
19	Lợi nhuận sau thuế của công ty mẹ	61	(10,574,483,093)	(3,694,451,260)	
20	Lợi nhuận sau thuế của cổ đông không kiểm soát	62	18,537,044,841	17,564,571,893	
21	Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70	(241)	(138)	

KẾ TOÁN TRƯỞNG



Nguyễn Trung Dũng

PHÓ TỔNG GIÁM ĐỐC PHỤ TRÁCH



BÁO CÁO HOẠT ĐỘNG CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ NĂM 2020

Kính gửi: Đại hội đồng cổ đông Tổng công ty cổ phần Điện tử và Tin học Việt Nam

Thực hiện nhiệm vụ theo quy định tại Điều lệ hiện hành của Tổng công ty cổ phần Điện tử và Tin học Việt Nam, Hội đồng quản trị xin trân trọng báo cáo với Đại hội đồng cổ đông về kết quả hoạt động của Hội đồng quản trị năm 2020 và định hướng hoạt động của Hội đồng quản trị trong năm 2021 như sau:

I. KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG CỦA HĐQT NĂM 2020

1. Kết quả chỉ đạo triển khai các nội dung được ĐHĐCĐ thông qua

a) Về việc thực hiện kế hoạch kinh doanh năm 2020

Thực hiện Nghị quyết số 01-2020 NQ/ĐT-ĐHĐCĐ ngày 26/06/2020 của ĐHĐCĐ, HĐQT đã chỉ đạo, định hướng, phối hợp với Ban điều hành Tổng công ty trong việc thực hiện kế hoạch sản xuất kinh doanh. Tuy nhiên, dịch bệnh Covid 19 đã ảnh hưởng nghiêm trọng tới hoạt động kinh doanh trực tiếp của Tổng công ty, hoạt động khai thác mặt bằng, công tác tuyển sinh của Trường VTC và phát sinh các khoản trích lập dự phòng đầu tư tài chính năm ngoài dự kiến tại VTB, DM VINA, VTD, VNC, VCN. Do vậy, kết quả sản xuất kinh doanh đã không đạt kế hoạch ĐHĐCĐ giao, cụ thể như sau:

- Doanh thu năm 2020 Tổng công ty đạt 108,295 tỷ đồng bằng 60,43% kế hoạch do ĐHĐCĐ đề ra.

- Lợi nhuận trước thuế năm 2020: -45,304 tỷ đồng. Như vậy, nếu loại trừ các nguyên nhân tác động do yếu tố khách quan không lường trước được, chính sách quy định về đầu tư/ tài chính trong việc trích lập dự phòng và việc Trường VTC là đơn vị hạch toán phụ thuộc thì hoạt động của Tổng công ty năm 2020 có lãi 420 triệu đồng.

b) Việc trích lập dự phòng công nợ phải thu, dự phòng giảm giá hàng tồn kho, dự phòng tài chính theo đúng quy định hiện hành, thực hiện trích khấu hao tài sản đầy đủ. Việc trích lập các Quỹ, phân phối lợi nhuận theo phê duyệt của ĐHĐCĐ.

d) Ngân sách hoạt động, mức thù lao của Hội đồng quản trị năm 2020 được thực hiện theo phê duyệt của ĐHĐCĐ.

e) Lựa chọn đơn vị kiểm toán Báo cáo tài chính năm 2020 và sửa đổi, bổ sung Điều lệ Tổng công ty đã được thực hiện theo Nghị quyết của ĐHĐCĐ.

2. Công tác quản trị điều hành

a) Kiện toàn nhân sự lãnh đạo cấp cao

Đáp ứng nhu cầu thực tế công tác quản trị Tổng công ty, HĐQT đã miễn nhiệm 02 Phó Tổng Giám đốc Tổng công ty do đến tuổi nghỉ hưu và có đơn xin từ nhiệm; bổ nhiệm 01 Phó Tổng Giám đốc kể từ ngày 08/10/2020.

b) Tăng cường công tác Người đại diện tại các đơn vị có vốn góp

Nhằm nâng cao công tác quản lý các đơn vị có vốn góp, HĐQT đã tiến hành kiện toàn nhân sự người đại diện tại các đơn vị theo đúng qui trình, Quy chế người đại diện Tổng công ty. Nhân sự được cử/ủy quyền người đại diện Tổng công ty là các cán bộ có năng lực, kinh nghiệm, am hiểu về Tổng công ty và các đơn vị, chấp hành nghiêm túc các chỉ đạo, định hướng của Tổng công ty.

c) Với vai trò, quyền hạn và trách nhiệm của mình, HĐQT luôn theo dõi định hướng hoạt động của Ban điều hành để chỉ đạo/ điều hành, kịp thời giải quyết những vấn đề phát sinh thuộc thẩm quyền của HĐQT nhằm tạo điều kiện thuận lợi cho hoạt động Tổng công ty, cụ thể gồm:



- Yêu cầu Ban điều hành tăng cường công tác chỉ đạo thực hiện và thường xuyên báo cáo HĐQT về các hoạt động của Tổng công ty nhằm nâng cao hiệu quả hoạt động SXKD:
- Tăng cường hơn nữa việc chỉ đạo, điều hành, phối hợp từ Viettronics tới các đơn vị thành viên đảm bảo thực hiện, hoàn thành kế hoạch tổng thể và kế hoạch về thu cổ tức từ phần vốn đầu tư tại các đơn vị có vốn góp.
- Giao kế hoạch cho các Ban kinh doanh, các bộ phận gắn với việc đánh giá hiệu quả công việc và quy định về phân phối tiền lương, tiền thưởng.
- Tăng cường công tác quản trị, điều hành, tinh gọn bộ máy và tăng cường hiệu quả hoạt động tại công ty mẹ Viettronics.
- Tìm mọi biện pháp phù hợp và hiệu quả để thu hồi công nợ, công nợ tồn đọng của các dự án Viettronics đã phải trích lập công nợ khó đòi.
- Quản lý tốt chi phí và tiết giảm tối đa chi phí quản lý theo hướng quản lý bám sát kế hoạch cụ thể cho các đơn vị, bộ phận.
- Có biện pháp cụ thể để tái cơ cấu hoạt động Trường cao đẳng Công nghệ Viettronics từ nhân sự, cơ sở vật chất, hoạt động đào tạo hướng tới việc ổn định, có hiệu quả hơn, đóng góp vào hoạt động chung của Viettronics.
- Đẩy mạnh quá trình triển khai đầu tư đối với dự án đã được phê duyệt.
- Tiếp tục nghiên cứu, rà soát, khai thác có hiệu quả đối với các nguồn lực khác của Viettronics và các đơn vị thành viên theo thẩm quyền.

3. Tổng kết các cuộc họp và các Nghị quyết của HĐQT

Trong năm 2020, HĐQT đã tổ chức 02 phiên họp định kỳ và các phiên họp chuyên đề xử lý các công việc thuộc thẩm quyền, 16 lần tổ chức xin ý kiến các thành viên HĐQT bằng văn bản, ban hành 18 Nghị quyết (tại các phiên họp trực tiếp hoặc xin ý kiến bằng văn bản) để thực hiện chức năng quản trị hoạt động của Tổng công ty và chỉ đạo Ban điều hành trong việc thực hiện các nhiệm vụ SXKD được ĐHĐCĐ giao, cụ thể như sau:

DANH SÁCH CÁC NGHỊ QUYẾT CỦA BAN HÀNH CỦA HĐQT NĂM 2020

TT	Ngày tháng	Số hiệu văn bản	Nội dung	Hình thức họp
1.	23/01/2020	44 NQ/ĐT-HĐQT	Tiếp tục ủy quyền người đại diện vốn tại Belco	Xin ý kiến bằng văn bản
2.	22/01/2020	45 NQ/ĐT-HĐQT	Miễn nhiệm chức vụ Phó Tổng Giám đốc	Xin ý kiến bằng văn bản
3.	15/01/2020	46 NQ/ĐT-HĐQT	Cử người đại diện vốn tại CMT	Xin ý kiến bằng văn bản
4.	15/01/2020	47 NQ/ĐT-HĐQT	Điều chỉnh hợp đồng hợp tác kinh doanh tại 15 Trần Hưng Đạo	Xin ý kiến bằng văn bản
5.	11/03/2020	48 NQ/ĐT-HĐQT	Tạm cấp kinh phí hỗ trợ hoạt động cho Trường VTC	Xin ý kiến bằng văn bản
6.	17/04/2020	49 NQ/ĐT-HĐQT	Lùi thời gian tổ chức ĐHĐCĐ năm 2020	Xin ý kiến bằng văn bản
7.	08/06/2020	50 NQ/ĐT-HĐQT	Cử người đại diện vốn tại 05 công ty có vốn góp	Xin ý kiến bằng văn bản
8.	25/06/2020	51 NQ/ĐT-HĐQT	Chương trình và các tài liệu trình Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2020	Xin ý kiến bằng văn bản
9.	09/07/2020	52 NQ/ĐT-HĐQT	Bổ nhiệm chức danh Tổng Giám đốc Belco	Xin ý kiến bằng văn bản
10.	22/07/2020	53 NQ/ĐT-HĐQT	Kéo dài thời hạn ủy quyền người đại diện vốn VTB	Xin ý kiến bằng văn bản
11.	21/08/2020	54 NQ/ĐT-HĐQT	Báo cáo sơ kết hoạt động 6 tháng đầu năm 2020 và điều chỉnh kế hoạch sản xuất kinh doanh năm 2020	Biên bản họp số 10 BB/ĐT-HĐQT ngày 14/08/2020

0010
JING C
CỔ P
EN TỬ V
VIỆT
AN KI

TT	Ngày tháng	Số hiệu văn bản	Nội dung	Hình thức họp
			Xếp lương người quản lý Tổng công ty Đầu tư góp vốn tại DM Vina	
12.	24/08/2020	55 NQ/ĐT-HĐQT	Quý tiền lương kế hoạch năm 2020	Xin ý kiến bằng văn bản
13.	16/09/2020	56 NQ/ĐT-HĐQT	Miễn nhiệm chức vụ Phó Tổng Giám đốc Tổng công ty	Xin ý kiến bằng văn bản
14.	29/09/2020	57 NQ/ĐT-HĐQT	Chuyển xếp lương Người quản lý Tổng công ty	Xin ý kiến bằng văn bản
15.	05/10/2020	58 NQ/ĐT-HĐQT	Bổ nhiệm Phó Tổng Giám đốc Tổng công ty	Xin ý kiến bằng văn bản
16.	30/10/2020	59 NQ/ĐT-HĐQT	Xếp lương Phó Tổng Giám đốc Tổng công ty	Xin ý kiến bằng văn bản
17.	28/12/2020	60 NQ/ĐT-HĐQT	Xếp lương cho TV HĐQT chuyên trách	Xin ý kiến bằng văn bản
18.	25/12/2020	61 NQ/ĐT-HĐQT	Báo cáo kết quả hoạt động 9 tháng đầu năm 2020 Một số nội dung theo thẩm quyền: Theo các kiến nghị của Ban kiểm soát; Hợp tác kinh doanh tại 15 Trần Hưng Đạo; Góp vốn vào Công ty DM VINA; Chế độ phụ cấp thâm niên cho cán bộ, giảng viên Trường VTC.	Biên bản họp số 11 BB/ĐT-HĐQT ngày 14/08/2020

4. Về hoạt động của các thành viên HĐQT

Từng thành viên HĐQT đã thực hiện đầy đủ chức trách và nhiệm vụ theo Điều lệ Tổng công ty, Quy chế hoạt động của HĐQT và quy định của Pháp luật, đảm bảo hiệu quả chung của HĐQT; thực hiện thảo luận, biểu quyết thông qua đối với các vấn đề thuộc thẩm quyền của HĐQT và chịu trách nhiệm với quyết định của mình; thực hiện giám sát việc triển khai các hoạt động kinh doanh, các nhiệm vụ trọng tâm của hệ thống đã được ĐHCĐ giao.

5. Báo cáo về các giao dịch giữa công ty, công ty con, công ty do Tổng công ty nắm quyền kiểm soát trên 50% trở lên vốn Điều lệ với thành viên Hội đồng quản trị và những người có liên quan của thành viên đó; giao dịch giữa Tổng công ty với công ty trong đó thành viên Hội đồng quản trị là thành viên sáng lập hoặc quản lý doanh nghiệp: chi tiết tại Báo cáo tình hình Quản trị Tổng công ty giai đoạn từ 01/01/2020 đến 31/12/2020 đã được công bố trên Website của Tổng công ty.

6. Kết quả giám sát đối với Ban điều hành

HĐQT giám sát hoạt động của Ban điều hành thông qua cơ chế phân công nhiệm vụ chi tiết, đánh giá hiệu quả; tham gia các cuộc họp cùng Ban điều hành để thực hiện đánh giá chất lượng hoạt động cũng như bảo đảm sự tuân thủ các quy định của pháp luật và quy định nội bộ của Tổng công ty. Thông qua các cuộc họp chuyên đề, các nội dung báo cáo định kỳ hoặc theo yêu cầu đột xuất, các thành viên HĐQT có thể nắm bắt được tiến độ của Ban điều hành để có những quyết định trong phạm vi quyền hạn và nghĩa vụ của HĐQT được giao phó. Kết quả đánh giá cụ thể như sau:

- Do bối cảnh dịch bệnh Covid 19, Ban điều hành chưa hoàn thành kế hoạch sản xuất kinh doanh theo đúng nội dung Nghị quyết ĐHCĐ và chỉ đạo của HĐQT.
- Trong quá trình điều hành hoạt động, Ban điều hành đã tuân thủ theo đúng phân cấp tại Điều lệ, các quy định nội bộ của Tổng công ty.
- Chuyển xếp lương cho người lao động theo Quy chế lương mới, thực hiện các chế độ chính sách liên quan đến quyền lợi của người lao động đúng theo quy định của pháp luật và các quy định nội bộ Tổng công ty.

3357
TỈNH T
HÂN
A TÍN H
NAM
M.T.P

- Tổ chức thực hiện nghiêm túc các quy định về công bố thông tin theo định kỳ và đột xuất theo quy định của pháp luật.

7. **Thù lao, chi phí hoạt động và các lợi ích khác của Hội đồng quản trị và từng thành viên Hội đồng quản trị**

Tiền lương, thù lao của các thành viên HĐQT Tổng công ty được thực hiện theo đúng quy định của Nhà nước, Điều lệ Tổng công ty và Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2020. Chi tiết tiền lương và thù lao của các thành viên HĐQT năm 2020 được tổng hợp và thể hiện trong Báo cáo tài chính đã được kiểm toán năm 2020 và Tờ trình quyết toán thù lao Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát năm 2020, dự kiến năm 2021 của HĐQT trình ĐHĐCĐ.

Các thành viên HĐQT làm việc thường xuyên tại Tổng công ty, sử dụng phòng làm việc, công cụ, dụng cụ làm việc, thực hiện các chế độ công tác... theo các quy định hiện hành của Tổng công ty. Chi phí hoạt động của HĐQT được hạch toán vào chi phí kinh doanh của Tổng công ty theo đúng quy định của Nhà nước.

II. ĐỊNH HƯỚNG HOẠT ĐỘNG NĂM 2021

Từ đầu năm 2021, dịch bệnh viêm đường hô hấp cấp Covid-19 đã gây ảnh hưởng nghiêm trọng đến nền kinh tế thế giới, ảnh hưởng rất lớn tới các nền kinh tế, sản xuất đình đốn, chuỗi cung ứng bị gián đoạn, thương mại và đầu tư giảm. Với độ mở của nền kinh tế khá lớn nên nền kinh tế Việt Nam đã và đang chịu ảnh hưởng đáng kể bởi dịch bệnh Covid 19. Đây được coi là yếu tố tác động đến tăng trưởng, cũng như khả năng sinh lời của Tổng công ty trong năm 2021 và đòi hỏi Tổng công ty phải nỗ lực vượt qua.

Căn cứ vào tình hình thực tế của Tổng công ty, HĐQT sẽ tiếp tục thực hiện các giải pháp để phân bổ hoàn thành các nhiệm vụ, chỉ tiêu kế hoạch năm 2021, cụ thể như sau:

- Tổng doanh thu: 125 tỷ đồng.
- Lợi nhuận trước thuế: 3 tỷ đồng.

Để đảm bảo kinh doanh hiệu quả, an toàn, quá trình thực hiện sẽ tập trung vào các vấn đề lớn sau:

a. Chỉ đạo quyết liệt các giải pháp cấp bách mang tính ứng phó kịp thời trước ảnh hưởng của dịch Covid-19, các giải pháp tổ chức hoạt động kinh doanh theo kế hoạch 2021 và triển khai các phương án kinh doanh phù hợp trong tình hình mới.

b. Tăng cường quản lý, theo dõi chặt chẽ hoạt động Tổng công ty thông qua chế độ cung cấp thông tin từ Ban điều hành và có biện pháp hỗ trợ kịp thời.

c. Kiểm soát hiệu quả các rủi ro trọng yếu trong triển khai thực hiện kế hoạch SXKD 2021 của Tổng công ty: Rủi ro trong quản lý điều hành, có biện pháp kiểm soát kịp thời các yếu tố không lường trước.

d. Tiếp tục chỉ đạo xây dựng, hoàn thiện hệ thống quy chế và bảo đảm việc áp dụng thành công, đầy đủ các quy chế, hệ thống các quy trình đã ban hành trên nguyên tắc minh bạch, khả thi và gắn với trách nhiệm với hiệu quả.

e. Tiếp tục chỉ đạo về việc tái cấu trúc nguồn vốn, tập trung phân loại doanh nghiệp và thoái vốn gắn với xây dựng chiến lược kinh doanh để nâng cao hiệu quả hoạt động của doanh nghiệp.

Kính trình Đại hội đồng cổ đông thông qua.

Nơi nhận:

- Như trên;
- CBTT;
- HĐQT, BKS;
- Lưu: VT, HĐQT.





TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN
ĐIỆN TỬ VÀ TIN HỌC VIỆT NAM

Số: 201 BC/ĐT-BKS

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Hà Nội, ngày 05 tháng 4 năm 2021

**BÁO CÁO HOẠT ĐỘNG CỦA BAN KIỂM SOÁT
TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN ĐIỆN TỬ VÀ TIN HỌC VIỆT NAM (VIETTRONICS)
NĂM 2020**

Kính gửi: **Đại hội đồng cổ đông**
Tổng công ty cổ phần Điện tử và Tin học Việt Nam (Viettronics)

- Căn cứ Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14 ngày 17/6/2020;
- Căn cứ Điều lệ Tổng công ty cổ phần Điện tử và Tin học Việt Nam đang hiện hành.

Thực hiện theo quy định tại Luật Doanh nghiệp, Điều lệ Tổng công ty cổ phần Điện tử và Tin học Việt Nam và các quy định có liên quan, Ban kiểm soát trân trọng báo cáo Đại hội đồng cổ đông hoạt động của Ban kiểm soát năm 2020 như sau:

1. Tình hình hoạt động của Ban kiểm soát năm 2020:

- Các hoạt động chính của Ban kiểm soát:

- + Giám sát Hội đồng quản trị, Ban điều hành trong việc quản lý, điều hành Tổng công ty, giám sát việc tuân thủ và thực hiện Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông, Nghị quyết Hội đồng quản trị, Điều lệ và các quy định nội bộ của Tổng công ty.
- + Lựa chọn Công ty TNHH Kiểm toán và Tư vấn UHY là tổ chức kiểm toán độc lập được UBCKNN chấp thuận kiểm toán báo cáo tài chính năm 2020 làm đơn vị kiểm toán Báo cáo tài chính năm 2020 của Tổng công ty theo uỷ quyền của Đại hội đồng cổ đông Tổng công ty.
- + Thẩm định các Báo cáo tài chính hàng quý và Báo cáo tài chính năm 2020 của Tổng công ty theo định kỳ.
- + Kiểm tra một số nội dung theo chuyên đề; Kiểm tra và báo cáo theo yêu cầu của cổ đông Tổng công ty Đầu tư và Kinh doanh vốn Nhà nước (SCIC).
- + Tham dự các cuộc họp của Hội đồng quản trị Tổng công ty.

- Tổng kết các cuộc họp của Ban kiểm soát:

Trong năm 2020 Ban kiểm soát đã họp 06 phiên. Nội dung các cuộc họp đều được lập thành biên bản họp của Ban kiểm soát. Các báo cáo của Ban kiểm soát gửi cổ đông, Hội đồng quản trị, Ban điều hành Tổng công ty đều được các thành viên Ban kiểm soát nhất trí thông qua. Cụ thể:

TT	Ngày/ tháng/ năm	Số Biên bản	Nội dung
1	25/03/2020	Số 23 BB/ĐT-BKS	Thông qua Báo cáo của Ban kiểm soát về tình hình công nợ và công tác tiền lương của Văn phòng Tổng công ty.
2	19/05/2020	Số 24 BB/ĐT-BKS	Thông qua Báo cáo của Ban kiểm soát

			gửi cổ đông SCIC theo yêu cầu.
3	09/06/2020	Số 25 BB/ĐT-BKS	Thông qua Báo cáo hoạt động của Ban kiểm soát Tổng công ty năm 2019 trình Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2020.
4	06/07/2020	Số 26 BB/ĐT-BKS	Thông qua lựa chọn Công ty TNHH Kiểm toán và tư vấn UHY là đơn vị kiểm toán Báo cáo tài chính năm 2020 của Tổng công ty theo uỷ quyền của Đại hội đồng cổ đông Tổng công ty.
5	21/08/2020	Số 27 BB/ĐT-BKS	Thông qua Báo cáo của Ban kiểm soát quý 1/2020 và 6 tháng năm 2020.
6	04/11/2020	Số 28 BB/ĐT-BKS	Thông qua Báo cáo của Ban kiểm soát 9 tháng năm 2020.

- Tổng kết các kiến nghị của Ban kiểm soát với Hội đồng quản trị và Ban điều hành:

Trong các Báo cáo của Ban kiểm soát được lập trong năm 2020 gửi Hội đồng quản trị và Ban điều hành, Ban kiểm soát đã có các kiến nghị với Hội đồng quản trị, Ban điều hành trong việc quản lý, điều hành Tổng công ty, tập trung vào các nội dung chính như sau:

+ Căn cứ nhiệm vụ kế hoạch SXKD năm 2020 Đại hội đồng cổ đông phê duyệt, thực hiện giao kế hoạch chi tiết cho các bộ phận chức năng thực hiện, từ đó làm căn cứ cho việc đánh giá hiệu quả và phân phối tiền lương, tiền thưởng.

+ Định kỳ Hội đồng quản trị, Ban điều hành tổ chức kiểm điểm, đánh giá kết quả thực hiện các Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông, nghị quyết của Hội đồng quản trị, công tác giám sát của Hội đồng quản trị với Ban điều hành.

+ Thống kê, phân loại và đánh giá các khoản nợ từ đó tìm các biện pháp phù hợp, hiệu quả để thu hồi các khoản nợ đến hạn và quá hạn, trong đó bao gồm các khoản nợ mà Tổng công ty đã trích lập dự phòng nợ phải thu khó đòi.

+ Thực hiện việc góp vốn vào Công ty TNHH DM VINA đảm bảo tuân thủ trình tự và yêu cầu tại các nghị quyết HĐQT đã ban hành.

+ Quản lý chặt chẽ việc khai thác lợi thế đất đai của Tổng công ty và các doanh nghiệp có vốn góp của Tổng công ty.

+ Đề nghị Người đại diện của Tổng công ty tại các doanh nghiệp thực hiện đầy đủ chế độ báo cáo và xin ý kiến Tổng công ty theo quy định. Nâng cao chất lượng nội dung các báo cáo của Người đại diện.

+ Có biện pháp kiện toàn hoạt động của Trường Cao đẳng Công nghệ Viettronics để trường từng bước tự cân đối được thu chi.

2. Kết quả kiểm tra, giám sát của Ban kiểm soát:

a/ Về kiểm tra, giám sát hoạt động SXKD và tài chính của Tổng công ty:

Sau khi thẩm định các báo cáo tài chính, xem xét sổ kế toán, chứng từ kế toán và các tài liệu được Tổng công ty cung cấp trong quá trình làm việc, Ban kiểm soát đánh giá:

Tổng công ty đã tổ chức công tác kế toán, hạch toán kế toán và lập báo cáo tài chính hàng quý, 6 tháng và cả năm 2020 theo chế độ kế toán và chuẩn mực kế toán hiện hành. Báo cáo tài chính 6 tháng năm 2020 và Báo cáo tài chính năm 2020 của Tổng công ty đã được Công ty TNHH Kiểm toán và Tư vấn UHY soát xét và kiểm toán.

Ban kiểm soát thống nhất với ý kiến của Công ty TNHH Kiểm toán và Tư vấn UHY đưa ra là Báo cáo tài chính năm 2020 của công ty mẹ đã phản ánh trung thực và hợp lý trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính tại ngày 31/12/2020 cũng như kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày,

phù hợp với chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.

- Về kết quả hoạt động SXKD năm 2020 so với kế hoạch được giao theo Nghị quyết ĐHĐCĐ năm 2020:

Tổng doanh thu và thu nhập khác là 108.294.950.225 đồng, đạt 60,43% kế hoạch.

Lợi nhuận kế toán trước thuế là -45.304.496.934 đồng, không đạt kế hoạch.

Nguyên nhân chính lợi nhuận của Tổng công ty không đạt kế hoạch vì:

+ Doanh thu từ bán hàng và cung cấp dịch vụ, doanh thu từ thu cổ tức bị giảm nhiều so với năm 2019 do ảnh hưởng lớn từ đại dịch Covid 19.

+ Do Tổng công ty phải thực hiện trích lập dự phòng theo quy định tại Thông tư số 48/2019/TT-BTC ngày 08/8/2019 của Bộ Tài chính đối với các khoản đầu tư tài chính dài hạn của Tổng công ty tại một số doanh nghiệp. Cụ thể:

- Trích lập dự phòng cho khoản vốn góp của Tổng công ty tại Công ty cổ phần Viettronics Tân Bình là 37.267 triệu đồng.
- Trích lập dự phòng chi khoản vốn góp của Tổng công ty tại Công ty cổ phần Viettronics Thủ Đức là 4.526 triệu đồng.
- Trích lập dự phòng cho khoản vốn góp của Tổng công ty tại Công ty cổ phần Viettronics Công nghiệp là 349 triệu đồng.
- Trích lập dự phòng cho khoản vốn góp của Tổng công ty tại Công ty cổ phần Công trình Viettronics là 997 triệu đồng.
- Trích lập dự phòng cho khoản vốn góp của Tổng công ty tại Công ty TNHH DM VINA là 2.307 triệu đồng.

Tổng số tiền trích lập/hoàn nhập dự phòng đầu tư tài chính dài hạn đã hạch toán vào chi phí tài chính năm 2020 của Tổng công ty là 44.827 triệu đồng làm ảnh hưởng lớn đến kết quả kinh doanh của Tổng công ty.

Về chi phí năm 2020, ngoại trừ chi phí tài chính quá lớn do phải trích lập dự phòng đầu tư tài chính, các khoản chi phí khác của Tổng công ty hầu hết đều tiết giảm hơn so với năm 2019, trong đó chi phí quản lý doanh nghiệp chỉ bằng 89,58% so với thực hiện năm 2019. Chi phí lương và các khoản theo lương tại cơ quan Tổng công ty chỉ bằng 78,40% so với năm 2019.

- Tình hình tài chính tại ngày 31/12/2020 của công ty mẹ:

+ Tổng tài sản: 536.095.778.828 đồng

Trong đó:

- Tài sản ngắn hạn: 247.556.774.292 đồng
- Tài sản dài hạn: 288.539.004.536 đồng

+ Tổng nguồn vốn: 536.095.778.828 đồng

Trong đó:

- Nợ phải trả: 77.611.879.776 đồng
- Vốn chủ sở hữu: 458.483.899.052 đồng

Cuối năm tài chính Tổng công ty đã thực hiện kiểm kê tài sản cố định, đối chiếu xác nhận công nợ tại ngày 31/12/2020. Tổng công ty đã thực hiện phân phối lợi nhuận sau thuế năm 2019 theo Nghị quyết đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2020. Hiện tại vốn của Tổng công ty phần lớn nằm tại các doanh nghiệp có vốn góp của Tổng công ty khi cổ phần hoá DNNN (chiếm 82,98% vốn điều lệ của Tổng công ty), phần vốn còn lại tại Tổng công ty để hoạt động tự doanh rất nhỏ do đó hạn chế nhiều đến hoạt động SXKD cũng như sự tự chủ về tài chính của Tổng công ty.

- Về Báo cáo tài chính hợp nhất năm 2020 đã kiểm toán của Tổng công ty:

Một số chỉ tiêu chủ yếu trong Báo cáo tài chính hợp nhất như sau:

- Tổng doanh thu và thu nhập khác: 684.090.889.066 đồng

- Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế: 25.237.662.399 đồng
- Tổng tài sản: 873.890.625.023 đồng

Trong đó:

- + Tài sản ngắn hạn: 614.819.982.100 đồng
- + Tài sản dài hạn: 259.070.642.923 đồng
- Tổng nguồn vốn: 873.890.625.023 đồng

Trong đó:

- + Nợ phải trả: 264.110.267.137 đồng
- + Vốn chủ sở hữu: 609.780.357.887 đồng

Ban kiểm soát thống nhất với các ý kiến của Công ty TNHH Kiểm toán và Tư vấn UHY trong đó bao gồm cả các ý kiến kiểm toán ngoại trừ tại Báo cáo tài chính hợp nhất năm 2020 của Tổng công ty.

b/ Về giám sát hoạt động quản lý điều hành của Hội đồng quản trị Tổng công ty:

Tháng 6 năm 2020 Đại hội đồng cổ đông Tổng công ty đã họp bầu bổ sung 02 thành viên Hội đồng quản trị nâng tổng số thành viên Hội đồng quản trị Tổng công ty lên thành năm (05) thành viên.

Trong năm 2020, Hội đồng quản trị đã thực hiện 02 phiên họp định kỳ, 16 lần xin ý kiến các thành viên HĐQT bằng văn bản, ban hành 18 nghị quyết.

Một số hoạt động chính Hội đồng quản trị đã thực hiện:

- Quản lý và giám sát Ban điều hành triển khai thực hiện Nghị quyết ĐHĐCĐ, các Nghị quyết, Quyết định của HĐQT.
- Định kỳ 6 tháng, 9 tháng Hội đồng quản trị tổ chức họp để xem xét, đánh giá việc thực hiện kế hoạch SXKD và các mặt hoạt động của Tổng công ty.
- Tổ chức ĐHCĐ thường niên năm 2020 đúng quy định.
- Thông qua các nội dung và trình tự tiến hành việc góp vốn vào Công ty TNHH DM VINA thực hiện dự án sửa chữa tân trang màn hình. Chỉ đạo Ban điều hành đàm phán và thoả thuận việc góp vốn với đối tác trên cơ sở đảm bảo lợi ích của Tổng công ty, đúng quy định của pháp luật.
- Chỉ đạo rà soát điều chỉnh các hợp đồng khai thác lợi thế đất đai của Tổng công ty và các doanh nghiệp có vốn góp của Tổng công ty đảm bảo tối ưu hoá lợi ích của Tổng công ty, các doanh nghiệp và tuân thủ pháp luật.
- Chỉ đạo công tác nhân sự người đại diện vốn, nhân sự giới thiệu ứng cử tham gia HĐQT tại các đơn vị có vốn góp của Tổng công ty trong đại hội cổ đông thường niên và nhiệm kỳ.
- Thông qua đề xuất của Ban điều hành cấp bổ sung vốn lưu động tháo gỡ khó khăn cho hoạt động của Trường Cao đẳng Công nghệ Viettronics.
- Bổ nhiệm nhân sự Phó tổng giám đốc Tổng công ty để kiện toàn bộ máy điều hành.
- Xem xét thực hiện các kiến nghị của Ban kiểm soát.

Đánh giá hoạt động quản lý điều hành của Hội đồng quản trị:

Qua các nội dung công việc Hội đồng quản trị đã thực hiện, Ban kiểm soát đánh giá hoạt động quản lý điều hành của Hội đồng quản trị như sau:

- Hội đồng quản trị đã thực hiện quản lý, điều hành Tổng công ty cơ bản đã tuân thủ quy định tại Điều lệ Tổng công ty, Nghị quyết ĐHĐCĐ, Nghị quyết HĐQT và các quy định của pháp luật.
- Trong năm Hội đồng quản trị ban hành 18 nghị quyết, HĐQT đã giám sát đơn đốc tích cực đối với Ban điều hành để các nghị quyết đều đã được thực hiện.
- Hội đồng quản trị đã xem xét tích cực và có trách nhiệm đối với các đề xuất của Ban điều hành để các đề xuất được sớm quyết định triển khai thực hiện.

- Các thành viên HĐQT không có các hoạt động gây ra xung đột về lợi ích với Tổng công ty mà họ được hưởng thông qua các giao dịch với cá nhân và pháp nhân khác.

- Bên cạnh những kết quả đạt được, Hội đồng quản trị cần quyết liệt hơn nữa trong việc chỉ đạo, giám sát Ban điều hành thực hiện nhiệm vụ trọng tâm là đẩy mạnh hoạt động kinh doanh mang lại lợi nhuận, giải quyết công nợ tồn đọng. Cần xem xét để phân công nhiệm vụ cụ thể hơn trong Hội đồng quản trị để nâng cao trách nhiệm cá nhân của các thành viên HĐQT trong công tác chung là quản lý điều hành Tổng công ty.

c/ Về giám sát hoạt động của Ban điều hành:

Trên cơ sở Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông, Nghị quyết, Quyết định của Hội đồng quản trị, Ban điều hành đã chỉ đạo các phòng ban chức năng phối hợp trong công tác chuyên môn để triển khai thực hiện.

Một số công việc chính Ban điều hành đã thực hiện:

- Triển khai hoạt động sản xuất kinh doanh thực hiện kế hoạch năm 2020 đã được Đại hội đồng cổ đông phê duyệt.

- Tổ chức công tác hạch toán kế toán và quản lý tài chính, quản lý tài sản và thu hồi công nợ, thực hiện các công tác kế hoạch, đầu tư, khoa học công nghệ, văn phòng...

- Thực hiện các thủ tục góp vốn vào Công ty TNHH DM VINA theo nghị quyết Hội đồng quản trị.

- Thực hiện các công tác liên quan đến việc tổ chức đại hội cổ đông của các đơn vị có vốn góp của Tổng công ty theo chỉ đạo của Hội đồng quản trị.

- Thực hiện các nghĩa vụ với ngân sách Nhà nước, các chính sách chế độ liên quan đến người lao động.

- Thực hiện công bố thông tin theo quy định của UBCKNN và các quy định hiện hành.

Đánh giá kết quả hoạt động của Ban điều hành:

- Ban điều hành trong quá trình thực hiện chức năng, nhiệm vụ, đã tuân thủ các quy định của Pháp luật, Điều lệ Tổng công ty, chấp hành và thực hiện các Nghị quyết của ĐHĐCĐ, Nghị quyết, Quyết định và chỉ đạo của Hội đồng quản trị.

- Đã nỗ lực trong việc tổ chức hoạt động sản xuất kinh doanh và thu hồi công nợ.

- Tổ chức công tác hạch toán kế toán và lập báo cáo tài chính đúng chế độ quy định.

- Thực hiện các nghĩa vụ thuế đối với ngân sách Nhà nước.

- Thực hiện các chế độ và quyền lợi cho người lao động.

- Hỗ trợ tích cực cho các tổ chức đảng, đoàn thể hoạt động.

- Thực hiện tốt chế độ báo cáo và công bố thông tin theo quy định.

Bên cạnh những kết quả đã đạt được vẫn thấy rằng năm 2020 do nhiều nguyên nhân khách quan và chủ quan nguồn thu từ hoạt động sản xuất kinh doanh chính của Tổng công ty đạt thấp chỉ bằng 35,65% so với năm 2019 nên không đủ bù đắp cho khoản chi phí tài chính phát sinh do trích lập dự phòng đầu tư dài hạn nên kết quả SXKD chung đã không hoàn thành kế hoạch được giao. Công tác quản lý và thu hồi công nợ vẫn còn tình trạng nợ quá hạn, nợ xấu chưa hồi được.

d/ Kết quả phối hợp hoạt động giữa Ban kiểm soát với Hội đồng quản trị, Ban điều hành và quan hệ với cổ đông:

Ban kiểm soát phối hợp hoạt động với HĐQT, Ban điều hành trong các hoạt động chung của Tổng công ty trên nguyên tắc đảm bảo các hoạt động của Tổng công ty, của Hội đồng quản trị và Ban điều hành tuân thủ đúng pháp luật, Điều lệ và các Nghị quyết đã được ban hành. Các hoạt động của Ban kiểm soát không cản trở hoạt động bình thường của Hội đồng quản trị, không gây gián đoạn điều hành hoạt động kinh doanh của Tổng công ty.

- Ban kiểm soát được mời tham dự đầy đủ các cuộc họp của HĐQT. Ban kiểm soát đã có những ý kiến, kiến nghị có trách nhiệm bằng văn bản hoặc trao đổi trực tiếp với HĐQT, Ban điều hành để công tác quản lý điều hành được hiệu quả hơn.

- Ban kiểm soát cũng nhận được sự hỗ trợ, tạo điều kiện của Hội đồng quản trị, Ban điều hành, các Ban chức năng của Tổng công ty trong quá trình thực thi nhiệm vụ. Các yêu cầu, đề nghị về cung cấp tài liệu phục vụ công tác của Ban kiểm soát được cung cấp kịp thời.

- Ban kiểm soát đã thực hiện kiểm tra và báo cáo theo yêu cầu của cổ đông theo quy định tại Luật Doanh nghiệp và Điều lệ Tổng công ty.

- Tổng công ty đã thực hiện công bố thông tin theo các quy định của UBCKNN và các quy định pháp luật có liên quan, đảm bảo các hoạt động của Tổng công ty đều được công khai, minh bạch vì quyền lợi cao nhất của cổ đông.

3. Một số kiến nghị của Ban kiểm soát đối với Hội đồng quản trị và Ban điều hành:

- Phân công nhiệm vụ cụ thể hơn trong Hội đồng quản trị để phát huy hết tính chủ động và trách nhiệm trong việc thực thi nhiệm vụ của các thành viên Hội đồng quản trị.

- Tổ chức sắp xếp bộ máy cơ quan Tổng công ty tinh giản gọn nhẹ, các bộ phận nắm rõ chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và trách nhiệm của mình để chủ động thực hiện và hoàn thành tốt nhiệm vụ được giao. Nâng cao hiệu quả hoạt động của các ban kinh doanh trong Tổng công ty.

- Chú trọng nhiều vào công tác quản lý, thu hồi và thanh toán công nợ (bao gồm nợ phải thu, nợ phải trả, nợ tạm ứng); Xử lý dứt điểm hàng tồn kho là các chi phí thực hiện dự án chưa quyết toán.

- Nâng cao hiệu quả của các hợp đồng kinh tế. Lựa chọn các đối tác có uy tín, kinh nghiệm và năng lực tài chính khi ký kết hợp đồng kinh tế, quản lý chặt chẽ dòng tiền của các hợp đồng để phòng tránh các rủi ro trong kinh doanh.

- Duy trì các cuộc họp giao ban thường kỳ để kiểm điểm việc thực hiện nhiệm vụ của Ban điều hành và các ban chức năng, qua đó cũng có những giải pháp kịp thời để khắc phục những tồn tại.

- Một số doanh nghiệp có vốn góp của Tổng công ty mà các chỉ tiêu về kết quả SXKD chưa hoàn thành được kế hoạch được giao, tình hình tài chính còn nhiều khó khăn, báo cáo tài chính còn ý kiến ngoại trừ của kiểm toán độc lập, đề nghị HĐQT, Ban điều hành Tổng công ty tổ chức họp và làm việc với người đại diện vốn của Tổng công ty, đồng thời là thành viên HĐQT, Tổng giám đốc/Giám đốc tại các doanh nghiệp này để nắm bắt tình hình cụ thể và đưa ra các phương án, giải pháp phù hợp với từng đơn vị để dần từng bước đẩy mạnh hoạt động SXKD, giải quyết các tồn tại của đơn vị.

- Rà soát lại các quy chế, quy trình đang hiện hành để sửa đổi, bổ sung cho phù hợp với quy định của pháp luật và thực tế hoạt động của Tổng công ty như: Quy chế tổ chức bộ máy, Quy chế tài chính, quy chế người đại diện, quy trình kinh doanh. Ban hành thêm quy trình tuyển dụng, bổ nhiệm, miễn nhiệm, bãi nhiệm, luân chuyển cán bộ...

4. Đánh giá hoạt động của Ban kiểm soát và các thành viên Ban kiểm soát năm 2020:

Năm 2020 Ban kiểm soát đã hoạt động theo đúng chức năng nhiệm vụ của mình. Các thành viên Ban kiểm soát đã hoàn thành nhiệm vụ được phân công. Các báo cáo, kiến nghị của Ban kiểm soát được HĐQT và Ban điều hành xem xét, tiếp thu thực hiện trong công tác quản lý, điều hành Tổng công ty. Yêu cầu kiểm tra của cổ đông Tổng công ty Đầu tư và Kinh doanh vốn Nhà nước (SCIC) đã được Ban kiểm soát nghiêm túc thực hiện và báo cáo đúng thời hạn quy định. Hoạt động của Ban kiểm soát không gây ảnh hưởng đến hoạt động

điều hành của Hội đồng quản trị và Ban điều hành. Các thành viên Ban kiểm soát không có các hành vi, giao dịch nhằm đem lại lợi ích cá nhân và gây ảnh hưởng đến lợi ích của Tổng công ty.

5. Chi phí hoạt động của Ban kiểm soát:

Thu nhập và thù lao của Ban kiểm soát năm 2020 thực hiện theo các quy định của Nhà nước về chế độ tiền lương và thù lao đối với công ty cổ phần có vốn góp chi phối của Nhà nước, theo Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông và các quyết định của Tổng công ty. Trong đó:

- + Tiền thù lao năm 2020 là 48.000.000 đồng.
- + Tiền lương và các khoản thu nhập năm 2020 là 369.761.000 đồng.

6. Phương hướng nhiệm vụ của Ban kiểm soát năm 2021:

- Giám sát Hội đồng quản trị và Ban điều hành trong việc quản lý, điều hành Tổng công ty.
- Giám sát việc thực hiện các nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông, nghị quyết, quyết định của Hội đồng quản trị, Ban điều hành Tổng công ty.
- Thẩm định báo cáo tài chính quý và năm theo định kỳ.
- Đề xuất và kiến nghị Đại hội đồng cổ đông phê duyệt danh sách tổ chức kiểm toán độc lập được chấp thuận thực hiện kiểm toán Báo cáo tài chính năm 2021 của Tổng công ty.
- Thực hiện kiểm tra một số nội dung theo chuyên đề.
- Dự thảo Quy chế hoạt động của Ban kiểm soát Tổng công ty trình Đại hội đồng cổ đông phê duyệt..
- Tham dự các cuộc họp của Đại hội đồng cổ đông, Hội đồng quản trị và các cuộc họp khác của Tổng công ty.
- Thực hiện các công việc khác thuộc chức năng nhiệm vụ của Ban kiểm soát theo quy định của Luật doanh nghiệp và Điều lệ Tổng công ty.

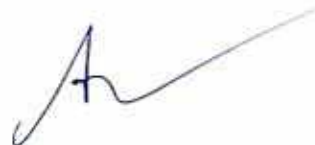
Trên đây là báo cáo về các hoạt động năm 2020 và kế hoạch hoạt động năm 2021 của Ban kiểm soát Tổng công ty, kính trình Đại hội đồng cổ đông xem xét, thông qua.

Trân trọng!

**TM. BAN KIỂM SOÁT
TRƯỞNG BAN**

Nơi nhận:

- Như trên.
- HĐQT Viettronics.
- Ban điều hành Viettronics.
- Ban tổ chức Đại hội cổ đông Viettronics.
- Lưu VT, BKS Viettronics.



Vũ Hoài Anh

Số: **146** TTr/ĐT-HĐQT

Hà Nội, ngày **26** tháng 04 năm 2021

TỜ TRÌNH

(Về việc phân phối lợi nhuận)

Kính gửi: Đại hội đồng cổ đông năm 2021
Tổng công ty cổ phần Điện tử và Tin học Việt Nam

Căn cứ Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14 của Quốc hội nước Cộng hòa Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam có hiệu lực từ ngày 01/01/2021;

Căn cứ Điều lệ của Tổng công ty cổ phần Điện tử và Tin học Việt Nam hiện hành;

Căn cứ Kết quả hoạt động SXKD năm 2020 của Tổng công ty (đã kiểm toán),

Hội đồng Quản trị đề xuất phương án phân phối lợi nhuận chi trả cổ tức và trích lập các quỹ năm 2020 như sau :

Đơn vị: đồng		
TT	Nội dung	Năm 2020
1	Tổng lợi nhuận được phân phối (Lỗ)	(45.304.496.934)
2	Chi trả cổ tức và trích lập các quỹ gồm:	0
2.1	Cổ tức không chia (*)	0
2.2	Quỹ khen thưởng & Quỹ phúc lợi(*)	0
2.3	Quỹ thưởng người quản lý công ty	0
3	Lợi nhuận để lại (Lỗ)	(45.304.496.934)

Hội đồng quản trị kính trình Đại hội đồng cổ đông xem xét thông qua.

Trân trọng kính trình !

Nơi nhận:

- Như trên;
- CBTT;
- HĐQT, BKS;
- Lưu: VT, HĐQT.

T/M HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
CHỦ TỊCH
TỔNG CÔNG TY
CỔ PHẦN
ĐIỆN TỬ VÀ TIN HỌC
VIỆT NAM
Q. HOÀN KIẾM - T.P HÀ NỘI
Lê Thanh Tuấn

TỜ TRÌNH

Về thủ lao của HĐQT, BKS năm 2020, dự kiến năm 2021

Kính gửi: Đại hội đồng cổ đông năm 2021

Tổng công ty Cổ phần Điện tử và Tin học Việt Nam

Căn cứ Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14 được thông qua ngày 17/06/2020 và các văn bản hướng dẫn thi hành có liên quan;

Căn cứ Điều lệ hiện hành của Tổng công ty Cổ phần Điện tử và Tin học Việt Nam hiện hành;

Căn cứ Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2020;

Căn cứ kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh năm 2020 của Tổng công ty,

Hội đồng Quản trị Tổng công ty kính trình Đại hội đồng cổ đông năm 2021 thông qua quyết toán thủ lao thành viên HĐQT, BKS năm 2020 và kế hoạch năm 2021 như sau:

1. Quyết toán chi thủ lao năm 2020

STT	Thành viên HĐQT/BKS	Chức vụ	Số tháng/ 2020	Thực hiện năm 2020 (Triệu đồng)
I	Hội đồng quản trị			84
1	Lê Thanh Tuấn	Chủ tịch HĐQT	12	48
2	Nguyễn Tiến Dũng	Thành viên HĐQT	12	36
3	Vũ Hải Vĩnh	Thành viên HĐQT	12	0
4	Đỗ Thị Thuý Hương	Thành viên HĐQT	06	0
5	Nguyễn Văn Đông	Thành viên HĐQT	06	0
II	Ban kiểm soát			48
1	Vũ Hoài Anh	Trưởng BKS	12	0
2	Phạm Văn Chung	Thành viên BKS	12	24
3	Nguyễn Minh Đức	Thành viên BKS	12	24
	Tổng cộng			132



2. Kế hoạch chi thù lao năm 2021

Dự kiến mức thù lao năm 2021 giữ nguyên như số liệu thực hiện năm 2020:

- Hội đồng quản trị:

+ Chủ tịch HĐQT: 4 triệu đồng/ tháng.

+ Thành viên HĐQT: 3 triệu đồng/người/tháng.

Trong đó thành viên HĐQT làm việc chuyên trách tại Tổng công ty sẽ nhận lương và không nhận phụ cấp.

- Ban Kiểm soát:

+ Trưởng Ban chuyên trách: Nhận lương, không nhận phụ cấp.

+ Thành viên BKS: 2 triệu đồng/người/tháng.

Hội đồng Quản trị kính trình đại hội đồng cổ đông xem xét thông qua.

Trân trọng kính trình!

Nơi nhận:

- Như trên;
- CBTT;
- HĐQT, BKS;
- Lưu VT, KHĐT.



TỜ TRÌNH

(Về việc lựa chọn đơn vị kiểm toán báo cáo tài chính năm 2021)

Kính gửi: Đại hội đồng cổ đông năm 2021
Tổng công ty cổ phần Điện tử và Tin học Việt Nam

Căn cứ Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14 của Quốc hội nước Cộng hòa Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam có hiệu lực từ ngày 01/01/2021;

Căn cứ Điều lệ hiện hành của Tổng công ty cổ phần Điện tử và Tin học Việt Nam hiện hành;

Theo quy định của Luật Doanh nghiệp và Điều lệ Tổng công ty, hàng năm Ban Kiểm soát Tổng công ty đề xuất đơn vị kiểm toán độc lập kiểm toán báo cáo tài chính của Tổng công ty trình Đại hội đồng cổ đông lựa chọn.

Để thuận tiện trong việc lựa chọn đơn vị kiểm toán phù hợp, đề nghị Đại hội đồng cổ đông ủy quyền cho Hội đồng quản trị Tổng công ty quyết định chọn đơn vị kiểm toán báo cáo tài chính năm 2021 của Tổng công ty trong danh sách các đơn vị kiểm toán được Ban kiểm soát Tổng công ty lựa chọn.

Kính trình Đại hội thông qua!

Nơi nhận:

- Như trên;
- CBTT;
- HĐQT, BKS;
- Lưu VT, HĐQT, KHĐT.



TỜ TRÌNH

(Về việc sửa đổi, bổ sung Điều lệ Tổng công ty)

Kính gửi: Đại hội đồng cổ đông năm 2021

Tổng công ty cổ phần Điện tử và Tin học Việt Nam

Căn cứ Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14 được thông qua ngày 17/06/2020 và các văn bản hướng dẫn thi hành có liên quan;

Căn cứ Luật Chứng khoán số 54/2019/QH14 được thông qua ngày 26 tháng 11 năm 2019;

Căn cứ Nghị định số 155/2020/NĐ-CP ngày 31 tháng 12 năm 2020 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Chứng khoán;

Căn cứ Thông tư số 116/2020/TT-BTC ngày 31/12/2020 hướng dẫn một số điều về quản trị Công ty áp dụng với công ty đại chúng tại Nghị định số 155/2020/NĐ-CP ngày 31 tháng 12 năm 2020 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Chứng khoán;

Căn cứ Điều lệ hiện hành của Tổng công ty cổ phần Điện tử và Tin học Việt Nam;

Căn cứ yêu cầu tổ chức hoạt động của Tổng công ty,

Để bảo đảm tính pháp lý cũng như đáp ứng yêu cầu thực tế trong quản trị, điều hành của Tổng công ty, Hội đồng quản trị Tổng công ty đã rà soát Điều lệ hiện hành của Tổng công ty. Trên cơ sở rà soát, Hội đồng quản trị đề nghị sửa đổi, bổ sung Điều lệ cho phù hợp với quy định của Luật Doanh nghiệp, Nghị định số 155/2020/NĐ-CP ngày 31 tháng 12 năm 2020, Thông tư 116/2020/TT-BTC ngày 31/12/2020 và các yêu cầu quản trị, điều hành của Tổng công ty.

Hội đồng quản trị kính trình Đại hội đồng cổ đông xem xét thông qua chi tiết như dự thảo đính kèm.

Điều lệ mới sẽ có hiệu lực kể từ ngày được Đại hội đồng cổ đông thông qua và thay thế cho bản Điều lệ hiện hành.

Trân trọng kính trình.

Nơi nhận:

- Như trên;
- CBTT;
- HĐQT, BKS;
- Lưu: VT, HĐQT.



ĐIỀU LỆ

TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN
ĐIỆN TỬ VÀ TIN HỌC VIỆT NAM

Hà Nội, ngày tháng 04 năm 2021

MỤC LỤC

PHẦN MỞ ĐẦU	4
I. ĐỊNH NGHĨA CÁC THUẬT NGỮ TRONG ĐIỀU LỆ	4
Điều 1. Giải thích thuật ngữ	4
II. TÊN, HÌNH THỨC, TRỤ SỞ, CHI NHÁNH, VĂN PHÒNG ĐẠI DIỆN, ĐỊA ĐIỂM KINH DOANH, THỜI HẠN HOẠT ĐỘNG VÀ NGƯỜI ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT CỦA TỔNG CÔNG TY	4
Điều 2. Tên, hình thức, trụ sở, chi nhánh, văn phòng đại diện, địa điểm kinh doanh và thời hạn hoạt động của Tổng công ty	4
Điều 3. Người đại diện theo pháp luật của Tổng công ty	5
III. MỤC TIÊU, PHẠM VI KINH DOANH VÀ HOẠT ĐỘNG CỦA TỔNG CÔNG TY	5
Điều 4. Mục tiêu hoạt động của Tổng công ty	5
Điều 5. Phạm vi kinh doanh và hoạt động	6
IV. VỐN ĐIỀU LỆ, CỔ PHẦN, CỔ ĐÔNG SÁNG LẬP	6
Điều 6. Vốn điều lệ, cổ phần, cổ đông sáng lập	6
Điều 7. Bán cổ phần	7
Điều 8. Chứng nhận cổ phiếu	7
Điều 9. Chứng chỉ chứng khoán khác	7
Điều 10. Chuyển nhượng cổ phần	7
V. CƠ CẤU TỔ CHỨC, QUẢN TRỊ VÀ KIỂM SOÁT	8
Điều 11. Cơ cấu tổ chức, quản trị và kiểm soát	8
VI. CỔ ĐÔNG VÀ ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG	8
Điều 12. Quyền của cổ đông	8
Điều 13. Nghĩa vụ của cổ đông	9
Điều 14. Đại hội đồng cổ đông	10
Điều 15. Quyền và nghĩa vụ của Đại hội đồng cổ đông	11
Điều 16. Ủy quyền tham dự họp Đại hội đồng cổ đông	12
Điều 17. Thay đổi các quyền	12
Điều 18. Triệu tập Đại hội đồng cổ đông, chương trình họp và thông báo họp Đại hội đồng cổ đông	13
Điều 19. Các điều kiện tiến hành họp Đại hội đồng cổ đông	14
Điều 20. Thể thức tiến hành họp và biểu quyết tại Đại hội đồng cổ đông	14
Điều 21. Điều kiện để Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông được thông qua	15
Điều 22. Thẩm quyền và thể thức lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản để thông qua Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông	16
Điều 23. Nghị quyết, Biên bản họp Đại hội đồng cổ đông	17
Điều 24. Yêu cầu hủy bỏ Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông	18
Điều 25. Hiệu lực của Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông	18
VII. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ	18
Điều 26. Ứng cử, đề cử thành viên Hội đồng quản trị	18
Điều 27. Thành phần và nhiệm kỳ của thành viên Hội đồng quản trị	19
Điều 28. Quyền hạn và nghĩa vụ của Hội đồng quản trị	20
Điều 29. Thù lao, thưởng và lợi ích khác của thành viên Hội đồng quản trị	22
Điều 30. Chủ tịch Hội đồng quản trị	22
Điều 31. Các cuộc họp của Hội đồng quản trị	23
Điều 32. Người phụ trách quản trị Tổng công ty	25
VIII. TỔNG GIÁM ĐỐC, NGƯỜI ĐIỀU HÀNH KHÁC VÀ THƯ KÝ TỔNG CÔNG TY	26
Điều 33. Tổ chức bộ máy quản lý	26
Điều 34. Người điều hành Tổng công ty	26
Điều 35. Bổ nhiệm, miễn nhiệm, nhiệm vụ và quyền hạn của Tổng giám đốc	26
Điều 36. Thư ký Tổng công ty	28
IX. BAN KIỂM SOÁT	28
Điều 37. Ứng cử, đề cử thành viên Ban kiểm soát (Kiểm soát viên)	28
Điều 38. Thành phần Ban Kiểm soát	28
Điều 39. Cuộc họp của Ban kiểm soát	29

Điều 40. Trưởng Ban kiểm soát.....	29
Điều 41. Quyền và nghĩa vụ của Ban kiểm soát	30
Điều 42. Tiền lương, thù lao, thưởng và lợi ích khác của thành viên Ban kiểm soát.....	30
X. TRÁCH NHIỆM CỦA THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ, THÀNH VIÊN BAN KIỂM SOÁT, TỔNG GIÁM ĐỐC VÀ NGƯỜI ĐIỀU HÀNH KHÁC.....	30
Điều 43. Trách nhiệm cẩn trọng	31
Điều 44. Trách nhiệm trung thực và tránh các xung đột về quyền lợi.....	31
Điều 45. Trách nhiệm về thiệt hại và bồi thường	32
Điều 46. Giao dịch với người có liên quan.....	32
Điều 47. Giao dịch với cổ đông, người quản lý doanh nghiệp và người có liên quan của các đối tượng này.....	32
XI. QUYỀN TRA CỨU SỔ SÁCH VÀ HỒ SƠ TỔNG CÔNG TY	33
Điều 48. Quyền tra cứu sổ sách và hồ sơ.....	33
XII. CÔNG NHÂN VIÊN VÀ CÔNG ĐOÀN.....	34
Điều 49. Công nhân viên và công đoàn.....	34
XIII. PHÂN PHỐI LỢI NHUẬN.....	34
Điều 50. Phân phối lợi nhuận	34
Điều 51. Các vấn đề khác liên quan đến phân phối lợi nhuận	34
XIV. TÀI KHOẢN NGÂN HÀNG, NĂM TÀI CHÍNH VÀ HỆ THỐNG KẾ TOÁN.....	35
Điều 52. Tài khoản ngân hàng.....	35
Điều 53. Năm tài chính.....	35
Điều 54. Chế độ kế toán.....	35
XV. BÁO CÁO TÀI CHÍNH, BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN, TRÁCH NHIỆM CÔNG BỐ THÔNG TIN, THÔNG BÁO RA CÔNG CHÚNG	35
Điều 55. Báo cáo tài chính năm, bán niên và quý	35
Điều 56. Báo cáo thường niên.....	35
Điều 57. Nghĩa vụ công bố thông tin.....	35
XVI. KIỂM TOÁN TỔNG CÔNG TY	36
Điều 58. Kiểm toán.....	36
XVII. DẤU CỦA DOANH NGHIỆP.....	36
Điều 59. Dấu của doanh nghiệp	36
XVIII. GIẢI THỂ TỔNG CÔNG TY.....	36
Điều 60. Giải thể Tổng công ty	36
Điều 61. Gia hạn hoạt động	37
Điều 62. Thanh lý	37
XIX. GIẢI QUYẾT TRANH CHẤP NỘI BỘ	37
Điều 63. Giải quyết tranh chấp nội bộ.....	37
XX. BỔ SUNG VÀ SỬA ĐỔI ĐIỀU LỆ	38
Điều 64. Bổ sung và sửa đổi Điều lệ	38
XXI. NGÀY HIỆU LỰC.....	38
Điều 65. Ngày hiệu lực.....	38

PHẦN MỞ ĐẦU

Điều lệ sửa đổi, bổ sung này đã được thông qua tại Nghị quyết sốNQ/ĐT-ĐHĐCĐ ngày 27 tháng 04 năm 2021 của Đại hội đồng cổ đông Tổng công ty cổ phần Điện tử và Tin học Việt Nam năm 2021.

I. ĐỊNH NGHĨA CÁC THUẬT NGỮ TRONG ĐIỀU LỆ

Điều 1. Giải thích thuật ngữ

1. Trong Điều lệ này, những thuật ngữ dưới đây được hiểu như sau:
 - a. "Tổng công ty" là Tổng công ty cổ phần Điện tử và Tin học Việt Nam;
 - b. "Vốn điều lệ" là tổng giá trị mệnh giá cổ phần đã bán hoặc được đăng ký mua khi thành lập Tổng công ty cổ phần và theo quy định tại Điều 6 Điều lệ này;
 - c. "Luật Doanh nghiệp" là Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14 được Quốc hội nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam thông qua ngày 17 tháng 6 năm 2020;
 - d. "Luật chứng khoán" là Luật Chứng khoán số 54/2019/QH14 được Quốc hội nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam thông qua ngày 26 tháng 11 năm 2019;
 - e. "Ngày thành lập" là ngày Tổng công ty được cấp Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp (Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh) lần đầu - ngày 28 tháng 02 năm 2007 (kể từ khi chuyển đổi DNNN (CPH) sang hoạt động theo hình thức công ty cổ phần);
 - f. Người điều hành doanh nghiệp là Tổng giám đốc, Phó tổng giám đốc, Kế toán trưởng và người điều hành khác theo quy định của Điều lệ Tổng công ty;
 - g. "Người quản lý doanh nghiệp" là người quản lý Tổng công ty, bao gồm Chủ tịch Hội đồng quản trị, thành viên Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc và cá nhân giữ chức danh quản lý khác có thẩm quyền nhân danh Tổng công ty ký kết giao dịch của Tổng công ty;
 - h. "Người có liên quan" là cá nhân hoặc tổ chức được quy định tại Khoản 23 Điều 4 Luật Doanh nghiệp, khoản 46 Điều 4 Luật chứng khoán;
 - i. "Cổ đông lớn" là cổ đông được quy định tại Khoản 18 Điều 4 Luật chứng khoán;
 - j. "Cổ đông": là cá nhân, tổ chức sở hữu ít nhất một cổ phần của công ty cổ phần;
 - k. Cổ tức là khoản lợi nhuận ròng được trả cho mỗi cổ phần bằng tiền mặt hoặc bằng tài sản khác.
 - l. "Thời hạn hoạt động" là thời gian hoạt động của Tổng công ty được quy định tại Điều 2 Điều lệ này và thời gian gia hạn (nếu có) được Đại hội đồng cổ đông của Tổng công ty thông qua bằng Nghị quyết;
 - m. "Việt Nam" là nước Cộng hòa Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam;
2. Trong Điều lệ này, các tham chiếu tới một hoặc một số quy định hoặc văn bản khác bao gồm cả những sửa đổi, bổ sung hoặc văn bản thay thế.
3. Các tiêu đề (chương, điều của Điều lệ này) được sử dụng nhằm thuận tiện cho việc hiểu nội dung và không ảnh hưởng tới nội dung của Điều lệ này.
4. Các từ hoặc thuật ngữ đã được định nghĩa trong Luật Doanh nghiệp và các Luật chuyên ngành khác (nếu không mâu thuẫn với chủ thể hoặc ngữ cảnh) sẽ có nghĩa tương tự trong Điều lệ này.

II. TÊN, HÌNH THỨC, TRỤ SỞ, CHI NHÁNH, VĂN PHÒNG ĐẠI DIỆN, ĐỊA ĐIỂM KINH DOANH, THỜI HẠN HOẠT ĐỘNG VÀ NGƯỜI ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT CỦA TỔNG CÔNG TY

Điều 2. Tên, hình thức, trụ sở, chi nhánh, văn phòng đại diện, địa điểm kinh doanh và thời hạn hoạt động của Tổng công ty

1. Tên Tổng công ty
 - a. Tên tiếng Việt: Tổng công ty cổ phần Điện tử và Tin học Việt Nam
 - b. Tên tiếng Anh: VIETNAM ELECTRONICS AND INFORMATICS JOINT STOCK CORPORATION
 - c. Tên giao dịch: Viettronics Corporation

d. Tên viết tắt: VIETTRONICS.,CORP

2. Tổng công ty là Tổng công ty cổ phần có tư cách pháp nhân phù hợp với Pháp luật hiện hành của Việt Nam.

3. Trụ sở đăng ký của Tổng công ty là:

a. Địa chỉ đăng ký kinh doanh của Tổng công ty.

Địa chỉ trụ sở chính: 15 Trần Hưng Đạo, phường Phan Chu Trinh, quận Hoàn Kiếm, thành phố Hà Nội

b. Điện thoại: (84-24) 38256404

c. Fax: (84-24) 38264786

d. E-mail: info@viettronics.vn

e. Website: www.viettronics.vn

Văn phòng đại diện Tổng công ty tại TP Hồ Chí Minh:

Địa chỉ: 197 Nguyễn Thị Minh Khai, Quận 1, thành phố Hồ Chí Minh

Điện thoại: (84-28) 39252327

Fax: (84-28) 39252328

Văn phòng giao dịch tại Hà Nội:

Địa chỉ: Tầng 11, Tòa nhà Văn phòng MIPEC, 229 Tây Sơn, Quận Đống Đa, Thành phố Hà Nội

4. Tổng công ty có thể thành lập chi nhánh và văn phòng đại diện tại địa bàn kinh doanh để thực hiện các mục tiêu hoạt động của Tổng công ty phù hợp với Nghị quyết, Quyết định của Hội đồng quản trị và trong phạm vi luật pháp cho phép.

5. Trừ khi chấm dứt hoạt động trước thời hạn theo Khoản 2 Điều 60 Điều lệ này hoặc gia hạn hoạt động theo Điều 61 Điều lệ này, thời hạn hoạt động của Tổng công ty bắt đầu từ ngày thành lập và là 50 năm.

Điều 3. Người đại diện theo pháp luật của Tổng công ty

Tổng công ty có 01 người đại diện theo pháp luật là Chủ tịch Hội đồng quản trị.

Quyền hạn và nghĩa vụ của người đại diện theo pháp luật tuân thủ quy định Pháp luật, Điều lệ và các Quy chế, Quy định có liên quan hiện hành của Tổng công ty.

III. MỤC TIÊU, PHẠM VI KINH DOANH VÀ HOẠT ĐỘNG CỦA TỔNG CÔNG TY

Điều 4. Mục tiêu hoạt động của Tổng công ty

1. Lĩnh vực kinh doanh của Tổng công ty là trực tiếp sản xuất - kinh doanh trong các lĩnh vực điện tử - tin học, công nghệ thông tin, đầu tư tài chính, đầu tư và kinh doanh bất động sản, đào tạo nguồn nhân lực, bao gồm các ngành nghề cụ thể sau đây:

a. Thiết kế, sản xuất, lắp ráp, chế tạo thiết bị, hệ thống thiết bị, linh kiện, chi tiết, cấu kiện điện tử - tin học, thiết bị viễn thông, điện tử y tế, điện tử - tự động hóa, điện máy gia dụng và chuyên dùng; Sản xuất thiết bị, sản phẩm, linh kiện chi tiết vật tư liên quan đến ngành điện tử-tin học, thiết bị viễn thông, điện tử y tế và điện máy; Sản xuất các thiết bị phụ trợ, các loại bao bì phục vụ cho các ngành nghề kinh doanh của Tổng công ty cổ phần;

b. Xuất khẩu, nhập khẩu thiết bị, sản phẩm, linh kiện chi tiết vật tư liên quan đến ngành điện tử - tin học, thiết bị viễn thông, điện tử y tế và điện máy;

c. Thực hiện các dịch vụ trong lĩnh vực điện tử và công nghệ thông tin (nghiên cứu đào tạo, chuyển giao công nghệ, tư vấn đầu tư, xây lắp, bảo trì, làm đại lý, nhà phân phối cho các công ty trong và ngoài nước);

d. Kinh doanh khách sạn;

e. Kinh doanh quảng cáo, thông tin;

f. Tổ chức giới thiệu và xúc tiến thương mại. Kinh doanh triển lãm;

g. Kinh doanh bất động sản và văn phòng cho thuê;

h. Xây dựng công trình dân dụng, công nghiệp, viễn thông, phát thanh - truyền hình, đường dây và trạm biến áp điện đến 500KV, nhà máy điện công suất lên tới 1000MW;

i. Tư vấn, giám sát thi công công trình lắp đặt đường dây và trạm biến áp đến 110 KV. Tư vấn, thiết kế công trình đường dây và trạm biến áp đến 110 KV; Tư vấn, thiết kế đường dây và trạm biến áp đến 500KV;

j. Hoạt động nghiên cứu khoa học, công nghệ, thiết kế các linh kiện điện tử, thiết bị điện tử dân dụng, chuyên dụng;

k. Kinh doanh các thiết bị: thiết bị điện, điện lạnh, cơ khí, kim loại, khoáng sản, các sản phẩm chế tạo từ cao su, thiết bị và hệ thống xử lý môi trường, thiết bị nâng hạ, thang máy, thiết bị cảnh báo bảo vệ, thiết bị phòng chống cháy nổ, thiết bị phòng thí nghiệm phục vụ sản xuất, nghiên cứu và đào tạo; kinh doanh thiết bị, sản phẩm, linh kiện chi tiết vật tư liên quan đến ngành điện tử-tin học, thiết bị viễn thông, điện tử y tế và điện máy;

l. Lắp đặt các thiết bị: thiết bị điện, điện lạnh, cơ khí, kim loại, khoáng sản, các sản phẩm chế tạo từ cao su, thiết bị và hệ thống xử lý môi trường, thiết bị nâng hạ, thang máy, thiết bị cảnh báo bảo vệ, thiết bị phòng chống cháy nổ, thiết bị phòng thí nghiệm phục vụ sản xuất, nghiên cứu và đào tạo;

m. Xuất nhập khẩu vật tư linh kiện, nguyên liệu, dụng cụ, trang thiết bị y tế; Bán buôn máy móc, thiết bị y tế; Bán lẻ thuốc, dụng cụ y tế, mỹ phẩm và vật phẩm vệ sinh trong các cửa hàng chuyên doanh;

n. Sửa chữa, bảo trì, bảo dưỡng trang thiết bị y tế, máy móc, thiết bị, dụng cụ trong lĩnh vực y tế;

o. Sản xuất thiết bị, dụng cụ y tế, nha khoa, chỉnh hình và phục hồi chức năng;

p. Lắp đặt thiết bị y tế;

q. Thiết kế kiến trúc công trình; Thiết kế nội - ngoại thất công trình; thiết kế cảnh quan; Thiết kế kết cấu công trình; Thiết kế điện - cơ điện công trình; Thiết kế cấp - thoát nước; Thiết kế thông gió - cấp thoát nhiệt; Thiết kế mạng thông tin - liên lạc trong công trình xây dựng; Thiết kế quy hoạch xây dựng; Khảo sát địa hình; Khảo sát địa chất, địa chất thủy văn công trình; Giám sát công tác xây dựng và hoàn thiện; Giám sát công tác lắp đặt thiết bị công trình; Giám sát công tác lắp đặt thiết bị công nghệ; Thẩm định thiết kế xây dựng công trình; Lập, thẩm tra dự án đầu tư xây dựng; Tư vấn quản lý dự án; Kiểm định xây dựng; Thí nghiệm chuyên ngành xây dựng; Thiết kế phòng cháy - chữa cháy; Tư vấn quản lý chi phí tư vấn đầu tư xây dựng; Dịch vụ tư vấn đấu thầu;

r. Phá dỡ, Chuẩn bị mặt bằng;

s. Hoạt động xây dựng chuyên dụng khác; Hoạt động thiết kế chuyên dụng;

t. Lắp đặt hệ thống điện; Thi công, lắp đặt hệ thống phòng cháy chữa cháy;

u. Kinh doanh phương tiện phòng cháy và chữa cháy; Bán buôn phế liệu, phế thải kim loại, phi kim loại; Bán buôn hóa chất.

2. Mục tiêu hoạt động của Tổng công ty là không ngừng phát triển sản xuất kinh doanh, sử dụng hợp lý các nguồn lực để tối đa hoá lợi nhuận có thể có được của Tổng công ty cho các cổ đông và không ngừng cải thiện đời sống, điều kiện làm việc, thu nhập cho người lao động, đồng thời làm tròn nghĩa vụ nộp ngân sách cho Nhà nước.

Điều 5. Phạm vi kinh doanh và hoạt động

Tổng công ty được phép tiến hành hoạt động kinh doanh theo các ngành nghề quy định tại Điều lệ này đã đăng ký, thông báo thay đổi nội dung đăng ký với cơ quan đăng ký kinh doanh và đã công bố trên Cổng thông tin đăng ký doanh nghiệp quốc gia. Trường hợp Tổng công ty kinh doanh ngành nghề đầu tư kinh doanh có điều kiện, Tổng công ty phải đáp ứng đủ điều kiện kinh doanh theo quy định của Luật đầu tư, pháp luật chuyên ngành liên quan.

IV. VỐN ĐIỀU LỆ, CỔ PHẦN, CỔ ĐÔNG SÁNG LẬP

Điều 6. Vốn điều lệ, cổ phần, cổ đông sáng lập

1. Vốn điều lệ của Tổng công ty là 438.000.000.000 đồng (Bằng chữ: Bốn trăm ba mươi tám tỷ đồng).

Tổng số vốn điều lệ của Tổng công ty được chia thành 43.800.000 cổ phần với mệnh giá là 10.000 đồng/cổ phần.

2. Tổng công ty có thể thay đổi vốn điều lệ khi được Đại hội đồng cổ đông thông qua theo yêu cầu hoạt động của Tổng công ty trên cơ sở đảm bảo quyền lợi của các cổ đông và phù hợp với các quy định của Pháp luật.

3. Các cổ phần của Tổng công ty vào ngày thông qua Điều lệ này là cổ phần phổ thông.

4. Tổng công ty có thể phát hành các loại cổ phần ưu đãi khác sau khi có sự chấp thuận của Đại hội đồng cổ đông và phù hợp với các quy định của Pháp luật.

5. Tên, địa chỉ, số lượng cổ phần và các chi tiết khác về cổ đông sáng lập theo quy định

của Luật Doanh nghiệp được nêu tại phụ lục. Cổ đông sáng lập Tổng công ty cổ phần Điện tử và Tin học Việt Nam đính kèm. Phụ lục này là một phần của Điều lệ này.

6. Cổ phần phổ thông phát hành thêm phải được ưu tiên chào bán cho các cổ đông hiện hữu theo tỷ lệ tương ứng với tỷ lệ sở hữu cổ phần phổ thông của họ trong Tổng công ty, trừ trường hợp Đại hội đồng cổ đông quyết định khác. Số cổ phần cổ đông không đăng ký mua hết sẽ do Hội đồng quản trị của Tổng công ty quyết định. Hội đồng quản trị có thể phân phối số cổ phần đó cho cổ đông và người khác với điều kiện không thuận lợi hơn so với những điều kiện đã chào bán cho các cổ đông hiện hữu trừ trường hợp Đại hội đồng cổ đông có chấp thuận khác.

7. Tổng công ty có thể mua cổ phần do chính Tổng công ty đã phát hành theo những cách thức được quy định trong Điều lệ này và Pháp luật hiện hành. Cổ phần do Tổng công ty mua lại là cổ phiếu quỹ và Hội đồng quản trị có thể chào bán theo những cách thức phù hợp với quy định của Điều lệ này, Luật Chứng khoán và văn bản hướng dẫn liên quan.

8. Tổng công ty có thể phát hành các loại chứng khoán khác theo quy định của pháp luật.

9. Tổng công ty có thể giảm vốn điều lệ trong trường hợp sau đây:

Theo quyết định của Đại hội đồng cổ đông, Tổng công ty hoàn trả một phần vốn góp cho cổ đông theo tỷ lệ sở hữu cổ phần của họ trong Tổng công ty nếu Tổng công ty đã hoạt động kinh doanh liên tục trong hơn 02 năm, kể từ ngày đăng ký doanh nghiệp; đồng thời vẫn bảo đảm thanh toán đủ các khoản nợ và các nghĩa vụ tài sản khác sau khi đã hoàn trả cho cổ đông.

Điều 7. Bán cổ phần

Hội đồng quản trị quyết định thời điểm, phương thức và giá bán cổ phần. Giá bán cổ phần không được thấp hơn giá thị trường tại thời điểm chào bán hoặc giá trị được ghi trong sổ sách của cổ phần tại thời điểm gần nhất, trừ những trường hợp sau đây:

1. Cổ phần chào bán lần đầu tiên cho những người không phải là cổ đông sáng lập;
2. Cổ phần chào bán cho tất cả cổ đông theo tỷ lệ cổ phần hiện có của họ ở Tổng công ty;
3. Cổ phần chào bán cho người môi giới hoặc người bảo lãnh. Trường hợp này, số chiết khấu hoặc tỷ lệ chiết khấu cụ thể phải được sự chấp thuận của Đại hội đồng cổ đông.
4. Trường hợp khác và mức chiết khấu trong các trường hợp đó do nghị quyết Đại hội đồng cổ đông quy định.

Điều 8. Chứng nhận cổ phiếu

1. Cổ đông của Tổng công ty được cấp chứng nhận cổ phiếu tương ứng với số cổ phần và loại cổ phần sở hữu.

2. Cổ phiếu là loại chứng khoán xác nhận quyền và lợi ích hợp pháp của người sở hữu đối với một phần vốn cổ phần của Tổng công ty. Cổ phiếu phải có đầy đủ các nội dung theo quy định tại Khoản 1 Điều 121 Luật doanh nghiệp.

3. Trong thời hạn phù hợp quy định tại Luật Chứng khoán và các quy định có liên quan kể từ ngày thanh toán đầy đủ tiền mua cổ phần của Tổng công ty, người sở hữu số cổ phần được cấp chứng nhận cổ phiếu. Người sở hữu cổ phần không phải trả cho Tổng công ty chi phí in chứng nhận cổ phiếu.

4. Trường hợp chứng nhận cổ phiếu bị mất, bị hủy hoại hoặc bị hư hỏng, người sở hữu cổ phiếu đó có thể đề nghị được cấp chứng nhận cổ phiếu mới với điều kiện phải đưa ra bằng chứng về việc sở hữu cổ phần và thanh toán mọi chi phí liên quan cho Tổng công ty để được Tổng công ty cấp lại cổ phiếu theo đề nghị của cổ đông đó. Đề nghị của cổ đông phải bao gồm các nội dung sau đây:

- a. Thông tin về cổ phiếu đã bị mất, bị hư hỏng hoặc bị hủy hoại dưới hình thức khác;
- b. Cam kết chịu trách nhiệm về những tranh chấp phát sinh từ việc cấp lại cổ phiếu mới.

Điều 9. Chứng chỉ chứng khoán khác

Chứng chỉ trái phiếu hoặc các chứng chỉ chứng khoán khác của Tổng công ty (trừ các thư chào bán, các chứng chỉ tạm thời và các tài liệu tương tự) được phát hành có chữ ký của người đại diện theo Pháp luật và dấu của Tổng công ty.

Điều 10. Chuyển nhượng cổ phần

1. Tất cả các cổ phần được tự do chuyển nhượng trừ khi Pháp luật có quy định khác. Cổ

phiếu niêm yết, đăng ký giao dịch trên Sở giao dịch chứng khoán được chuyển nhượng theo các quy định của pháp luật về chứng khoán và thị trường chứng khoán.

2. Cổ phần chưa được thanh toán đầy đủ không được chuyển nhượng và hưởng các quyền lợi liên quan như quyền nhận cổ tức, quyền nhận cổ phiếu phát hành để tăng vốn cổ phần từ nguồn vốn chủ sở hữu, quyền mua cổ phiếu mới chào bán và các quyền lợi khác theo quy định của pháp luật.

V. CƠ CẤU TỔ CHỨC, QUẢN TRỊ VÀ KIỂM SOÁT

Điều 11. Cơ cấu tổ chức, quản trị và kiểm soát

Cơ cấu tổ chức quản lý, quản trị và kiểm soát của Tổng công ty bao gồm:

1. Đại hội đồng cổ đông;
2. Hội đồng quản trị;
3. Ban kiểm soát;
4. Tổng giám đốc.

VI. CỔ ĐÔNG VÀ ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG

Điều 12. Quyền của cổ đông

1. Cổ đông phổ thông có các quyền sau:

a. Tham dự và phát biểu trong các cuộc họp Đại hội đồng cổ đông và thực hiện quyền biểu quyết trực tiếp tại Đại hội đồng cổ đông hoặc thông qua đại diện được uỷ quyền hoặc hình thức khác theo pháp luật quy định. Mỗi cổ phần phổ thông có một phiếu biểu quyết;

b. Nhận cổ tức với mức theo Nghị quyết, Quyết định của Đại hội đồng cổ đông;

c. Tự do chuyển nhượng cổ phần của mình cho người khác, trừ trường hợp quy định tại khoản 3 Điều 120, khoản 1 Điều 127 Luật Doanh nghiệp và quy định khác của pháp luật có liên quan;

d. Được ưu tiên mua cổ phiếu mới chào bán tương ứng với tỷ lệ sở hữu cổ phần phổ thông của từng cổ đông trong Tổng công ty;

e. Xem xét, tra cứu và trích lục các thông tin về tên và địa chỉ liên lạc trong danh sách cổ đông có quyền biểu quyết; yêu cầu sửa đổi các thông tin không chính xác của mình;

f. Xem xét, tra cứu, trích lục hoặc sao chụp Điều lệ Tổng công ty, biên bản họp Đại hội đồng cổ đông và các Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông;

g. Trường hợp Tổng công ty giải thể hoặc phá sản, được nhận một phần tài sản còn lại tương ứng với tỷ lệ sở hữu cổ phần tại Tổng công ty sau khi Tổng công ty đã thanh toán cho chủ nợ và các cổ đông nắm giữ loại cổ phần khác của Tổng công ty theo quy định của Pháp luật;

h. Yêu cầu Tổng công ty mua lại cổ phần của họ trong các trường hợp quy định của Luật Doanh nghiệp;

i. Quyền được đối xử bình đẳng. Mỗi cổ phần của cùng một loại đều tạo cho cổ đông sở hữu các quyền, nghĩa vụ và lợi ích ngang nhau. Trường hợp Tổng công ty có các loại cổ phần ưu đãi, các quyền và nghĩa vụ gắn liền với các loại cổ phần ưu đãi phải được Đại hội đồng cổ đông thông qua và công bố đầy đủ cho cổ đông;

j. Quyền được tiếp cận đầy đủ thông tin định kỳ và thông tin bất thường do Tổng công ty công bố theo quy định của Pháp luật.

k. Được bảo vệ các quyền, lợi ích hợp pháp của mình; đề nghị đình chỉ, hủy bỏ nghị quyết, quyết định của Đại hội đồng cổ đông, Hội đồng quản trị theo quy định của Luật Doanh nghiệp;

l. Các quyền khác theo quy định của Điều lệ này và Pháp luật.

2. Cổ đông hoặc nhóm cổ đông sở hữu từ 05% tổng số cổ phần phổ thông trở lên có các quyền sau:

a. Yêu cầu Hội đồng quản trị thực hiện việc triệu tập Đại hội đồng cổ đông theo các quy

định tại Điều 115 và Điều 140 của Luật Doanh nghiệp;

b. Xem xét, tra cứu, trích lục sổ biên bản và nghị quyết, quyết định của Hội đồng quản trị, báo cáo tài chính bán niên và hằng năm, báo cáo của Ban kiểm soát, hợp đồng, giao dịch phải thông qua Hội đồng quản trị và tài liệu khác, trừ tài liệu liên quan đến bí mật thương mại, bí mật kinh doanh của Tổng công ty;

c. Yêu cầu Ban kiểm soát kiểm tra từng vấn đề cụ thể liên quan đến quản lý, điều hành hoạt động của Tổng công ty khi xét thấy cần thiết. Yêu cầu phải bằng văn bản và phải bao gồm các nội dung sau đây: họ, tên, địa chỉ liên lạc, quốc tịch, số giấy tờ pháp lý của cá nhân đối với cổ đông là cá nhân; tên, mã số doanh nghiệp hoặc số giấy tờ pháp lý của tổ chức, địa chỉ trụ sở chính đối với cổ đông là tổ chức; số lượng cổ phần và thời điểm đăng ký cổ phần của từng cổ đông, tổng số cổ phần của cả nhóm cổ đông và tỷ lệ sở hữu trong tổng số cổ phần của Tổng công ty; vấn đề cần kiểm tra, mục đích kiểm tra;

d. Kiến nghị vấn đề đưa vào chương trình họp Đại hội đồng cổ đông. Kiến nghị phải bằng văn bản và được gửi đến Tổng công ty chậm nhất là 03 ngày làm việc trước ngày khai mạc. Kiến nghị phải ghi rõ tên cổ đông, số lượng từng loại cổ phần của cổ đông, vấn đề kiến nghị đưa vào chương trình họp;

e. Các quyền khác theo quy định của Pháp luật và Điều lệ này.

3. Cổ đông hoặc nhóm cổ đông sở hữu từ 10% tổng số cổ phần phổ thông trở lên có quyền đề cử người vào Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát như sau:

a. Các cổ đông phổ thông hợp thành nhóm để đề cử người vào Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát theo quy định tương ứng tại các Khoản 3 Điều 27 và Khoản 1 Điều 37 Điều lệ này phải thông báo về việc hợp nhóm cho các cổ đông dự họp biết trước khi khai mạc Đại hội đồng cổ đông;

b. Trường hợp số ứng cử viên được cổ đông hoặc nhóm cổ đông đề cử thấp hơn số ứng cử viên mà họ được quyền đề cử theo quyết định của Đại hội đồng cổ đông thì số ứng cử viên còn lại do Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát và các cổ đông khác đề cử.

Điều 13. Nghĩa vụ của cổ đông

1. Cổ đông có các nghĩa vụ sau:

a. Tuân thủ Điều lệ Tổng công ty và các quy chế quản lý nội bộ của Tổng công ty; chấp hành Nghị quyết, quyết định của Đại hội đồng cổ đông, Hội đồng quản trị.

b. Tham dự cuộc họp Đại hội đồng cổ đông và thực hiện quyền biểu quyết thông qua các hình thức sau:

- Tham dự và biểu quyết trực tiếp tại cuộc họp;
- Ủy quyền cho cá nhân, tổ chức khác tham dự và biểu quyết tại cuộc họp;
- Tham dự và biểu quyết thông qua họp trực tuyến, bỏ phiếu điện tử hoặc hình thức điện tử khác;

- Gửi phiếu biểu quyết đến cuộc họp thông qua thư, fax, thư điện tử.

c. Thanh toán đủ và đúng thời hạn số cổ phần cam kết mua.

d. Cổ đông không được rút vốn đã góp bằng cổ phần phổ thông ra khỏi Tổng công ty dưới mọi hình thức, trừ trường hợp được Tổng công ty hoặc người khác mua lại cổ phần. Trường hợp có cổ đông rút một phần hoặc toàn bộ vốn cổ phần đã góp trái với quy định tại khoản này thì cổ đông đó và người có lợi ích liên quan trong Tổng công ty phải cùng liên đới chịu trách nhiệm về các khoản nợ và nghĩa vụ tài sản khác của Tổng công ty trong phạm vi giá trị cổ phần đã bị rút và các thiệt hại xảy ra.

e. Hoàn thành các nghĩa vụ khác theo quy định của Pháp luật hiện hành.

f. Bảo mật các thông tin được Tổng công ty cung cấp theo quy định tại Điều lệ Tổng công ty và pháp luật; chỉ sử dụng thông tin được cung cấp để thực hiện và bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của mình; nghiêm cấm phát tán hoặc sao, gửi thông tin được Tổng công ty cung cấp cho tổ chức, cá nhân khác.

g. Chịu trách nhiệm cá nhân khi nhân danh Tổng công ty dưới mọi hình thức để thực hiện một trong các hành vi sau đây:

- Vi phạm Pháp luật;

- Tiến hành kinh doanh và các giao dịch khác để tư lợi hoặc phục vụ lợi ích của tổ chức, cá nhân khác;
- Thanh toán các khoản nợ chưa đến hạn trước rủi ro tài chính có thể xảy ra đối với Tổng công ty.

2. Nghĩa vụ của cổ đông lớn

Cổ đông lớn có nghĩa vụ của cổ đông theo quy định của Luật doanh nghiệp, ngoài ra phải đảm bảo tuân thủ các nghĩa vụ sau:

- Cổ đông lớn không được lợi dụng ưu thế của mình gây ảnh hưởng đến các quyền, lợi ích của Tổng công ty và của các cổ đông khác theo quy định của pháp luật và Điều lệ Tổng công ty;
- Cổ đông lớn có nghĩa vụ công bố thông tin theo quy định của Pháp luật.

Điều 14. Đại hội đồng cổ đông

1. Đại hội đồng cổ đông gồm tất cả cổ đông có quyền biểu quyết, là cơ quan quyết định cao nhất của Tổng công ty. Đại hội đồng họp thường niên mỗi năm một (01) lần và trong thời hạn bốn (04) tháng kể từ ngày kết thúc năm tài chính. Hội đồng quản trị có thể quyết định gia hạn họp Đại hội đồng cổ đông thường niên trong trường hợp cần thiết, nhưng không quá 06 tháng kể từ ngày kết thúc năm tài chính. Ngoài cuộc họp thường niên, Đại hội đồng cổ đông có thể họp bất thường. Địa điểm họp Đại hội đồng cổ đông được xác định là nơi chủ tọa tham dự họp và phải ở trên lãnh thổ Việt Nam.

2. Hội đồng quản trị triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông thường niên và lựa chọn địa điểm phù hợp. Đại hội đồng cổ đông thường niên quyết định những vấn đề theo quy định của pháp luật và Điều lệ Tổng công ty, đặc biệt thông qua báo cáo tài chính năm đã được kiểm toán và dự toán cho năm tài chính tiếp theo. Trường hợp Báo cáo kiểm toán báo cáo tài chính năm của Tổng công ty có các khoản ngoại trừ trọng yếu, ý kiến kiểm toán trái ngược hoặc từ chối, Tổng công ty phải mời đại diện tổ chức kiểm toán được chấp thuận thực hiện kiểm toán báo cáo tài chính của Tổng công ty dự họp Đại hội đồng cổ đông thường niên và đại diện tổ chức kiểm toán được chấp thuận nêu trên có trách nhiệm tham dự họp Đại hội đồng cổ đông thường niên của Tổng công ty để giải thích các nội dung liên quan.

3. Hội đồng quản trị phải triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông bất thường trong các trường hợp sau:

- Hội đồng quản trị xét thấy cần thiết vì lợi ích của Tổng công ty;
- Báo cáo tài chính quý, sáu (06) tháng hoặc báo cáo tài chính năm đã được kiểm toán phản ánh vốn chủ sở hữu đã bị mất một nửa (1/2) so với số đầu kỳ;
- Số lượng thành viên Hội đồng quản trị, Kiểm soát viên còn lại ít hơn số thành viên theo quy định của pháp luật hoặc số thành viên Hội đồng quản trị bị giảm quá một phần ba (1/3) so với số thành viên quy định tại Điều lệ này;
- Cổ đông hoặc nhóm cổ đông quy định tại khoản 2 Điều 12 Điều lệ này yêu cầu triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông. Yêu cầu triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông phải được thể hiện bằng văn bản, trong đó nêu rõ lý do và mục đích cuộc họp, có đủ chữ ký của các cổ đông liên quan hoặc văn bản yêu cầu được lập thành nhiều bản và tập hợp đủ chữ ký của các cổ đông có liên quan;

e. Ban kiểm soát yêu cầu triệu tập cuộc họp nếu Ban kiểm soát có lý do tin tưởng rằng các thành viên Hội đồng quản trị hoặc người điều hành khác vi phạm nghiêm trọng các nghĩa vụ của họ theo Luật doanh nghiệp hoặc Hội đồng quản trị hành động hoặc có ý định hành động ngoài phạm vi quyền hạn của mình;

f. Các trường hợp khác theo quy định của pháp luật và Điều lệ này.

4. Triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông bất thường

a. Hội đồng quản trị phải triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông trong thời hạn ba mươi (30) ngày kể từ ngày số thành viên Hội đồng quản trị, hoặc Kiểm soát viên còn lại như quy định tại Điểm c Khoản 3 Điều này hoặc nhận được yêu cầu quy định tại điểm d và điểm e khoản 3 Điều này;

b. Trường hợp Hội đồng quản trị không triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông theo quy định tại Điểm a Khoản 4 Điều này thì trong thời hạn ba mươi (30) ngày tiếp theo, Ban kiểm soát phải

thay thế Hội đồng quản trị triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông theo quy định Khoản 3 Điều 140 Luật Doanh nghiệp;

c. Trường hợp Ban kiểm soát không triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông theo quy định tại Điểm b Khoản 4 Điều này thì trong thời hạn ba mươi (30) ngày tiếp theo, cổ đông, nhóm cổ đông có yêu cầu quy định tại Điểm d Khoản 3 Điều này có quyền thay thế Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông theo quy định Khoản 4 Điều 140 Luật Doanh nghiệp;

Trong trường hợp này, cổ đông hoặc nhóm cổ đông triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông có quyền đề nghị cơ quan đăng ký kinh doanh giám sát trình tự, thủ tục triệu tập, tiến hành họp và ra quyết định của Đại hội đồng cổ đông. Tất cả chi phí cho việc triệu tập và tiến hành họp Đại hội đồng cổ đông được Tổng công ty hoàn lại. Chi phí này không bao gồm những chi phí do cổ đông chi tiêu khi tham dự Đại hội đồng cổ đông, kể cả chi phí ăn ở và đi lại.

d. Thủ tục để tổ chức họp Đại hội đồng cổ đông theo quy định tại khoản 5 Điều 140 Luật Doanh nghiệp.

Điều 15. Quyền và nghĩa vụ của Đại hội đồng cổ đông

1. Đại hội đồng cổ đông thường niên có quyền thảo luận và thông qua:

- a. Kế hoạch kinh doanh hằng năm của Tổng công ty;
- b. Báo cáo tài chính hằng năm đã được kiểm toán;
- c. Báo cáo của Hội đồng quản trị về quản trị và kết quả hoạt động của Hội đồng quản trị và từng thành viên Hội đồng quản trị;
- d. Báo cáo của Ban kiểm soát về kết quả kinh doanh của Tổng công ty, về kết quả hoạt động của Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc;
- e. Báo cáo tự đánh giá kết quả hoạt động của Ban kiểm soát và của từng Kiểm soát viên;
- f. Mức cổ tức đối với mỗi cổ phần của từng loại;
- g. Các vấn đề khác thuộc thẩm quyền.

2. Đại hội đồng cổ đông thường niên và bất thường thông qua quyết định về các vấn đề sau:

- a. Thông qua định hướng phát triển của Tổng công ty;
- b. Thông qua các báo cáo tài chính năm;
- c. Mức cổ tức đối với mỗi cổ phần của từng loại;
- d. Số lượng thành viên của Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát;
- e. Bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm và thay thế thành viên Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát;
- f. Quyết định ngân sách hoặc tổng mức thù lao, thưởng và các lợi ích khác đối với Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát;
- g. Bổ sung và sửa đổi Điều lệ Tổng công ty;
- h. Loại cổ phần và số lượng cổ phần mới được phát hành đối với mỗi loại cổ phần;
- i. Chia, tách, hợp nhất, sáp nhập hoặc chuyển đổi Tổng công ty;
- j. Tổ chức lại và giải thể (thanh lý) Tổng công ty và chỉ định người thanh lý;
- k. Kiểm tra và xử lý các vi phạm của Hội đồng quản trị hoặc Ban kiểm soát gây thiệt hại cho Tổng công ty và các cổ đông của Tổng công ty;
- l. Quyết định đầu tư hoặc bán số tài sản có giá trị bằng hoặc lớn hơn 35% tổng giá trị tài sản được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất của Tổng công ty;
- m. Tổng công ty mua lại trên 10% tổng số cổ phần đã bán của mỗi loại;
- n. Tổng công ty ký kết hợp đồng với những người được quy định tại Khoản 1 Điều 167 Luật Doanh nghiệp với giá trị bằng hoặc lớn hơn 35% tổng giá trị tài sản được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất của Tổng công ty;
- o. Phê duyệt Quy chế nội bộ về quản trị công ty, Quy chế hoạt động Hội đồng quản trị, Quy chế hoạt động Ban kiểm soát;
- p. Phê duyệt danh sách công ty kiểm toán được chấp thuận; quyết định công ty kiểm toán được chấp thuận thực hiện kiểm tra hoạt động của Tổng công ty, bãi miễn kiểm toán viên được chấp thuận khi xét thấy cần thiết;

q. Chấp thuận các giao dịch quy định tại khoản 4 Điều 293 Nghị định số 155/2020/NĐ-CP ngày 31 tháng 12 năm 2020 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Chứng khoán;

r. Các quyền và nghĩa vụ khác theo quy định theo quy định của pháp luật.

3. Tất cả các Nghị quyết và các vấn đề đã được đưa vào chương trình họp phải được đưa ra thảo luận và biểu quyết tại Đại hội đồng cổ đông.

Điều 16. Ủy quyền tham dự họp Đại hội đồng cổ đông

1. Cổ đông, người đại diện theo ủy quyền của cổ đông là tổ chức có thể trực tiếp tham dự họp hoặc ủy quyền cho một hoặc một số cá nhân, tổ chức khác dự họp hoặc dự họp thông qua một trong các hình thức quy định tại Khoản 3 Điều 144 Luật Doanh nghiệp.

2. Việc ủy quyền cho cá nhân, tổ chức đại diện dự họp Đại hội đồng cổ đông theo quy định tại Khoản 1 Điều này phải lập thành văn bản. Văn bản ủy quyền được lập theo quy định của pháp luật về dân sự và phải nêu rõ tên cổ đông ủy quyền, tên cá nhân, tổ chức được ủy quyền, số lượng cổ phần được ủy quyền, nội dung ủy quyền, phạm vi ủy quyền, thời hạn ủy quyền, chữ ký của bên ủy quyền và bên được ủy quyền.

Người được ủy quyền dự họp Đại hội đồng cổ đông phải nộp văn bản ủy quyền khi đăng ký dự họp. Trường hợp ủy quyền lại thì người tham dự họp phải xuất trình thêm văn bản ủy quyền ban đầu của cổ đông, người đại diện theo ủy quyền của cổ đông là tổ chức (nếu trước đó chưa đăng ký với Tổng công ty).

3. Phiếu biểu quyết của người được ủy quyền dự họp trong phạm vi được ủy quyền vẫn có hiệu lực khi xảy ra một trong các trường hợp sau đây trừ trường hợp:

a. Người ủy quyền đã chết, bị hạn chế năng lực hành vi dân sự hoặc bị mất năng lực hành vi dân sự;

b. Người ủy quyền đã hủy bỏ việc chỉ định ủy quyền;

c. Người ủy quyền đã hủy bỏ thẩm quyền của người thực hiện việc ủy quyền.

Điều Khoản này không áp dụng trong trường hợp Tổng công ty nhận được thông báo về một trong các sự kiện trên trước giờ khai mạc cuộc họp Đại hội đồng cổ đông hoặc trước khi cuộc họp được triệu tập lại.

Điều 17. Thay đổi các quyền

1. Việc thay đổi hoặc hủy bỏ các quyền đặc biệt gắn liền với một loại cổ phần ưu đãi có hiệu lực khi được cổ đông đại diện từ 65% tổng số phiếu biểu quyết trở lên của tất cả cổ đông dự họp thông qua. Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông về nội dung làm thay đổi bất lợi quyền và nghĩa vụ của cổ đông sở hữu cổ phần ưu đãi chỉ được thông qua nếu được số cổ đông ưu đãi cùng loại dự họp sở hữu từ 75% tổng số cổ phần ưu đãi loại đó trở lên tán thành hoặc được các cổ đông ưu đãi cùng loại sở hữu từ 75% tổng số cổ phần ưu đãi loại đó trở lên tán thành trong trường hợp thông qua nghị quyết dưới hình thức lấy ý kiến bằng văn bản.

2. Việc tổ chức cuộc họp của các cổ đông nắm giữ một loại cổ phần ưu đãi để thông qua việc thay đổi quyền nêu trên chỉ có giá trị khi có tối thiểu 02 cổ đông (hoặc đại diện theo ủy quyền của họ) và nắm giữ tối thiểu 1/3 giá trị mệnh giá của các cổ phần loại đó đã phát hành. Trường hợp không có đủ số đại biểu như nêu trên thì cuộc họp được tổ chức lại trong thời hạn 30 ngày tiếp theo và những người nắm giữ cổ phần thuộc loại đó (không phụ thuộc vào số lượng người và số cổ phần) có mặt trực tiếp hoặc thông qua đại diện theo ủy quyền đều được coi là đủ số lượng đại biểu yêu cầu. Tại các cuộc họp của cổ đông nắm giữ cổ phần ưu đãi nêu trên, những người nắm giữ cổ phần thuộc loại đó có mặt trực tiếp hoặc qua người đại diện có thể yêu cầu bỏ phiếu kín. Mỗi cổ phần cùng loại có quyền biểu quyết ngang bằng nhau tại các cuộc họp nêu trên.

3. Thủ tục tiến hành các cuộc họp riêng biệt như vậy được thực hiện tương tự với các quy định tại Điều 20, 21, 22 Điều lệ này.

4. Trừ khi các điều khoản phát hành cổ phần quy định khác, các quyền đặc biệt gắn liền với các loại cổ phần có quyền ưu đãi đối với một số hoặc tất cả các vấn đề liên quan đến việc phân phối lợi nhuận hoặc tài sản của Tổng công ty không bị thay đổi khi Tổng công ty phát hành thêm các cổ phần cùng loại.

Điều 18. Triệu tập Đại hội đồng cổ đông, chương trình họp và thông báo họp Đại hội đồng cổ đông

1. Hội đồng quản trị triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông thường niên và bất thường. Đại hội đồng cổ đông bất thường được triệu tập theo các trường hợp quy định tại Khoản 4 Điều 14 Điều lệ này.

2. Người triệu tập Đại hội đồng cổ đông phải thực hiện những nhiệm vụ sau đây:

a. Tổng công ty phải công bố thông tin về việc lập danh sách cổ đông có quyền tham dự họp Đại hội đồng cổ đông tối thiểu 20 ngày trước ngày đăng ký cuối cùng; chương trình họp, và các tài liệu theo quy định phù hợp với luật pháp và các quy định của Tổng công ty. Chuẩn bị danh sách cổ đông đủ điều kiện tham gia và biểu quyết tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông;

b. Xác định thời gian và địa điểm tổ chức đại hội;

c. Thông báo và gửi thông báo họp Đại hội đồng cổ đông cho tất cả các cổ đông có quyền dự họp.

d. Các công việc khác phục vụ đại hội.

3. Người triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông phải gửi thông báo mời họp đến tất cả các cổ đông trong Danh sách cổ đông có quyền dự họp chậm nhất 21 ngày trước ngày khai mạc cuộc họp. Thông báo mời họp phải có tên, địa chỉ trụ sở chính, mã số doanh nghiệp; tên, địa chỉ thường trú của cổ đông, thời gian, địa điểm họp và những yêu cầu khác đối với người dự họp. Thông báo được gửi bằng phương thức bảo đảm đến được địa chỉ liên lạc của cổ đông; đồng thời đăng trên trang thông tin điện tử của Tổng công ty và Ủy ban Chứng khoán Nhà nước, Sở giao dịch chứng khoán nơi cổ phiếu của Tổng công ty đăng ký giao dịch.

4. Thông báo mời họp phải được gửi kèm hoặc phải nêu rõ đường dẫn đến tài liệu họp để cổ đông tiếp cận, bao gồm:

a. Chương trình họp, các tài liệu sử dụng trong cuộc họp và dự thảo nghị quyết đối với từng vấn đề trong chương trình họp;

b. Danh sách và thông tin chi tiết của các ứng viên trong trường hợp bầu thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát;

c. Phiếu biểu quyết;

5. Cổ đông hoặc nhóm cổ đông theo quy định tại khoản 2 Điều 12 Điều lệ này có quyền kiến nghị vấn đề đưa vào chương trình họp Đại hội đồng cổ đông. Kiến nghị phải bằng văn bản và phải được gửi đến Tổng công ty ít nhất ba (03) ngày làm việc trước ngày khai mạc cuộc họp Đại hội đồng cổ đông. Kiến nghị phải ghi rõ tên cổ đông, số lượng từng loại cổ phần của cổ đông, vấn đề kiến nghị đưa vào chương trình họp.

6. Người triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông có quyền từ chối kiến nghị quy định tại khoản 5 Điều này nếu thuộc một trong các trường hợp sau:

a. Kiến nghị được gửi đến không đúng thời hạn hoặc không đủ, không đúng nội dung;

b. Vào thời điểm kiến nghị, cổ đông hoặc nhóm cổ đông không nắm giữ đủ từ 05% cổ phần phổ thông trở lên theo quy định tại Khoản 2 Điều 12 Điều lệ này;

c. Vấn đề kiến nghị không thuộc phạm vi thẩm quyền quyết định của Đại hội đồng cổ đông;

d. Các trường hợp khác theo quy định của pháp luật và Điều lệ này.

7. Người triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông phải chấp nhận và đưa kiến nghị quy định tại Khoản 5 Điều này vào dự kiến chương trình và nội dung cuộc họp, trừ trường hợp quy định tại Khoản 6 Điều này; Kiến nghị được chính thức bổ sung vào chương trình và nội dung cuộc họp nếu được Đại hội đồng cổ đông chấp thuận.

9. Hội đồng quản trị phải chuẩn bị dự thảo Nghị quyết cho từng vấn đề trong chương trình họp.

10. Trường hợp tất cả cổ đông đại diện 100% số cổ phần có quyền biểu quyết trực tiếp tham dự hoặc tham dự thông qua đại diện được uỷ quyền tại Đại hội đồng cổ đông, những quyết định được Đại hội đồng cổ đông nhất trí thông qua đều được coi là hợp lệ kể cả trong trường hợp việc triệu tập Đại hội đồng cổ đông không theo đúng trình tự và thủ tục.

11. Việc họp Đại hội đồng cổ đông thường niên không được tổ chức dưới hình thức lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản.

Điều 19. Các điều kiện tiến hành họp Đại hội đồng cổ đông

1. Cuộc họp Đại hội đồng cổ đông được tiến hành khi có số cổ đông dự họp đại diện trên 50% tổng số phiếu biểu quyết.
2. Trường hợp cuộc họp lần thứ nhất không đủ điều kiện tiến hành theo quy định tại khoản 1 Điều này thì thông báo mời họp lần thứ hai trong thời hạn 30 ngày, kể từ ngày dự định họp lần thứ nhất. Cuộc họp của Đại hội đồng cổ đông triệu tập lần thứ hai được tiến hành khi có số cổ đông dự họp đại diện từ 33% tổng số phiếu biểu quyết trở lên.
3. Trường hợp cuộc họp lần thứ hai không đủ điều kiện tiến hành theo quy định tại khoản 2 Điều này thì thông báo mời họp lần thứ ba trong thời hạn 20 ngày, kể từ ngày dự định họp lần thứ hai. Trường hợp này, cuộc họp của Đại hội đồng cổ đông được tiến hành không phụ thuộc vào tổng số phiếu biểu quyết của các cổ đông dự họp.
4. Chỉ có Đại hội đồng cổ đông mới có quyền quyết định thay đổi chương trình họp đã được gửi kèm theo thông báo mời họp.

Điều 20. Thẻ thức tiến hành họp và biểu quyết tại Đại hội đồng cổ đông

1. Trước khi khai mạc cuộc họp, Tổng công ty phải tiến hành thủ tục đăng ký cổ đông và phải thực hiện việc đăng ký cho đến khi các cổ đông có quyền dự họp có mặt đăng ký hết theo trình tự sau:
 - a. Khi tiến hành đăng ký cổ đông, Tổng công ty cấp cho từng cổ đông hoặc đại diện được ủy quyền có quyền biểu quyết một thẻ biểu quyết, trên đó ghi số đăng ký, họ và tên của cổ đông, họ và tên đại diện được ủy quyền và số phiếu biểu quyết của cổ đông đó. Đại hội đồng cổ đông thảo luận và biểu quyết theo từng vấn đề trong nội dung chương trình. Việc biểu quyết được tiến hành bằng biểu quyết tán thành, không tán thành và không có ý kiến. Khi tiến hành biểu quyết tại đại hội, số thẻ tán thành nghị quyết được thu trước, số thẻ không tán thành nghị quyết được thu sau, cuối cùng đếm tổng số phiếu tán thành hay không tán thành để quyết định. Kết quả kiểm phiếu được Chủ tọa công bố ngay trước khi bế mạc cuộc họp. Đại hội bầu những người chịu trách nhiệm kiểm phiếu hoặc giám sát kiểm phiếu theo đề nghị của Chủ tọa. Số thành viên của ban kiểm phiếu do Đại hội đồng cổ đông quyết định căn cứ đề nghị của Chủ tọa cuộc họp.
 - b. Cổ đông hoặc người đại diện theo ủy quyền của cổ đông là tổ chức hoặc người được ủy quyền đến sau khi cuộc họp đã khai mạc có quyền đăng ký ngay và sau đó có quyền tham gia và biểu quyết tại đại hội ngay sau khi đăng ký. Chủ tọa không có trách nhiệm dừng đại hội để cho cổ đông đến muộn đăng ký và hiệu lực của những nội dung đã được biểu quyết trước đó không thay đổi.
2. Việc bầu chủ tọa, thư ký và ban kiểm phiếu được quy định như sau:
 - a. Chủ tịch Hội đồng quản trị làm chủ tọa hoặc ủy quyền cho thành viên Hội đồng quản trị khác làm chủ tọa cuộc họp Đại hội đồng cổ đông do Hội đồng quản trị triệu tập. Trường hợp Chủ tịch vắng mặt hoặc tạm thời mất khả năng làm việc thì các thành viên Hội đồng quản trị còn lại bầu một người trong số họ làm chủ tọa cuộc họp theo nguyên tắc đa số. Trường hợp không bầu được người làm chủ tọa, Trường ban kiểm soát điều hành để Đại hội đồng cổ đông bầu chủ tọa cuộc họp trong số những người dự họp và người có phiếu bầu cao nhất làm chủ tọa cuộc họp.
 - b. Trừ trường hợp quy định tại điểm a khoản này, người ký tên triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông điều khiển Đại hội đồng cổ đông bầu chủ tọa cuộc họp và người có phiếu bầu cao nhất được cử làm chủ tọa cuộc họp.
 - c. Chủ tọa cử một hoặc một số người làm thư ký cuộc họp;
 - d. Đại hội đồng cổ đông bầu một hoặc một số người vào ban kiểm phiếu theo đề nghị của chủ tọa cuộc họp.
3. Chương trình và nội dung họp phải được Đại hội đồng cổ đông thông qua trong phiên khai mạc. Chương trình phải xác định rõ và chi tiết thời gian đối với từng vấn đề trong nội dung chương trình họp.
4. Chủ tọa đại hội có quyền thực hiện các biện pháp cần thiết và hợp lý để điều hành cuộc họp Đại hội đồng cổ đông một cách có trật tự, theo chương trình đã được thông qua và phản ánh được mong muốn của đa số người dự họp.

a. Bố trí chỗ ngồi tại địa điểm họp Đại hội đồng cổ đông;

b. Bảo đảm an toàn cho mọi người có mặt tại các địa điểm họp;

c. Tạo điều kiện cho cổ đông tham dự (hoặc tiếp tục tham dự) đại hội. Người triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông có toàn quyền thay đổi những biện pháp nêu trên và áp dụng tất cả các biện pháp cần thiết. Các biện pháp áp dụng có thể là cấp giấy vào cửa hoặc sử dụng những hình thức lựa chọn khác.

5. Chủ tọa đại hội có thể hoãn đại hội khi có sự nhất trí hoặc yêu cầu của Đại hội đồng cổ đông đã có đủ số lượng đại biểu dự họp cần thiết theo quy định tại Khoản 8 Điều 146 Luật doanh nghiệp.

6. Người triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông hoặc chủ tọa cuộc họp Đại hội đồng cổ đông có quyền sau đây:

a. Yêu cầu tất cả người dự họp Đại hội đồng cổ đông chịu sự kiểm tra hoặc các biện pháp an ninh hợp pháp, hợp lý khác.

b. Yêu cầu cơ quan có thẩm quyền duy trì trật tự cuộc họp; trục xuất những người không tuân thủ quyền điều hành của chủ tọa, cố ý gây rối trật tự, ngăn cản tiến triển bình thường của cuộc họp hoặc không tuân thủ các yêu cầu về kiểm tra an ninh ra khỏi cuộc họp Đại hội đồng cổ đông.

7. Chủ tọa có quyền hoãn cuộc họp Đại hội đồng cổ đông đã có đủ số người đăng ký dự họp tối đa không quá 03 ngày làm việc kể từ ngày cuộc họp dự định khai mạc và chỉ được hoãn cuộc họp hoặc thay đổi địa điểm họp trong trường hợp sau đây:

a. Địa điểm họp không có đủ chỗ ngồi thuận tiện cho tất cả người dự họp;

b. Phương tiện thông tin tại địa điểm họp không bảo đảm cho cổ đông dự họp tham gia, thảo luận và biểu quyết;

c. Có người dự họp cản trở, gây rối trật tự, có nguy cơ làm cho cuộc họp không được tiến hành một cách công bằng và hợp pháp.

8. Trường hợp chủ tọa hoãn hoặc tạm dừng họp Đại hội đồng cổ đông trái với quy định tại khoản 8 Điều này, Đại hội đồng cổ đông bầu một người khác trong số những người dự họp để thay thế chủ tọa điều hành cuộc họp cho đến lúc kết thúc; tất cả nghị quyết được thông qua tại cuộc họp đó đều có hiệu lực thi hành.

9. Trường hợp Tổng công ty áp dụng công nghệ hiện đại để tổ chức Đại hội đồng cổ đông thông qua họp trực tuyến, Tổng công ty có trách nhiệm đảm bảo để cổ đông tham dự, biểu quyết bằng hình thức bỏ phiếu điện tử hoặc hình thức điện tử khác theo quy định tại Điều 144 Luật Doanh nghiệp và pháp luật về chứng khoán có liên quan.

10. Hàng năm, Tổng công ty tổ chức Đại hội đồng cổ đông ít nhất một (01) lần. Đại hội đồng cổ đông thường niên không được tổ chức dưới hình thức lấy ý kiến bằng văn bản.

Điều 21. Điều kiện để Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông được thông qua

1. Nghị quyết về nội dung sau đây được thông qua nếu được số cổ đông đại diện cho từ 65% tổng số phiếu biểu quyết của tất cả cổ đông dự họp tán thành, trừ trường hợp quy định tại các khoản 3, 4 và 6 Điều 148 Luật Doanh nghiệp:

a. Loại cổ phần và tổng số cổ phần của từng loại;

b. Thay đổi ngành, nghề và lĩnh vực kinh doanh;

c. Thay đổi cơ cấu tổ chức quản lý Tổng công ty;

d. Dự án đầu tư hoặc bán tài sản có giá trị bằng hoặc lớn hơn 35% tổng giá trị tài sản được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất của Tổng công ty;

e. Tổ chức lại, giải thể Tổng công ty.

2. Các Nghị quyết khác của Đại hội đồng cổ đông sẽ được thông qua nếu được số cổ đông sở hữu trên 50% tổng số phiếu biểu quyết của tất cả cổ đông dự họp tán thành, trừ trường hợp quy định tại các khoản 1 Điều này và khoản 3, 4 và 6 Điều 148 Luật Doanh nghiệp.

3. Việc biểu quyết bầu thành viên Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát phải thực hiện theo phương thức bầu dồn phiếu, theo đó mỗi cổ đông có tổng số phiếu biểu quyết tương ứng với

tổng số cổ phần sở hữu nhân với số thành viên được bầu của Hội đồng quản trị hoặc Ban kiểm soát và cổ đông có quyền dồn hết hoặc một phần tổng số phiếu bầu của mình cho một hoặc một số ứng cử viên. Người trúng cử thành viên Hội đồng quản trị hoặc Kiểm soát viên được xác định theo số phiếu bầu tính từ cao xuống thấp, bắt đầu từ ứng cử viên có số phiếu bầu cao nhất cho đến khi đủ số thành viên quy định tại Điều lệ Tổng công ty. Trường hợp có từ 02 ứng cử viên trở lên đạt cùng số phiếu bầu như nhau cho thành viên cuối cùng của Hội đồng quản trị hoặc Ban kiểm soát thì sẽ tiến hành bầu lại trong số các ứng cử viên có số phiếu bầu ngang nhau;

4. Trường hợp thông qua Nghị quyết dưới hình thức lấy ý kiến bằng văn bản thì Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông được thông qua nếu được số cổ đông sở hữu trên 50% tổng số phiếu biểu quyết của tất cả cổ đông có quyền biểu quyết tán thành.

5. Các Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông được thông qua bằng 100% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết là hợp pháp và có hiệu lực ngay cả khi trình tự, thủ tục triệu tập họp và thông qua nghị quyết đó vi phạm quy định của Luật Doanh nghiệp và Điều lệ Tổng công ty.

Điều 22. Thẩm quyền và thể thức lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản để thông qua Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông

Thẩm quyền và thể thức lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản để thông qua Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông được thực hiện theo quy định sau đây:

1. Hội đồng quản trị có quyền lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản để thông qua Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông đối với bất cứ nội dung nào thuộc thẩm quyền của Đại hội cổ đông nếu xét thấy cần thiết vì lợi ích của Tổng công ty.

2. Hội đồng quản trị chuẩn bị phiếu lấy ý kiến, dự thảo Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông, các tài liệu giải trình dự thảo Nghị quyết và gửi đến tất cả các cổ đông có quyền biểu quyết chậm nhất mười (10) ngày trước thời hạn phải gửi lại phiếu lấy ý kiến. Yêu cầu và cách thức gửi phiếu lấy ý kiến và tài liệu kèm theo được thực hiện theo quy định tại Khoản 3, Khoản 4 Điều 18 Điều lệ này.

3. Phiếu lấy ý kiến phải có các nội dung chủ yếu sau đây:

a. Tên, địa chỉ trụ sở chính, mã số và ngày cấp Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp, nơi đăng ký kinh doanh của Tổng công ty;

b. Mục đích lấy ý kiến;

c. Họ, tên, địa chỉ liên lạc, quốc tịch, số giấy tờ pháp lý của cá nhân đối với cổ đông là cá nhân; tên, mã số doanh nghiệp hoặc số giấy tờ pháp lý của tổ chức, địa chỉ trụ sở chính đối với cổ đông là tổ chức hoặc họ, tên, địa chỉ liên lạc, quốc tịch, số giấy tờ pháp lý của cá nhân đối với đại diện của cổ đông là tổ chức; số lượng cổ phần của từng loại và số phiếu biểu quyết của cổ đông;

d. Vấn đề cần lấy ý kiến để thông qua Nghị quyết;

e. Phương án biểu quyết bao gồm tán thành, không tán thành và không có ý kiến đối với từng vấn đề lấy ý kiến;

f. Thời hạn phải gửi về Tổng công ty phiếu lấy ý kiến đã được trả lời;

g. Họ, tên, chữ ký của Chủ tịch Hội đồng quản trị của Tổng công ty.

4. Phiếu lấy ý kiến đã được trả lời phải có chữ ký của cổ đông là cá nhân, của người đại diện theo ủy quyền hoặc người đại diện theo Pháp luật của cổ đông là tổ chức.

Phiếu lấy ý kiến gửi về Tổng công ty phải được đựng trong phong bì dán kín và không ai được quyền mở trước khi kiểm phiếu. Các phiếu lấy ý kiến Tổng công ty nhận được sau thời hạn đã xác định tại nội dung phiếu lấy ý kiến hoặc đã bị mở đều không hợp lệ.

Phiếu lấy ý kiến có thể được gửi về Tổng công ty theo các hình thức sau:

a. Gửi thư: Phiếu lấy ý kiến gửi về Tổng công ty phải được đựng trong phong bì dán kín và không ai được quyền mở trước khi kiểm phiếu;

b. Gửi fax hoặc thư điện tử: Phiếu lấy ý kiến gửi về Tổng công ty qua fax hoặc thư điện tử phải được giữ bí mật đến thời điểm kiểm phiếu.

Các phiếu lấy ý kiến Tổng công ty nhận được sau thời hạn đã xác định tại nội dung phiếu lấy ý kiến hoặc đã bị mở trong trường hợp gửi thư hoặc được công bố trước thời điểm kiểm

phiếu trong trường hợp gửi fax, thư điện tử là không hợp lệ. Phiếu lấy ý kiến không được gửi về được coi là phiếu không tham gia biểu quyết.

5. Hội đồng quản trị kiểm phiếu và lập biên bản kiểm phiếu dưới sự chứng kiến của Ban kiểm soát hoặc của cổ đông không nắm giữ chức vụ quản lý Tổng công ty. Biên bản kiểm phiếu phải có các nội dung chủ yếu sau đây:

- a. Tên, địa chỉ trụ sở chính, mã số doanh nghiệp;
- b. Mục đích và các vấn đề cần lấy ý kiến để thông qua nghị quyết;
- c. Số cổ đông với tổng số phiếu biểu quyết đã tham gia biểu quyết, trong đó phân biệt số phiếu biểu quyết hợp lệ và số phiếu quyết không hợp lệ và phương thức gửi phiếu biểu quyết, kèm theo phụ lục danh sách cổ đông tham gia biểu quyết;
- d. Tổng số phiếu tán thành, không tán thành và không có ý kiến đối với từng vấn đề;
- e. Các vấn đề đã được thông qua và tỷ lệ thông qua tương ứng;
- f. Họ, tên, chữ ký của Chủ tịch Hội đồng quản trị, người kiểm phiếu và người giám sát kiểm phiếu.

Các thành viên Hội đồng quản trị, người kiểm phiếu và người giám sát kiểm phiếu phải liên đới chịu trách nhiệm về tính trung thực, chính xác của biên bản kiểm phiếu; liên đới chịu trách nhiệm về các thiệt hại phát sinh từ các quyết định được thông qua do kiểm phiếu không trung thực, không chính xác.

6. Biên bản kiểm phiếu và nghị quyết phải được gửi đến các cổ đông trong thời hạn mười lăm (15) ngày, kể từ ngày kết thúc kiểm phiếu, việc gửi biên bản kiểm phiếu và nghị quyết có thể thay thế bằng việc đăng tải lên trang thông tin điện tử của Tổng công ty trong thời hạn hai mươi tư (24) giờ, kể từ thời điểm kết thúc kiểm phiếu.

7. Phiếu lấy ý kiến đã được trả lời, biên bản kiểm phiếu, Nghị quyết đã được thông qua và tài liệu có liên quan gửi kèm theo phiếu lấy ý kiến đều phải được lưu giữ tại trụ sở chính của Tổng công ty.

8. Nghị quyết được thông qua theo hình thức lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản có giá trị như Nghị quyết được thông qua tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông.

Điều 23. Nghị quyết, Biên bản họp Đại hội đồng cổ đông

1. Cuộc họp Đại hội đồng cổ đông phải được ghi biên bản và có thể ghi âm hoặc ghi và lưu giữ dưới hình thức điện tử khác. Biên bản phải lập bằng tiếng Việt, có thể lập thêm bằng tiếng nước ngoài và có các nội dung chủ yếu sau đây:

- a. Tên, địa chỉ trụ sở chính, mã số doanh nghiệp;
- b. Thời gian và địa điểm họp Đại hội đồng cổ đông;
- c. Chương trình và nội dung cuộc họp;
- d. Họ, tên chủ tọa và thư ký;
- e. Tóm tắt diễn biến cuộc họp và các ý kiến phát biểu tại Đại hội đồng cổ đông về từng vấn đề trong nội dung chương trình họp;
- f. Số cổ đông và tổng số phiếu biểu quyết của các cổ đông dự họp, phụ lục danh sách đăng ký cổ đông, đại diện cổ đông dự họp với số cổ phần và số phiếu bầu tương ứng;
- g. Tổng số phiếu biểu quyết đối với từng vấn đề biểu quyết, trong đó ghi rõ phương thức biểu quyết, tổng số phiếu hợp lệ, không hợp lệ, tán thành, không tán thành và không có ý kiến; tỷ lệ tương ứng trên tổng số phiếu biểu quyết của cổ đông dự họp;
- h. Các vấn đề đã được thông qua và tỷ lệ phiếu biểu quyết thông qua tương ứng;
- i. Biên bản được lập bằng tiếng Việt và tiếng nước ngoài đều có hiệu lực pháp lý như nhau. Trường hợp có sự khác nhau về nội dung biên bản tiếng Việt và tiếng nước ngoài thì nội dung trong biên bản tiếng Việt có hiệu lực áp dụng.
- k. Họ, tên và chữ ký của chủ tọa và thư ký. Trường hợp chủ tọa, thư ký từ chối ký biên bản họp thì biên bản này có hiệu lực nếu được tất cả thành viên khác của Hội đồng quản trị tham dự họp ký và có đầy đủ nội dung theo quy định tại Khoản này. Biên bản họp ghi rõ việc chủ tọa, thư ký từ chối ký biên bản họp.

2. Biên bản họp Đại hội đồng cổ đông phải làm xong và thông qua trước khi kết thúc cuộc họp.

3. Chủ tọa và thư ký cuộc họp hoặc người khác ký tên trong biên bản họp phải liên đới chịu trách nhiệm về tính trung thực, chính xác của nội dung biên bản.

4. Nghị quyết, Biên bản họp Đại hội đồng cổ đông, phụ lục danh sách cổ đông đăng ký dự họp kèm chữ ký của cổ đông, văn bản ủy quyền tham dự họp, tất cả các tài liệu đính kèm Biên bản (nếu có) và tài liệu có liên quan kèm theo thông báo mời họp phải được công bố thông tin theo quy định pháp luật về công bố thông tin trên thị trường chứng khoán và phải được lưu giữ tại trụ sở chính của Tổng công ty.

Điều 24. Yêu cầu hủy bỏ Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông

Trong thời hạn chín mươi (90) ngày, kể từ ngày nhận được biên bản họp Đại hội đồng cổ đông hoặc biên bản kết quả kiểm phiếu lấy ý kiến Đại hội đồng cổ đông, cổ đông hoặc nhóm cổ đông quy định tại khoản 2 Điều 115 Luật Doanh nghiệp có quyền yêu cầu Tòa án hoặc Trọng tài xem xét, hủy bỏ nghị quyết hoặc một phần nội dung nghị quyết Đại hội đồng cổ đông trong các trường hợp sau đây:

1. Trình tự, thủ tục triệu tập họp và ra quyết định của Đại hội đồng cổ đông vi phạm nghiêm trọng quy định của Luật Doanh nghiệp và Điều lệ Tổng công ty, trừ trường hợp quy định tại khoản 5 Điều 21 Điều lệ này.

2. Nội dung nghị quyết vi phạm pháp luật hoặc Điều lệ này.

Điều 25. Hiệu lực của Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông

1. Các Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông có hiệu lực kể từ ngày được thông qua hoặc từ thời điểm hiệu lực ghi tại Nghị quyết đó.

2. Các Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông được thông qua bằng 100% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết là hợp pháp và có hiệu lực ngay cả khi trình tự và thủ tục thông qua Nghị quyết đó không được thực hiện đúng như quy định của Luật Doanh nghiệp và Điều lệ Tổng công ty.

3. Trường hợp có cổ đông, nhóm cổ đông yêu cầu Tòa án hoặc Trọng tài hủy bỏ Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông theo quy định tại Điều 151 của Luật Doanh nghiệp, thì các Nghị quyết đó vẫn có hiệu lực thi hành cho đến khi Tòa án, Trọng tài có quyết định khác, trừ trường hợp áp dụng biện pháp khẩn cấp tạm thời theo quyết định của cơ quan có thẩm quyền.

VII. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Điều 26. Ứng cử, đề cử thành viên Hội đồng quản trị

1. Trường hợp đã xác định được ứng cử viên Hội đồng quản trị, Tổng công ty phải công bố thông tin liên quan đến các ứng cử viên tối thiểu 10 ngày trước ngày khai mạc họp Đại hội đồng cổ đông trên trang thông tin điện tử của Tổng công ty để cổ đông có thể tìm hiểu về các ứng cử viên này trước khi bỏ phiếu. Ứng cử viên Hội đồng quản trị phải có cam kết bằng văn bản về tính trung thực, chính xác của các thông tin cá nhân được công bố và phải cam kết thực hiện nhiệm vụ một cách trung thực, cẩn trọng và vì lợi ích cao nhất của Tổng công ty nếu được bầu làm thành viên Hội đồng quản trị. Thông tin liên quan đến ứng cử viên Hội đồng quản trị được công bố bao gồm:

- a. Họ tên, ngày, tháng, năm sinh;
- b. Trình độ chuyên môn;
- b. Quá trình công tác;
- d. Các chức danh quản lý khác (bao gồm cả chức danh Hội đồng quản trị của công ty khác);
- e. Lợi ích có liên quan tới Tổng công ty và các bên có liên quan của Tổng công ty;
- f. Các thông tin khác (nếu có) theo quy định tại Điều lệ Tổng công ty;
- g. Tổng công ty có trách nhiệm công bố thông tin về các công ty mà ứng cử viên đang nắm giữ chức vụ thành viên Hội đồng quản trị, các chức danh quản lý khác và các lợi ích có liên

quan tới Tổng công ty của ứng cử viên Hội đồng quản trị (nếu có).

2. Cổ đông hoặc nhóm cổ đông sở hữu từ 10% tổng số cổ phần phổ thông trở lên có quyền đề cử ứng cử viên Hội đồng quản trị theo quy định tại Luật Doanh nghiệp.

3. Trường hợp số lượng ứng cử viên Hội đồng quản trị thông qua đề cử và ứng cử vẫn không đủ số lượng cần thiết theo quy định tại khoản 5 Điều 115 Luật Doanh nghiệp, Hội đồng quản trị đương nhiệm giới thiệu thêm ứng cử viên hoặc tổ chức đề cử theo quy định tại Điều lệ Tổng công ty, Quy chế nội bộ về quản trị công ty và Quy chế hoạt động của Hội đồng quản trị. Việc Hội đồng quản trị đương nhiệm giới thiệu thêm ứng cử viên phải được công bố rõ ràng trước khi Đại hội đồng cổ đông biểu quyết bầu thành viên Hội đồng quản trị theo quy định của pháp luật.

4. Thành viên Hội đồng quản trị phải đáp ứng các tiêu chuẩn và điều kiện theo quy định tại khoản 1, khoản 2 Điều 155 Luật doanh nghiệp và Điều lệ Tổng công ty.

Điều 27. Thành phần và nhiệm kỳ của thành viên Hội đồng quản trị

1. Số lượng thành viên Hội đồng quản trị ít nhất là ba (03) người và nhiều nhất là mười một (11) người.

2. Nhiệm kỳ của thành viên Hội đồng quản trị không quá 05 năm và có thể được bầu lại với số nhiệm kỳ không hạn chế. Trường hợp tất cả thành viên Hội đồng quản trị cùng kết thúc nhiệm kỳ thì các thành viên đó tiếp tục là thành viên Hội đồng quản trị cho đến khi có thành viên mới được bầu thay thế và tiếp quản công việc.

3. Các cổ đông nắm giữ cổ phần phổ thông có quyền gộp số quyền biểu quyết của từng người lại với nhau để đề cử các ứng viên Hội đồng quản trị. Cổ đông hoặc nhóm cổ đông nắm giữ từ 10% đến dưới 20% được đề cử tối đa một (01) ứng viên; từ 20% đến dưới 30% được đề cử tối đa hai (02) ứng viên; từ 30% đến dưới 40% được đề cử tối đa ba (03) ứng viên; từ 40% đến dưới 50% được đề cử tối đa bốn (04) ứng viên; từ 50% đến dưới 60% được đề cử tối đa năm (05) ứng viên; từ 60% đến dưới 70% được đề cử tối đa sáu (06) ứng viên; và từ 70% đến dưới 80% được đề cử tối đa bảy (07) ứng viên, từ 80% đến dưới 90% được đề cử tối đa tám (08) ứng viên.

4. Trường hợp số lượng các ứng viên Hội đồng quản trị thông qua đề cử và ứng cử vẫn không đủ số lượng cần thiết, Hội đồng quản trị đương nhiệm có thể đề cử thêm ứng cử viên hoặc tổ chức đề cử theo cơ chế được Tổng công ty quy định tại Quy chế nội bộ về quản trị Tổng công ty. Cơ chế đề cử hay cách thức Hội đồng quản trị đương nhiệm đề cử ứng cử viên Hội đồng quản trị phải được công bố rõ ràng và phải được Đại hội đồng cổ đông thông qua trước khi tiến hành đề cử. Việc Hội đồng quản trị giới thiệu thêm ứng viên phải được công bố rõ ràng trước khi Đại hội đồng cổ đông biểu quyết bầu thành viên Hội đồng quản trị theo quy định của Pháp luật.

5. Cơ cấu Hội đồng quản trị cần đảm bảo sự cân đối giữa các thành viên có kiến thức và kinh nghiệm về Pháp luật, tài chính, lĩnh vực hoạt động kinh doanh của Tổng công ty và có xét yếu tố về giới.

Cơ cấu Hội đồng quản trị của Tổng công ty phải đảm bảo tối thiểu 1/3 tổng số thành viên Hội đồng quản trị là thành viên không điều hành. Tổng công ty hạn chế tối đa thành viên Hội đồng quản trị kiêm nhiệm chức danh điều hành của Tổng công ty để đảm bảo tính độc lập của Hội đồng quản trị.

6. Trường hợp tất cả thành viên Hội đồng quản trị cùng kết thúc nhiệm kỳ thì các thành viên đó tiếp tục là thành viên Hội đồng quản trị cho đến khi có thành viên mới được bầu thay thế và tiếp quản công việc.

7. Hội đồng quản trị phải triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông để bầu bổ sung thành viên Hội đồng quản trị trong trường hợp số thành viên Hội đồng quản trị bị giảm quá một phần ba so với số quy định tại Điều lệ Tổng công ty. Trong trường hợp này, Hội đồng quản trị phải triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông trong thời hạn 60 ngày, kể từ ngày số thành viên bị giảm quá một phần ba.

8. Thành viên Hội đồng quản trị không còn tư cách thành viên Hội đồng quản trị trong các trường hợp bị Đại hội đồng cổ đông miễn nhiệm, bãi nhiệm, thay thế theo quy định tại Luật Doanh nghiệp, gồm:

a. Đại hội đồng cổ đông miễn nhiệm thành viên Hội đồng quản trị trong trường hợp sau

đây:

- Không có đủ tiêu chuẩn và điều kiện theo quy định tại Điều 155 của Luật Doanh nghiệp;

- Có đơn từ chức và được chấp thuận;

- Trường hợp khác quy định tại Điều lệ Tổng công ty.

b. Đại hội đồng cổ đông bãi nhiệm thành viên Hội đồng quản trị trong trường hợp sau đây:

- Không tham gia các hoạt động của Hội đồng quản trị trong 06 tháng liên tục, trừ trường hợp bất khả kháng;

- Trường hợp khác quy định tại Điều lệ Tổng công ty.

c. Khi xét thấy cần thiết, Đại hội đồng cổ đông quyết định thay thế thành viên Hội đồng quản trị; miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên Hội đồng quản trị ngoài trường hợp quy định tại Điểm a, b nêu trên.

d. Thành viên đó không còn là đại diện theo ủy quyền của cổ đông là tổ chức theo quyết định của tổ chức đó;

e. Thành viên đó là đại diện theo ủy quyền của cổ đông là tổ chức, nhưng tổ chức đó không còn là cổ đông của Tổng công ty nữa.

9. Việc bổ nhiệm các thành viên Hội đồng quản trị phải được công bố thông tin theo các quy định của Pháp luật về chứng khoán và thị trường chứng khoán.

10. Tiêu chuẩn và điều kiện làm thành viên Hội đồng quản trị:

a. Có năng lực hành vi dân sự đầy đủ, không thuộc đối tượng không được quản lý doanh nghiệp theo quy định của Luật Doanh nghiệp;

b. Có trình độ chuyên môn, kinh nghiệm trong quản lý kinh doanh của Tổng công ty và không nhất thiết phải là cổ đông của Tổng công ty;

c. Thành viên của Hội đồng quản trị Tổng công ty có thể đồng thời là thành viên của Hội đồng quản trị Công ty khác. Tuy nhiên, số lượng, chức danh thành viên Hội đồng quản trị Tổng công ty tham gia Hội đồng quản trị hoặc Hội đồng thành viên tại các Công ty khác tuân thủ quy định Pháp luật hiện hành có liên quan.

11. Chức danh Phó Chủ tịch Hội đồng quản trị do Hội đồng quản trị bầu, dựa trên đề xuất nhân sự của Chủ tịch Hội đồng quản trị từ một trong các thành viên Hội đồng quản trị đương nhiệm. Nhiệm vụ của Phó Chủ tịch Hội đồng quản trị do Hội đồng quản trị phân công.

Điều 28. Quyền hạn và nghĩa vụ của Hội đồng quản trị

1. Hội đồng quản trị là cơ quan quản lý Tổng công ty, có toàn quyền nhân danh Tổng công ty để quyết định, thực hiện quyền và nghĩa vụ của Tổng công ty, trừ các quyền và nghĩa vụ thuộc thẩm quyền của Đại hội đồng cổ đông.

2. Quyền và nghĩa vụ của Hội đồng quản trị do luật pháp, Điều lệ Tổng công ty và Đại hội đồng cổ đông quy định. Cụ thể, Hội đồng quản trị có những quyền hạn và nghĩa vụ sau:

a. Quyết định chiến lược, kế hoạch phát triển trung hạn, kế hoạch sản xuất kinh doanh và ngân sách hàng năm;

b. Kiến nghị loại cổ phần và tổng số cổ phần được quyền chào bán của từng loại;

c. Xác định các mục tiêu hoạt động trên cơ sở các mục tiêu chiến lược được Đại hội đồng cổ đông thông qua;

d. Quyết định bán cổ phần chưa bán trong phạm vi số cổ phần được quyền chào bán của từng loại; quyết định huy động thêm vốn theo hình thức khác;

e. Quyết định giá bán cổ phần và trái phiếu của Tổng công ty;

f. Quyết định mua lại cổ phần theo quy định của Luật Doanh nghiệp;

g. Quyết định giải pháp phát triển thị trường, tiếp thị và công nghệ;

h. Quyết định phương án đầu tư và dự án đầu tư trong thẩm quyền và giới hạn theo quy định của Luật Doanh nghiệp và Điều lệ này;

i. Quyết định cơ cấu tổ chức của Tổng công ty; Ban hành các quy chế quản lý nội bộ của Tổng công ty trong đó có quy chế quản lý phần vốn góp của Tổng công ty tại các doanh nghiệp khác; Quyết định thành lập công ty con; lập chi nhánh, văn phòng đại diện và việc góp vốn, mua cổ phần của doanh nghiệp khác.

- j. Duyệt chương trình, nội dung tài liệu phục vụ họp Đại hội đồng cổ đông, triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông hoặc lấy ý kiến để Đại hội đồng cổ đông thông qua Nghị quyết;
- k. Trình báo cáo tài chính hàng năm đã được kiểm toán lên Đại hội đồng cổ đông;
- l. Giải quyết các khiếu nại của Tổng công ty đối với cán bộ quản lý cũng như quyết định lựa chọn đại diện của Tổng công ty để giải quyết các vấn đề liên quan tới các thủ tục pháp lý đối với cán bộ quản lý đó;
- m. Đề xuất các loại cổ phiếu có thể phát hành và tổng số cổ phiếu phát hành theo từng loại;
- n. Đề xuất việc phát hành trái phiếu chuyển đổi và các chứng quyền cho phép người sở hữu mua cổ phiếu theo mức giá định trước;
- o. Quyết định giá chào bán trái phiếu, cổ phiếu và các chứng khoán chuyển đổi trong trường hợp được Đại hội đồng cổ đông uỷ quyền;
- p. Bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm Chủ tịch, Phó Chủ tịch Hội đồng quản trị; bổ nhiệm, miễn nhiệm, ký hợp đồng, chấm dứt hợp đồng đối với Tổng giám đốc, Phó tổng giám đốc, Kế toán trưởng và người quản lý quan trọng khác của Tổng công ty; quyết định, tiền lương, thù lao, thưởng và lợi ích khác của những người quản lý đó; cử người đại diện theo uỷ quyền tham gia Hội đồng quản trị hoặc Đại hội đồng cổ đông ở công ty khác, quyết định mức thù lao và quyền lợi khác của những người đó;
- q. Giám sát, chỉ đạo Tổng giám đốc và người quản lý khác trong điều hành công việc kinh doanh hằng ngày của công ty;
- r. Kiến nghị mức cổ tức được trả; quyết định thời hạn và thủ tục trả cổ tức hoặc xử lý lỗ phát sinh trong quá trình kinh doanh;
- s. Kiến nghị việc tổ chức lại hoặc giải thể Tổng công ty; yêu cầu phá sản Tổng công ty;
- t. Thông qua hợp đồng mua, bán, vay, cho vay và hợp đồng khác có giá trị bằng hoặc lớn hơn 35% tổng giá trị tài sản được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất của Tổng công ty. Quy định này không áp dụng đối với hợp đồng và giao dịch quy định tại Điểm d Khoản 2 Điều 138, Khoản 1 và Khoản 3 Điều 167 của Luật Doanh nghiệp.
- u. Quyết định ban hành Quy chế hoạt động Hội đồng quản trị, Quy chế nội bộ về quản trị Tổng công ty sau khi được Đại hội đồng cổ đông thông qua; Quy chế về công bố thông tin của Tổng công ty;
- v. Các quyền và nhiệm vụ khác theo quy định của Luật Doanh nghiệp, Luật chứng khoán, quy định khác của pháp luật và Điều lệ Tổng công ty.
3. Thành viên Hội đồng quản trị có trách nhiệm theo quy định tại Luật doanh nghiệp và Điều lệ Tổng công ty, ngoài ra phải đảm bảo các trách nhiệm sau:
- a. Thực hiện các nhiệm vụ của mình một cách trung thực, cẩn trọng vì lợi ích cao nhất của cổ đông và của Tổng công ty;
- b. Tham dự đầy đủ các cuộc họp của Hội đồng quản trị và có ý kiến rõ ràng về các vấn đề được đưa ra thảo luận. Thành viên được uỷ quyền cho người khác dự họp nếu được đa số thành viên Hội đồng quản trị chấp thuận.
- c. Báo cáo kịp thời và đầy đủ Hội đồng quản trị các khoản thù lao mà họ nhận được từ các công ty con, công ty liên kết và các tổ chức khác mà họ là người đại diện phần vốn góp của Tổng công ty;
- d. Báo cáo Ủy ban Chứng khoán Nhà nước, Sở giao dịch chứng khoán và thực hiện công bố thông tin khi thực hiện giao dịch cổ phiếu của Tổng công ty theo quy định của Pháp luật.
4. Trừ khi Luật pháp và Điều lệ quy định khác, Hội đồng quản trị có thể uỷ quyền cho nhân viên cấp dưới và các cán bộ quản lý đại diện xử lý công việc thay mặt cho Tổng công ty.
5. Khi thực hiện chức năng, quyền và nghĩa vụ của mình, Hội đồng quản trị tuân thủ đúng quy định của Pháp luật, Điều lệ công ty và Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông. Trong trường hợp Nghị quyết do Hội đồng quản trị thông qua trái với quy định của Pháp luật hoặc Điều lệ Tổng công ty gây thiệt hại cho Tổng công ty thì các thành viên tán thành thông qua Nghị quyết đó phải cùng liên đới chịu trách nhiệm cá nhân về Nghị quyết đó và phải đền bù thiệt hại cho Tổng công ty; thành viên phản đối thông qua Nghị quyết nói trên được miễn trừ trách nhiệm. Trường hợp này, cổ đông của Tổng công ty có quyền yêu cầu Tòa án đình chỉ thực hiện hoặc hủy bỏ Nghị quyết, Quyết định nói trên.
6. Hội đồng quản trị phải tuân thủ đầy đủ trách nhiệm và nghĩa vụ theo quy định của Luật doanh nghiệp và Điều lệ Tổng công ty, ngoài ra Hội đồng quản trị có các trách nhiệm và nghĩa

vụ sau:

- a. Chịu trách nhiệm trước cổ đông về hoạt động của Tổng công ty;
- b. Đối xử bình đẳng đối với tất cả cổ đông và tôn trọng lợi ích của người có quyền lợi liên quan đến Tổng công ty;
- c. Đảm bảo hoạt động của Tổng công ty tuân thủ các quy định của Pháp luật, Điều lệ và quy định nội bộ của Tổng công ty;
- d. Hội đồng quản trị phải báo cáo Đại hội đồng cổ đông kết quả hoạt động của Hội đồng quản trị theo quy định tại Điều 280 Nghị định số 155/2020/NĐ-CP ngày 31 tháng 12 năm 2020 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Chứng khoán.

Điều 29. Thù lao, thưởng và lợi ích khác của thành viên Hội đồng quản trị

1. Tổng công ty có quyền trả thù lao, thưởng cho thành viên Hội đồng quản trị theo kết quả và hiệu quả kinh doanh.
2. Thành viên Hội đồng quản trị được hưởng thù lao công việc và thưởng. Thù lao công việc được tính theo số ngày công cần thiết hoàn thành nhiệm vụ của thành viên Hội đồng quản trị và mức thù lao mỗi ngày. Hội đồng quản trị dự tính mức thù lao cho từng thành viên theo nguyên tắc nhất trí. Tổng mức thù lao và thưởng của Hội đồng quản trị do Đại hội đồng cổ đông quyết định tại cuộc họp thường niên.
3. Thù lao của từng thành viên Hội đồng quản trị được tính vào chi phí kinh doanh của Tổng công ty theo quy định của pháp luật về thuế thu nhập doanh nghiệp, được thể hiện thành mục riêng trong báo cáo tài chính hằng năm của Tổng công ty và phải báo cáo Đại hội đồng cổ đông tại cuộc họp thường niên.
4. Thành viên Hội đồng quản trị nắm giữ chức vụ điều hành hoặc thành viên Hội đồng quản trị làm việc tại các tiểu ban của Hội đồng quản trị hoặc thực hiện những công việc khác ngoài phạm vi nhiệm vụ thông thường của một thành viên Hội đồng quản trị, có thể được trả thêm thù lao dưới dạng một khoản tiền công trọn gói theo từng lần, lương, hoa hồng, phần trăm lợi nhuận hoặc dưới hình thức khác theo quyết định của Hội đồng quản trị.
5. Thành viên Hội đồng quản trị có quyền được thanh toán tất cả các chi phí đi lại, ăn, ở và các khoản chi phí hợp lý khác mà họ đã phải chi trả khi thực hiện trách nhiệm thành viên Hội đồng quản trị của mình, bao gồm cả các chi phí phát sinh trong việc tới tham dự các cuộc họp Đại hội đồng cổ đông, Hội đồng quản trị hoặc các tiểu ban của Hội đồng quản trị.
6. Thành viên Hội đồng quản trị có thể được Tổng công ty mua bảo hiểm trách nhiệm sau khi có sự chấp thuận của Đại hội đồng cổ đông. Bảo hiểm này không bao gồm bảo hiểm cho những trách nhiệm của thành viên Hội đồng quản trị liên quan đến việc vi phạm pháp luật và Điều lệ Tổng công ty.

Điều 30. Chủ tịch Hội đồng quản trị

1. Chủ tịch Hội đồng quản trị do Hội đồng quản trị bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm trong số các thành viên Hội đồng quản trị. Chủ tịch Hội đồng quản trị không được kiêm Tổng giám đốc Tổng công ty.
2. Trường hợp Chủ tịch Hội đồng quản trị vắng mặt hoặc không thể thực hiện được nhiệm vụ của mình thì phải ủy quyền bằng văn bản cho một thành viên khác thực hiện quyền và nghĩa vụ của Chủ tịch Hội đồng quản trị. Trường hợp không có người được ủy quyền hoặc Chủ tịch Hội đồng quản trị chết, mất tích, bị tạm giam, đang chấp hành hình phạt tù, đang chấp hành biện pháp xử lý hành chính tại cơ sở cai nghiện bắt buộc, cơ sở giáo dục bắt buộc, trốn khỏi nơi cư trú, bị hạn chế hoặc mất năng lực hành vi dân sự, có khó khăn trong nhận thức, làm chủ hành vi, bị Tòa án cấm đảm nhiệm chức vụ, cấm hành nghề hoặc làm công việc nhất định thì các thành viên còn lại bầu một người trong số các thành viên giữ chức Chủ tịch Hội đồng quản trị theo nguyên tắc đa số thành viên còn lại tán thành cho đến khi có quyết định mới của Hội đồng quản trị.
3. Quyền và nghĩa vụ của Chủ tịch Hội đồng quản trị:
 - a. Phân công cho các thành viên Hội đồng quản trị thực hiện các nhiệm vụ, quyền hạn của Hội đồng quản trị;
 - b. Lập chương trình, kế hoạch hoạt động của Hội đồng quản trị;

- c. Chuẩn bị chương trình, nội dung, các tài liệu phục vụ cuộc họp; triệu tập, chủ trì và làm chủ tọa cuộc họp Hội đồng quản trị;
- d. Tổ chức việc thông qua Nghị quyết, Quyết định của Hội đồng quản trị;
- e. Giám sát quá trình tổ chức thực hiện các Nghị quyết, Quyết định của Hội đồng quản trị;
- f. Ký các văn bản thuộc thẩm quyền của Hội đồng quản trị;
- g. Chủ tọa họp Đại hội đồng cổ đông;
- h. Được uỷ quyền và chịu trách nhiệm về sự uỷ quyền của mình;
- i. Các quyền và nghĩa vụ khác theo quy định của Pháp luật và Điều lệ này.

4. Trường hợp Chủ tịch Hội đồng quản trị có đơn từ chức hoặc bị miễn nhiệm, bãi nhiệm, Hội đồng quản trị phải bầu người thay thế trong thời hạn 10 ngày kể từ ngày nhận đơn từ chức hoặc bị miễn nhiệm, bãi nhiệm.

Điều 31. Các cuộc họp của Hội đồng quản trị

1. Chủ tịch Hội đồng quản trị được bầu trong cuộc họp đầu tiên của Hội đồng quản trị trong thời hạn 07 ngày làm việc kể từ ngày kết thúc bầu cử Hội đồng quản trị đó. Cuộc họp này do thành viên có số phiếu bầu cao nhất hoặc tỷ lệ phiếu bầu cao nhất triệu tập và chủ trì. Trường hợp có nhiều hơn một thành viên có số phiếu bầu hoặc tỷ lệ phiếu bầu cao nhất và ngang nhau thì các thành viên bầu theo nguyên tắc đa số để chọn 01 người trong số họ triệu tập họp Hội đồng quản trị.

2. Hội đồng quản trị phải họp ít nhất mỗi quý 01 lần và có thể họp bất thường.

3. Các cuộc họp thường kỳ

Chủ tịch Hội đồng quản trị phải triệu tập các cuộc họp Hội đồng quản trị thường kỳ, lập chương trình nghị sự, thời gian và địa điểm họp ít nhất 03 (ba) ngày trước ngày họp dự kiến. Chủ tịch có thể triệu tập họp bất kỳ khi nào thấy cần thiết, nhưng ít nhất là mỗi quý phải họp một (01) lần.

4. Các cuộc họp bất thường

Chủ tịch Hội đồng quản trị triệu tập các cuộc họp bất thường khi thấy cần thiết vì lợi ích của Tổng công ty. Ngoài ra, Chủ tịch Hội đồng quản trị phải triệu tập họp Hội đồng quản trị, không được trì hoãn nếu không có lý do chính đáng, khi một trong số các đối tượng dưới đây đề nghị bằng văn bản trình bày mục đích cuộc họp, vấn đề cần thảo luận và quyết định thuộc thẩm quyền của Hội đồng quản trị:

- a. Ban kiểm soát;
- b. Tổng giám đốc hoặc ít nhất năm (05) cán bộ quản lý khác;
- c. Ít nhất hai (02) thành viên Hội đồng quản trị;

5. Các cuộc họp Hội đồng quản trị nêu tại Khoản 4 Điều này phải được tiến hành trong thời hạn bảy (07) ngày làm việc sau khi có đề xuất họp. Trường hợp Chủ tịch Hội đồng quản trị không chấp nhận triệu tập họp theo đề nghị thì Chủ tịch phải chịu trách nhiệm về những thiệt hại xảy ra đối với Tổng công ty; những người đề nghị tổ chức cuộc họp được đề cập đến ở Khoản 4 Điều này có thể tự mình triệu tập họp Hội đồng quản trị.

6. Chủ tịch Hội đồng quản trị hoặc người triệu tập họp Hội đồng quản trị phải gửi thông báo mời họp chậm nhất là năm (05) ngày trước ngày họp. Thông báo mời họp phải xác định cụ thể thời gian và địa điểm họp, chương trình, các vấn đề thảo luận và quyết định. Thông báo mời họp phải kèm theo tài liệu sử dụng tại cuộc họp và phiếu biểu quyết của thành viên.

Thông báo mời họp Hội đồng quản trị có thể gửi bằng giấy mời, điện thoại, fax, phương tiện điện tử hoặc phương thức khác do Điều lệ Tổng công ty quy định và bảo đảm đến được địa chỉ liên lạc của từng thành viên Hội đồng quản trị được đăng ký tại Tổng công ty.

7. Chủ tịch Hội đồng quản trị hoặc người triệu tập gửi thông báo mời họp và các tài liệu kèm theo đến các thành viên Ban Kiểm soát như đối với các thành viên Hội đồng quản trị.

Thành viên Ban Kiểm soát có quyền dự các cuộc họp Hội đồng quản trị; có quyền thảo luận nhưng không được biểu quyết.

8. Số thành viên tham dự tối thiểu

Cuộc họp Hội đồng quản trị được tiến hành khi có từ 3/4 tổng số thành viên trở lên dự họp hoặc thông qua người đại diện (người được uỷ quyền).

Trường hợp không đủ số thành viên dự họp theo quy định, cuộc họp phải được triệu tập lại trong thời hạn bảy (07) ngày kể từ ngày dự định họp lần thứ nhất. Cuộc họp triệu tập lại được tiến hành nếu có hơn một nửa (1/2) số thành viên Hội đồng quản trị dự họp.

9. Thành viên Hội đồng quản trị được coi là tham dự và biểu quyết tại cuộc họp trong trường hợp sau đây:

- a. Tham dự và biểu quyết trực tiếp tại cuộc họp;
- b. Ủy quyền cho người khác đến dự họp theo quy định tại khoản 10 Điều này;
- c. Tham dự và biểu quyết thông qua hội nghị trực tuyến, bỏ phiếu điện tử hoặc hình thức điện tử khác;
- d. Gửi phiếu biểu quyết đến cuộc họp thông qua thư, fax, thư điện tử.

Trường hợp gửi phiếu biểu quyết đến cuộc họp thông qua thư, phiếu biểu quyết phải đựng trong phong bì kín và phải được chuyển đến Chủ tịch Hội đồng quản trị chậm nhất một giờ trước khi khai mạc. Phiếu biểu quyết chỉ được mở trước sự chứng kiến của tất cả những người dự họp.

Nghị quyết của Hội đồng quản trị được thông qua nếu được đa số thành viên dự họp tán thành; trường hợp số phiếu ngang nhau thì quyết định cuối cùng thuộc về phía có ý kiến của Chủ tịch Hội đồng quản trị.

10. Biểu quyết.

a. Trừ quy định tại Điểm b Khoản 10 Điều này, mỗi thành viên Hội đồng quản trị hoặc người được ủy quyền trực tiếp có mặt với tư cách cá nhân tại cuộc họp Hội đồng quản trị có một (01) phiếu biểu quyết;

b. Thành viên Hội đồng quản trị không được biểu quyết về các hợp đồng, các giao dịch hoặc đề xuất mà thành viên đó hoặc người liên quan tới thành viên đó có lợi ích và lợi ích đó mâu thuẫn hoặc có thể mâu thuẫn với lợi ích của Tổng công ty. Thành viên Hội đồng quản trị không được tính vào số lượng đại biểu tối thiểu cần thiết có mặt để có thể tổ chức cuộc họp Hội đồng quản trị về những quyết định mà thành viên đó không có quyền biểu quyết;

c. Theo quy định tại Điểm d Khoản 10 Điều này, khi có vấn đề phát sinh trong một cuộc họp của Hội đồng quản trị liên quan đến lợi ích của thành viên Hội đồng quản trị hoặc liên quan đến quyền biểu quyết một thành viên mà những vấn đề đó không được giải quyết bằng việc tự nguyện từ bỏ quyền biểu quyết của thành viên Hội đồng quản trị có liên quan, những vấn đề phát sinh đó được chuyển tới cho chủ tọa cuộc họp quyết định. Phán quyết của chủ tọa liên quan đến vấn đề này có giá trị là quyết định cuối cùng trừ trường hợp tính chất hoặc phạm vi lợi ích của thành viên Hội đồng quản trị liên quan chưa được công bố đầy đủ;

d. Thành viên Hội đồng quản trị hưởng lợi từ một hợp đồng được quy định tại Điểm a và Điểm b Khoản 6 Điều 44 Điều lệ này được coi là có lợi ích đáng kể trong hợp đồng đó.

11. Công khai lợi ích

Thành viên Hội đồng quản trị trực tiếp hoặc gián tiếp được hưởng lợi từ một hợp đồng hoặc giao dịch đã được ký kết hoặc đang dự kiến ký kết với Tổng công ty và biết bản thân là người có lợi ích trong đó có trách nhiệm công khai bản chất, nội dung của quyền lợi đó trong cuộc họp mà Hội đồng quản trị lần đầu tiên xem xét vấn đề ký kết hợp đồng hoặc giao dịch này. Trường hợp một thành viên Hội đồng quản trị không biết bản thân và người liên quan có lợi ích vào thời điểm hợp đồng, giao dịch được ký với Tổng công ty, thành viên Hội đồng quản trị này phải công khai các lợi ích liên quan tại cuộc họp đầu tiên của Hội đồng quản trị được tổ chức sau khi thành viên này biết rằng mình có lợi ích hoặc sẽ có lợi ích trong giao dịch hoặc hợp đồng liên quan.

12. Họp trên điện thoại hoặc các hình thức khác

Cuộc họp của Hội đồng quản trị có thể tổ chức theo hình thức nghị sự giữa các thành viên của Hội đồng quản trị khi tất cả hoặc một số thành viên đang ở những địa điểm khác nhau với điều kiện là mỗi thành viên tham gia họp đều có thể:

- a. Nghe từng thành viên Hội đồng quản trị khác cùng tham gia phát biểu trong cuộc họp;
- b. Phát biểu với tất cả các thành viên tham dự khác một cách đồng thời.

Việc trao đổi giữa các thành viên có thể thực hiện một cách trực tiếp qua điện thoại hoặc

bằng phương tiện liên lạc thông tin khác (kể cả việc sử dụng phương tiện này diễn ra vào thời điểm thông qua Điều lệ hay sau này) hoặc là kết hợp tất cả những phương thức này. Thành viên Hội đồng quản trị tham gia cuộc họp như vậy được coi là "có mặt" tại cuộc họp đó. Địa điểm cuộc họp được tổ chức theo quy định này là địa điểm mà nhóm thành viên Hội đồng quản trị đồng nhất tập hợp lại, hoặc nếu không có một nhóm như vậy, là địa điểm mà Chủ tọa cuộc họp hiện diện.

Các quyết định được thông qua trong một cuộc họp qua điện thoại được tổ chức và tiến hành một cách hợp thức có hiệu lực ngay khi kết thúc cuộc họp nhưng phải được khẳng định bằng các chữ ký trong biên bản của tất cả thành viên Hội đồng quản trị tham dự cuộc họp này.

13. Nghị quyết theo hình thức lấy ý kiến bằng văn bản

Nghị quyết của Hội đồng quản trị được thông qua nếu được đa số thành viên dự họp tán thành; trường hợp số phiếu ngang nhau thì quyết định cuối cùng thuộc về phía có ý kiến của Chủ tịch Hội đồng quản trị.

Nghị quyết theo hình thức lấy ý kiến bằng văn bản được thông qua trên cơ sở ý kiến tán thành của đa số thành viên Hội đồng quản trị có quyền biểu quyết. Nghị quyết này có hiệu lực và giá trị như Nghị quyết được các thành viên Hội đồng quản trị thông qua tại cuộc họp được triệu tập và tổ chức theo thông lệ.

14. Biên bản họp Hội đồng quản trị

Chủ tịch Hội đồng quản trị có trách nhiệm chuyển biên bản họp Hội đồng quản trị cho các thành viên và biên bản đó là bằng chứng xác thực về công việc đã được tiến hành trong các cuộc họp đó trừ khi có ý kiến phản đối về nội dung biên bản trong thời hạn mười (10) ngày kể từ khi chuyển đi. Biên bản họp Hội đồng quản trị được lập bằng tiếng Việt và có thể lập thêm bằng tiếng nước ngoài, phải có chữ ký của tất cả các thành viên Hội đồng quản trị tham dự cuộc họp. Nội dung chủ yếu của biên bản phải đáp ứng những yêu cầu theo quy định của Pháp luật hiện hành.

15. Biên bản họp Hội đồng quản trị và các tài liệu sử dụng trong cuộc họp phải được lưu giữ tại trụ sở chính của Tổng công ty.

16. Các tiểu ban của Hội đồng quản trị

Hội đồng quản trị có thể thành lập tiểu ban trực thuộc để phụ trách về chính sách phát triển, nhân sự, lương thưởng, kiểm toán nội bộ, quản lý rủi ro. Số lượng thành viên của tiểu ban do Hội đồng quản trị quyết định có tối thiểu là 03 người bao gồm thành viên của Hội đồng quản trị và thành viên bên ngoài. Các thành viên Hội đồng quản trị không điều hành nên chiếm đa số trong tiểu ban và một trong số các thành viên này được bổ nhiệm làm Trưởng tiểu ban theo quyết định của Hội đồng quản trị. Hoạt động của tiểu ban phải tuân thủ theo quy định của Hội đồng quản trị. Nghị quyết của tiểu ban chỉ có hiệu lực khi có đa số thành viên tham dự và biểu quyết thông qua tại cuộc họp của tiểu ban.

2. Việc thực thi quyết định của Hội đồng quản trị, hoặc của tiểu ban trực thuộc Hội đồng quản trị phải phù hợp với các quy định pháp luật hiện hành và quy định tại Điều lệ công ty, Quy chế nội bộ về quản trị công ty.

17. Giá trị pháp lý của các quyết định của Hội đồng quản trị

Việc thực thi quyết định của Hội đồng quản trị, hoặc của tiểu ban trực thuộc Hội đồng quản trị, hoặc của người có tư cách thành viên tiểu ban Hội đồng quản trị được coi là có giá trị pháp lý kể cả trong trường hợp việc bầu, chỉ định thành viên của tiểu ban hoặc Hội đồng quản trị có thể có sai sót.

Điều 32. Người phụ trách quản trị Tổng công ty

1. Hội đồng quản trị của Tổng công ty phải bổ nhiệm ít nhất 01 người phụ trách quản trị Tổng công ty để hỗ trợ công tác quản trị công ty tại doanh nghiệp. Người phụ trách quản trị Tổng công ty có thể kiêm nhiệm làm Thư ký Tổng công ty theo quy định tại khoản 5 Điều 156 Luật doanh nghiệp.

2. Người phụ trách quản trị Tổng công ty không được đồng thời làm việc cho tổ chức kiểm toán được chấp thuận đang thực hiện kiểm toán các báo cáo tài chính của Tổng công ty.

3. Người phụ trách quản trị Tổng công ty có quyền và nghĩa vụ sau:

- a. Tư vấn Hội đồng quản trị trong việc tổ chức họp Đại hội đồng cổ đông theo quy định và các công việc liên quan giữa Tổng công ty và cổ đông;
- b. Chuẩn bị các cuộc họp Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát và Đại hội đồng cổ đông theo yêu cầu của Hội đồng quản trị hoặc Ban kiểm soát;
- c. Tư vấn về thủ tục của các cuộc họp;
- d. Tham dự các cuộc họp;
- e. Tư vấn thủ tục lập các nghị quyết của Hội đồng quản trị phù hợp với quy định của pháp luật;
- f. Cung cấp các thông tin tài chính, bản sao biên bản họp Hội đồng quản trị và các thông tin khác cho thành viên Hội đồng quản trị và Kiểm soát viên;
- g. Giám sát và báo cáo Hội đồng quản trị về hoạt động công bố thông tin của Tổng công ty;
- h. Là đầu mối liên lạc với các bên có quyền lợi liên quan;
- i. Bảo mật thông tin theo các quy định của pháp luật và Điều lệ Tổng công ty;
- j. Các quyền và nghĩa vụ khác theo quy định của pháp luật và Điều lệ Tổng công ty.

VIII. TỔNG GIÁM ĐỐC, NGƯỜI ĐIỀU HÀNH KHÁC VÀ THƯ KÝ TỔNG CÔNG TY

Điều 33. Tổ chức bộ máy quản lý

Hệ thống quản lý của Tổng công ty phải đảm bảo bộ máy quản lý chịu trách nhiệm trước Hội đồng quản trị và chịu sự giám sát, chỉ đạo của Hội đồng quản trị trong công việc kinh doanh hàng ngày của Tổng công ty. Tổng công ty có một (01) Tổng giám đốc, các Phó tổng giám đốc và một Kế toán trưởng và các chức danh khác do Hội đồng quản trị bổ nhiệm. Việc bổ nhiệm miễn nhiệm, bãi nhiệm các chức danh nêu trên phải được thông qua bằng Nghị quyết, Quyết định của Hội đồng quản trị.

Điều 34. Người điều hành Tổng công ty

1. Người điều hành Tổng công ty bao gồm Tổng giám đốc, các Phó Tổng giám đốc, Kế toán trưởng và các chức danh điều hành khác do Hội đồng quản trị bổ nhiệm.

2. Theo đề nghị của Tổng giám đốc và được sự chấp thuận của Hội đồng quản trị, Tổng công ty được tuyển dụng người điều hành khác với số lượng và tiêu chuẩn phù hợp với cơ cấu và quy chế quản lý của Công ty do Hội đồng quản trị quy định. Người điều hành doanh nghiệp phải trách nhiệm để hỗ trợ Công ty đạt được các mục tiêu đề ra trong hoạt động và tổ chức.

3. Mức lương, tiền thù lao, lợi ích và các điều khoản khác trong hợp đồng lao động đối với Tổng giám đốc do Hội đồng quản trị quyết định và hợp đồng với những cán bộ quản lý khác do Hội đồng quản trị quyết định sau khi tham khảo ý kiến của Tổng giám đốc.

4. Tiền lương của người điều hành được tính vào chi phí kinh doanh của Tổng công ty theo quy định của pháp luật về thuế thu nhập doanh nghiệp, được thể hiện thành mục riêng trong báo cáo tài chính hằng năm của Tổng công ty và phải báo cáo Đại hội đồng cổ đông tại cuộc họp thường niên.

Điều 35. Bổ nhiệm, miễn nhiệm, nhiệm vụ và quyền hạn của Tổng giám đốc

1. Hội đồng quản trị bổ nhiệm một thành viên trong Hội đồng hoặc thuê người khác làm Tổng giám đốc; ký hợp đồng trong đó quy định mức lương, thù lao, lợi ích và các điều khoản khác liên quan khác. Thông tin về mức lương, trợ cấp, quyền lợi của Tổng giám đốc phải được báo cáo tại Đại hội đồng cổ đông thường niên và được nêu trong Báo cáo thường niên của Tổng công ty.

2. Nhiệm kỳ của Tổng giám đốc là không quá năm (05) và có thể được bổ nhiệm lại với số nhiệm kỳ không hạn chế. Việc bổ nhiệm có thể hết hiệu lực căn cứ vào các quy định tại hợp đồng lao động. Tổng giám đốc không phải là người mà Pháp luật cấm giữ chức vụ này.

3. Tổng giám đốc có những quyền hạn và nghĩa vụ sau:

a. Tổ chức thực hiện các Nghị quyết, Quyết định của Hội đồng quản trị và Đại hội đồng cổ đông;

b. Tổ chức thực hiện kế hoạch kinh doanh và phương án đầu tư của Tổng công ty đã được Hội đồng quản trị và Đại hội đồng cổ đông thông qua;

- c. Quyết định các vấn đề liên quan đến công việc kinh doanh hằng ngày của Công ty mà không thuộc thẩm quyền của Hội đồng quản trị;
- d. Kiến nghị số lượng và các loại cán bộ quản lý mà Tổng công ty cần tuyển dụng để Hội đồng quản trị bổ nhiệm hoặc miễn nhiệm nhằm thực hiện các hoạt động quản lý tốt theo đề xuất của Hội đồng quản trị, và tư vấn đề Hội đồng quản trị quyết định mức lương, thù lao, các lợi ích và các điều khoản khác của hợp đồng lao động của cán bộ quản lý;
- e. Trình Hội đồng quản trị phê chuẩn kế hoạch kinh doanh chi tiết cho năm tài chính tiếp theo trên cơ sở đáp ứng các yêu cầu của ngân sách phù hợp cũng như kế hoạch tài chính năm (05) năm;
- f. Đề xuất những biện pháp nâng cao hoạt động và quản lý của Tổng công ty;
- g. Chuẩn bị các bản dự toán dài hạn, hàng năm và hàng quý của Tổng công ty (sau đây gọi là bản dự toán) phục vụ hoạt động quản lý dài hạn, hàng năm và hàng quý của Tổng công ty theo kế hoạch kinh doanh. Bản dự toán hàng năm (bao gồm cả bảng cân đối kế toán, báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh và báo cáo lưu chuyển tiền tệ dự kiến) cho từng năm tài chính phải được trình đề Hội đồng quản trị thông qua và phải bao gồm những thông tin quy định tại các quy chế của Tổng công ty;
- h. Xây dựng và trình Hội đồng quản trị phê duyệt phương án cơ cấu tổ chức Tổng công ty, phương án thành lập, hoặc giải thể đối với các công ty con, đơn vị trực thuộc; quy chế quản lý nội bộ của Tổng công ty;
- i. Kiến nghị phương án trả cổ tức hoặc xử lý lỗ trong kinh doanh;
- j. Tổng giám đốc phải điều hành công việc kinh doanh hằng ngày của Tổng công ty theo đúng quy định của Pháp luật, Điều lệ Tổng công ty, hợp đồng lao động ký với Tổng công ty, các quy chế quản lý nội bộ của Tổng công ty, quyết định của Hội đồng quản trị. Nếu điều hành trái với các quy định này mà gây thiệt hại cho Tổng công ty thì Tổng giám đốc phải chịu trách nhiệm trước Hội đồng quản trị, trước Pháp luật và phải bồi thường thiệt hại cho Tổng công ty;
- k. Thực hiện tất cả các hoạt động khác theo quy định của Điều lệ này và các quy chế của Tổng công ty, các Nghị quyết của Hội đồng quản trị, hợp đồng lao động của Tổng giám đốc và Pháp luật.
4. Tổng giám đốc là người điều hành công việc kinh doanh hằng ngày của Tổng công ty. Tổng giám đốc chịu trách nhiệm trước Hội đồng quản trị và Đại hội đồng cổ đông về việc thực hiện nhiệm vụ và quyền hạn được giao và phải báo cáo các cơ quan này khi được yêu cầu.
5. Tiêu chuẩn và điều kiện làm Tổng giám đốc:
- a. Có đủ năng lực hành vi dân sự và không thuộc đối tượng bị cấm quản lý doanh nghiệp theo quy định của Luật Doanh nghiệp;
- b. Là người có trình độ chuyên môn, kinh nghiệm thực tế trong quản trị kinh doanh hoặc trong các ngành, nghề kinh doanh chủ yếu của Tổng công ty;
- c. Có sức khỏe, phẩm chất đạo đức tốt, trung thực, liêm khiết; hiểu biết và có ý thức chấp hành Pháp luật;
- d. Không được là người có quan hệ gia đình của người quản lý doanh nghiệp, Kiểm soát viên của công ty và công ty mẹ; người đại diện phần vốn nhà nước, người đại diện phần vốn của doanh nghiệp tại công ty và công ty mẹ;
6. Từ nhiệm và bãi nhiệm Tổng giám đốc
- a. Tổng giám đốc muốn từ nhiệm phải có đơn gửi Hội đồng quản trị. Trong thời hạn sáu mươi (60) ngày, kể từ ngày nhận đơn, Hội đồng quản trị phải xem xét và quyết định;
- b. Tổng giám đốc bị bãi nhiệm khi xảy ra một trong các trường hợp sau:
- Không còn đủ tiêu chuẩn và điều kiện làm Tổng giám đốc theo quy định tại Khoản 5 Điều này;
 - Không còn là đại diện theo ủy quyền của cổ đông là tổ chức theo quyết định của tổ chức đó;
 - Là đại diện theo ủy quyền của cổ đông là tổ chức, nhưng tổ chức đó không còn là cổ đông của Tổng công ty;
 - Bị mất hoặc bị hạn chế năng lực hành vi dân sự bởi quyết định của các cơ quan Pháp luật;

- Từ chức, tự ý bỏ nhiệm sở hoặc không hoàn thành nhiệm vụ theo quy định tại Điều lệ này;
- Bị chết hoặc bị mất trí;
- Trở thành đối tượng bị hạn chế quyền thành lập và quản lý doanh nghiệp theo Điều 17 Luật Doanh nghiệp.

c. Hội đồng quản trị có thể bãi nhiệm Tổng giám đốc khi có đa số thành viên Hội đồng quản trị trở lên biểu quyết tán thành (trong trường hợp này không tính biểu quyết của Tổng giám đốc) và bổ nhiệm một Tổng giám đốc mới thay thế.

7. Tổng giám đốc có thể ủy quyền hoặc uỷ nhiệm bằng văn bản cho các Phó tổng giám đốc hoặc một số chức danh quản lý trong Tổng công ty thay mặt mình giải quyết hoặc thi hành một số công việc thuộc thẩm quyền trong Tổng công ty, nhưng Tổng giám đốc vẫn phải chịu trách nhiệm pháp lý về sự uỷ quyền hoặc uỷ nhiệm này.

Những người được Tổng giám đốc ủy quyền, uỷ nhiệm phải chịu trách nhiệm pháp lý trước Tổng giám đốc và Pháp luật về những công việc mình làm.

Mọi sự ủy quyền, uỷ nhiệm có liên quan đến con dấu của Tổng công ty đều phải thực hiện bằng văn bản.

8. Tổng giám đốc và Kế toán trưởng là người chịu trách nhiệm pháp lý về các chứng từ thu, chi, báo cáo tài chính và các hồ sơ kế toán của Tổng công ty.

Điều 36. Thư ký Tổng công ty

1. Hội đồng quản trị chỉ định một (01) hoặc nhiều người làm Thư ký Tổng công ty với nhiệm kỳ và những điều khoản theo quyết định của Hội đồng quản trị. Hội đồng quản trị có thể bãi nhiệm Thư ký Tổng công ty khi cần nhưng không trái với các quy định Pháp luật hiện hành về lao động. Hội đồng quản trị cũng có thể bổ nhiệm một hay nhiều Trợ lý Thư ký Tổng công ty tùy từng thời điểm. Thư ký Tổng công ty có quyền và nghĩa vụ sau:

a. Hỗ trợ tổ chức triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông, Hội đồng quản trị, ghi chép các biên bản họp;

b. Hỗ trợ thành viên Hội đồng quản trị trong việc thực hiện quyền và nghĩa vụ được giao;

c. Hỗ trợ Hội đồng quản trị trong áp dụng và thực hiện nguyên tắc quản trị Tổng công ty;

d. Hỗ trợ Tổng công ty trong xây dựng quan hệ cổ đông và bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của cổ đông;

e. Hỗ trợ Tổng công ty trong việc tuân thủ đúng các nghĩa vụ cung cấp thông tin, công khai hóa thông tin và thủ tục hành chính.

f. Cung cấp các thông tin tài chính, bản sao biên bản họp Hội đồng quản trị và các thông tin khác cho thành viên của Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát.

2. Thư ký Tổng công ty có trách nhiệm bảo mật thông tin theo các quy định của Pháp luật và Điều lệ Tổng công ty.

IX. BAN KIỂM SOÁT

Điều 37. Ứng cử, đề cử thành viên Ban kiểm soát (Kiểm soát viên)

1. Các cổ đông có quyền gộp số cổ phần phổ thông của từng người lại với nhau để đề cử các ứng viên Ban kiểm soát. Cổ đông hoặc nhóm cổ đông nắm giữ từ 10% đến dưới 30% tổng số cổ phần phổ thông được đề cử một (01) ứng viên; từ 30% đến dưới 50% được đề cử tối đa hai (02) ứng viên; từ 50% trở lên được đề cử từ ba (03) ứng viên đến tối đa năm (05) ứng viên.

2. Trường hợp số lượng các ứng viên Ban kiểm soát thông qua đề cử và ứng cử vẫn không đủ số lượng cần thiết, Ban kiểm soát đương nhiệm có thể đề cử thêm ứng cử viên hoặc tổ chức đề cử theo cơ chế được Tổng công ty quy định tại Quy chế nội bộ về quản trị Tổng công ty. Việc Ban kiểm soát đương nhiệm giới thiệu thêm ứng viên phải được công bố rõ ràng trước khi Đại hội đồng cổ đông biểu quyết bầu thành viên Ban kiểm soát theo quy định của pháp luật.

Điều 38. Thành phần Ban Kiểm soát

1. Số lượng thành viên Ban kiểm soát của Tổng công ty là 03 người. Nhiệm kỳ của thành viên Ban kiểm soát không quá 05 năm và có thể được bầu lại với số nhiệm kỳ không hạn chế.

2. Tiêu chuẩn và điều kiện làm thành viên Ban kiểm soát

- a. Từ 21 tuổi trở lên, có đủ năng lực hành vi dân sự và không thuộc đối tượng bị cấm thành lập và quản lý doanh nghiệp theo quy định của Luật Doanh nghiệp;
- b. Không làm việc trong bộ phận kế toán, tài chính của Tổng công ty;
- c. Không là thành viên hay nhân viên của công ty kiểm toán độc lập thực hiện kiểm toán các báo cáo tài chính của Tổng công ty trong 03 năm liền trước đó;
- d. Được đào tạo một trong các chuyên ngành về kinh tế, tài chính, kế toán, kiểm toán, luật, quản trị kinh doanh hoặc chuyên ngành phù hợp với hoạt động kinh doanh của Tổng công ty;
- e. Có sức khỏe, phẩm chất đạo đức tốt, trung thực, liêm khiết; hiểu biết và có ý thức chấp hành Pháp luật;
- f. Không phải là người có quan hệ gia đình của thành viên Hội đồng quản trị, Giám đốc hoặc Tổng giám đốc và người quản lý khác;
- g. Kiểm soát viên không được giữ các chức vụ quản lý Tổng công ty bao gồm thành viên Hội đồng quản trị hoặc là cán bộ quản lý Tổng công ty (Tổng giám đốc, Phó tổng Giám đốc, Kế toán trưởng, Trưởng ban, hoặc các chức danh tương đương; Không nhất thiết phải là cổ đông hoặc người lao động của Tổng công ty;
- h. Không được là người có quan hệ gia đình của người quản lý doanh nghiệp của Tổng công ty và công ty mẹ; người đại diện phần vốn của doanh nghiệp, người đại diện phần vốn nhà nước tại công ty mẹ và tại Tổng công ty;

3. Thành viên Ban Kiểm soát bị miễn nhiệm trong các trường hợp sau:

- a. Không còn đủ tiêu chuẩn và điều kiện làm thành viên Ban kiểm soát theo quy định tại khoản 2 Điều này;
 - b. Có đơn từ chức và được chấp thuận;
- ## 4. Thành viên Ban kiểm soát bị bãi nhiệm trong các trường hợp sau:
- a. Không hoàn thành nhiệm vụ, công việc được phân công;
 - b. Không thực hiện quyền và nghĩa vụ của mình trong 06 tháng liên tục, trừ trường hợp bất khả kháng;
 - c. Vi phạm nhiều lần, vi phạm nghiêm trọng nghĩa vụ của thành viên Ban kiểm soát theo quy định của Luật Doanh nghiệp ;
 - d. Trường hợp khác theo nghị quyết Đại hội đồng cổ đông.

Điều 39. Cuộc họp của Ban kiểm soát

1. Ban kiểm soát phải họp ít nhất 02 lần trong một năm, số lượng thành viên tham dự họp ít nhất là 2/3 số thành viên Ban kiểm soát. Biên bản họp Ban kiểm soát được lập chi tiết và rõ ràng. Người ghi biên bản và các thành viên Ban kiểm soát tham dự họp phải ký tên vào biên bản cuộc họp. Các biên bản họp của Ban kiểm soát phải được lưu giữ nhằm xác định trách nhiệm của từng thành viên Ban kiểm soát.

2. Ban kiểm soát có quyền yêu cầu thành viên Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc và đại diện tổ chức kiểm toán được chấp thuận tham dự và trả lời các vấn đề cần được làm rõ.

Điều 40. Trưởng Ban kiểm soát

1. Trưởng Ban kiểm soát do Ban kiểm soát bầu trong số các thành viên Ban kiểm soát; việc bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm theo nguyên tắc đa số. Ban kiểm soát phải có hơn một nửa số thành viên thường trú ở Việt Nam. Trưởng Ban kiểm soát phải có bằng tốt nghiệp đại học trở lên thuộc một trong các chuyên ngành kinh tế, tài chính, kế toán, kiểm toán, luật, quản trị kinh doanh hoặc chuyên ngành có liên quan đến hoạt động kinh doanh của Tổng công ty.

2. Quyền và nghĩa vụ của Trưởng Ban kiểm soát:

- a. Triệu tập cuộc họp Ban kiểm soát;
- b. Yêu cầu Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc và người điều hành khác cung cấp các thông

tin liên quan để báo cáo Ban kiểm soát;

c. Lập và ký báo cáo của Ban kiểm soát sau khi đã tham khảo ý kiến của Hội đồng quản trị để trình Đại hội đồng cổ đông.

Điều 41. Quyền và nghĩa vụ của Ban kiểm soát

Ban kiểm soát có các quyền, nghĩa vụ theo quy định tại Điều 170 Luật Doanh nghiệp và các quyền, nghĩa vụ sau:

1. Đề xuất, kiến nghị Đại hội đồng cổ đông phê duyệt danh sách tổ chức kiểm toán được chấp thuận thực hiện kiểm toán Báo cáo tài chính của Tổng công ty; quyết định tổ chức kiểm toán được chấp thuận thực hiện kiểm tra hoạt động của Tổng công ty, bãi miễn kiểm toán viên được chấp thuận khi xét thấy cần thiết.

2. Chịu trách nhiệm trước cổ đông về hoạt động giám sát của mình.

3. Giám sát tình hình tài chính của Tổng công ty, việc tuân thủ pháp luật trong hoạt động của thành viên Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc, người quản lý khác.

4. Kiểm tra các báo cáo tài chính năm, sáu tháng và quý của Tổng công ty;

5. Đảm bảo phối hợp hoạt động với Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc và cổ đông.

6. Trường hợp phát hiện hành vi vi phạm pháp luật hoặc vi phạm Điều lệ Tổng công ty của thành viên Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc và người điều hành khác của doanh nghiệp, Ban kiểm soát phải thông báo bằng văn bản cho Hội đồng quản trị trong vòng 48 giờ, yêu cầu người có hành vi vi phạm chấm dứt vi phạm và có giải pháp khắc phục hậu quả.

7. Xây dựng Quy chế hoạt động của Ban kiểm soát và trình Đại hội đồng cổ đông thông qua.

8. Báo cáo tại Đại hội đồng cổ đông theo quy định tại Điều 290 Nghị định số 155/2020/NĐ-CP ngày 31/12/2020 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Chứng khoán.

9. Có quyền tiếp cận hồ sơ, tài liệu của Tổng công ty lưu giữ tại trụ sở chính, chi nhánh và địa điểm khác; có quyền đến địa điểm làm việc của người quản lý và nhân viên của Tổng công ty trong giờ làm việc.

10. Có quyền yêu cầu Hội đồng quản trị, thành viên Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc và người quản lý khác cung cấp đầy đủ, chính xác, kịp thời thông tin, tài liệu về công tác quản lý, điều hành và hoạt động kinh doanh của Tổng công ty.

11. Thành viên Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc và cán bộ quản lý khác phải cung cấp tất cả các thông tin và tài liệu liên quan đến hoạt động của Tổng công ty theo yêu cầu của Ban kiểm soát. Thư ký Tổng công ty phải bảo đảm rằng toàn bộ bản sao các thông tin tài chính, các thông tin khác cung cấp cho các thành viên Hội đồng quản trị và bản sao các biên bản họp Hội đồng quản trị.

Điều 42. Tiền lương, thù lao, thưởng và lợi ích khác của thành viên Ban kiểm soát

1. Thành viên Ban kiểm soát được trả tiền lương, thù lao, thưởng và lợi ích khác theo quyết định của Đại hội đồng cổ đông. Đại hội đồng cổ đông quyết định tổng mức tiền lương, thù lao, thưởng, lợi ích khác và ngân sách hoạt động hằng năm của Ban kiểm soát.

2. Thành viên Ban kiểm soát được thanh toán chi phí ăn, ở, đi lại, chi phí sử dụng dịch vụ tư vấn độc lập với mức hợp lý. Tổng mức thù lao và chi phí này không vượt quá tổng ngân sách hoạt động hằng năm của Ban kiểm soát đã được Đại hội đồng cổ đông chấp thuận, trừ trường hợp Đại hội đồng cổ đông có quyết định khác.

3. Tiền lương và chi phí hoạt động của Ban kiểm soát được tính vào chi phí kinh doanh của Tổng công ty theo quy định của pháp luật về thuế thu nhập doanh nghiệp, quy định khác của pháp luật có liên quan và phải được lập thành mục riêng trong báo cáo tài chính hằng năm của Tổng công ty.

X. TRÁCH NHIỆM CỦA THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ, THÀNH VIÊN BAN KIỂM SOÁT, TỔNG GIÁM ĐỐC VÀ NGƯỜI ĐIỀU HÀNH KHÁC

Điều 43. Trách nhiệm cẩn trọng

1. Thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát, Tổng giám đốc và người điều hành khác có trách nhiệm thực hiện các nhiệm vụ của mình, kể cả những nhiệm vụ với tư cách thành viên các tiểu ban của Hội đồng quản trị, một cách trung thực vì lợi ích cao nhất của Tổng công ty và với mức độ cẩn trọng mà một người thận trọng phải có khi đảm nhiệm vị trí tương đương và trong hoàn cảnh tương tự.

2. Thành viên Hội đồng quản trị, Kiểm soát viên, Tổng giám đốc và người điều hành khác có nghĩa vụ thông báo cho Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát về các giao dịch giữa công ty, công ty con, công ty do Tổng công ty nắm quyền kiểm soát trên 50% trở lên vốn điều lệ với chính thành viên đó hoặc với những người có liên quan của thành viên đó theo quy định của pháp luật. Đối với các giao dịch của các đối tượng nêu trên do Đại hội đồng cổ đông hoặc Hội đồng quản trị chấp thuận, Tổng công ty phải thực hiện công bố thông tin về các nghị quyết này theo quy định của pháp luật chứng khoán về công bố thông tin.

3. Thành viên Hội đồng quản trị không được biểu quyết đối với giao dịch mang lại lợi ích cho thành viên đó hoặc người có liên quan của thành viên đó theo quy định của Luật doanh nghiệp và Điều lệ Tổng công ty.

4. Thành viên Hội đồng quản trị, Kiểm soát viên, Tổng giám đốc, người điều hành khác và những người có liên quan của các thành viên này không được sử dụng các thông tin chưa được phép công bố của Tổng công ty hoặc tiết lộ cho người khác để thực hiện các giao dịch có liên quan.

Điều 44. Trách nhiệm trung thực và tránh các xung đột về quyền lợi

1. Thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát, Tổng giám đốc và người quản lý khác phải công khai các lợi ích có liên quan theo quy định của Luật Doanh nghiệp và các văn bản pháp luật liên quan.

2. Thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát, Tổng giám đốc và các cán bộ quản lý khác và những người có liên quan không được phép sử dụng những cơ hội kinh doanh có thể mang lại lợi ích cho Tổng công ty vì mục đích cá nhân; đồng thời không được sử dụng những thông tin có được nhờ chức vụ của mình để tư lợi cá nhân hay để phục vụ lợi ích của tổ chức hoặc cá nhân khác.

3. Thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát, Tổng giám đốc và các cán bộ quản lý khác và những người có liên quan có nghĩa vụ thông báo cho Hội đồng quản trị tất cả các lợi ích có thể gây xung đột với lợi ích của Tổng công ty mà họ có thể được hưởng thông qua các pháp nhân kinh tế, các giao dịch hoặc cá nhân khác.

4. Thành viên Hội đồng quản trị không được biểu quyết đối với giao dịch mang lại lợi ích cho thành viên đó hoặc người có liên quan của thành viên đó theo quy định của Luật Doanh nghiệp và Điều lệ Tổng công ty.

5. Tổng công ty không cấp các khoản vay hoặc bảo lãnh cho các thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát, Tổng giám đốc, cán bộ quản lý khác và những người có liên quan tới các thành viên nêu trên hoặc pháp nhân mà những người này có các lợi ích tài chính, trừ trường hợp các khoản vay hoặc bảo lãnh nêu trên đã được Đại hội đồng cổ đông chấp thuận.

6. Hợp đồng hoặc giao dịch giữa Tổng công ty với một hoặc nhiều thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát, Tổng giám đốc, cán bộ quản lý khác hoặc những người liên quan đến họ hoặc công ty, đối tác, hiệp hội, hoặc tổ chức mà thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát, Tổng giám đốc, cán bộ quản lý khác hoặc những người liên quan đến họ là thành viên, hoặc có liên quan lợi ích tài chính không bị vô hiệu hoá trong các trường hợp sau đây:

a. Đối với hợp đồng có giá trị từ dưới 35% tổng giá trị tài sản được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất của Tổng công ty, những yếu tố quan trọng về hợp đồng hoặc giao dịch cũng như các mối quan hệ và lợi ích của cán bộ quản lý hoặc thành viên Hội đồng quản trị đã được báo cáo cho Hội đồng quản trị hoặc tiểu ban liên quan. Đồng thời, Hội đồng quản trị hoặc tiểu ban đó đã cho phép thực hiện hợp đồng hoặc giao dịch đó một cách trung thực bằng đa số phiếu tán thành của những thành viên Hội đồng không có lợi ích liên quan;

b. Đối với giao dịch có giá trị lớn hơn 35% hoặc giao dịch dẫn đến giá trị giao dịch phát sinh trong vòng 12 tháng kể từ ngày thực hiện giao dịch đầu tiên có giá trị từ 35% trở lên tổng giá trị

tài sản được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất, những nội dung quan trọng của giao dịch này cũng như mối quan hệ và lợi ích của thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát, Tổng giám đốc, người điều hành khác đã được công bố cho các cổ đông và được Đại hội đồng cổ đông thông qua bằng phiếu biểu quyết của các cổ đông không có lợi ích liên quan.

c. Hợp đồng hoặc giao dịch đó được một tổ chức tư vấn độc lập cho là công bằng và hợp lý xét trên mọi phương diện liên quan đến các cổ đông của công ty vào thời điểm giao dịch hoặc hợp đồng này được Hội đồng quản trị hoặc một tiểu ban trực thuộc Hội đồng quản trị hay các cổ đông cho phép thực hiện.

Thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát, Tổng giám đốc, cán bộ quản lý khác và những người có liên quan với các thành viên nêu trên không được sử dụng các thông tin chưa được phép công bố của Tổng công ty hoặc tiết lộ cho người khác để thực hiện các giao dịch có liên quan.

Điều 45. Trách nhiệm về thiệt hại và bồi thường

1. Thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát, Tổng giám đốc và cán bộ quản lý khác vi phạm nghĩa vụ, trách nhiệm trung thực và cẩn trọng, không hoàn thành nghĩa vụ của mình với sự mất cân và năng lực chuyên môn phải chịu trách nhiệm về những thiệt hại do hành vi vi phạm của mình gây ra.

2. Tổng công ty bồi thường cho những người đã, đang hoặc có thể trở thành một bên liên quan trong các vụ khiếu nại, kiện, khởi tố (bao gồm các vụ việc dân sự, hành chính và không phải là các vụ kiện do Tổng công ty là người khởi kiện) nếu người đó đã hoặc đang là thành viên Hội đồng quản trị, cán bộ quản lý, nhân viên hoặc là đại diện được Tổng công ty uỷ quyền hoặc người đó đã hoặc đang làm theo yêu cầu của Tổng công ty với tư cách thành viên Hội đồng quản trị, cán bộ quản lý, nhân viên hoặc đại diện theo uỷ quyền của Tổng công ty với điều kiện người đó đã hành động trung thực, cẩn trọng, mất cân vì lợi ích hoặc không chống lại lợi ích cao nhất của Tổng công ty, trên cơ sở tuân thủ luật pháp và không có bằng chứng xác nhận rằng người đó đã vi phạm những trách nhiệm của mình. Khi thực hiện chức năng, nhiệm vụ hoặc thực thi các công việc theo uỷ quyền của Tổng công ty, thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát, cán bộ quản lý, nhân viên hoặc là đại diện theo uỷ quyền của Tổng công ty được Tổng công ty bồi thường khi trở thành một bên liên quan trong các vụ khiếu nại, kiện, khởi tố (trừ các vụ kiện do Tổng công ty là người khởi kiện) trong các trường hợp sau:

a. Đã hành động trung thực, cẩn trọng, mất cân vì lợi ích và không mâu thuẫn với lợi ích của Tổng công ty;

b. Tuân thủ luật pháp và không có bằng chứng xác nhận đã không thực hiện trách nhiệm của mình.

3. Chi phí bồi thường bao gồm các chi phí phát sinh (kể cả phí thuê luật sư), chi phí phán quyết, các khoản tiền phạt, các khoản phải thanh toán phát sinh trong thực tế hoặc được coi là mức hợp lý khi giải quyết những vụ việc này trong khuôn khổ luật pháp cho phép. Tổng công ty có thể mua bảo hiểm cho những người đó để tránh những trách nhiệm bồi thường nêu trên.

Điều 46. Giao dịch với người có liên quan

1. Khi tiến hành giao dịch với người có liên quan, Tổng công ty phải ký kết hợp đồng bằng văn bản theo nguyên tắc bình đẳng, tự nguyện.

2. Tổng công ty áp dụng các biện pháp cần thiết để ngăn ngừa những người có liên quan can thiệp vào hoạt động của Tổng công ty và gây tổn hại cho lợi ích của Tổng công ty thông qua việc kiểm soát các giao dịch, mua bán, giá cả hàng hóa và dịch vụ của Tổng công ty.

3. Tổng công ty áp dụng các biện pháp cần thiết để ngăn ngừa cổ đông và những người có liên quan tiến hành các giao dịch làm thất thoát vốn, tài sản hoặc các nguồn lực khác của Tổng công ty.

Điều 47. Giao dịch với cổ đông, người quản lý doanh nghiệp và người có liên quan của các đối tượng này

1. Tổng công ty không được cung cấp khoản vay hoặc bảo lãnh cho cổ đông là cá nhân và người có liên quan của cổ đông đó là cá nhân.

2. Tổng công ty không được cung cấp khoản vay hoặc bảo lãnh cho cổ đông là tổ chức và người có liên quan của cổ đông đó là cá nhân, trừ các trường hợp Cổ đông là công ty con trong

trường hợp công ty con là các công ty không có cổ phần, phần vốn góp nhà nước nắm giữ và đã thực hiện góp vốn, mua cổ phần của Tổng công ty trước ngày 01 tháng 7 năm 2015 theo quy định tại Khoản 1 Điều 293 Nghị định 155/2020/NĐ-CP ngày 31 tháng 12 năm 2020 quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Chứng khoán.

3. Tổng công ty không được cung cấp khoản vay hoặc bảo lãnh cho người có liên quan của cổ đông là tổ chức, trừ các trường hợp sau đây:

a. Tổng công ty và tổ chức là người có liên quan của cổ đông là các công ty trong cùng tập đoàn hoặc các công ty hoạt động theo nhóm công ty, bao gồm công ty mẹ - công ty con, tập đoàn kinh tế và giao dịch này phải được Đại hội đồng cổ đông hoặc Hội đồng quản trị chấp thuận theo quy định tại Điều lệ Tổng công ty;

b. Trường hợp pháp luật có quy định khác.

4. Trừ trường hợp các giao dịch được Đại hội đồng cổ đông chấp thuận, Tổng công ty không được thực hiện giao dịch sau:

a. Cấp các khoản vay hoặc bảo lãnh cho thành viên Hội đồng quản trị, Kiểm soát viên, Tổng giám đốc, các người quản lý khác và những cá nhân, tổ chức có liên quan của các đối tượng này, trừ trường hợp Tổng công ty và tổ chức có liên quan đến cổ đông là các công ty trong cùng tập đoàn hoặc các công ty hoạt động theo nhóm công ty, bao gồm công ty mẹ - công ty con, tập đoàn kinh tế và pháp luật chuyên ngành có quy định khác.

b. Giao dịch dẫn đến tổng giá trị giao dịch có giá trị từ 35% tổng giá trị tài sản được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất của Tổng công ty với một trong các đối tượng sau:

- Thành viên Hội đồng quản trị, Kiểm soát viên, Tổng giám đốc, các người quản lý khác và người có liên quan của các đối tượng này;

- Cổ đông, người đại diện ủy quyền của cổ đông sở hữu trên 10% tổng vốn cổ phần phổ thông của Tổng công ty và những người có liên quan của họ;

- Doanh nghiệp có liên quan đến các đối tượng quy định tại Khoản 2 Điều 164 Luật doanh nghiệp.

5. Hội đồng quản trị chấp thuận các hợp đồng, giao dịch tại điểm b khoản 4 Điều này có giá trị nhỏ hơn 35% tổng giá trị tài sản được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất của Tổng công ty.

XI. QUYỀN TRA CỨU SỔ SÁCH VÀ HỒ SƠ TỔNG CÔNG TY

Điều 48. Quyền tra cứu sổ sách và hồ sơ

1. Cổ đông phổ thông có quyền tra cứu sổ sách và hồ sơ, cụ thể như sau:

a. Cổ đông phổ thông có quyền xem xét, tra cứu và trích lục thông tin về tên và địa chỉ liên lạc trong danh sách cổ đông có quyền biểu quyết; yêu cầu sửa đổi thông tin không chính xác của mình; xem xét, tra cứu, trích lục hoặc sao chụp Điều lệ Tổng công ty, biên bản họp Đại hội đồng cổ đông và nghị quyết Đại hội đồng cổ đông;

b. Cổ đông hoặc nhóm cổ đông sở hữu từ 5% tổng số cổ phần phổ thông trở lên có quyền xem xét, tra cứu, trích lục sổ biên bản và nghị quyết, quyết định của Hội đồng quản trị, báo cáo tài chính giữa năm và hằng năm, báo cáo của Ban kiểm soát, hợp đồng, giao dịch phải thông qua Hội đồng quản trị và tài liệu khác, trừ tài liệu liên quan đến bí mật thương mại, bí mật kinh doanh của Tổng công ty.

Việc tra cứu, sao chụp hoặc trích lục các hồ sơ đó trong giờ làm việc và tại trụ sở chính của Tổng công ty.

2. Trường hợp đại diện được ủy quyền của cổ đông và nhóm cổ đông yêu cầu tra cứu sổ sách và hồ sơ thì phải kèm theo giấy ủy quyền của cổ đông và nhóm cổ đông mà người đó đại diện hoặc bản sao công chứng của giấy ủy quyền này.

3. Thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát, Tổng giám đốc và người điều hành khác có quyền kiểm tra sổ đăng ký cổ đông của Tổng công ty, danh sách cổ đông và những sổ sách và hồ sơ khác của Tổng công ty vì những mục đích liên quan tới chức vụ của mình với điều kiện các thông tin này phải được bảo mật.

4. Tổng công ty phải lưu Điều lệ này và những bản sửa đổi bổ sung Điều lệ, Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp, các quy chế, các tài liệu chứng minh quyền sở hữu tài sản, Nghị

quyết Đại hội đồng cổ đông và Hội đồng quản trị, biên bản họp Đại hội đồng cổ đông và Hội đồng quản trị, các báo cáo của Hội đồng quản trị, các báo cáo của Ban kiểm soát, báo cáo tài chính năm, sổ sách kế toán và bất cứ giấy tờ nào khác theo quy định của Pháp luật tại trụ sở chính hoặc một nơi khác với điều kiện là các cổ đông và cơ quan đăng ký kinh doanh được thông báo về địa điểm lưu trữ các giấy tờ này.

5. Điều lệ Tổng công ty phải được công bố trên website của Tổng công ty.

XII. CÔNG NHÂN VIÊN VÀ CÔNG ĐOÀN

Điều 49. Công nhân viên và công đoàn

Tổng giám đốc phải lập kế hoạch để Hội đồng quản trị thông qua các vấn đề liên quan đến việc tuyển dụng, cho người lao động thôi việc, lương, bảo hiểm xã hội, phúc lợi, khen thưởng và kỷ luật đối với người lao động và người điều hành doanh nghiệp.

Tổng giám đốc phải lập kế hoạch để Hội đồng quản trị thông qua các vấn đề liên quan đến quan hệ của Tổng công ty với các tổ chức công đoàn theo các chuẩn mực, thông lệ và chính sách quản lý tốt nhất, những thông lệ và chính sách quy định tại Điều lệ này, các quy chế của Tổng công ty và quy định Pháp luật hiện hành.

XIII. PHÂN PHỐI LỢI NHUẬN

Điều 50. Phân phối lợi nhuận

1. Đại hội đồng cổ đông quyết định mức chi trả cổ tức và hình thức chi trả cổ tức hàng năm từ lợi nhuận được giữ lại của Tổng công ty.

2. Theo quy định của Luật Doanh nghiệp, Hội đồng quản trị có thể quyết định tạm ứng cổ tức giữa kỳ nếu xét thấy việc chi trả này phù hợp với khả năng sinh lời của Tổng công ty.

3. Tổng công ty không thanh toán lãi cho khoản tiền trả cổ tức hay khoản tiền chi trả liên quan tới một loại cổ phiếu.

4. Hội đồng quản trị có thể đề nghị Đại hội đồng cổ đông thông qua việc thanh toán toàn bộ hoặc một phần cổ tức bằng cổ phiếu và Hội đồng quản trị là cơ quan thực thi quyết định này.

5. Trường hợp cổ tức hay những khoản tiền khác liên quan tới một loại cổ phiếu được chi trả bằng tiền mặt, Tổng công ty phải chi trả bằng tiền đồng Việt Nam. Việc chi trả có thể thực hiện trực tiếp hoặc thông qua các ngân hàng trên cơ sở các thông tin chi tiết về ngân hàng do cổ đông cung cấp. Trường hợp Tổng công ty đã chuyển khoản theo đúng các thông tin chi tiết về ngân hàng do cổ đông cung cấp mà cổ đông đó không nhận được tiền, Tổng công ty không phải chịu trách nhiệm về khoản tiền Công ty đã chuyển cho cổ đông này. Việc thanh toán cổ tức đối với các cổ phiếu niêm yết/đăng ký giao dịch tại Sở giao dịch chứng khoán có thể được tiến hành thông qua công ty chứng khoán hoặc Tổng Công ty lưu ký và bù trừ chứng khoán Việt Nam.

6. Căn cứ Luật Doanh nghiệp, Luật Chứng khoán, Hội đồng quản trị thông qua Nghị quyết xác định một ngày cụ thể để chốt danh sách cổ đông. Căn cứ theo ngày đó, những người đăng ký với tư cách cổ đông hoặc người sở hữu các chứng khoán khác được quyền nhận cổ tức, bằng tiền mặt hoặc cổ phiếu nhận thông báo hoặc tài liệu khác.

7. Các vấn đề khác liên quan đến phân phối lợi nhuận được thực hiện theo quy định của Pháp luật.

Điều 51. Các vấn đề khác liên quan đến phân phối lợi nhuận

1. Lợi nhuận sau thuế được xác định vào cuối năm tài chính, trước khi phân chia cổ tức cho các cổ đông phải chia trả lãi liên doanh (nếu có) và sau khi chia trả lãi liên doanh, số còn lại trích lập các quỹ sau:

- a. Quỹ đầu tư phát triển kinh doanh;
- b. Quỹ phúc lợi;
- c. Quỹ khen thưởng;
- d. Trả cổ tức.

2. Tỷ lệ trích lập các quỹ nêu trên do Hội đồng quản trị đề nghị Đại hội đồng cổ đông quyết

định cho từng năm.

XIV. TÀI KHOẢN NGÂN HÀNG, NĂM TÀI CHÍNH VÀ HỆ THỐNG KẾ TOÁN

Điều 52. Tài khoản ngân hàng

1. Tổng công ty mở tài khoản tại các ngân hàng Việt Nam hoặc tại các ngân hàng nước ngoài được phép hoạt động tại Việt Nam.
2. Theo sự chấp thuận trước của cơ quan có thẩm quyền, trong trường hợp cần thiết, Tổng công ty có thể mở tài khoản ngân hàng ở nước ngoài theo các quy định của Pháp luật.
3. Tổng công ty tiến hành tất cả các khoản thanh toán và giao dịch kế toán thông qua các tài khoản tiền Việt Nam hoặc ngoại tệ tại các ngân hàng mà Tổng công ty mở tài khoản.

Điều 53. Năm tài chính

Năm tài chính của Tổng công ty bắt đầu từ ngày đầu tiên của tháng 01 hàng năm và kết thúc vào ngày thứ 31 của tháng 12. Năm tài chính đầu tiên bắt đầu từ ngày cấp Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp và kết thúc vào ngày thứ 31 của tháng 12 ngay sau ngày cấp Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp đó.

Điều 54. Chế độ kế toán

1. Chế độ kế toán Tổng công ty sử dụng là chế độ kế toán doanh nghiệp hoặc chế độ kế toán đặc thù được cơ quan có thẩm quyền ban hành, chấp thuận.
2. Tổng công ty lập sổ sách kế toán bằng tiếng Việt. Tổng công ty lưu giữ hồ sơ kế toán theo loại hình của các hoạt động kinh doanh mà Tổng công ty tham gia. Những hồ sơ này phải chính xác, cập nhật, có hệ thống và phải đủ để chứng minh và giải trình các giao dịch của Tổng công ty.
3. Tổng công ty sử dụng đồng Việt Nam (hoặc ngoại tệ tự do chuyển đổi trong trường hợp được cơ quan nhà nước có thẩm quyền chấp thuận) làm đơn vị tiền tệ dùng trong kế toán.

XV. BÁO CÁO TÀI CHÍNH, BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN, TRÁCH NHIỆM CÔNG BỐ THÔNG TIN, THÔNG BÁO RA CÔNG CHÚNG

Điều 55. Báo cáo tài chính năm, bán niên và quý

1. Tổng công ty phải lập bản báo cáo tài chính năm theo quy định của Pháp luật cũng như các quy định của Ủy ban Chứng khoán Nhà nước và báo cáo phải được kiểm toán theo quy định tại Điều 58 Điều lệ này, Tổng công ty công bố báo cáo tài chính năm đã được kiểm toán theo quy định của pháp luật về công bố thông tin trên thị trường chứng khoán và nộp cho cơ quan nhà nước có thẩm quyền.
2. Báo cáo tài chính năm phải bao gồm đầy đủ các báo cáo, phụ lục, thuyết minh theo quy định pháp luật về kế toán doanh nghiệp. Báo cáo tài chính năm phải phản ánh một cách trung thực và khách quan tình hình hoạt động của Tổng công ty.
3. Tổng công ty phải lập và công bố các báo cáo bán niên đã soát xét và báo cáo tài chính quý theo các quy định pháp luật về công bố thông tin trên thị trường chứng khoán và nộp cho cơ quan nhà nước có thẩm quyền.
4. Các báo cáo tài chính được kiểm toán (bao gồm ý kiến của kiểm toán viên), báo cáo bán niên và quý của Tổng công ty phải được công bố trên website của Tổng công ty.

Điều 56. Báo cáo thường niên

Tổng công ty phải lập và công bố Báo cáo thường niên theo các quy định của Pháp luật về chứng khoán và thị trường chứng khoán.

Điều 57. Nghĩa vụ công bố thông tin

1. Tổng công ty có nghĩa vụ công bố đầy đủ, chính xác và kịp thời thông tin định kỳ và bất thường về tình hình hoạt động sản xuất kinh doanh, tài chính và tình hình quản trị Tổng công ty cho cổ đông và công chúng. Tổng công ty phải công bố đầy đủ, chính xác và kịp thời các thông tin khác nếu các thông tin đó có khả năng ảnh hưởng đến giá chứng khoán và ảnh hưởng đến

quyết định của cổ đông và nhà đầu tư. Thông tin và cách thức công bố thông tin được thực hiện theo quy định của pháp luật và Điều lệ Tổng công ty.

2. Việc công bố thông tin được thực hiện bảo đảm cổ đông và công chúng có thể tiếp cận công bằng và tuân thủ các quy định pháp luật có liên quan. Ngôn ngữ trong công bố thông tin cần rõ ràng, dễ hiểu và tránh gây hiểu lầm cho cổ đông và nhà đầu tư.

3. Tổng công ty phải báo cáo Ủy ban Chứng khoán Nhà nước, Sở giao dịch chứng khoán và công bố thông tin về mô hình tổ chức quản lý và hoạt động Tổng công ty theo quy định tại Điều 137 Luật doanh nghiệp.

4. Trong trường hợp Tổng công ty thay đổi mô hình hoạt động, Tổng công ty phải báo cáo Ủy ban Chứng khoán Nhà nước, Sở giao dịch chứng khoán và công bố thông tin trong vòng 24 giờ kể từ khi Đại hội đồng cổ đông có quyết định thay đổi mô hình.

5. Tổng công ty phải công bố thông tin về tình hình quản trị công ty tại các kỳ Đại hội đồng cổ đông thường niên và trong Báo cáo thường niên của Tổng công ty theo quy định của pháp luật chứng khoán về công bố thông tin.

6. Tổng công ty có nghĩa vụ báo cáo định kỳ 06 tháng và công bố thông tin về tình hình quản trị công ty theo quy định của pháp luật chứng khoán về công bố thông tin.

XVI. KIỂM TOÁN TỔNG CÔNG TY

Điều 58. Kiểm toán

1. Đại hội đồng cổ đông thường niên chỉ định một công ty kiểm toán độc lập hoặc thông qua danh sách các công ty kiểm toán độc lập và ủy quyền cho Hội đồng quản trị quyết định lựa chọn một trong số các đơn vị này tiến hành các hoạt động kiểm toán Tổng công ty cho năm tài chính tiếp theo dựa trên những điều khoản và điều kiện thoả thuận với Hội đồng quản trị. Tổng công ty phải chuẩn bị và gửi báo cáo tài chính năm cho công ty kiểm toán độc lập sau khi kết thúc năm tài chính.

2. Công ty kiểm toán độc lập kiểm tra, xác nhận và báo cáo về báo cáo tài chính năm phản ánh các khoản thu chi của Tổng công ty, lập báo cáo kiểm toán và trình báo cáo đó cho Hội đồng quản trị đúng hạn theo quy định pháp luật.

3. Bản sao của báo cáo kiểm toán được gửi đính kèm báo cáo tài chính năm của Tổng công ty.

4. Kiểm toán viên độc lập thực hiện việc kiểm toán báo cáo tài chính của Tổng công ty được tham dự các cuộc họp Đại hội đồng cổ đông và được quyền nhận các thông báo và các thông tin khác liên quan đến cuộc họp Đại hội đồng cổ đông và được phát biểu ý kiến tại đại hội về các vấn đề có liên quan đến việc kiểm toán báo cáo tài chính của Tổng công ty.

XVII. DẤU CỦA DOANH NGHIỆP

Điều 59. Dấu của doanh nghiệp

1. Dấu bao gồm dấu được làm tại cơ sở khắc dấu hoặc dấu dưới hình thức chữ ký số theo quy định của pháp luật về giao dịch điện tử.

2. Hội đồng quản trị quyết định loại dấu, số lượng, hình thức và nội dung dấu của Tổng công ty, chi nhánh, văn phòng đại diện của Tổng công ty.

3. Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc sử dụng và quản lý con dấu theo quy định của Pháp luật hiện hành.

XVIII. GIẢI THỂ TỔNG CÔNG TY

Điều 60. Giải thể Tổng công ty

1. Tổng công ty bị giải thể trong các trường hợp sau đây:

a. Kết thúc thời hạn hoạt động đã ghi trong Điều lệ Tổng công ty mà không có quyết định gia hạn;

- b. Theo Nghị quyết, Quyết định của Đại hội đồng cổ đông;
- c. Tổng công ty không còn đủ số lượng thành viên tối thiểu theo quy định của Luật Doanh nghiệp trong thời hạn 06 tháng liên tục mà không làm thủ tục chuyển đổi loại hình doanh nghiệp;
- d. Bị thu hồi Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp, trừ trường hợp Luật Quản lý thuế có quy định khác;
- e. Các trường hợp khác theo quy định của pháp luật.

2. Việc giải thể Tổng công ty trước thời hạn (kể cả thời hạn đã gia hạn) do Đại hội đồng cổ đông quyết định, Hội đồng quản trị thực hiện. Quyết định giải thể này phải thông báo hay xin chấp thuận của cơ quan có thẩm quyền (nếu bắt buộc) theo quy định.

Điều 61. Gia hạn hoạt động

1. Hội đồng quản trị triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông ít nhất bảy (07) tháng trước khi kết thúc thời hạn hoạt động để cổ đông có thể biểu quyết về việc gia hạn hoạt động của Tổng công ty theo đề nghị của Hội đồng quản trị.

2. Thời hạn hoạt động được gia hạn khi có từ 65% trở lên tổng số phiếu bầu của các cổ đông có quyền biểu quyết có mặt trực tiếp hoặc thông qua đại diện được ủy quyền có mặt tại Đại hội đồng cổ đông tán thành.

Điều 62. Thanh lý

1. Tối thiểu sáu (06) tháng trước khi kết thúc thời hạn hoạt động của Tổng công ty hoặc sau khi có một quyết định giải thể Tổng công ty, Hội đồng quản trị phải thành lập Ban thanh lý gồm ba (03) thành viên. Hai (02) thành viên do Đại hội đồng cổ đông chỉ định và một (01) thành viên do Hội đồng quản trị chỉ định từ một công ty kiểm toán độc lập. Ban thanh lý chuẩn bị các quy chế hoạt động của mình. Các thành viên của Ban thanh lý có thể được lựa chọn trong số nhân viên Tổng công ty hoặc chuyên gia độc lập. Tất cả các chi phí liên quan đến thanh lý được Tổng công ty ưu tiên thanh toán trước các khoản nợ khác của Tổng công ty.

2. Ban thanh lý có trách nhiệm báo cáo cho cơ quan đăng ký kinh doanh về ngày thành lập và ngày bắt đầu hoạt động. Kể từ thời điểm đó, Ban thanh lý thay mặt Tổng công ty trong tất cả các công việc liên quan đến thanh lý Tổng công ty trước Tòa án và các cơ quan hành chính.

3. Tiền thu được từ việc thanh lý được thanh toán theo thứ tự sau:

- a. Các chi phí thanh lý;
- b. Các khoản nợ lương, trợ cấp thôi việc, bảo hiểm xã hội và các quyền lợi khác của người lao động theo thỏa ước lao động tập thể và hợp đồng lao động đã ký kết;
- c. Thuế và các khoản nộp cho Nhà nước;
- d. Các khoản vay (nếu có);
- e. Các khoản nợ khác của Tổng công ty;
- f. Số dư còn lại sau khi đã thanh toán tất cả các khoản nợ từ mục (a) đến (e) trên đây được phân chia cho các cổ đông. Các cổ phần ưu đãi được ưu tiên thanh toán trước.

XIX. GIẢI QUYẾT TRANH CHẤP NỘI BỘ

Điều 63. Giải quyết tranh chấp nội bộ

1. Trường hợp phát sinh tranh chấp hay khiếu nại có liên quan tới hoạt động của Tổng công ty hay tới quyền và nghĩa vụ của các cổ đông theo quy định tại Điều lệ Tổng công ty, Luật Doanh nghiệp, các luật khác hoặc các quy định hành chính quy định giữa:

- a. Cổ đông với Tổng công ty;
- b. Cổ đông với Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát, Tổng giám đốc hay cán bộ quản lý cao cấp.

Các bên liên quan cố gắng giải quyết tranh chấp đó thông qua thương lượng và hoà giải. Trừ trường hợp tranh chấp liên quan tới Hội đồng quản trị hay Chủ tịch Hội đồng quản trị, Chủ tịch Hội đồng quản trị chủ trì việc giải quyết tranh chấp và yêu cầu từng bên trình bày các yếu tố thực tiễn liên quan đến tranh chấp trong vòng 60 ngày làm việc kể từ ngày tranh chấp phát sinh. Trường hợp tranh chấp liên quan tới Hội đồng quản trị hay Chủ tịch Hội đồng quản trị, bất cứ bên nào cũng có thể yêu cầu Tòa án hoặc Trọng tài chỉ định một chuyên gia độc lập để hành động với tư cách là trọng tài cho quá trình giải quyết tranh chấp.

2. Trường hợp không đạt được quyết định hoà giải trong vòng sáu (06) tuần từ khi bắt đầu quá trình hoà giải hoặc nếu quyết định của trung gian hoà giải không được các bên chấp nhận, bất cứ bên nào cũng có thể đưa tranh chấp đó ra Trọng tài kinh tế hoặc Toà án kinh tế.

3. Các bên tự chịu chi phí của mình có liên quan tới thủ tục thương lượng và hoà giải. Việc thanh toán các chi phí của Toà án được thực hiện theo phán quyết của Toà án.

XX. BỔ SUNG VÀ SỬA ĐỔI ĐIỀU LỆ

Điều 64. Bổ sung và sửa đổi Điều lệ

1. Việc bổ sung, sửa đổi Điều lệ này phải được Đại hội đồng cổ đông xem xét quyết định.
2. Trong trường hợp có những quy định của Pháp luật có liên quan đến hoạt động của Tổng công ty chưa được đề cập trong bản Điều lệ này hoặc trong trường hợp có những quy định mới của Pháp luật khác với những điều khoản trong Điều lệ này thì những quy định của Pháp luật đó đương nhiên được áp dụng và điều chỉnh hoạt động của Tổng công ty.

XXI. NGÀY HIỆU LỰC

Điều 65. Ngày hiệu lực

1. Bản điều lệ này gồm 21 chương 65 điều, được Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2021 của Tổng công ty cổ phần Điện tử và Tin học Việt Nam nhất trí thông qua việc sửa đổi, bổ sung vào ngàytháng năm 2021 tại Hà Nội và cùng chấp thuận hiệu lực toàn văn của Điều lệ này. Điều lệ này có hiệu lực từ ngày tháng... .. năm 2021

2. Điều lệ này là duy nhất và chính thức của Tổng công ty.

Họ, tên, chữ ký của của Người đại diện theo Pháp luật của Tổng công ty:

**NGƯỜI ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT
CHỦ TỊCH HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ**

LÊ THANH TUẤN

PHỤ LỤC

CỔ ĐỒNG SÁNG LẬP

TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN ĐIỆN TỬ VÀ TIN HỌC VIỆT NAM
(Kèm theo Điều lệ Tổng công ty cổ phần Điện tử và Tin học Việt Nam
thông qua ngày tháng ... năm 2021)

Danh sách cổ đông sáng lập (Theo Giấy chứng nhận Đăng ký kinh doanh, đăng ký lần đầu ngày 28/02/2007, thay đổi lần thứ 05 ngày 04 tháng 12 năm 2017):

STT	Tên cổ đông	Số cổ phần
1	VỐN NHÀ NƯỚC	38.529.750
2	CÁC CỔ ĐÔNG KHÁC	5.270.250

TỜ TRÌNH

(Về việc sửa đổi, bổ sung Quy chế nội bộ về quản trị Tổng công ty)

Kính gửi: Đại hội đồng cổ đông năm 2021

Tổng công ty cổ phần Điện tử và Tin học Việt Nam

Căn cứ Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14 của Quốc hội nước Cộng hòa Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam có hiệu lực từ ngày 01/01/2021;

Căn cứ Nghị định số 155/2020/NĐ-CP ngày 31 tháng 12 năm 2020 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Chứng khoán;

Căn cứ Thông tư số 116/2020/TT-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2020 của Bộ trưởng Bộ Tài chính hướng dẫn một số điều về quản trị công ty áp dụng đối với công ty đại chúng tại Nghị định số 155/2020/NĐ-CP ngày 31 tháng 12 năm 2020 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Chứng khoán;

Căn cứ Quy chế nội bộ về quản trị Tổng công ty cổ phần Điện tử và Tin học Việt Nam hiện hành;

Căn cứ yêu cầu tổ chức hoạt động của Tổng công ty,

Để bảo đảm tính pháp lý cũng như đáp ứng yêu cầu thực tế trong quản trị, điều hành của Tổng công ty, Hội đồng quản trị Tổng công ty đã rà soát Quy chế nội bộ về quản trị Tổng công ty hiện hành. Trên cơ sở rà soát, Hội đồng quản trị nhận thấy một số điều khoản của Quy chế nội bộ về quản trị Tổng công ty cần được sửa đổi, bổ sung cho phù hợp với quy định của Luật Doanh nghiệp 2020, Nghị định số 155/2020/NĐ-CP ngày 31 tháng 12 năm 2020, Thông tư 116/2020/TT-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2020 và các yêu cầu quản trị, điều hành Tổng công ty.

Hội đồng quản trị kính trình Đại hội đồng cổ đông xem xét thông qua chi tiết như dự thảo đính kèm.

Quy chế nội bộ về quản trị Tổng công ty mới sẽ có hiệu lực kể từ ngày được Đại hội đồng cổ đông thông qua và thay thế cho bản Quy chế nội bộ về quản trị Tổng công ty hiện hành.

Trân trọng kính trình.

Nơi nhận:

- Như trên;
- CBTT;
- HĐQT, BKS;
- Lưu: VT, HĐQT.



Hà nội, ngày ... tháng ... năm 2021

QUY CHẾ NỘI BỘ VỀ QUẢN TRỊ TỔNG CÔNG TY

Căn cứ Luật Chứng khoán ngày 26 tháng 11 năm 2019;

Căn cứ Luật Doanh nghiệp ngày 17 tháng 6 năm 2020;

Căn cứ Nghị định số 155/2020/NĐ-CP ngày 31 tháng 12 năm 2020 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Chứng khoán;

Căn cứ Thông tư số 116/2020/TT-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2020 của Bộ trưởng Bộ Tài chính hướng dẫn một số điều về quản trị công ty áp dụng đối với công ty đại chúng tại Nghị định số 155/2020/NĐ-CP ngày 31 tháng 12 năm 2020 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Chứng khoán;

Căn cứ Điều lệ Tổng công ty cổ phần Điện tử và Tin học Việt nam hiện hành;

Căn cứ Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông số ... ngày... tháng... năm...;

Hội đồng quản trị ban hành Quy chế nội bộ về quản trị Tổng công ty cổ phần Điện tử và Tin học Việt Nam;

Quy chế nội bộ về quản trị Tổng công ty cổ phần Điện tử và Tin học Việt Nam bao gồm các nội dung sau:

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh và đối tượng áp dụng

1. Phạm vi điều chỉnh

Quy chế nội bộ về quản trị công ty quy định các nội dung về vai trò, quyền và nghĩa vụ của Đại hội đồng cổ đông, Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc; trình tự, thủ tục họp Đại hội đồng cổ đông; đề cử, ứng cử, bầu, miễn nhiệm và bãi nhiệm thành viên Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát, Tổng giám đốc và các hoạt động khác theo quy định tại Điều lệ Tổng công ty và các quy định hiện hành khác của pháp luật.

2. Đối tượng áp dụng

Quy chế này được áp dụng cho các thành viên Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát, Tổng giám đốc và những người liên quan của Tổng công ty cổ phần Điện tử và Tin học Việt Nam.

Điều 2. Đại hội đồng cổ đông

1. Vai trò, quyền và nghĩa vụ của Đại hội đồng cổ đông

1.1. Đại hội đồng cổ đông gồm tất cả cổ đông có quyền biểu quyết, là cơ quan quyết định cao nhất của Tổng công ty cổ phần Điện tử và Tin học Việt Nam.

1.2. Quyền và nghĩa vụ của Đại hội đồng cổ đông thực hiện theo Điều 138 Luật Doanh nghiệp và Điều 15 Điều lệ Tổng công ty.

2. Trình tự, thủ tục họp Đại hội đồng cổ đông thông qua nghị quyết bằng hình thức biểu quyết tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông

2.1. Thẩm quyền triệu tập Đại hội đồng cổ đông

Hội đồng quản trị triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông hoặc cuộc họp Đại hội đồng cổ đông được triệu tập theo các trường hợp quy định tại Điều 18 Điều lệ Tổng công ty.

2.2. Lập Danh sách cổ đông có quyền dự họp

Việc lập danh sách cổ đông có quyền tham dự họp Đại hội đồng cổ đông được thực hiện

theo quy định tại Điều lệ Tổng công ty và quy định của pháp luật chứng khoán áp dụng cho các công ty đại chúng và niêm yết.

2.3. Thông báo về việc chốt danh sách cổ đông có quyền tham dự họp Đại hội đồng cổ đông

Tổng công ty phải công bố thông tin về việc lập danh sách cổ đông có quyền tham dự họp Đại hội đồng cổ đông tối thiểu 20 ngày trước ngày đăng ký cuối cùng; chương trình họp, và các tài liệu theo quy định phù hợp với luật pháp và các quy định của Tổng công ty.

2.4. Thông báo triệu tập Đại hội đồng cổ đông

Thông báo triệu tập Đại hội đồng cổ đông được gửi cho tất cả các cổ đông bằng phương thức để bảo đảm đến được địa chỉ liên lạc của cổ đông, đồng thời công bố trên trang thông tin điện tử của Tổng công ty và Ủy ban Chứng khoán Nhà nước, Sở giao dịch chứng khoán nơi cổ phiếu của Tổng công ty niêm yết hoặc đăng ký giao dịch. Người triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông phải gửi thông báo mời họp đến tất cả các cổ đông trong Danh sách cổ đông có quyền dự họp chậm nhất 21 ngày trước ngày khai mạc cuộc họp Đại hội đồng cổ đông. Chương trình họp Đại hội đồng cổ đông, các tài liệu liên quan đến các vấn đề sẽ được biểu quyết tại đại hội được gửi cho các cổ đông hoặc/và đăng trên trang thông tin điện tử của Tổng công ty. Trong trường hợp tài liệu không được gửi kèm thông báo họp Đại hội đồng cổ đông, thông báo mời họp phải nêu rõ đường dẫn đến toàn bộ tài liệu họp để các cổ đông có thể tiếp cận, bao gồm:

- a. Chương trình họp, các tài liệu sử dụng trong cuộc họp;
- b. Danh sách và thông tin chi tiết của các ứng viên trong trường hợp bầu thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát;
- c. Phiếu biểu quyết;
- d. Dự thảo nghị quyết đối với từng vấn đề trong chương trình họp.

2.5. Chương trình, nội dung Đại hội đồng cổ đông

a. Người triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông phải chuẩn bị chương trình, nội dung cuộc họp.

b. Cổ đông hoặc nhóm cổ đông sở hữu từ 05% tổng số cổ phần trở lên có quyền kiến nghị vấn đề đưa vào chương trình họp Đại hội đồng cổ đông. Kiến nghị phải được làm bằng văn bản và phải được gửi cho Tổng công ty ít nhất ba (03) ngày làm việc trước ngày khai mạc cuộc họp Đại hội đồng cổ đông. Kiến nghị phải ghi rõ tên cổ đông, số lượng từng loại cổ phần của cổ đông, vấn đề kiến nghị đưa vào chương trình họp.

c. Người triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông có quyền từ chối kiến nghị quy định tại điểm b khoản 2.5 điều này nếu thuộc một trong các trường hợp sau:

- Kiến nghị được gửi đến không đúng thời hạn hoặc không đủ, không đúng nội dung;
- Vào thời điểm kiến nghị, cổ đông hoặc nhóm cổ đông không nắm giữ đủ từ 05% cổ phần phổ thông trở lên theo quy định tại Điều lệ Tổng công ty;
- Vấn đề kiến nghị không thuộc phạm vi thẩm quyền quyết định của Đại hội đồng cổ đông;
- Các trường hợp khác theo quy định của pháp luật và Điều lệ Tổng công ty.

d. Người triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông phải chấp nhận và đưa kiến nghị quy định tại điểm b khoản 2.5 điều này vào dự kiến chương trình và nội dung cuộc họp, trừ trường hợp quy định tại Khoản 6 Điều này; kiến nghị được chính thức bổ sung vào chương trình và nội dung cuộc họp nếu được Đại hội đồng cổ đông chấp thuận.

2.6. Việc ủy quyền cho người đại diện dự họp Đại hội đồng cổ đông

a. Cổ đông, người đại diện theo ủy quyền của cổ đông là tổ chức có thể trực tiếp tham

dự họp hoặc ủy quyền cho một hoặc một số cá nhân, tổ chức khác dự họp hoặc dự họp thông qua một trong các hình thức quy định tại Khoản 3 Điều 144 Luật Doanh nghiệp.

b. Việc ủy quyền cho cá nhân, tổ chức đại diện dự họp Đại hội đồng cổ đông theo quy định tại điểm a, khoản 2.6 Điều này phải lập thành văn bản. Văn bản ủy quyền được lập theo quy định của pháp luật về dân sự và phải nêu rõ tên cổ đông ủy quyền, tên cá nhân, tổ chức được ủy quyền, số lượng cổ phần được ủy quyền, nội dung ủy quyền, phạm vi ủy quyền, thời hạn ủy quyền, chữ ký của bên ủy quyền và bên được ủy quyền.

c. Người được ủy quyền dự họp Đại hội đồng cổ đông phải nộp văn bản ủy quyền khi đăng ký dự họp. Trường hợp ủy quyền lại thì người tham dự họp phải xuất trình thêm văn bản ủy quyền ban đầu của cổ đông, người đại diện theo ủy quyền của cổ đông là tổ chức (nếu trước đó chưa đăng ký với Tổng công ty).

d. Phiếu biểu quyết của người được ủy quyền dự họp trong phạm vi được ủy quyền vẫn có hiệu lực khi xảy ra một trong các trường hợp sau đây trừ trường hợp:

- Người ủy quyền đã chết, bị hạn chế năng lực hành vi dân sự hoặc bị mất năng lực hành vi dân sự;

- Người ủy quyền đã hủy bỏ việc chỉ định ủy quyền;

- Người ủy quyền đã hủy bỏ thẩm quyền của người thực hiện việc ủy quyền.

Điều Khoản này không áp dụng trong trường hợp Tổng công ty nhận được thông báo về một trong các sự kiện trên trước giờ khai mạc cuộc họp Đại hội đồng cổ đông hoặc trước khi cuộc họp được triệu tập lại.

2.7. Cách thức đăng ký tham dự Đại hội đồng cổ đông

Trước khi khai mạc cuộc họp, Tổng công ty phải tiến hành thủ tục đăng ký cổ đông và phải thực hiện việc đăng ký cho đến khi các cổ đông có quyền dự họp có mặt đăng ký hết.

2.8. Điều kiện tiến hành

a. Đại hội đồng cổ đông được tiến hành khi có số cổ đông dự họp đại diện trên 50% tổng số phiếu biểu quyết.

b. Trường hợp cuộc họp lần thứ nhất không đủ điều kiện tiến hành theo quy định tại điểm a khoản 2.8 Điều này thì thông báo mời họp lần thứ hai phải được gửi trong thời hạn 30 ngày kể từ ngày dự định họp lần thứ nhất. Cuộc họp Đại hội đồng cổ đông lần thứ hai được tiến hành khi có số cổ đông dự họp đại diện từ 33% tổng số phiếu biểu quyết trở lên.

c. Trường hợp cuộc họp lần thứ hai không đủ điều kiện tiến hành theo quy định tại điểm b khoản 2.8 Điều này thì thông báo mời họp lần thứ ba phải được gửi trong thời hạn 20 ngày kể từ ngày dự định họp lần thứ hai. Trường hợp này, cuộc họp của Đại hội đồng cổ đông được tiến hành không phụ thuộc vào tổng số phiếu biểu quyết của các cổ đông dự họp.

d. Chỉ có Đại hội đồng cổ đông mới có quyền quyết định thay đổi chương trình họp đã được gửi kèm theo thông báo mời họp.

2.9. Hình thức thông qua Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông

Đại hội đồng cổ đông thông qua nghị quyết thuộc thẩm quyền bằng hình thức biểu quyết tại cuộc họp hoặc lấy ý kiến bằng văn bản.

2.10. Cách thức bỏ phiếu

a. Khi tiến hành đăng ký cổ đông, Tổng công ty cấp cho từng cổ đông hoặc đại diện được ủy quyền có quyền biểu quyết một thẻ biểu quyết, trên đó ghi số đăng ký, họ và tên của cổ đông, họ và tên đại diện được ủy quyền và số phiếu biểu quyết của cổ đông đó. Đại hội đồng cổ đông thảo luận và biểu quyết theo từng vấn đề trong nội dung chương trình. Việc biểu quyết được tiến hành bằng biểu quyết tán thành, không tán thành và không có ý kiến.

b. Cách thức bỏ phiếu biểu quyết bầu thành viên Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát: Việc biểu quyết bầu thành viên Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát phải thực hiện theo phương thức bầu dồn phiếu, theo đó mỗi cổ đông có tổng số phiếu biểu quyết tương ứng với tổng số cổ phần sở hữu nhân với số thành viên được bầu của Hội đồng quản trị hoặc Ban kiểm soát và cổ đông có quyền dồn hết hoặc một phần tổng số phiếu bầu của mình cho một hoặc một số ứng cử viên. Người trúng cử thành viên Hội đồng quản trị hoặc Kiểm soát viên được xác định theo số phiếu bầu tính từ cao xuống thấp, bắt đầu từ ứng cử viên có số phiếu bầu cao nhất cho đến khi đủ số thành viên quy định tại Điều lệ Tổng công ty. Trường hợp có từ 02 ứng cử viên trở lên đạt cùng số phiếu bầu như nhau cho thành viên cuối cùng của Hội đồng quản trị hoặc Ban kiểm soát thì sẽ tiến hành bầu lại trong số các ứng cử viên có số phiếu bầu ngang nhau..

2.11. Cách thức kiểm phiếu

a. Đại hội đồng cổ đông bầu một hoặc một số người vào ban kiểm phiếu theo đề nghị của chủ tọa cuộc họp. Số thành viên của ban kiểm phiếu do Đại hội đồng cổ đông quyết định căn cứ đề nghị của Chủ tọa nhưng không vượt quá số người theo quy định của Pháp luật hiện hành.

b. Khi tiến hành biểu quyết tại đại hội, số thẻ tán thành nghị quyết được thu trước, số thẻ không tán thành nghị quyết được thu sau, cuối cùng đếm tổng số phiếu tán thành hay không tán thành để quyết định. Kết quả kiểm phiếu được Chủ tọa công bố ngay trước khi bế mạc cuộc họp.

c. Cách thức kiểm phiếu Bầu thành viên Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát được quy định tại Quy chế bầu cử được thông qua tại Đại hội đồng cổ đông.

2.12. Điều kiện để nghị quyết được thông qua

a. Nghị quyết về nội dung sau đây được thông qua nếu được số cổ đông đại diện cho từ 65% tổng số phiếu biểu quyết của tất cả cổ đông dự họp tán thành, trừ trường hợp quy định tại các khoản 3, 4 và 6 Điều 148 Luật Doanh nghiệp:

- Loại cổ phần và tổng số cổ phần của từng loại;
- Thay đổi ngành, nghề và lĩnh vực kinh doanh;
- Thay đổi cơ cấu tổ chức quản lý Tổng công ty;
- Dự án đầu tư hoặc bán tài sản có giá trị bằng hoặc lớn hơn 35% tổng giá trị tài sản của Tổng công ty được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất được kiểm toán;
- Tổ chức lại, giải thể Tổng công ty.

b. Các Nghị quyết khác của Đại hội đồng cổ đông sẽ được thông qua nếu được số cổ đông sở hữu trên 50% tổng số phiếu biểu quyết của tất cả cổ đông dự họp tán thành, trừ trường hợp quy định tại các khoản 1 Điều này và khoản 3, 4 và 6 Điều 148 Luật Doanh nghiệp.

c. Trường hợp thông qua Nghị quyết dưới hình thức lấy ý kiến bằng văn bản thì Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông được thông qua nếu được số cổ đông sở hữu trên 50% tổng số phiếu biểu quyết của tất cả cổ đông có quyền biểu quyết tán thành.

Các Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông được thông qua bằng 100% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết là hợp pháp và có hiệu lực ngay cả khi trình tự, thủ tục triệu tập họp và thông qua nghị quyết đó vi phạm quy định của Luật Doanh nghiệp và Điều lệ Tổng công ty.

d. Đối với việc bầu thành viên Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát: thực hiện theo điểm b, khoản 2.10, Điều 2 của Quy chế này.

2.13. Thông báo kết quả kiểm phiếu

Kết quả kiểm phiếu được Chủ tọa công bố ngay trước khi bế mạc cuộc họp.

2.14. Cách thức phản đối nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông

Trong thời hạn chín mươi (90) ngày, kể từ ngày nhận được biên bản họp Đại hội đồng cổ đông hoặc biên bản kết quả kiểm phiếu lấy ý kiến Đại hội đồng cổ đông, cổ đông hoặc nhóm cổ đông quy định tại khoản 2 Điều 115 Luật Doanh nghiệp có quyền yêu cầu Tòa án hoặc Trọng tài xem xét, hủy bỏ Nghị quyết hoặc một phần nội dung Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông trong các trường hợp sau đây:

a. Trình tự, thủ tục triệu tập họp và ra quyết định của Đại hội đồng cổ đông vi phạm nghiêm trọng quy định của Luật Doanh nghiệp và Điều lệ Tổng công ty, trừ trường hợp quy định tại khoản 5 Điều 21 Điều lệ Tổng công ty.

b. Nội dung Nghị quyết vi phạm pháp luật hoặc Điều lệ Tổng công ty.

2.15. Lập biên bản họp Đại hội đồng cổ đông:

a. Cuộc họp Đại hội đồng cổ đông phải được ghi biên bản và có thể ghi âm hoặc ghi và lưu giữ dưới hình thức điện tử khác. Biên bản phải được lập bằng tiếng Việt, có thể lập thêm bằng tiếng nước ngoài và có các nội dung chủ yếu sau đây:

- Tên, địa chỉ trụ sở chính, mã số doanh nghiệp;
- Thời gian và địa điểm họp Đại hội đồng cổ đông;
- Chương trình họp và nội dung cuộc họp;
- Họ, tên chủ tọa và thư ký;
- Tóm tắt diễn biến cuộc họp và các ý kiến phát biểu tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông về từng vấn đề trong chương trình họp;
- Số cổ đông và tổng số phiếu biểu quyết của các cổ đông dự họp, phụ lục danh sách đăng ký cổ đông, đại diện cổ đông dự họp với số cổ phần và số phiếu bầu tương ứng;
- Tổng số phiếu biểu quyết đối với từng vấn đề biểu quyết, trong đó ghi rõ phương thức biểu quyết, tổng số phiếu hợp lệ, không hợp lệ, tán thành, không tán thành và không có ý kiến; tỷ lệ tương ứng trên tổng số phiếu biểu quyết của cổ đông dự họp;
- Các vấn đề đã được thông qua và tỷ lệ phiếu biểu quyết thông qua tương ứng;
- Họ, tên và chữ ký của Chủ tọa và Thư ký. Trường hợp chủ tọa, thư ký từ chối ký Biên bản họp thì Biên bản này có hiệu lực nếu được tất cả các thành viên khác của Hội đồng quản trị tham dự họp ký và có đầy đủ nội dung theo quy định tại khoản này. Biên bản họp ghi rõ việc chủ tọa, thư ký từ chối ký biên bản họp.

b. Chủ tọa và thư ký cuộc họp hoặc người khác ký tên trong biên bản họp phải liên đới chịu trách nhiệm về tính trung thực, chính xác của nội dung biên bản.

c. Biên bản họp Đại hội đồng cổ đông phải được làm xong và thông qua trước khi kết thúc cuộc họp. Chủ tọa và thư ký cuộc họp phải liên đới chịu trách nhiệm về tính trung thực, chính xác của nội dung biên bản.

d. Biên bản được lập bằng tiếng Việt và tiếng nước ngoài đều có hiệu lực pháp lý như nhau. Trường hợp có sự khác nhau về nội dung biên bản tiếng Việt và tiếng nước ngoài thì nội dung trong biên bản tiếng Việt có hiệu lực áp dụng.

e. Nghị quyết, Biên bản họp Đại hội đồng cổ đông, phụ lục danh sách cổ đông đăng ký dự họp kèm chữ ký của cổ đông, văn bản ủy quyền tham dự họp, tất cả các tài liệu đính kèm Biên bản (nếu có) và tài liệu có liên quan kèm theo thông báo mời họp phải được công bố thông tin theo quy định pháp luật về công bố thông tin trên thị trường chứng khoán và phải được lưu giữ tại trụ sở chính của Tổng công ty.

2.16. Công bố Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông

Nghị quyết ĐHĐCĐ phải được công bố thông tin theo quy định tại Điều lệ Tổng công ty và các quy định của Pháp luật chứng khoán.

3. Trình tự, thủ tục họp Đại hội đồng cổ đông thông qua nghị quyết bằng hình thức lấy ý kiến bằng văn bản

a. Hội đồng quản trị có quyền lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản để thông qua quyết định của Đại hội đồng cổ đông khi xét thấy cần thiết vì lợi ích của Tổng công ty.

b. Trình tự, thủ tục họp Đại hội đồng cổ đông thông qua Nghị quyết bằng hình thức lấy ý kiến bằng văn bản thực hiện theo Điều 22 Điều lệ Tổng công ty.

4. Trình tự, thủ tục họp Đại hội đồng cổ đông thông qua nghị quyết bằng hình thức hội nghị trực tuyến hoặc Đại hội đồng cổ đông thông qua nghị quyết bằng hình thức hội nghị trực tiếp kết hợp với trực tuyến

Trường hợp Đại hội đồng cổ đông thông qua Nghị quyết bằng các hình thức này, Hội đồng quản trị có trách nhiệm ban hành Quy chế để thực hiện. Quy chế này phải đảm bảo phù hợp với quy định của Luật Doanh nghiệp, Luật Chứng khoán, Nghị định số 155/2020/NĐ-CP ngày 31 tháng 12 năm 2020 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Chứng khoán, Điều lệ Tổng công ty và quy định khác của pháp luật có liên quan, trong quy chế Hội đồng quản trị ban hành phải quy định rõ các nội dung sau:

- a. Thông báo triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông;
- b. Cách thức đăng ký tham dự Đại hội đồng cổ đông;
- c. Việc ủy quyền cho người đại diện dự họp Đại hội đồng cổ đông;
- d. Điều kiện tiến hành;
- e. Hình thức thông qua Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông;
- f. Cách thức bỏ phiếu;
- g. Cách thức kiểm phiếu;
- h. Thông báo kết quả kiểm phiếu;
- i. Lập biên bản họp Đại hội đồng cổ đông;
- j. Công bố Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông.

Điều 3. Hội đồng quản trị

1. Vai trò, quyền và nghĩa vụ của Hội đồng quản trị, trách nhiệm của thành viên Hội đồng quản trị

1.1. Hội đồng quản trị là cơ quan quản lý Tổng công ty, có toàn quyền nhân danh Tổng công ty để quyết định, thực hiện quyền và nghĩa vụ của Tổng công ty, trừ các quyền và nghĩa vụ thuộc thẩm quyền của Đại hội đồng cổ đông.

1.2. Quyền và nghĩa vụ của Hội đồng quản trị, trách nhiệm của thành viên Hội đồng quản trị thực hiện theo quy định của Luật Doanh nghiệp và Điều lệ Tổng công ty.

2. Việc đề cử, ứng cử, bầu, miễn nhiệm và bãi nhiệm thành viên Hội đồng quản trị thực hiện như sau:

2.1. Nhiệm kỳ và số lượng thành viên Hội đồng quản trị

Số lượng thành viên Hội đồng quản trị ít nhất là ba (03) người và nhiều nhất là mười một (11) người. Nhiệm kỳ của thành viên Hội đồng quản trị không quá năm (05) năm và có thể được bầu lại với số nhiệm kỳ không hạn chế. Trường hợp tất cả các thành viên Hội đồng quản trị cùng kết thúc nhiệm kỳ thì các thành viên đó tiếp tục là thành viên Hội đồng quản trị cho đến khi có thành viên mới được bầu thay thế và tiếp quản công việc.

2.2. Cơ cấu, tiêu chuẩn và điều kiện của thành viên Hội đồng quản trị

a. Cơ cấu Hội đồng quản trị cần đảm bảo sự cân đối giữa các thành viên có kiến thức và kinh nghiệm về Pháp luật, tài chính, lĩnh vực hoạt động kinh doanh của Tổng công ty và

có xét yếu tố về giới.

b. Cơ cấu Hội đồng quản trị của Tổng công ty phải đảm bảo tối thiểu 1/3 tổng số thành viên Hội đồng quản trị là thành viên không điều hành. Tổng công ty hạn chế tối đa thành viên Hội đồng quản trị kiêm nhiệm chức danh điều hành của Tổng công ty để đảm bảo tính độc lập của Hội đồng quản trị.

Thành viên Hội đồng quản trị phải đáp ứng các tiêu chuẩn và điều kiện sau đây:

- Không thuộc đối tượng quy định tại khoản 2 Điều 17 Luật Doanh nghiệp;
- Có trình độ chuyên môn, kinh nghiệm trong quản trị kinh doanh hoặc trong lĩnh vực, ngành, nghề kinh doanh của Tổng công ty và không nhất thiết phải là cổ đông của Tổng công ty;
- Có sức khỏe, phẩm chất đạo đức tốt, trung thực, liêm khiết, có hiểu biết Pháp luật;
- Thành viên của Hội đồng quản trị Tổng công ty có thể đồng thời là thành viên của Hội đồng quản trị Công ty khác. Tuy nhiên, số lượng, chức danh thành viên Hội đồng quản trị Tổng công ty tham gia Hội đồng quản trị hoặc Hội đồng thành viên tại các Công ty khác tuân thủ quy định Pháp luật hiện hành có liên quan.
- Thành viên Hội đồng quản trị không được là người có quan hệ gia đình của Tổng giám đốc và người quản lý khác của Tổng công ty; của người quản lý, người có thẩm quyền bổ nhiệm người quản lý công ty mẹ;
- Tiêu chuẩn và điều kiện khác theo Điều lệ Tổng công ty.

2.3. Đề cử, ứng cử thành viên Hội đồng quản trị

Cổ đông hoặc nhóm cổ đông sở hữu từ 10% tổng số cổ phần phổ thông trở lên có quyền đề cử ứng cử viên Hội đồng quản trị theo quy định tại Điều 26 Điều lệ Tổng công ty.

Các cổ đông nắm giữ cổ phần có quyền biểu quyết có quyền gộp số quyền biểu quyết của từng người lại với nhau để đề cử các ứng viên Hội đồng quản trị. Cổ đông hoặc nhóm cổ đông nắm giữ từ 10% đến dưới 20% được đề cử tối đa hai (02) ứng viên; từ 20% đến dưới 30% được đề cử tối đa ba (03) ứng viên; từ 30% đến dưới 40% được đề cử tối đa bốn (04) ứng viên; từ 40% đến dưới 50% được đề cử tối đa năm (05) ứng viên; từ 50% đến dưới 60% được đề cử tối đa sáu (06) ứng viên; từ 60% đến dưới 70% được đề cử tối đa bảy (07) ứng viên; và từ 70% đến dưới 80% được đề cử tối đa tám (08) ứng viên.

Trường hợp số lượng ứng cử viên Hội đồng quản trị thông qua đề cử và ứng cử vẫn không đủ số lượng cần thiết theo quy định tại khoản 5 Điều 115 Luật Doanh nghiệp, Hội đồng quản trị đương nhiệm giới thiệu thêm ứng cử viên hoặc tổ chức đề cử theo quy định tại Điều lệ Tổng công ty, Quy chế nội bộ về quản trị Tổng công ty và Quy chế hoạt động của Hội đồng quản trị. Việc Hội đồng quản trị đương nhiệm giới thiệu thêm ứng cử viên phải được công bố rõ ràng trước khi Đại hội đồng cổ đông biểu quyết bầu thành viên Hội đồng quản trị theo quy định của pháp luật.

2.4. Cách thức bầu thành viên Hội đồng quản trị

Việc biểu quyết bầu thành viên Hội đồng quản trị phải thực hiện theo phương thức bầu dồn phiếu, theo đó mỗi cổ đông có tổng số phiếu biểu quyết tương ứng với tổng số cổ phần sở hữu nhân với số thành viên được bầu của Hội đồng quản trị và cổ đông có quyền dồn hết hoặc một phần tổng số phiếu bầu của mình cho một hoặc một số ứng cử viên. Người trúng cử thành viên Hội đồng quản trị được xác định theo số phiếu bầu tính từ cao xuống thấp, bắt đầu từ ứng cử viên có số phiếu bầu cao nhất cho đến khi đủ số thành viên quy định tại Điều lệ Tổng công ty. Trường hợp có từ 02 ứng cử viên trở lên đạt cùng số phiếu bầu như nhau cho thành viên cuối cùng của Hội đồng quản trị thì sẽ tiến hành bầu lại trong số các ứng cử viên có số phiếu bầu ngang nhau hoặc lựa chọn theo tiêu chí quy chế bầu cử hoặc Điều lệ Tổng công ty.

2.5. Các trường hợp miễn nhiệm, bãi nhiệm và bổ sung thành viên Hội đồng quản trị

Thành viên Hội đồng quản trị không còn tư cách thành viên Hội đồng quản trị trong các trường hợp bị Đại hội đồng cổ đông miễn nhiệm, bãi nhiệm, thay thế theo quy định tại Điều 160 Luật Doanh nghiệp.

2.6. Thông báo về bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên Hội đồng quản trị

Việc bổ nhiệm, miễn nhiệm, bãi nhiệm, thay thế các thành viên Hội đồng quản trị phải được công bố thông tin theo các quy định của pháp luật về chứng khoán và thị trường chứng khoán.

2.7. Cách thức giới thiệu ứng viên thành viên Hội đồng quản trị

Trường hợp đã xác định được trước ứng viên, thông tin liên quan đến các ứng viên Hội đồng quản trị, Tổng công ty phải công bố thông tin liên quan đến các ứng cử viên tối thiểu 10 ngày trước ngày khai mạc họp Đại hội đồng cổ đông trên trang thông tin điện tử của Tổng công ty để cổ đông có thể tìm hiểu về các ứng cử viên này trước khi bỏ phiếu. Ứng cử viên Hội đồng quản trị phải có cam kết bằng văn bản về tính trung thực, chính xác của các thông tin cá nhân được công bố và phải cam kết thực hiện nhiệm vụ một cách trung thực, cẩn trọng và vì lợi ích cao nhất của Tổng công ty nếu được bầu làm thành viên Hội đồng quản trị. Thông tin liên quan đến ứng cử viên Hội đồng quản trị được công bố bao gồm các nội dung tối thiểu như sau:

- Họ tên, ngày, tháng, năm sinh;
- Trình độ chuyên môn;
- Quá trình công tác;
- Các chức danh quản lý khác (bao gồm cả chức danh Hội đồng quản trị của công ty khác);
- Lợi ích có liên quan tới Tổng công ty và các bên có liên quan của Tổng công ty;
- Các thông tin khác (nếu có) theo quy định tại Điều lệ Tổng công ty;
- Tổng công ty phải có trách nhiệm công bố thông tin về các công ty mà ứng cử viên đang nắm giữ chức vụ thành viên Hội đồng quản trị, các chức danh quản lý khác và các lợi ích có liên quan tới công ty của ứng cử viên Hội đồng quản trị (nếu có).

2.8. Bầu, bãi nhiệm, miễn nhiệm Chủ tịch Hội đồng quản trị

a. Chủ tịch Hội đồng quản trị do Hội đồng quản trị bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm trong số các thành viên Hội đồng quản trị. Chủ tịch Hội đồng quản trị không được kiêm Tổng Giám đốc Tổng công ty.

b. Trường hợp Chủ tịch Hội đồng quản trị có đơn từ chức hoặc bị miễn nhiệm, bãi nhiệm, Hội đồng quản trị phải bầu người thay thế trong thời hạn 10 ngày kể từ ngày nhận đơn từ chức hoặc bị miễn nhiệm, bãi nhiệm.

c. Trường hợp Chủ tịch Hội đồng quản trị vắng mặt hoặc không thể thực hiện được nhiệm vụ của mình thì phải ủy quyền bằng văn bản cho một thành viên khác thực hiện quyền và nghĩa vụ của Chủ tịch Hội đồng quản trị. Trường hợp không có người được ủy quyền hoặc Chủ tịch Hội đồng quản trị chết, mất tích, bị tạm giam, đang chấp hành hình phạt tù, đang chấp hành biện pháp xử lý hành chính tại cơ sở cai nghiện bắt buộc, cơ sở giáo dục bắt buộc, trốn khỏi nơi cư trú, bị hạn chế hoặc mất năng lực hành vi dân sự, có khó khăn trong nhận thức, làm chủ hành vi, bị Tòa án cấm đảm nhiệm chức vụ, cấm hành nghề hoặc làm công việc nhất định thì các thành viên còn lại bầu một người trong số các thành viên giữ chức Chủ tịch Hội đồng quản trị theo nguyên tắc đa số thành viên còn lại tán thành cho đến khi có quyết định mới của Hội đồng quản trị.

3. Thù lao và lợi ích khác của thành viên Hội đồng quản trị:

3.1. Tổng công ty có quyền trả thù lao, thưởng cho thành viên Hội đồng quản trị theo kết

quả và hiệu quả kinh doanh.

3.2. Thành viên Hội đồng quản trị được hưởng thù lao công việc và thưởng. Hội đồng quản trị dự tính mức thù lao cho từng thành viên theo nguyên tắc nhất trí. Tổng mức thù lao và thưởng của Hội đồng quản trị do Đại hội đồng cổ đông quyết định tại cuộc họp thường niên.

3.3. Thù lao của từng thành viên Hội đồng quản trị được tính vào chi phí kinh doanh của Tổng công ty theo quy định của pháp luật về thuế thu nhập doanh nghiệp, được thể hiện thành mục riêng trong báo cáo tài chính hàng năm của Tổng công ty và phải báo cáo Đại hội đồng cổ đông tại cuộc họp thường niên.

3.4. Thành viên Hội đồng quản trị nắm giữ chức vụ điều hành hoặc thành viên Hội đồng quản trị làm việc tại các tiểu ban của Hội đồng quản trị hoặc thực hiện những công việc khác mà theo Hội đồng quản trị là nằm ngoài phạm vi nhiệm vụ thông thường của một thành viên Hội đồng quản trị, có thể được trả thêm tiền thù lao dưới dạng một khoản tiền công trọn gói theo từng lần, lương, hoa hồng, phần trăm lợi nhuận hoặc dưới hình thức khác theo quyết định của Hội đồng quản trị.

3.5. Thành viên Hội đồng quản trị có quyền được thanh toán tất cả các chi phí đi lại, ăn, ở và các khoản chi phí hợp lý khác mà họ đã phải chi trả khi thực hiện trách nhiệm thành viên Hội đồng quản trị của mình, bao gồm cả các chi phí phát sinh trong việc tới tham dự các cuộc họp Đại hội đồng cổ đông. Hội đồng quản trị hoặc các tiểu ban của Hội đồng quản trị.

3.6. Thành viên Hội đồng quản trị có thể được Tổng công ty mua bảo hiểm trách nhiệm sau khi có sự chấp thuận của Đại hội đồng cổ đông. Bảo hiểm này không bao gồm bảo hiểm cho những trách nhiệm của thành viên Hội đồng quản trị liên quan đến việc vi phạm pháp luật và Điều lệ Tổng công ty.

4. Trình tự và thủ tục tổ chức họp Hội đồng quản trị: Thực hiện theo Điều 31 Điều lệ Tổng công ty.

5. Các tiểu ban thuộc Hội đồng quản trị

5.1. Hội đồng quản trị có thể thành lập tiểu ban trực thuộc để phụ trách về chính sách phát triển, nhân sự, lương thưởng, kiểm toán nội bộ, quản lý rủi ro. Số lượng thành viên của từng tiểu ban do Hội đồng quản trị quyết định có tối thiểu 3 người bao gồm thành viên của Hội đồng quản trị và thành viên bên ngoài. Hoạt động của tiểu ban phải tuân thủ theo quy định của Hội đồng quản trị. Nghị quyết của tiểu ban chỉ có hiệu lực khi có đa số thành viên tham dự và biểu quyết thông qua tại cuộc họp của tiểu ban.

5.2. Việc thực thi quyết định của Hội đồng quản trị, hoặc của tiểu ban trực thuộc Hội đồng quản trị, hoặc của người có tư cách thành viên tiểu ban Hội đồng quản trị phải phù hợp với các quy định pháp luật hiện hành, quy định tại Điều lệ Tổng công ty và Quy chế nội bộ về quản trị Tổng công ty.

6. Người phụ trách quản trị công ty

6.1. Hội đồng quản trị của Tổng công ty phải bổ nhiệm ít nhất 01 người phụ trách quản trị Tổng công ty để hỗ trợ công tác quản trị công ty tại doanh nghiệp. Người phụ trách quản trị Tổng công ty có thể kiêm nhiệm làm Thư ký Tổng công ty theo quy định tại khoản 5 Điều 156 Luật doanh nghiệp.

6.2. Người phụ trách quản trị Tổng công ty không được đồng thời làm việc cho tổ chức kiểm toán được chấp thuận đang thực hiện kiểm toán các báo cáo tài chính của Tổng công ty.

6.3. Người phụ trách quản trị Tổng công ty có quyền và nghĩa vụ sau:

- a, Tư vấn Hội đồng quản trị trong việc tổ chức họp Đại hội đồng cổ đông theo quy định và các công việc liên quan giữa Tổng công ty và cổ đông;
- b, Chuẩn bị các cuộc họp Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát và Đại hội đồng cổ đông theo

yêu cầu của Hội đồng quản trị hoặc Ban kiểm soát;

- c. Tư vấn về thủ tục của các cuộc họp;
- d. Tham dự các cuộc họp;
- e. Tư vấn thủ tục lập các nghị quyết của Hội đồng quản trị phù hợp với quy định của pháp luật;
- f. Cung cấp các thông tin tài chính, bản sao biên bản họp Hội đồng quản trị và các thông tin khác cho thành viên Hội đồng quản trị và Kiểm soát viên;
- g. Giám sát và báo cáo Hội đồng quản trị về hoạt động công bố thông tin của Tổng công ty;
- h. Là đầu mối liên lạc với các bên có quyền lợi liên quan;
- i. Bảo mật thông tin theo các quy định của pháp luật và Điều lệ Tổng công ty;
- j. Các quyền và nghĩa vụ khác theo quy định của pháp luật và Điều lệ Tổng công ty.

Điều 4. Ban Kiểm soát

1. Vai trò, quyền và nghĩa vụ của Ban kiểm soát, trách nhiệm của Kiểm soát viên

1.1. Ban kiểm soát là cơ quan thực hiện giám sát Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc trong việc quản lý và điều hành Tổng công ty.

1.2. Quyền và nghĩa vụ của Ban kiểm soát, trách nhiệm của Kiểm soát viên thực hiện theo quy định của Luật Doanh nghiệp và Điều lệ Tổng công ty.

2. Nhiệm kỳ, số lượng, thành phần, cơ cấu Kiểm soát viên

2.1. Số lượng Kiểm soát viên của Tổng công ty là ba (03) người. Nhiệm kỳ của Thành viên Ban kiểm soát không quá năm (05) năm và có thể được bầu lại với số nhiệm kỳ không hạn chế.

2.2. Tiêu chuẩn và điều kiện của Kiểm soát viên

Tiêu chuẩn và điều kiện của Kiểm soát viên được quy định tại Khoản 2 Điều 38 Điều lệ Tổng công ty.

2.3. Đề cử, ứng cử Kiểm soát viên

a. Các cổ đông có quyền gộp số phiếu biểu quyết của từng người lại với nhau để đề cử các ứng viên Ban kiểm soát. Cổ đông hoặc nhóm cổ đông nắm giữ từ 10% đến dưới 30% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết được đề cử một (01) ứng viên; từ 30% đến dưới 50% được đề cử tối đa hai (02) ứng viên; từ 50% trở lên được đề cử từ ba (03) ứng viên đến tối đa năm (05) ứng viên.

b. Trường hợp số lượng các ứng viên Ban kiểm soát; thông qua đề cử và ứng cử không đủ số lượng cần thiết, Ban kiểm soát đương nhiệm có thể đề cử thêm ứng viên hoặc tổ chức đề cử theo cơ chế quy định tại Điều lệ Tổng công ty và Quy chế này. Việc Ban kiểm soát đương nhiệm giới thiệu thêm ứng viên phải được công bố rõ ràng trước khi Đại hội đồng cổ đông biểu quyết bầu Kiểm soát viên theo quy định của pháp luật.

2.4. Cách thức bầu Kiểm soát viên

Việc biểu quyết bầu thành viên Ban kiểm soát phải thực hiện theo phương thức bầu dồn phiếu, theo đó mỗi cổ đông có tổng số phiếu biểu quyết tương ứng với tổng số cổ phần sở hữu nhân với số thành viên được bầu của Ban Kiểm soát và cổ đông có quyền dồn hết hoặc một phần tổng số phiếu bầu của mình cho một hoặc một số ứng cử viên. Người trúng cử thành viên Ban kiểm soát được xác định theo số phiếu bầu tính từ cao xuống thấp, bắt đầu từ ứng cử viên có số phiếu bầu cao nhất cho đến khi đủ số thành viên quy định tại Điều lệ Tổng công ty. Trường hợp có từ 02 ứng cử viên trở lên đạt cùng số phiếu bầu như nhau cho thành viên cuối cùng của Ban kiểm soát thì sẽ tiến hành bầu lại trong số các ứng cử

viên có số phiếu bầu ngang nhau hoặc lựa chọn theo tiêu chí quy định tại quy chế bầu cử hoặc Điều lệ công ty.

2.5. Các trường hợp miễn nhiệm, bãi nhiệm Kiểm soát viên

Việc miễn nhiệm, bãi nhiệm Kiểm soát viên thực hiện theo Điều 174 Luật Doanh nghiệp và Điều lệ Tổng công ty.

2.6. Thông báo về bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm Kiểm soát viên

Việc bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm, thay thế các Kiểm soát viên phải được công bố thông tin theo các quy định của pháp luật về chứng khoán và thị trường chứng khoán.

2.7. Tiền lương và quyền lợi khác của Kiểm soát viên

a. Kiểm soát viên được trả tiền lương, thù lao, thưởng và lợi ích khác theo quyết định của Đại hội đồng cổ đông. Đại hội đồng cổ đông quyết định tổng mức tiền lương, thù lao, thưởng, lợi ích khác và ngân sách hoạt động hằng năm của Ban kiểm soát.

b. Kiểm soát viên được thanh toán chi phí ăn, ở, đi lại, chi phí sử dụng dịch vụ tư vấn độc lập với mức hợp lý. Tổng mức thù lao và chi phí này không vượt quá tổng ngân sách hoạt động hằng năm của Ban kiểm soát đã được Đại hội đồng cổ đông chấp thuận, trừ trường hợp Đại hội đồng cổ đông có quyết định khác.

c. Tiền lương và chi phí hoạt động của Ban kiểm soát được tính vào chi phí kinh doanh của Tổng công ty theo quy định của pháp luật về thuế thu nhập doanh nghiệp, quy định khác của pháp luật có liên quan và phải được lập thành mục riêng trong báo cáo tài chính hằng năm của Tổng công ty.

Điều 5. Tổng Giám đốc

1. Vai trò, trách nhiệm, quyền và nghĩa vụ của Tổng giám đốc

1.1. Tổng giám đốc là người điều hành công việc kinh doanh hằng ngày của công ty; chịu sự giám sát của Hội đồng quản trị; chịu trách nhiệm trước Hội đồng quản trị và trước pháp luật về việc thực hiện quyền, nghĩa vụ được giao.

1.2. Quyền và nghĩa vụ, trách nhiệm của Tổng giám đốc thực hiện theo quy định của Pháp luật, Điều lệ Tổng công ty, các quy chế, quy định quản lý nội bộ của Tổng công ty.

2. Bổ nhiệm, miễn nhiệm, ký hợp đồng, chấm dứt hợp đồng đối với Tổng giám đốc:

2.1. Nhiệm kỳ, tiêu chuẩn và điều kiện của Tổng giám đốc

Nhiệm kỳ của Tổng giám đốc không quá 05 năm và có thể được bổ nhiệm lại với số nhiệm kỳ không hạn chế. Việc bổ nhiệm có thể hết hiệu lực căn cứ vào các quy định tại hợp đồng lao động. Tiêu chuẩn và điều kiện của Tổng giám đốc thực hiện theo Luật Doanh nghiệp và Điều lệ Tổng công ty.

2.2. Bổ nhiệm, ký hợp đồng lao động với Tổng giám đốc:

Hội đồng quản trị bổ nhiệm một thành viên Hội đồng quản trị hoặc thuê người khác làm Tổng giám đốc.

Việc bổ nhiệm Tổng giám đốc thực hiện theo quy định của Luật Doanh nghiệp, Điều lệ Tổng công ty, Quy chế về công tác cán bộ của Tổng công ty. Việc thuê Tổng giám đốc được thực hiện theo quy định của pháp luật về lao động.

2.3. Miễn nhiệm, chấm dứt hợp đồng lao động với Tổng giám đốc

Hội đồng quản trị có thể miễn nhiệm Tổng giám đốc khi đa số thành viên Hội đồng quản trị có quyền biểu quyết dự họp tán thành và bổ nhiệm một Tổng giám đốc mới thay thế. Việc chấm dứt hợp đồng lao động với Tổng giám đốc được thực hiện theo quy định của pháp luật về lao động.

2.4. Thông báo bổ nhiệm, miễn nhiệm, ký hợp đồng, chấm dứt hợp đồng đối với Tổng

giám đốc:

Việc thông báo bổ nhiệm, miễn nhiệm, ký hợp đồng, chấm dứt hợp đồng đối với Tổng giám đốc phải được công bố thông tin theo các quy định của pháp luật về chứng khoán và thị trường chứng khoán.

2.5. Tiền lương và lợi ích khác của Tổng giám đốc:

a. Thù lao, tiền lương, lợi ích và các điều khoản khác trong hợp đồng lao động đối với Tổng giám đốc do Hội đồng quản trị quyết định.

b. Tiền lương của Tổng giám đốc được tính vào chi phí kinh doanh của Tổng công ty theo quy định của pháp luật về thuế thu nhập doanh nghiệp, được thể hiện thành mục riêng trong báo cáo tài chính hàng năm của Tổng công ty và phải báo cáo Đại hội đồng cổ đông tại cuộc họp thường niên.

Điều 6. Các hoạt động khác

1. Phối hợp hoạt động giữa Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát:

1.1 Phối hợp hoạt động giữa Hội đồng quản trị với Ban kiểm soát theo quy định tại Quy chế hoạt động của Hội đồng quản trị và Quy chế hoạt động của Ban kiểm soát.

1.2 Phối hợp hoạt động giữa Hội đồng quản trị và Tổng giám đốc theo quy định tại Quy chế hoạt động của Hội đồng quản trị.

1.3 Phối hợp hoạt động giữa Ban kiểm soát và Tổng giám đốc theo quy định tại Quy chế hoạt động của Hội đồng quản trị và Quy chế hoạt động của Ban kiểm soát.

2. Quy định về đánh giá hàng năm đối với hoạt động khen thưởng và kỷ luật đối với thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát, Tổng Giám đốc và các người điều hành doanh nghiệp khác.

Tùy thuộc vào quy định của Hội đồng quản trị, công tác đánh giá hoạt động của thành viên Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát, Tổng Giám đốc và cán bộ đảm nhiệm các vị trí quản lý của Tổng công ty có thể được tiến hành theo một hoặc một số phương thức sau:

- Tự nhận xét, đánh giá;
- Tổ chức lấy phiếu thăm dò, tín nhiệm;
- Cách thức khác do HĐQT lựa chọn vào từng thời điểm.

Điều 7. Hiệu lực thi hành

Quy chế nội bộ về quản trị Tổng công ty cổ phần Điện tử và Tin học Việt Nam bao gồm 07 điều và được Đại hội đồng cổ đông thông qua có hiệu lực thi hành kể từ ngày...tháng...năm...

TỜ TRÌNH

(Về việc ban hành Quy chế hoạt động của Hội đồng quản trị Tổng công ty)

Kính gửi: Đại hội đồng cổ đông năm 2021

Tổng công ty Cổ phần Điện tử và Tin học Việt Nam

Căn cứ Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14 của Quốc hội nước Cộng hòa Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam có hiệu lực từ ngày 01/01/2021;

Căn cứ Nghị định số 155/2020/NĐ-CP ngày 31 tháng 12 năm 2020 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Chứng khoán;

Căn cứ Thông tư số 116/2020/TT-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2020 của Bộ trưởng Bộ Tài chính hướng dẫn một số điều về quản trị công ty áp dụng đối với công ty đại chúng tại Nghị định số 155/2020/NĐ-CP ngày 31 tháng 12 năm 2020 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Chứng khoán;

Căn cứ Quy chế hoạt động của Hội đồng quản trị hiện hành của Tổng công ty cổ phần Điện tử và Tin học Việt Nam;

Căn cứ yêu cầu tổ chức hoạt động của Tổng công ty,

Để bảo đảm tính pháp lý cũng như đáp ứng các quy định mới được ban hành về Quản trị công ty áp dụng với Công ty đại chúng (Theo Nghị định số 155/2020/NĐ-CP ban hành ngày 31 tháng 12 năm 2020 và Thông tư số 116/2020/TT-BTC ban hành ngày 31 tháng 12 năm 2020).

Hội đồng Quản trị kính trình Đại hội đồng cổ đông xem xét thông qua việc ban hành Quy chế hoạt động của Hội đồng quản trị Tổng công ty (theo Phụ lục đính kèm).

Kính trình Đại hội xem xét và thông qua!

Trân trọng.

Nơi nhận:

- Như trên;
- CBTT;
- HĐQT, BKS;
- Lưu: VT, HĐQT.



Hà nội, ngày tháng năm 2021

QUY CHẾ HOẠT ĐỘNG CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Căn cứ Luật Chứng khoán số 54/2019/QH14 ngày 26 tháng 11 năm 2019;

Căn cứ Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14 ngày 17 tháng 6 năm 2020;

Căn cứ Nghị định số 155/2020/NĐ-CP ngày 31 tháng 12 năm 2020 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Chứng khoán;

Căn cứ Thông tư số 116/2020/TT-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2020 của Bộ trưởng Bộ Tài chính hướng dẫn một số điều về quản trị công ty áp dụng đối với công ty đại chúng tại Nghị định số 155/2020/NĐ-CP ngày 31 tháng 12 năm 2020 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Chứng khoán;

Căn cứ Điều lệ tổ chức và hoạt động Tổng công ty cổ phần Điện tử và Tin học Việt Nam;

Căn cứ Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông số ...ngày ...tháng...năm...

Hội đồng quản trị ban hành Quy chế hoạt động của Hội đồng quản trị Tổng công ty cổ phần Điện tử và Tin học Việt Nam;

Quy chế hoạt động của Hội đồng quản trị Tổng công ty cổ phần Điện tử và Tin học Việt Nam bao gồm các nội dung sau:

CHƯƠNG I QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh và đối tượng áp dụng

1. Phạm vi điều chỉnh: Quy chế hoạt động của Hội đồng quản trị quy định cơ cấu tổ chức nhân sự, nguyên tắc hoạt động, quyền hạn, nghĩa vụ của Hội đồng quản trị và các thành viên Hội đồng quản trị nhằm hoạt động theo quy định tại Luật Doanh nghiệp, Điều lệ Tổng công ty và các quy định khác của pháp luật có liên quan.

2. Đối tượng áp dụng: Quy chế này được áp dụng cho Hội đồng quản trị, các thành viên Hội đồng quản trị.

Điều 2. Vị trí, vai trò của HĐQT

HĐQT là cơ quan quản lý Tổng công ty, có toàn quyền nhân danh Tổng công ty để quyết định, thực hiện các quyền và nghĩa vụ của Tổng công ty mà không thuộc thẩm quyền của Đại hội đồng cổ đông.

HĐQT sử dụng bộ máy điều hành và con dấu của Tổng công ty để thực hiện nhiệm vụ, quyền hạn của mình.

Điều 3. Nguyên tắc hoạt động của HĐQT

1. Hội đồng quản trị làm việc theo nguyên tắc tập thể. Các thành viên của Hội đồng quản trị chịu trách nhiệm cá nhân về phần việc của mình và cùng chịu trách nhiệm trước Đại hội đồng cổ đông, trước pháp luật về các nghị quyết, quyết định của Hội đồng quản trị đối với sự phát triển của Tổng công ty.

2. Mọi hoạt động của HĐQT, các thành viên HĐQT và bộ máy giúp việc HĐQT phải tuân thủ các quy định của Pháp luật, Điều lệ Tổng công ty và bảo đảm lợi ích của Tổng công ty.

3. Hội đồng quản trị giao trách nhiệm cho Tổng giám đốc tổ chức điều hành thực hiện các nghị quyết, quyết định của Hội đồng quản trị.

Chương II **THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ**

Điều 4. Quyền và nghĩa vụ của thành viên Hội đồng quản trị

1. Thành viên Hội đồng quản trị có đầy đủ các quyền theo quy định của Luật Chứng khoán, pháp luật liên quan và Điều lệ Tổng công ty, trong đó có quyền được yêu cầu Tổng giám đốc, Phó Tổng giám đốc, các cán bộ quản lý khác cung cấp thông tin, tài liệu về tình hình tài chính, hoạt động kinh doanh của Tổng công ty và của các đơn vị trong Tổng công ty.

2. Các thành viên có trách nhiệm thực hiện những nhiệm vụ đã được Chủ tịch HĐQT phân công (hoặc được Chủ tịch HĐQT ủy quyền) và không được ủy quyền cho người khác.

3. Được ủy quyền thành viên khác trong HĐQT thay thế mình tham dự các cuộc họp của HĐQT trong những trường hợp cần thiết. Việc ủy quyền người thay thế phải được lập bằng văn bản có chữ ký của người ủy quyền, được gửi tới trụ sở chính của Tổng công ty trước khi cuộc họp HĐQT khai mạc và được đa số thành viên HĐQT chấp thuận.

4. Thành viên Hội đồng quản trị có nghĩa vụ theo quy định tại Điều lệ Tổng công ty và các nghĩa vụ sau:

a. Thực hiện các nhiệm vụ của mình một cách trung thực, cẩn trọng vì lợi ích cao nhất của cổ đông và của Tổng công ty;

b. Tham dự các cuộc họp HĐQT, thảo luận, biểu quyết các vấn đề thuộc nội dung phiên họp, chịu trách nhiệm cá nhân trước Pháp luật, trước Đại hội đồng cổ đông và HĐQT về những hành vi của mình;

c. Báo cáo kịp thời, đầy đủ với Hội đồng quản trị các khoản thù lao nhận được từ các công ty con, công ty liên kết và các tổ chức khác;

d. Báo cáo Hội đồng quản trị tại cuộc họp gần nhất các giao dịch giữa Tổng công ty, công ty con, công ty khác do Tổng công ty nắm quyền kiểm soát trên 50% trở lên vốn điều lệ với thành viên Hội đồng quản trị và những người có liên quan của thành viên đó; giao dịch giữa Tổng công ty với công ty trong đó thành viên Hội đồng quản trị là thành viên sáng lập hoặc là người quản lý doanh nghiệp trong thời gian 03 năm gần nhất trước thời điểm giao dịch;

e. Thực hiện công bố thông tin khi thực hiện giao dịch cổ phiếu của Tổng công ty theo quy định của pháp luật.

f. Tuyệt đối trung thành với mục tiêu kinh doanh của Tổng công ty đã ghi trong Điều lệ Tổng công ty. Giữ bí mật các số liệu, định mức, kỹ thuật công nghệ và các vấn đề tài chính của Tổng công ty;

g. Nghiên cứu, đánh giá tình hình, kết quả hoạt động và đóng góp phương hướng phát triển, kết quả hoạt động kinh doanh của Tổng công ty trong từng thời kỳ;

h. Thực hiện Điều lệ của Tổng công ty, Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông, quyết định của HĐQT có liên quan đến từng thành viên theo sự phân công của HĐQT;

i. Không được lợi dụng chức vụ để hưởng lợi ích cá nhân hoặc có hành động làm thiệt hại lợi ích Tổng công ty;

j. Không được hành động vượt quá quyền hạn. Mọi quyết định, hành động vượt quá thẩm quyền gây thiệt hại cho Tổng công ty thì phải chịu trách nhiệm theo quy định của Tổng công ty và quy định của Pháp luật.

k. Các quyền và nhiệm vụ khác của Thành viên HĐQT được quy định tại Luật Doanh nghiệp và Điều lệ Tổng công ty.

Điều 5. Quyền được cung cấp thông tin của thành viên Hội đồng quản trị

1. Thành viên Hội đồng quản trị có quyền yêu cầu Tổng giám đốc, Phó Tổng giám đốc, người quản lý khác trong Tổng công ty cung cấp thông tin, tài liệu về tình hình tài chính, hoạt động kinh doanh của Tổng công ty.

2. Người quản lý được yêu cầu phải cung cấp kịp thời, đầy đủ và chính xác thông tin, tài liệu theo yêu cầu của thành viên Hội đồng quản trị. Trình tự, thủ tục yêu cầu và cung cấp thông tin do Điều lệ Tổng công ty quy định.

Điều 6. Nhiệm kỳ và số lượng thành viên Hội đồng quản trị

1. Số lượng thành viên HĐQT ít nhất là ba (03) người và nhiều nhất là mười một (11) người, trong đó số thành viên HĐQT không điều hành phải chiếm ít nhất là 1/3 tổng số thành viên. Số lượng tối thiểu thành viên HĐQT không điều hành được xác định theo phương thức làm tròn xuống. Tổng công ty hạn chế tối đa thành viên Hội đồng quản trị kiêm nhiệm chức danh điều hành của Tổng công ty để đảm bảo tính độc lập của Hội đồng quản trị.

2. Cơ cấu Hội đồng quản trị cần đảm bảo sự cân đối giữa các thành viên có kiến thức và kinh nghiệm về Pháp luật, tài chính, lĩnh vực hoạt động kinh doanh của Tổng công ty và có xét yếu tố về giới.

3. Nhiệm kỳ của thành viên Hội đồng quản trị không quá năm (05) năm và có thể được bầu lại với số nhiệm kỳ không hạn chế. Trường hợp tất cả các thành viên Hội đồng quản trị cùng kết thúc nhiệm kỳ thì các thành viên đó tiếp tục là thành viên Hội đồng quản trị cho đến khi có thành viên mới được bầu thay thế và tiếp quản công việc.

4. Chức danh Phó Chủ tịch Hội đồng quản trị do Hội đồng quản trị bầu, dựa trên đề xuất nhân sự của Chủ tịch Hội đồng quản trị từ một trong các thành viên Hội đồng quản trị đương nhiệm. Nhiệm vụ của Phó Chủ tịch Hội đồng quản trị do Hội đồng quản trị phân công.

5. Trường hợp có thành viên được bầu bổ sung hoặc thay thế thành viên bị miễn nhiệm, bãi nhiệm trong thời hạn nhiệm kỳ thì nhiệm kỳ của thành viên đó là thời hạn còn lại của nhiệm kỳ HĐQT.

Điều 7. Tiêu chuẩn và điều kiện làm thành viên Hội đồng quản trị

1. Thành viên Hội đồng quản trị phải đáp ứng các tiêu chuẩn và điều kiện sau đây:

2. Không thuộc đối tượng quy định tại khoản 2 Điều 17 Luật Doanh nghiệp;

3. Có trình độ chuyên môn, kinh nghiệm trong quản trị kinh doanh hoặc trong lĩnh vực, ngành, nghề kinh doanh của Tổng công ty và không nhất thiết phải là cổ đông của Tổng công ty;

4. Có sức khỏe, phẩm chất đạo đức tốt, trung thực, liêm khiết, có hiểu biết Pháp luật.

5. Thành viên Hội đồng quản trị Tổng công ty có thể đồng thời là thành viên Hội đồng quản trị của công ty khác. Tuy nhiên, số lượng, chức danh thành viên Hội đồng quản trị Tổng công ty tham gia Hội đồng quản trị hoặc Hội đồng thành viên tại các Công ty khác tuân thủ quy định Pháp luật hiện hành có liên quan.

6. Thành viên Hội đồng quản trị không được là người có quan hệ gia đình của Tổng giám đốc và người quản lý khác của Tổng công ty; của người quản lý, người có thẩm quyền bổ nhiệm người quản lý công ty mẹ.

7. Tiêu chuẩn và điều kiện khác theo Điều lệ Tổng công ty..

Điều 8. Chủ tịch Hội đồng quản trị

Chủ tịch Hội đồng quản trị do Hội đồng quản trị bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm trong số các thành viên Hội đồng quản trị. Chủ tịch HĐQT không kiêm nhiệm chức vụ Tổng giám đốc của Tổng công ty.

2. Chủ tịch Hội đồng quản trị có quyền và nghĩa vụ sau đây:

a. Lập chương trình, kế hoạch hoạt động của Hội đồng quản trị;

b. Chuẩn bị chương trình, nội dung, tài liệu phục vụ cuộc họp; triệu tập, chủ trì và làm chủ tọa cuộc họp Hội đồng quản trị;

c. Tổ chức việc thông qua nghị quyết, quyết định của Hội đồng quản trị;

d. Giám sát quá trình tổ chức thực hiện các nghị quyết, quyết định của Hội đồng quản trị;

đ. Chủ tọa cuộc họp Đại hội đồng cổ đông;

e. Phân công cho các thành viên HĐQT thực hiện các nhiệm vụ, quyền hạn của HĐQT;

g. Ký các văn bản thuộc thẩm quyền của HĐQT;

- h. Được uỷ quyền và chịu trách nhiệm về sự uỷ quyền của mình;
- i. Các quyền và nghĩa vụ khác theo quy định của Pháp luật và Điều lệ Tổng công ty.

3. Chủ tịch HĐQT phải có trách nhiệm đảm bảo việc HĐQT gửi báo cáo tài chính năm, báo cáo hoạt động của Tổng Công ty, báo cáo kiểm toán và báo cáo kiểm tra của HĐQT cho các cổ đông tại Đại hội đồng cổ đông.

4. Trường hợp Chủ tịch Hội đồng quản trị có đơn từ chức hoặc bị bãi miễn, Hội đồng quản trị phải bầu người thay thế trong thời hạn 10 ngày kể từ ngày nhận đơn từ chức hoặc bị bãi miễn. Trường hợp Chủ tịch Hội đồng quản trị vắng mặt hoặc không thể thực hiện được nhiệm vụ của mình thì phải uỷ quyền bằng văn bản cho một thành viên khác thực hiện quyền và nghĩa vụ của Chủ tịch Hội đồng quản trị theo nguyên tắc quy định tại Điều lệ Tổng công ty. Trường hợp không có người được uỷ quyền hoặc Chủ tịch Hội đồng quản trị chết, mất tích, bị tạm giam, đang chấp hành hình phạt tù, đang chấp hành biện pháp xử lý hành chính tại cơ sở cai nghiện bắt buộc, cơ sở giáo dục bắt buộc, trốn khỏi nơi cư trú, bị hạn chế hoặc mất năng lực hành vi dân sự, có khó khăn trong nhận thức, làm chủ hành vi, bị Tòa án cấm đảm nhiệm chức vụ, cấm hành nghề hoặc làm công việc nhất định thì các thành viên còn lại bầu một người trong số các thành viên giữ chức Chủ tịch Hội đồng quản trị theo nguyên tắc đa số thành viên còn lại tán thành cho đến khi có quyết định mới của Hội đồng quản trị.

Điều 9. Miễn nhiệm, bãi nhiệm, thay thế và bổ sung thành viên Hội đồng quản trị

1. Đại hội đồng cổ đông miễn nhiệm thành viên Hội đồng quản trị trong trường hợp sau đây:

- a. Không có đủ tiêu chuẩn và điều kiện theo quy định tại Điều 155 Luật Doanh nghiệp;
- b. Có đơn từ chức và được chấp thuận;
- c. Trường hợp khác quy định tại Điều lệ Tổng công ty.

2. Đại hội đồng cổ đông bãi nhiệm thành viên Hội đồng quản trị trong trường hợp sau đây:

a. Không tham gia các hoạt động của Hội đồng quản trị trong 06 tháng liên tục, trừ trường hợp bất khả kháng;

- b. Trường hợp khác quy định tại Điều lệ Tổng công ty.

3. Khi xét thấy cần thiết, Đại hội đồng cổ đông quyết định thay thế thành viên Hội đồng quản trị; miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên Hội đồng quản trị ngoài trường hợp quy định tại khoản 1 và khoản 2 Điều này.

4. Hội đồng quản trị phải triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông để bầu bổ sung thành viên Hội đồng quản trị trong trường hợp sau đây:

a. Số thành viên Hội đồng quản trị bị giảm quá một phần ba so với số quy định tại Điều lệ Tổng công ty. Trường hợp này, Hội đồng quản trị phải triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông trong thời hạn 60 ngày kể từ ngày số thành viên bị giảm quá một phần ba,

b. Trừ trường hợp quy định tại điểm a khoản này, Đại hội đồng cổ đông bầu thành viên mới thay thế thành viên Hội đồng quản trị đã bị miễn nhiệm, bãi nhiệm tại cuộc họp gần nhất.

Điều 10. Cách thức bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên Hội đồng quản trị

1. Cổ đông hoặc nhóm cổ đông sở hữu từ 10% tổng số cổ phần phổ thông trở lên có quyền đề cử ứng cử viên Hội đồng quản trị theo quy định tại khoản 2 Điều này.

2. Các cổ đông nắm giữ cổ phần có quyền biểu quyết có quyền gộp số quyền biểu quyết của từng người lại với nhau để đề cử các ứng viên Hội đồng quản trị. Cổ đông hoặc nhóm cổ đông nắm giữ từ 10% đến dưới 20% được đề cử tối đa hai (02) ứng viên; từ 20% đến dưới 30% được đề cử tối đa ba (03) ứng viên; từ 30% đến dưới 40% được đề cử tối đa bốn (04) ứng viên; từ 40% đến dưới 50% được đề cử tối đa năm (05) ứng viên; từ 50% đến dưới 60% được đề cử tối đa sáu (06) ứng viên; từ 60% đến dưới 70% được đề cử tối đa bảy (07) ứng viên; và từ 70% đến dưới 80% được đề cử tối đa tám (08) ứng viên, từ 80% đến dưới 90% được đề cử tối đa tám (08) ứng viên.

3. Các cổ đông phổ thông hợp thành nhóm để đề cử người vào Hội đồng quản trị phải

thông báo về việc họp nhóm cho các cổ đông dự họp biết trước khi khai mạc Đại hội đồng cổ đông.

4. Trường hợp số lượng ứng cử viên Hội đồng quản trị thông qua đề cử và ứng cử vẫn không đủ số lượng cần thiết theo quy định tại khoản 5 Điều 115 Luật Doanh nghiệp, Hội đồng quản trị đương nhiệm giới thiệu thêm ứng cử viên hoặc tổ chức đề cử theo quy định tại Điều lệ Tổng công ty, Quy chế nội bộ về quản trị Tổng công ty và Quy chế hoạt động của Hội đồng quản trị. Việc Hội đồng quản trị đương nhiệm giới thiệu thêm ứng cử viên phải được công bố rõ ràng trước khi Đại hội đồng cổ đông biểu quyết bầu thành viên Hội đồng quản trị theo quy định của pháp luật.

5. Việc biểu quyết bầu thành viên Hội đồng quản trị phải thực hiện theo phương thức bầu dồn phiếu, theo đó mỗi cổ đông có tổng số phiếu biểu quyết tương ứng với tổng số cổ phần sở hữu nhân với số thành viên được bầu của Hội đồng quản trị và cổ đông có quyền dồn hết hoặc một phần tổng số phiếu bầu của mình cho một hoặc một số ứng cử viên. Người trúng cử thành viên Hội đồng quản trị được xác định theo số phiếu bầu tính từ cao xuống thấp, bắt đầu từ ứng cử viên có số phiếu bầu cao nhất cho đến khi đủ số thành viên quy định tại Điều lệ Tổng công ty. Trường hợp có từ 02 ứng cử viên trở lên đạt cùng số phiếu bầu như nhau cho thành viên cuối cùng của Hội đồng quản trị thì sẽ tiến hành bầu lại trong số các ứng cử viên có số phiếu bầu ngang nhau hoặc lựa chọn theo tiêu chí quy chế bầu cử hoặc Điều lệ Tổng công ty.

6. Việc bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên Hội đồng quản trị do Đại hội đồng cổ đông quyết định theo nguyên tắc bỏ phiếu.

Điều 11. Thông báo về bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên Hội đồng quản trị

1. Trường hợp đã xác định được ứng cử viên Hội đồng quản trị, Tổng công ty phải công bố thông tin liên quan đến các ứng cử viên tối thiểu 10 ngày trước ngày khai mạc họp Đại hội đồng cổ đông trên trang thông tin điện tử của Tổng công ty để cổ đông có thể tìm hiểu về các ứng cử viên này trước khi bỏ phiếu. Ứng cử viên Hội đồng quản trị phải có cam kết bằng văn bản về tính trung thực, chính xác của các thông tin cá nhân được công bố và phải cam kết thực hiện nhiệm vụ một cách trung thực, cẩn trọng và vì lợi ích cao nhất của Tổng công ty nếu được bầu làm thành viên Hội đồng quản trị. Thông tin liên quan đến ứng cử viên Hội đồng quản trị được công bố bao gồm:

- a. Họ tên, ngày, tháng, năm sinh;
- b. Trình độ chuyên môn;
- c. Quá trình công tác;
- d. Các chức danh quản lý khác (bao gồm cả chức danh Hội đồng quản trị của Tổng công ty khác);
- e. Lợi ích có liên quan tới Tổng công ty và các bên có liên quan của Tổng công ty;
- f. Các thông tin khác (nếu có) theo quy định tại Điều lệ Tổng công ty;
- g. Tổng công ty phải có trách nhiệm công bố thông tin về các công ty mà ứng cử viên đang nắm giữ chức vụ thành viên Hội đồng quản trị, các chức danh quản lý khác và các lợi ích có liên quan tới Tổng công ty của ứng cử viên Hội đồng quản trị (nếu có).

2. Việc thông báo về kết quả bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên Hội đồng quản trị thực hiện theo các quy định hướng dẫn về công bố thông tin.

Chương III HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Điều 12. Quyền và nghĩa vụ của Hội đồng quản trị

1. Hội đồng quản trị là cơ quan quản lý Tổng công ty, có toàn quyền nhân danh Tổng công ty để quyết định, thực hiện quyền và nghĩa vụ của Tổng công ty, trừ các quyền và nghĩa vụ thuộc thẩm quyền của Đại hội đồng cổ đông.

2. Quyền và nghĩa vụ của Hội đồng quản trị do luật pháp, Điều lệ Tổng công ty và Đại hội đồng cổ đông quy định. Cụ thể, Hội đồng quản trị có những quyền hạn và nghĩa vụ sau:

- a. Quyết định chiến lược, kế hoạch phát triển trung hạn và kế hoạch sản xuất kinh doanh

và ngân sách hằng năm;

- b. Kiến nghị loại cổ phần và tổng số cổ phần được quyền chào bán của từng loại;
- c. Xác định các mục tiêu hoạt động trên cơ sở các mục tiêu chiến lược được Đại hội đồng cổ đông thông qua;
- d. Quyết định bán cổ phần chưa bán trong phạm vi số cổ phần được quyền chào bán của từng loại; quyết định huy động thêm vốn theo hình thức khác;
- e. Quyết định giá bán cổ phần và trái phiếu của Tổng công ty;
- f. Quyết định mua lại cổ phần theo quy định tại khoản 1 và khoản 2 Điều 133 Luật Doanh nghiệp;
- g. Quyết định giải pháp phát triển thị trường, tiếp thị và công nghệ;
- h. Quyết định phương án đầu tư và dự án đầu tư trong thẩm quyền và giới hạn theo quy định của pháp luật và Điều lệ Tổng công ty;
- i. Quyết định cơ cấu tổ chức của Tổng công ty; Ban hành các quy chế quản lý nội bộ của Tổng công ty trong đó có quy chế quản lý phần vốn góp của Tổng công ty tại các doanh nghiệp khác; Quyết định thành lập công ty con; lập chi nhánh, văn phòng đại diện và việc góp vốn, mua cổ phần của doanh nghiệp khác;
- j. Duyệt chương trình, nội dung tài liệu phục vụ họp đại hội đồng cổ đông, triệu tập họp đại hội đồng cổ đông hoặc lấy ý kiến để Đại hội đồng cổ đông thông qua nghị quyết;
- k. Trình báo cáo tài chính hằng năm đã được kiểm toán lên Đại hội đồng cổ đông;
- l. Giải quyết các khiếu nại của Tổng công ty đối với cán bộ quản lý cũng như quyết định lựa chọn đại diện của Tổng công ty để giải quyết các vấn đề liên quan tới các thủ tục pháp lý đối với cán bộ quản lý đó;
- m. Đề xuất các loại cổ phiếu có thể phát hành và tổng số cổ phiếu phát hành theo từng loại;
- n. Đề xuất việc phát hành trái phiếu chuyển đổi và các chứng quyền cho phép người sở hữu mua cổ phiếu theo mức giá định trước;
- o. Quyết định giá chào bán trái phiếu, cổ phiếu và các chứng khoán chuyển đổi trong trường hợp được Đại hội đồng cổ đông ủy quyền;
- p. Bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm Chủ tịch Hội đồng quản trị, Phó Chủ tịch Hội đồng quản trị; bổ nhiệm, miễn nhiệm, ký hợp đồng, chấm dứt hợp đồng đối với Tổng giám đốc, Phó Tổng Giám đốc, Kế toán trưởng và người quản lý quan trọng khác của Tổng công ty; quyết định tiền lương, thù lao, thưởng và lợi ích khác của những người quản lý đó; cử người đại diện theo ủy quyền tham gia Hội đồng quản trị hoặc Đại hội đồng cổ đông ở công ty khác, quyết định mức thù lao và quyền lợi khác của những người đó;
- q. Giám sát, chỉ đạo Tổng giám đốc và người quản lý khác trong điều hành công việc kinh doanh hằng ngày của Tổng công ty;
- r. Kiến nghị mức cổ tức được trả; quyết định thời hạn và thủ tục trả cổ tức hoặc xử lý lỗ phát sinh trong quá trình kinh doanh;
- s. Kiến nghị việc tổ chức lại, giải thể Tổng công ty; yêu cầu phá sản Tổng công ty;
- t. Thông qua hợp đồng mua, bán, vay, cho vay và hợp đồng, khác có giá trị bằng hoặc lớn hơn 35% tổng giá trị tài sản của Tổng công ty được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất của Tổng công ty. Quy định này không áp dụng đối với hợp đồng, giao dịch thuộc thẩm quyền quyết định của Đại hội đồng cổ đông theo quy định tại điểm d khoản 2 Điều 138, khoản 1 và khoản 3 Điều 167 Luật Doanh nghiệp;
- u. Quyết định ban hành Quy chế hoạt động Hội đồng quản trị, Quy chế nội bộ về quản trị Tổng công ty sau khi được Đại hội đồng cổ đông thông qua; Quy chế về công bố thông tin của Tổng công ty;

v. Quyền và nghĩa vụ khác theo quy định của Luật Doanh nghiệp, Luật Chứng khoán, quy định khác của pháp luật và Điều lệ Tổng công ty.

3. Hội đồng quản trị thông qua nghị quyết, quyết định bằng biểu quyết tại cuộc họp, lấy ý kiến bằng văn bản hoặc hình thức khác do Điều lệ Tổng công ty quy định. Mỗi thành viên Hội đồng quản trị có một phiếu biểu quyết.

4. Trường hợp nghị quyết, quyết định do Hội đồng quản trị thông qua trái với quy định của pháp luật, nghị quyết Đại hội đồng cổ đông, Điều lệ Tổng công ty gây thiệt hại cho Tổng công ty thì các thành viên tán thành thông qua nghị quyết, quyết định đó phải cùng liên đới chịu trách nhiệm cá nhân về nghị quyết, quyết định đó và phải đền bù thiệt hại cho Tổng công ty; thành viên phản đối thông qua nghị quyết, quyết định nói trên được miễn trừ trách nhiệm. Trường hợp này, cổ đông của Tổng công ty có quyền yêu cầu Tòa án đình chỉ thực hiện hoặc hủy bỏ nghị quyết, quyết định nói trên.

Điều 13. Nhiệm vụ và quyền hạn của Hội đồng quản trị trong việc phê duyệt, ký kết hợp đồng giao dịch

1. Hội đồng quản trị chấp thuận các hợp đồng, giao dịch có giá trị nhỏ hơn 35% hoặc giao dịch dẫn đến tổng giá trị giao dịch phát sinh trong vòng 12 tháng kể từ ngày thực hiện giao dịch đầu tiên có giá trị nhỏ hơn 35% tổng giá trị tài sản ghi trên báo cáo tài chính gần nhất hoặc một tỷ lệ, giá trị khác nhỏ hơn theo quy định tại Điều lệ Tổng công ty giữa Tổng công ty với một trong các đối tượng sau:

- Thành viên Hội đồng quản trị, Kiểm soát viên, Tổng giám đốc, người quản lý khác và người có liên quan của các đối tượng này;

- Cổ đông, người đại diện ủy quyền của cổ đông sở hữu trên 10% tổng vốn cổ phần phổ thông của Tổng công ty và những người có liên quan của họ;

- Doanh nghiệp có liên quan đến các đối tượng quy định tại khoản 2 Điều 164 Luật Doanh nghiệp.

2. Người đại diện Tổng công ty ký hợp đồng, giao dịch phải thông báo cho thành viên Hội đồng quản trị, Kiểm soát viên về các đối tượng có liên quan đối với hợp đồng, giao dịch đó và gửi kèm theo dự thảo hợp đồng hoặc nội dung chủ yếu của giao dịch. Hội đồng quản trị quyết định việc chấp thuận hợp đồng, giao dịch trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được thông báo, trừ trường hợp Điều lệ Tổng công ty quy định một thời hạn khác; thành viên Hội đồng quản trị có lợi ích liên quan đến các bên trong hợp đồng, giao dịch không có quyền biểu quyết.

Điều 14. Trách nhiệm của Hội đồng quản trị trong việc triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông bất thường

1. Hội đồng quản trị phải triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông bất thường trong các trường hợp sau:

- a. Hội đồng quản trị xét thấy cần thiết vì lợi ích của Tổng công ty;

- b. Số lượng thành viên Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát còn lại ít hơn số lượng thành viên tối thiểu theo quy định của pháp luật;

- c. Theo yêu cầu của cổ đông hoặc nhóm cổ đông quy định tại khoản 2 Điều 115 của Luật Doanh nghiệp; yêu cầu triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông phải được thể hiện bằng văn bản, trong đó nêu rõ lý do và mục đích cuộc họp, có đủ chữ ký của các cổ đông liên quan hoặc văn bản yêu cầu được lập thành nhiều bản và tập hợp đủ chữ ký của các cổ đông có liên quan;

- d. Theo yêu cầu của Ban kiểm soát;

- e. Các trường hợp khác theo quy định của pháp luật và Điều lệ Tổng công ty.

2. Triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông bất thường,

Hội đồng quản trị phải triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông trong thời hạn 30 ngày kể từ ngày số lượng thành viên Hội đồng quản trị, thành viên độc lập Hội đồng quản trị hoặc Kiểm soát viên còn lại ít hơn số lượng thành viên tối thiểu theo quy định tại Điều lệ Tổng công ty hoặc nhận được yêu cầu quy định tại điểm c và điểm d khoản 1 Điều này;

3. Người triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông phải thực hiện các công việc sau đây:

- a. Lập danh sách cổ đông có quyền dự họp;
- b. Cung cấp thông tin và giải quyết khiếu nại liên quan đến danh sách cổ đông;
- c. Lập chương trình và nội dung cuộc họp;
- d. Chuẩn bị tài liệu cho cuộc họp;
- e. Dự thảo nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông theo nội dung dự kiến của cuộc họp; danh sách và thông tin chi tiết của các ứng cử viên trong trường hợp bầu thành viên Hội đồng quản trị, Kiểm soát viên;
- f. Xác định thời gian và địa điểm họp;
- g. Gửi thông báo mời họp đến từng cổ đông có quyền dự họp theo quy định Luật doanh nghiệp;
- h. Các công việc khác phục vụ cuộc họp.

Điều 15. Phân công nhiệm vụ đối với các thành viên HĐQT

1. Việc phân công nhiệm vụ chỉ đạo, kiểm tra, giám sát theo từng lĩnh vực cụ thể đối với từng thành viên HĐQT được quy định tại Quyết định về phân công nhiệm vụ của HĐQT.

2. Chủ tịch HĐQT trực tiếp xây dựng hoặc chỉ đạo thành viên HĐQT chuyên trách xây dựng, thống nhất thông qua HĐQT để trình Đại hội đồng cổ đông thảo luận và ra các quyết định bằng cách thông qua Nghị quyết về các vấn đề sau:

- a. Báo cáo hoạt động của HĐQT;
- b. Bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm và thay thế thành viên HĐQT và Ban kiểm soát (nếu có);
- c. Báo cáo, giải trình, đề xuất biện pháp xử lý đối với các vi phạm của HĐQT hoặc Ban kiểm soát gây thiệt hại (nếu có) cho Tổng công ty và các cổ đông của Tổng công ty.

3. Chủ tịch HĐQT hoặc người được Chủ tịch ủy quyền trực tiếp chỉ đạo chuẩn bị các vấn đề đưa ra cuộc họp HĐQT để HĐQT quyết định hoặc trình Đại hội đồng cổ đông hoặc phê duyệt để Tổng giám đốc thực hiện:

a. Chỉ đạo Thư ký Tổng công ty phối hợp với các đơn vị, Ban chức năng của Tổng công ty có liên quan dự thảo, xây dựng, báo cáo Chủ tịch HĐQT (hoặc người được Chủ tịch ủy quyền) để trình HĐQT phê duyệt: Kế hoạch, chương trình, nội dung tài liệu phục vụ triệu tập và tổ chức họp Đại hội đồng cổ đông hoặc thực hiện các thủ tục lấy ý kiến bằng văn bản để Đại hội đồng cổ đông thông qua Quyết định theo quy định.

b. Chỉ đạo Tổng giám đốc Tổng công ty dự thảo, xây dựng và báo cáo HĐQT để HĐQT xem xét, trình Đại hội đồng cổ đông thảo luận và ra các quyết định bằng cách thông qua Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông về các vấn đề theo quy định tại Điều lệ Tổng công ty

c. Tổng giám đốc dự thảo, xây dựng các phương án, dự án báo cáo Chủ tịch HĐQT để Chủ tịch HĐQT trình HĐQT quyết định phê duyệt hoặc trình Đại hội đồng cổ đông quyết định các vấn đề theo quy định Điều lệ Tổng công ty và các vấn đề sau:

- Việc góp vốn, mua cổ phần của doanh nghiệp khác;
- Các phương án về thanh lý, nhượng bán tài sản cố định, các khoản đầu tư dài hạn; các hợp đồng về cho thuê, thế chấp, cầm cố tài sản theo Quy định tài chính của Tổng công ty;
- Thời điểm, giá, phương thức chào bán cổ phần và trái phiếu của Tổng công ty, định giá tài sản góp vốn không phải là tiền Việt Nam, ngoại tệ tự do chuyển đổi, vàng;
- Chủ trương đầu tư các dự án mới và các dự án góp vốn của Tổng công ty;
- Đầu tư xây dựng hoặc cải tạo trụ sở làm việc.

d. Căn cứ theo đề nghị của các thành viên HĐQT hoặc Ban kiểm soát, HĐQT quyết định: bổ nhiệm, miễn nhiệm, cách chức, khen thưởng, kỷ luật, mức lương, phụ cấp và các lợi ích khác đối với Tổng giám đốc.

e. Căn cứ đề nghị của Tổng giám đốc và các thành viên HĐQT, HĐQT xem xét và Quyết định các vấn đề theo quy định tại Điều lệ và các vấn đề sau:

- Bổ nhiệm, miễn nhiệm, khen thưởng, kỷ luật, mức lương, phụ cấp và các lợi ích khác đối với các Phó Tổng giám đốc và Kế toán trưởng;
- Cử người đại diện theo ủy quyền thực hiện quyền sở hữu cổ phần hoặc phần vốn góp

của Tổng công ty ở doanh nghiệp khác;

- Giải quyết các khiếu nại của Tổng công ty đối với cán bộ quản lý cũng như quyết định lựa chọn đại diện của Tổng công ty để giải quyết các vấn đề liên quan tới các thủ tục pháp lý đối với cán bộ quản lý đó.

Điều 16. Chương trình hoạt động của HĐQT

1. Chương trình hoạt động của HĐQT được xây dựng theo hàng quý hoặc theo các kỳ họp HĐQT và hàng năm theo Điều lệ, Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông và yêu cầu công tác của Tổng công ty.

2. Căn cứ vào Nghị quyết, chương trình công tác của HĐQT và nhiệm vụ cụ thể được phân công, mỗi thành viên HĐQT phải có kế hoạch và biện pháp thực hiện các nhiệm vụ được phân công

Điều 17. Bộ máy giúp việc Hội đồng quản trị

1. Thư ký Tổng công ty

a. Khi xét thấy cần thiết, Hội đồng quản trị quyết định bổ nhiệm một (01) hoặc nhiều người làm Thư ký Tổng công ty với nhiệm kỳ và những điều khoản theo quyết định của Hội đồng quản trị. Thư ký Tổng công ty có nhiệm vụ giúp việc của HĐQT, Hội đồng quản trị cũng có thể bổ nhiệm một hay nhiều Trợ lý Thư ký Tổng công ty tùy từng thời điểm.

b. Thư ký Tổng công ty có quyền và nghĩa vụ sau đây:

- Hỗ trợ tổ chức triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông, Hội đồng quản trị; ghi chép các biên bản họp;

- Hỗ trợ thành viên Hội đồng quản trị trong việc thực hiện quyền và nghĩa vụ được giao;

- Hỗ trợ Hội đồng quản trị trong áp dụng và thực hiện nguyên tắc quản trị Tổng công ty;

- Hỗ trợ Tổng công ty trong xây dựng quan hệ cổ đông và bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của cổ đông;

- Hỗ trợ Tổng công ty trong việc tuân thủ đúng các nghĩa vụ cung cấp thông tin, công khai hóa thông tin và thủ tục hành chính.

- Cung cấp các thông tin tài chính, bản sao biên bản họp Hội đồng quản trị và các thông tin khác cho thành viên của Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát.

- Có trách nhiệm bảo mật thông tin theo các quy định của Pháp luật, Quy chế và Điều lệ Tổng công ty.

2. Các tiểu ban giúp việc Hội đồng quản trị

a. Hội đồng quản trị có thể thành lập tiểu ban trực thuộc để phụ trách về chính sách phát triển, nhân sự, lương thưởng, kiểm toán nội bộ, quản lý rủi ro. Số lượng thành viên của tiểu ban do Hội đồng quản trị quyết định tối thiểu là 03 người bao gồm thành viên của Hội đồng quản trị và thành viên bên ngoài. Thành viên Hội đồng quản trị không điều hành nên chiếm đa số trong tiểu ban và một trong số các thành viên này được bổ nhiệm làm Trưởng tiểu ban theo quyết định của Hội đồng quản trị. Hoạt động của tiểu ban phải tuân thủ theo quy định của Hội đồng quản trị. Nghị quyết của tiểu ban chỉ có hiệu lực khi có đa số thành viên tham dự và biểu quyết thông qua tại cuộc họp của tiểu ban.

b. Việc thực thi quyết định của Hội đồng quản trị, hoặc của tiểu ban trực thuộc Hội đồng quản trị phải phù hợp với các quy định pháp luật hiện hành và quy định tại Điều lệ Tổng công ty, Quy chế nội bộ về quản trị Tổng công ty.

CHƯƠNG IV

CUỘC HỌP HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Điều 18. Cuộc họp Hội đồng quản trị

1. Chủ tịch Hội đồng quản trị được bầu trong cuộc họp đầu tiên của Hội đồng quản trị trong thời hạn 07 ngày làm việc kể từ ngày kết thúc bầu cử Hội đồng quản trị đó. Cuộc họp này do thành viên có số phiếu bầu cao nhất hoặc tỷ lệ phiếu bầu cao nhất triệu tập và chủ trì. Trường hợp có nhiều hơn một thành viên có số phiếu bầu hoặc tỷ lệ phiếu bầu cao nhất

và ngang nhau thì các thành viên bầu theo nguyên tắc đa số để chọn 01 người trong số họ triệu tập họp Hội đồng quản trị.

2. Hội đồng quản trị phải họp ít nhất mỗi quý 01 lần và có thể họp bất thường.

3. Các cuộc họp thường kỳ: Chủ tịch Hội đồng quản trị phải triệu tập các cuộc họp Hội đồng quản trị thường kỳ, lập chương trình nghị sự, thời gian và địa điểm họp ít nhất 05 (năm) ngày trước ngày họp dự kiến.

4. Các cuộc họp bất thường: Chủ tịch Hội đồng quản trị triệu tập các cuộc họp bất thường khi thấy cần thiết vì lợi ích của Tổng công ty. Ngoài ra, Chủ tịch Hội đồng quản trị phải triệu tập họp Hội đồng quản trị, không được trì hoãn nếu không có lý do chính đáng, khi một trong số các đối tượng dưới đây đề nghị bằng văn bản trình bày mục đích cuộc họp, vấn đề cần thảo luận và quyết định thuộc thẩm quyền của Hội đồng quản trị:

a. Ban kiểm soát

b. Tổng giám đốc hoặc ít nhất năm (05) cán bộ quản lý khác;

c. Ít nhất hai (02) thành viên Hội đồng quản trị;

Các cuộc họp Hội đồng quản trị nêu tại Khoản 4 Điều này phải được tiến hành trong thời hạn bảy (07) ngày làm việc sau khi có đề xuất họp. Chủ tịch Hội đồng quản trị phải triệu tập họp Hội đồng quản trị trong thời hạn 07 ngày làm việc kể từ ngày nhận được đề nghị quy định tại khoản 3 Điều này. Trường hợp không triệu tập họp Hội đồng quản trị theo đề nghị thì Chủ tịch Hội đồng quản trị phải chịu trách nhiệm về những thiệt hại xảy ra đối với Tổng công ty; những người đề nghị có quyền thay thế Chủ tịch Hội đồng quản trị triệu tập họp Hội đồng quản trị.

5. Chủ tịch Hội đồng quản trị hoặc người triệu tập họp Hội đồng quản trị phải gửi thông báo mời họp chậm nhất là 05 ngày trước ngày họp. Thông báo mời họp phải xác định cụ thể thời gian và địa điểm họp, chương trình, các vấn đề thảo luận và quyết định. Thông báo mời họp phải kèm theo tài liệu sử dụng tại cuộc họp.

Thông báo mời họp Hội đồng quản trị có thể gửi bằng giấy mời, điện thoại, fax, phương tiện điện tử và bảo đảm đến được địa chỉ liên lạc của từng thành viên Hội đồng quản trị được đăng ký tại Tổng công ty.

6. Chủ tịch Hội đồng quản trị hoặc người triệu tập gửi thông báo mời họp và các tài liệu kèm theo đến các Kiểm soát viên như đối với các thành viên Hội đồng quản trị.

Kiểm soát viên có quyền dự các cuộc họp Hội đồng quản trị; có quyền thảo luận nhưng không được biểu quyết.

7. Cuộc họp Hội đồng quản trị được tiến hành khi có từ 3/4 tổng số thành viên trở lên dự họp hoặc thông qua người đại diện (người được ủy quyền). Trường hợp cuộc họp được triệu tập theo quy định tại khoản này không đủ số thành viên dự họp theo quy định thì được triệu tập lần thứ hai trong thời hạn 07 ngày kể từ ngày dự định họp lần thứ nhất. Trường hợp này, cuộc họp được tiến hành nếu có hơn một nửa số thành viên Hội đồng quản trị dự họp.

8. Thành viên Hội đồng quản trị được coi là tham dự và biểu quyết tại cuộc họp trong trường hợp sau đây:

a. Tham dự và biểu quyết trực tiếp tại cuộc họp;

b. Ủy quyền cho người khác đến dự họp và biểu quyết theo quy định tại khoản 9 Điều này;

c. Tham dự và biểu quyết thông qua hội nghị trực tuyến, bỏ phiếu điện tử hoặc hình thức điện tử khác;

d. Gửi phiếu biểu quyết đến cuộc họp thông qua thư, fax, thư điện tử.

9. Biểu quyết.

Trừ quy định tại Điểm b Khoản này, mỗi thành viên Hội đồng quản trị hoặc người được ủy quyền trực tiếp có mặt với tư cách cá nhân tại cuộc họp Hội đồng quản trị có một (01) phiếu biểu quyết;

Thành viên Hội đồng quản trị không được biểu quyết về các hợp đồng, các giao dịch hoặc đề xuất mà thành viên đó hoặc người liên quan tới thành viên đó có lợi ích và lợi ích đó mâu thuẫn hoặc có thể mâu thuẫn với lợi ích của Tổng công ty. Thành viên Hội đồng quản trị

không được tính vào số lượng đại biểu tối thiểu cần thiết có mặt để có thể tổ chức cuộc họp Hội đồng quản trị về những quyết định mà thành viên đó không có quyền biểu quyết;

Theo quy định tại Điểm d Khoản này, khi có vấn đề phát sinh trong một cuộc họp của Hội đồng quản trị liên quan đến lợi ích của thành viên Hội đồng quản trị hoặc liên quan đến quyền biểu quyết một thành viên mà những vấn đề đó không được giải quyết bằng việc tự nguyện từ bỏ quyền biểu quyết của thành viên Hội đồng quản trị có liên quan, những vấn đề phát sinh đó được chuyển tới cho chủ tọa cuộc họp quyết định. Phán quyết của chủ tọa liên quan đến vấn đề này có giá trị là quyết định cuối cùng trừ trường hợp tính chất hoặc phạm vi lợi ích của thành viên Hội đồng quản trị liên quan chưa được công bố đầy đủ;

Thành viên Hội đồng quản trị hưởng lợi từ một hợp đồng được quy định tại Điểm a và Điểm b Khoản 6 Điều 44 Điều lệ Tổng công ty được coi là có lợi ích đáng kể trong hợp đồng đó.

10. Trường hợp gửi phiếu biểu quyết đến cuộc họp thông qua thư, phiếu biểu quyết phải đựng trong phong bì dán kín và phải được chuyển đến Chủ tịch Hội đồng quản trị chậm nhất là 01 giờ trước khi khai mạc. Phiếu biểu quyết chỉ được mở trước sự chứng kiến của tất cả những người dự họp.

11. Cuộc họp của HĐQT có thể tổ chức theo hình thức nghị sự giữa các thành viên của HĐQT khi tất cả hoặc một số thành viên đang ở những địa điểm khác nhau với điều kiện là mỗi thành viên tham gia họp đều có thể:

- a. Nghe từng thành viên HĐQT khác cùng tham gia phát biểu trong cuộc họp;
- b. Phát biểu với tất cả các thành viên tham dự khác một cách đồng thời.

c. Việc trao đổi giữa các thành viên có thể thực hiện một cách trực tiếp qua điện thoại hoặc bằng phương tiện liên lạc thông tin khác (kể cả việc sử dụng phương tiện này diễn ra vào thời điểm thông qua Điều lệ hay sau này) hoặc là kết hợp tất cả những phương thức này. Thành viên HĐQT tham gia cuộc họp như vậy được coi là "có mặt" tại cuộc họp đó. Địa điểm cuộc họp được tổ chức theo quy định này là địa điểm mà nhóm thành viên HĐQT đồng nhất tập hợp lại, hoặc nếu không có một nhóm như vậy, là địa điểm mà Chủ tọa cuộc họp hiện diện

12. Thành viên phải tham dự đầy đủ các cuộc họp Hội đồng quản trị. Thành viên được ủy quyền cho người khác dự họp và biểu quyết nếu được đa số thành viên Hội đồng quản trị chấp thuận.

13. Nghị quyết, quyết định của Hội đồng quản trị được thông qua nếu được đa số thành viên dự họp tán thành; trường hợp số phiếu ngang nhau thì quyết định cuối cùng thuộc về phía có ý kiến của Chủ tịch Hội đồng quản trị.

Điều 19. Biên bản họp Hội đồng quản trị

1. Các cuộc họp Hội đồng quản trị phải được ghi biên bản và có thể ghi âm, ghi và lưu giữ dưới hình thức điện tử khác. Biên bản phải lập bằng tiếng Việt và có thể lập thêm bằng tiếng nước ngoài, bao gồm các nội dung chủ yếu sau đây:

- a. Tên, địa chỉ trụ sở chính, mã số doanh nghiệp;
- b. Thời gian, địa điểm họp;
- c. Mục đích, chương trình và nội dung họp;
- d. Họ, tên từng thành viên dự họp hoặc người được ủy quyền dự họp và cách thức dự họp; họ, tên các thành viên không dự họp và lý do;
- e. Các vấn đề được thảo luận và biểu quyết tại cuộc họp;
- f. Tóm tắt phát biểu ý kiến của từng thành viên dự họp theo trình tự diễn biến của cuộc họp;
- g. Kết quả biểu quyết trong đó ghi rõ những thành viên tán thành, không tán thành và không có ý kiến;
- h. Vấn đề đã được thông qua và tỷ lệ biểu quyết thông qua tương ứng;
- i. Họ, tên, chữ ký chủ tọa và người ghi biên bản, trừ trường hợp quy định tại khoản 2 Điều này.

2. Trường hợp chủ tọa, người ghi biên bản từ chối ký biên bản họp nhưng nếu được tất cả thành viên khác của Hội đồng quản trị tham dự họp ký và có đầy đủ nội dung theo quy định tại các điểm a, b, c, d, đ, e, g và h khoản 1 Điều này thì biên bản này có hiệu lực.

3. Chủ tọa, người ghi biên bản và những người ký tên trong biên bản phải chịu trách nhiệm về tính trung thực và chính xác của nội dung biên bản họp Hội đồng quản trị.

4. Biên bản họp Hội đồng quản trị và tài liệu sử dụng trong cuộc họp phải được lưu giữ tại trụ sở chính của Tổng công ty.

5. Biên bản lập bằng tiếng Việt và bằng tiếng nước ngoài có hiệu lực pháp lý như nhau. Trường hợp có sự khác nhau về nội dung giữa biên bản bằng tiếng Việt và bằng tiếng nước ngoài thì nội dung trong biên bản bằng tiếng Việt được áp dụng.

Điều 20. Lấy ý kiến thành viên HĐQT bằng văn bản

1. Trong trường hợp cần phải thống nhất trong HĐQT để đảm bảo công tác điều hành chung của Tổng công ty, nhưng không thể triệu tập họp HĐQT ngay được thì tổ chức lấy ý kiến biểu quyết của các thành viên HĐQT bằng văn bản và được thực hiện theo trình tự sau:

a. Các đơn vị, Ban chức năng Tổng công ty theo chức năng nhiệm vụ mà Ban chức năng quản lý phải dự thảo trực tiếp các Tờ trình của Tổng giám đốc Tổng công ty (Tổng giám đốc trực tiếp ký hoặc các Phó Tổng giám đốc ký các Tờ trình theo các lĩnh vực đã được Tổng giám đốc phân công), thông qua Thư ký Tổng công ty báo cáo Chủ tịch cho ý kiến trước khi gửi xin ý kiến các thành viên HĐQT.

b. Sau khi Chủ tịch cho ý kiến về việc cần thiết phải gửi xin ý kiến các thành viên HĐQT, Thư ký Tổng công ty trực tiếp lập các "Phiếu xin ý kiến bằng văn bản" (có mẫu kèm theo văn bản này), kèm theo các Tờ trình và các hồ sơ tài liệu liên quan gửi đến thành viên HĐQT (theo đường công văn hoặc bằng email) trước ít nhất 5 ngày làm việc tính đến thời điểm dự kiến thu "phiếu xin ý kiến bằng văn bản". Trường hợp khẩn cấp hoặc để giải quyết kịp thời các phương án điều hành sản xuất kinh doanh hoặc nội dung hồ sơ tài liệu không nhiều có thể thu "Phiếu xin ý kiến bằng văn bản" trong thời hạn sớm hơn.

c. Sau khi các thành viên HĐQT đã có ý kiến và chuyển về Thư ký Tổng công ty để tổng hợp ý kiến, báo cáo Chủ tịch HĐQT, Chủ tịch HĐQT cho ý kiến chỉ đạo để Thư ký Tổng công ty dự thảo các Nghị quyết, Quyết định sau đó trình Chủ tịch HĐQT ký ban hành theo quy định.

Các tờ "Phiếu xin ý kiến bằng văn bản", văn bản tổng hợp ý kiến và bản gốc các Nghị quyết, Quyết định đã được Chủ tịch HĐQT thay mặt HĐQT ký ban hành được Thư ký Tổng công ty lưu.

2. Quyết định được thông qua bằng cách lấy ý kiến các thành viên bằng văn bản có giá trị như quyết định được thông qua tại cuộc họp HĐQT. Quyết định có hiệu lực nếu được sự nhất trí bằng văn bản của đa số các thành viên HĐQT được lấy ý kiến biểu quyết đối với vấn đề được đưa ra lấy ý kiến. Trường hợp số phiếu biểu quyết (đồng ý/không đồng ý) ngang nhau, thì quyết định cuối cùng thuộc về phía có ý kiến của Chủ tịch HĐQT.

Điều 21. Chế độ hội họp và đi công tác

1. Chủ tịch, các thành viên HĐQT tham gia các cuộc họp của Tổng công ty, các đơn vị theo Giấy mời HĐQT hoặc mời đích danh Chủ tịch HĐQT. Trong trường hợp Chủ tịch không thể tham dự được, thì ủy quyền cho thành viên HĐQT chuyên trách hoặc các thành viên HĐQT khác theo lĩnh vực được phân công đi dự họp.

2. Thành viên HĐQT đi công tác trong nước phải có nội dung, chương trình cụ thể. Trường hợp đi công tác nước ngoài phải báo cáo Chủ tịch để quyết định theo thẩm quyền.

Điều 22. Điều kiện và chi phí làm việc của các thành viên HĐQT

1. Phòng làm việc của Chủ tịch HĐQT, Ủy viên HĐQT chuyên trách và các thành viên HĐQT được đặt tại Trụ sở/Văn phòng của Tổng công ty. Điều kiện, phương tiện làm việc, văn phòng phẩm phục vụ hoạt động của các thành viên HĐQT được áp dụng theo quy định chung của Tổng công ty.

2. Chi phí hoạt động để phục vụ nhiệm vụ của HĐQT được thanh toán vào chi phí của

Tổng công ty theo chứng từ, hóa đơn phù hợp với chế độ kế toán, tài chính theo quy định của Pháp luật và Tổng công ty.

3. Chủ tịch HĐQT, các thành viên của HĐQT được hưởng lương, thù lao theo Nghị quyết của Đại hội cổ đông và được thanh toán các chi phí hợp lý cần thiết khác trong quá trình thực hiện nhiệm vụ.

Điều 23. Phân cấp cụ thể trong một số lĩnh vực quan trọng

Căn cứ lĩnh vực, quy mô và tính chất công việc, HĐQT thực hiện phân cấp, ủy quyền cho Tổng Giám đốc quyết định một số vấn đề. Việc phân cấp, ủy quyền sẽ được quy định cụ thể trong các Quy chế nội bộ thuộc thẩm quyền quyết định của HĐQT.

Điều 24. Phân công dự thảo, trình tự trình các Tờ trình của Tổng Giám đốc Tổng công ty báo cáo Chủ tịch HĐQT để trình HĐQT xem xét quyết định, phê duyệt hoặc cho ý kiến chấp thuận trước khi Tổng Giám đốc Tổng công ty tổ chức thực hiện

1. Những nội dung công việc, văn bản, phương án, Quy chế... phải được HĐQT xem xét quyết định, phê duyệt hoặc cho ý kiến chấp thuận trước khi Tổng Giám đốc Tổng công ty tổ chức thực hiện theo quy định tại:

- a. Các Điều 15, 28, 36 Điều lệ Tổng công ty;
- b. Điều 12 Quy chế này;

Trường các phòng ban Tổng công ty, Giám đốc các đơn vị thành viên theo chức năng mà đơn vị, phòng ban mình quản lý, phải trực tiếp dự thảo các Tờ trình của Tổng Giám đốc Tổng công ty (Tổng Giám đốc Tổng công ty trực tiếp ký hoặc Phó Tổng Giám đốc Tổng công ty ký các Tờ trình theo các lĩnh vực đã được Tổng Giám đốc Tổng công ty phân công) thông qua Thư ký Tổng công ty báo cáo Chủ tịch HĐQT (hoặc thành viên HĐQT được Chủ tịch HĐQT ủy quyền) để trình HĐQT xem xét Quyết định, phê duyệt hoặc cho ý kiến chấp thuận theo quy định tại các cuộc họp của HĐQT hoặc bằng hình thức lấy ý kiến của các thành viên HĐQT Tổng công ty bằng văn bản.

2. Các Tờ trình và các hồ sơ tài liệu báo cáo, giải trình kèm theo Tờ trình HĐQT phải được lập và gửi đầy đủ cho Chủ tịch HĐQT (hoặc thành viên HĐQT được Chủ tịch HĐQT ủy quyền) để Chủ tịch HĐQT trình HĐQT theo quy định.

Các Tờ trình gửi cho HĐQT để lấy ý kiến biểu quyết tại các cuộc họp của HĐQT phải được gửi đến Thư ký Tổng công ty trước ít nhất 7 ngày làm việc, tính đến thời điểm mà HĐQT dự kiến họp, để Thư ký Tổng công ty gửi cho các thành viên HĐQT, Ban kiểm soát.

Ý kiến biểu quyết của các thành viên HĐQT về các Tờ trình sẽ được Thư ký Tổng công ty lập, ghi trong Biên bản họp HĐQT và HĐQT sẽ ban hành các Nghị quyết, quyết định phê duyệt theo quy định.

Trong trường hợp cần phải thống nhất để đảm bảo công tác điều hành chung của Tổng công ty, nhưng không thể triệu tập họp HĐQT thì Chủ tịch HĐQT chỉ đạo Thư ký Tổng công ty gửi phiếu lấy ý kiến biểu quyết bằng văn bản đến tất cả các thành viên HĐQT và được thực hiện theo quy định tại Điều 8 Quy chế này.

CHƯƠNG V BÁO CÁO, CÔNG KHAI CÁC LỢI ÍCH

Điều 25. Trình báo cáo hằng năm

1. Kết thúc năm tài chính, Hội đồng quản trị phải trình Đại hội đồng cổ đông báo cáo sau đây:

- a. Báo cáo kết quả kinh doanh của Tổng công ty;
- b. Báo cáo tài chính đã được kiểm toán;
- c. Báo cáo đánh giá công tác quản lý, điều hành Tổng công ty;
- d. Báo cáo thẩm định của Ban Kiểm soát.

2. Báo cáo quy định tại các điểm a, b và c khoản 1 Điều này phải được gửi đến Ban kiểm soát để thẩm định chậm nhất là 30 ngày trước ngày khai mạc cuộc họp Đại hội đồng cổ đông thường niên nếu Điều lệ Tổng công ty không có quy định khác.

3. Báo cáo quy định tại các khoản 1, 2 Điều này, báo cáo thẩm định của Ban kiểm soát và báo cáo kiểm toán phải được lưu giữ tại trụ sở chính của Tổng công ty chậm nhất là 10 ngày trước ngày khai mạc cuộc họp Đại hội đồng cổ đông thường niên nếu Điều lệ Tổng công ty không quy định thời hạn khác dài hơn. Cổ đông sở hữu cổ phần của Tổng công ty liên tục ít nhất 01 năm có quyền tự mình hoặc cùng với luật sư, kế toán viên, kiểm toán viên có chứng chỉ hành nghề trực tiếp xem xét báo cáo quy định tại Điều này.

Điều 26. Thù lao, thưởng và lợi ích khác của thành viên Hội đồng quản trị

1. Tổng công ty có quyền trả thù lao, thưởng cho thành viên Hội đồng quản trị theo kết quả và hiệu quả kinh doanh.

2. Thành viên Hội đồng quản trị được hưởng thù lao công việc và thưởng. Thù lao công việc được tính theo số ngày công cần thiết hoàn thành nhiệm vụ của thành viên Hội đồng quản trị và mức thù lao mỗi ngày. Hội đồng quản trị dự tính mức thù lao cho từng thành viên theo nguyên tắc nhất trí. Tổng mức thù lao và thưởng của Hội đồng quản trị do Đại hội đồng cổ đông quyết định tại cuộc họp thường niên.

3. Thù lao của từng thành viên Hội đồng quản trị được tính vào chi phí kinh doanh của Tổng công ty theo quy định của pháp luật về thuế thu nhập doanh nghiệp, được thể hiện thành mục riêng trong báo cáo tài chính hằng năm của Tổng công ty và phải báo cáo Đại hội đồng cổ đông tại cuộc họp thường niên.

4. Thành viên Hội đồng quản trị nắm giữ chức vụ điều hành hoặc thành viên Hội đồng quản trị làm việc tại các tiểu ban của Hội đồng quản trị hoặc thực hiện những công việc khác ngoài phạm vi nhiệm vụ thông thường của một thành viên Hội đồng quản trị, có thể được trả thêm thù lao dưới dạng một khoản tiền công trọn gói theo từng lần, lương, hoa hồng, phần trăm lợi nhuận hoặc dưới hình thức khác theo quyết định của Hội đồng quản trị.

5. Thành viên Hội đồng quản trị có quyền được thanh toán tất cả các chi phí đi lại, ăn, ở và các khoản chi phí hợp lý khác mà họ đã phải chi trả khi thực hiện trách nhiệm thành viên Hội đồng quản trị của mình, bao gồm cả các chi phí phát sinh trong việc tới tham dự các cuộc họp Đại hội đồng cổ đông, Hội đồng quản trị hoặc các tiểu ban của Hội đồng quản trị.

6. Thành viên Hội đồng quản trị có thể được Tổng công ty mua bảo hiểm trách nhiệm sau khi có sự chấp thuận của Đại hội đồng cổ đông. Bảo hiểm này không bao gồm bảo hiểm cho những trách nhiệm của thành viên Hội đồng quản trị liên quan đến việc vi phạm pháp luật và Điều lệ Tổng công ty.

Điều 27. Công khai các lợi ích liên quan

Việc công khai lợi ích và người có liên quan của Tổng công ty thực hiện theo quy định sau đây:

1. Thành viên Hội đồng quản trị của Tổng công ty phải kê khai cho Tổng công ty về các lợi ích liên quan của mình bao gồm:

a. Tên, mã số doanh nghiệp, địa chỉ trụ sở chính, ngành, nghề kinh doanh của doanh nghiệp mà họ có sở hữu phần vốn góp hoặc cổ phần; tỷ lệ và thời điểm sở hữu phần vốn góp hoặc cổ phần đó;

b. Tên, mã số doanh nghiệp, địa chỉ trụ sở chính, ngành, nghề kinh doanh của doanh nghiệp mà những người có liên quan của họ cùng sở hữu hoặc sở hữu riêng phần vốn góp hoặc cổ phần trên 10% vốn điều lệ.

2. Việc kê khai quy định tại khoản 1 Điều này phải được thực hiện trong thời hạn 07 ngày làm việc, kể từ ngày phát sinh lợi ích liên quan; việc sửa đổi, bổ sung phải được thông báo với Tổng công ty trong thời hạn 07 ngày làm việc, kể từ ngày có sửa đổi, bổ sung tương ứng.

3. Thành viên Hội đồng quản trị nhân danh cá nhân hoặc nhân danh người khác để thực hiện công việc dưới mọi hình thức trong phạm vi công việc kinh doanh của Tổng công ty đều phải giải trình bản chất, nội dung của công việc đó trước Hội đồng quản trị và chỉ được thực hiện khi được đa số thành viên còn lại của Hội đồng quản trị chấp thuận; nếu thực hiện mà không khai báo hoặc không được sự chấp thuận của Hội đồng quản trị thì tất cả thu nhập có được từ hoạt động đó thuộc về Tổng công ty.

CHƯƠNG VI

MỐI QUAN HỆ CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Điều 28. Mối quan hệ giữa các thành viên Hội đồng quản trị

1. Quan hệ giữa các thành viên Hội đồng quản trị là quan hệ phối hợp, các thành viên Hội đồng quản trị có trách nhiệm thông tin cho nhau về vấn đề có liên quan trong quá trình xử lý công việc được phân công.

2. Trong quá trình xử lý công việc, thành viên Hội đồng quản trị được phân công chịu trách nhiệm chính phải chủ động phối hợp xử lý, nếu có vấn đề liên quan đến lĩnh vực do thành viên Hội đồng quản trị khác phụ trách. Trong trường hợp giữa các thành viên Hội đồng quản trị còn có ý kiến khác nhau thì thành viên chịu trách nhiệm chính báo cáo Chủ tịch Hội đồng quản trị xem xét quyết định theo thẩm quyền hoặc tổ chức họp hoặc lấy ý kiến của các thành viên Hội đồng quản trị theo quy định của pháp luật, Điều lệ Tổng công ty và Quy chế này.

3. Trong trường hợp có sự phân công lại giữa các thành viên Hội đồng quản trị thì các thành viên Hội đồng quản trị phải bàn giao công việc, hồ sơ, tài liệu liên quan. Việc bàn giao này phải được lập thành văn bản và báo cáo Chủ tịch Hội đồng quản trị về việc bàn giao đó.

Điều 29. Mối quan hệ với ban điều hành

Với vai trò quản trị, Hội đồng quản trị ban hành các nghị quyết để Tổng giám đốc (Giám đốc) và bộ máy điều hành thực hiện. Đồng thời, Hội đồng quản trị kiểm tra, giám sát thực hiện các nghị quyết.

1. HĐQT có trách nhiệm tạo mọi điều kiện thuận lợi cần thiết để Tổng Giám đốc và bộ máy giúp việc hoàn thành nhiệm vụ được giao.

2. Tổng Giám đốc có trách nhiệm thực hiện nghiêm túc Nghị quyết, Quyết định của HĐQT. Trong quá trình thực hiện các Nghị quyết, Quyết định của HĐQT, nếu phát hiện nội dung không có lợi cho Tổng công ty, thì Tổng Giám đốc có trách nhiệm đề nghị HĐQT xem xét, điều chỉnh cho phù hợp. Trường hợp HĐQT không điều chỉnh Nghị quyết, Quyết định, Tổng Giám đốc vẫn phải thực hiện Nghị quyết, Quyết định đó nhưng có quyền bảo lưu ý kiến.

3. Tổng Giám đốc có trách nhiệm báo cáo HĐQT các vấn đề liên quan đến hoạt động điều hành của Tổng công ty và việc chỉ đạo điều hành thực hiện các Nghị quyết, Quyết định của HĐQT và Đại hội đồng cổ đông Tổng công ty.

4. Chủ tịch HĐQT và các thành viên HĐQT khác có liên quan, Thư ký Tổng công ty được mời tham dự các cuộc họp giao ban, các cuộc họp giao ban, các cuộc họp chuẩn bị nội dung sẽ trình HĐQT hoặc báo cáo kết quả thực hiện các nhiệm vụ HĐQT giao, do Tổng Giám đốc chủ trì.

5. Tại các cuộc họp của HĐQT, Chủ tịch HĐQT hoặc người được ủy quyền chủ trì cuộc họp HĐQT có thể quyết định mời Tổng Giám đốc, các Phó Tổng Giám đốc, Kế toán trưởng, Trưởng các phòng ban, Giám đốc các đơn vị liên quan tham dự, báo cáo công việc có liên quan và tham gia ý kiến.

6. Tổng Giám đốc và những cán bộ quản lý có trách nhiệm tạo mọi điều kiện để Chủ tịch HĐQT, các thành viên HĐQT và Thư ký Tổng công ty thực hiện nhiệm vụ được phân công, được tiếp cận thông tin, báo cáo một cách đầy đủ và kịp thời.

7. Tổng Giám đốc chủ động quyết định các vấn đề thuộc thẩm quyền của Tổng Giám đốc theo Điều lệ Tổng công ty; quyết định các biện pháp vượt thẩm quyền của mình trong từng trường hợp khẩn cấp (như thiên tai, dịch họa, sự cố bất khả kháng theo quy định của Pháp luật) mà ảnh hưởng ngay lập tức đến lợi ích của Tổng công ty, nhưng phải chịu trách nhiệm về những quyết định đó, đồng thời phải báo cáo ngay cho Chủ tịch HĐQT, các thành viên HĐQT biết. Thời hạn thông báo không chậm hơn 24 giờ kể từ thời điểm phát sinh trường hợp khẩn cấp.

8. Định kỳ hàng quý, hàng năm, Tổng Giám đốc gửi báo cáo tình hình hoạt động sản xuất kinh doanh của Tổng công ty, báo cáo thực hiện các Nghị quyết, quyết định của HĐQT, Đại hội đồng cổ đông cho Chủ tịch HĐQT, các thành viên HĐQT cùng với kiến nghị cần thiết để

thực hiện nhiệm vụ được giao theo thẩm quyền. Khi phát hiện có rủi ro hoặc các sự cố xảy ra có thể ảnh hưởng xấu đến uy tín, hoặc hoạt động sản xuất kinh doanh của Tổng công ty, Tổng Giám đốc và người quản lý cần kịp thời báo cáo Chủ tịch HĐQT và các thành viên HĐQT trực tiếp phụ trách công việc đó biết để có biện pháp xử lý kịp thời.

Điều 30. Mối quan hệ với Ban Kiểm soát

1. Mối quan hệ giữa Hội đồng quản trị và Ban Kiểm soát là quan hệ phối hợp. Quan hệ làm việc giữa Hội đồng quản trị với Ban Kiểm soát theo nguyên tắc bình đẳng và độc lập, đồng thời phối hợp chặt chẽ, hỗ trợ lẫn nhau trong quá trình thực thi nhiệm vụ.
2. Khi tiếp nhận các biên bản kiểm tra hoặc báo cáo tổng hợp của Ban Kiểm soát, Hội đồng quản trị có trách nhiệm nghiên cứu và chỉ đạo các bộ phận có liên quan xây dựng kế hoạch và thực hiện chấn chỉnh kịp thời.

CHƯƠNG VII

ĐIỀU KHOẢN THI HÀNH

Điều 31. Hiệu lực thi hành

Quy chế hoạt động của Hội đồng quản trị Công ty cổ phần...bao gồm [...chương], [... điều] và có hiệu lực thi hành kể từ ngày...tháng...năm...



TỔNG CÔNG TY CP
ĐIỆN TỬ VÀ TIN HỌC VIỆT NAM

Số 01 TT/ĐT-BKS

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Hà Nội, ngày 05 tháng 04 năm 2021

TỜ TRÌNH

Về việc ban hành Quy chế hoạt động của Ban kiểm soát Tổng công ty

Kính gửi: Đại hội đồng cổ đông năm 2021

Tổng công ty Cổ phần Điện tử và Tin học Việt Nam

Căn cứ Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14 của Quốc hội nước Cộng hòa Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam có hiệu lực từ ngày 01/01/2021;

Căn cứ Nghị định số 155/2020/NĐ-CP ngày 31 tháng 12 năm 2020 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Chứng khoán;

Căn cứ Thông tư số 116/2020/TT-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2020 của Bộ trưởng Bộ Tài chính hướng dẫn một số điều về quản trị công ty áp dụng đối với công ty đại chúng tại Nghị định số 155/2020/NĐ-CP ngày 31 tháng 12 năm 2020 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Chứng khoán;

Căn cứ Quy chế hoạt động của Ban kiểm soát Tổng công ty cổ phần Điện tử và Tin học Việt Nam đang hiện hành;

Căn cứ yêu cầu tổ chức hoạt động của Tổng công ty.

Để bảo đảm tính pháp lý cũng như đáp ứng các quy định mới được ban hành về Quản trị công ty áp dụng với Công ty đại chúng (Theo Nghị định số 155/2020/NĐ-CP ban hành ngày 31 tháng 12 năm 2020 và Thông tư số 116/2020/TT-BTC ban hành ngày 31 tháng 12 năm 2020).

Ban kiểm soát kính trình Đại hội đồng cổ đông dự thảo Quy chế hoạt động của Ban kiểm soát Tổng công ty (theo Phụ lục đính kèm).

Kính trình Đại hội xem xét và thông qua!

Trân trọng.

Nơi nhận:

- Như trên;
- CBTT;
- HĐQT, BKS;
- Lưu: VT, BKS.

**TM. BAN KIỂM SOÁT
TRƯỞNG BAN**

Vũ Hoài Anh

Hà Nội, ngày tháng 4 năm 2021

QUY CHẾ HOẠT ĐỘNG CỦA BAN KIỂM SOÁT

Căn cứ Luật Chứng khoán ngày 26 tháng 11 năm 2019;

Căn cứ Luật Doanh nghiệp ngày 17 tháng 6 năm 2020;

Căn cứ Nghị định số 155/2020/NĐ-CP ngày 31 tháng 12 năm 2020 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Chứng khoán;

Căn cứ Thông tư số 116/2020/TT-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2020 của Bộ trưởng Bộ Tài chính hướng dẫn một số điều về quản trị công ty áp dụng đối với công ty đại chúng tại Nghị định số 155/2020/NĐ-CP ngày 31 tháng 12 năm 2020 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Chứng khoán;

Căn cứ Điều lệ Tổng công ty cổ phần Điện tử và Tin học Việt Nam;

Căn cứ Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông số ... ngày... tháng... năm 2021;

Ban kiểm soát ban hành Quy chế hoạt động của Ban kiểm soát Tổng công ty cổ phần Điện tử và Tin học Việt Nam;

Quy chế hoạt động của Ban kiểm soát Tổng công ty cổ phần Điện tử và Tin học Việt Nam bao gồm các nội dung sau:

Chương I QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh và đối tượng áp dụng

1. Phạm vi điều chỉnh: Quy chế hoạt động của Ban kiểm soát Tổng công ty cổ phần Điện tử và Tin học Việt Nam (viết tắt là Tổng công ty) quy định cơ cấu tổ chức nhân sự, tiêu chuẩn, điều kiện, quyền và nghĩa vụ của Ban kiểm soát và các thành viên Ban kiểm soát Tổng công ty theo quy định tại Luật Doanh nghiệp, Điều lệ Tổng công ty và các quy định khác có liên quan.

2. Đối tượng áp dụng: Quy chế hoạt động của Ban kiểm soát Tổng công ty được áp dụng cho Ban kiểm soát Tổng công ty và các thành viên Ban kiểm soát Tổng công ty.

Điều 2. Nguyên tắc hoạt động của Ban kiểm soát

Ban kiểm soát Tổng công ty làm việc theo nguyên tắc tập thể. Các thành viên của Ban kiểm soát chịu trách nhiệm cá nhân về phần việc của mình và cùng chịu trách nhiệm trước Đại hội đồng cổ đông Tổng công ty, trước pháp luật về các công việc, quyết định của Ban kiểm soát.

Chương II THÀNH VIÊN BAN KIỂM SOÁT (KIỂM SOÁT VIÊN)

Điều 3. Quyền, nghĩa vụ và trách nhiệm của thành viên Ban kiểm soát

1. Tuân thủ đúng pháp luật, Điều lệ Tổng công ty, nghị quyết Đại hội đồng cổ đông Tổng công ty và đạo đức nghề nghiệp trong thực hiện quyền và nghĩa vụ được giao.

2. Thực hiện quyền và nghĩa vụ được giao một cách trung thực, cẩn trọng, tốt nhất nhằm bảo đảm lợi ích hợp pháp tối đa của Tổng công ty.

3. Trung thành với lợi ích của Tổng công ty và cổ đông; không lạm dụng địa vị, chức vụ và sử dụng thông tin, bí quyết, cơ hội kinh doanh, tài sản khác của Tổng công ty để tư lợi hoặc phục vụ lợi ích của tổ chức, cá nhân khác.

4. Nghĩa vụ khác theo quy định của Luật Doanh nghiệp và Điều lệ Tổng công ty.

5. Trường hợp vi phạm quy định tại các khoản 1, 2, 3 và 4 Điều này mà gây thiệt hại cho Tổng công ty hoặc người khác thì thành viên Ban kiểm soát phải chịu trách nhiệm cá nhân hoặc liên đới bồi thường thiệt hại đó. Thu nhập và lợi ích khác mà thành viên Ban kiểm soát có được do vi phạm phải hoàn trả cho Tổng công ty.

6. Trường hợp phát hiện có thành viên Ban kiểm soát vi phạm trong thực hiện quyền và nghĩa vụ được giao thì phải thông báo bằng văn bản đến Ban kiểm soát, yêu cầu người có hành vi vi phạm chấm dứt hành vi vi phạm và khắc phục hậu quả.

Điều 4. Nhiệm kỳ và số lượng thành viên Ban kiểm soát

1. Ban kiểm soát có 03 thành viên, nhiệm kỳ của thành viên Ban kiểm soát không quá 05 năm và có thể được bầu lại với số nhiệm kỳ không hạn chế.

2. Thành viên Ban kiểm soát không nhất thiết phải là cổ đông của Tổng công ty.

3. Ban kiểm soát phải có hơn một nửa số thành viên thường trú ở Việt Nam.

4. Trường hợp thành viên Ban kiểm soát có cùng thời điểm kết thúc nhiệm kỳ mà thành viên Ban kiểm soát nhiệm kỳ mới chưa được bầu thì thành viên Ban kiểm soát đã hết nhiệm kỳ vẫn tiếp tục thực hiện quyền và nghĩa vụ cho đến khi thành viên Ban kiểm soát nhiệm kỳ mới được bầu và nhận nhiệm vụ.

Điều 5. Tiêu chuẩn và điều kiện thành viên Ban kiểm soát

1. Thành viên Ban kiểm soát phải đáp ứng các tiêu chuẩn và điều kiện sau đây:

a) Không thuộc đối tượng theo quy định tại khoản 2 Điều 17 của Luật doanh nghiệp;

b) Được đào tạo một trong các chuyên ngành về kinh tế, tài chính, kế toán, kiểm toán, luật, quản trị kinh doanh hoặc chuyên ngành phù hợp với hoạt động kinh doanh của Tổng công ty;

c) Không phải là người có quan hệ gia đình của thành viên Hội đồng quản trị Tổng công ty, Tổng giám đốc Tổng công ty và người quản lý khác;

d) Không phải là người quản lý Tổng công ty, không nhất thiết phải là cổ đông hoặc người lao động của Tổng công ty.

đ) Không được làm việc trong bộ phận kế toán, tài chính của Tổng công ty;

e) Không được là thành viên hay nhân viên của tổ chức kiểm toán được chấp thuận thực hiện kiểm toán các báo cáo tài chính của Tổng công ty trong 03 năm liền trước đó;

g) Tiêu chuẩn và điều kiện khác theo quy định khác của pháp luật có liên quan và Điều lệ Tổng công ty.

2. Ngoài các tiêu chuẩn, điều kiện quy định tại khoản 1 Điều này, thành viên Ban kiểm soát Tổng công ty không được là người có quan hệ gia đình của người quản lý doanh nghiệp của Tổng công ty, người đại diện phần vốn nhà nước tại Tổng công ty.

Điều 6. Trưởng Ban kiểm soát

1. Trưởng Ban kiểm soát phải có bằng tốt nghiệp đại học trở lên thuộc một trong các chuyên ngành kinh tế, tài chính, kế toán, kiểm toán, luật, quản trị kinh doanh hoặc chuyên ngành có liên quan đến hoạt động kinh doanh của Tổng công ty.

2. Trưởng Ban kiểm soát do Ban kiểm soát bầu trong số các thành viên Ban kiểm soát; việc bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm theo nguyên tắc đa số.

3. Quyền và nghĩa vụ của Trưởng Ban kiểm soát do Điều lệ Tổng công ty quy định.

Điều 7. Đề cử, ứng cử thành viên Ban kiểm soát

1. Cổ đông hoặc nhóm cổ đông sở hữu từ 10% tổng số cổ phần phổ thông trở lên có quyền đề cử người vào Ban kiểm soát. Việc đề cử người vào Ban kiểm soát thực hiện như sau:

a) Các cổ đông phổ thông hợp thành nhóm để đề cử người vào Ban kiểm soát phải thông báo về việc hợp nhóm cho các cổ đông dự họp biết trước khi khai mạc Đại hội đồng cổ đông;

b) Căn cứ số lượng thành viên Ban kiểm soát, cổ đông hoặc nhóm cổ đông quy định tại khoản này được quyền đề cử một hoặc một số người theo quyết định của Đại hội đồng cổ đông làm ứng cử viên Ban kiểm soát. Cổ đông hoặc nhóm cổ đông nắm giữ từ 10% đến dưới 30% tổng số cổ phần phổ thông được đề cử một (01) ứng viên; cổ đông hoặc nhóm cổ đông nắm giữ từ 30% đến dưới 50% tổng số cổ phần phổ thông được đề cử tối đa hai (02) ứng viên; cổ đông hoặc nhóm cổ đông nắm giữ trên 50% tổng số cổ phần phổ thông được đề cử từ ba (03) đến tối đa năm (05) ứng viên. Trường hợp số ứng cử viên được cổ đông hoặc nhóm cổ đông đề cử thấp hơn số ứng cử viên mà họ được quyền đề cử theo quyết định của Đại hội đồng cổ đông thì số ứng cử viên còn lại do Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát và các cổ đông khác đề cử.

2. Trường hợp số lượng ứng cử viên Ban kiểm soát thông qua đề cử và ứng cử vẫn không đủ số lượng cần thiết theo quy định tại khoản 5 Điều 115 Luật Doanh nghiệp, Ban kiểm soát đương nhiệm giới thiệu thêm ứng cử viên hoặc tổ chức đề cử theo cơ chế được Tổng công ty quy định tại Quy chế nội bộ về quản trị Tổng công ty. Việc Ban kiểm soát đương nhiệm giới thiệu thêm ứng cử viên phải được công bố rõ ràng trước khi Đại hội đồng cổ đông biểu quyết bầu thành viên Ban kiểm soát theo quy định của pháp luật.

Điều 8. Cách thức bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên Ban kiểm soát

1. Việc bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên Ban kiểm soát thuộc thẩm quyền của Đại hội đồng cổ đông.

2. Việc biểu quyết bầu thành viên Ban kiểm soát phải thực hiện theo phương thức bầu dồn phiếu, theo đó mỗi cổ đông có tổng số phiếu biểu quyết tương ứng với tổng số cổ phần sở hữu nhân với số thành viên được bầu của Ban kiểm soát và cổ đông có quyền dồn hết hoặc một phần tổng số phiếu bầu của mình cho một hoặc một số ứng cử viên. Người trúng cử thành viên Ban kiểm soát được xác định theo số phiếu bầu tính từ cao xuống thấp, bắt đầu từ ứng cử viên có số phiếu bầu cao nhất cho đến khi đủ số thành viên quy định tại Điều lệ Tổng công ty. Trường hợp có từ 02 ứng cử viên trở lên đạt cùng số phiếu bầu như nhau cho thành viên cuối cùng của Ban kiểm soát thì sẽ tiến hành bầu lại trong số các ứng cử viên có số phiếu bầu ngang nhau hoặc lựa chọn theo tiêu chí quy định tại quy chế bầu cử hoặc Điều lệ Tổng công ty.

Điều 9. Các trường hợp miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên Ban kiểm soát

1. Đại hội đồng cổ đông miễn nhiệm thành viên Ban kiểm soát trong trường hợp sau đây:

a) Không còn đủ tiêu chuẩn và điều kiện làm thành viên Ban kiểm soát theo quy định tại Điều 169 của Luật Doanh nghiệp;

b) Có đơn từ chức và được chấp thuận;

c) Trường hợp khác do Điều lệ công ty quy định.

2. Đại hội đồng cổ đông bãi nhiệm thành viên Ban kiểm soát trong trường hợp sau đây:

- a) Không hoàn thành nhiệm vụ, công việc được phân công;
- b) Không thực hiện quyền và nghĩa vụ của mình trong 06 tháng liên tục, trừ trường hợp bất khả kháng;
- c) Vi phạm nhiều lần, vi phạm nghiêm trọng nghĩa vụ của thành viên Ban kiểm soát theo quy định của Luật Doanh nghiệp và Điều lệ công ty;
- d) Trường hợp khác theo nghị quyết Đại hội đồng cổ đông.

Điều 10. Thông báo về bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên Ban kiểm soát

1. Trường hợp đã xác định được ứng cử viên Ban kiểm soát, Tổng công ty phải công bố thông tin liên quan đến các ứng cử viên tối thiểu 10 ngày trước ngày khai mạc họp Đại hội đồng cổ đông trên trang thông tin điện tử của Tổng công ty để cổ đông có thể tìm hiểu về các ứng cử viên này trước khi bỏ phiếu, ứng cử viên Ban kiểm soát phải có cam kết bằng văn bản về tính trung thực, chính xác của các thông tin cá nhân được công bố và phải cam kết thực hiện nhiệm vụ một cách trung thực, cẩn trọng và vì lợi ích cao nhất của Tổng công ty nếu được bầu làm thành viên Ban kiểm soát. Thông tin liên quan đến ứng cử viên ban Kiểm soát được công bố bao gồm:

- a) Họ tên, ngày, tháng, năm sinh;
 - b) Trình độ chuyên môn;
 - c) Quá trình công tác;
 - d) Các chức danh quản lý khác;
 - đ) Lợi ích có liên quan tới Tổng công ty và các bên có liên quan của Tổng công ty;
 - e) Các thông tin khác (nếu có) theo quy định tại Điều lệ Tổng công ty;
 - g) Tổng công ty phải có trách nhiệm công bố thông tin về các công ty mà ứng cử viên đang nắm giữ các chức danh quản lý và các lợi ích có liên quan tới Tổng công ty của ứng cử viên Ban kiểm soát (nếu có).
2. Việc thông báo về kết quả bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên Ban kiểm soát thực hiện theo các quy định hướng dẫn về công bố thông tin.

Chương III BAN KIỂM SOÁT

Điều 11. Quyền, nghĩa vụ và trách nhiệm của Ban kiểm soát

- 1. Ban kiểm soát thực hiện giám sát Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc trong việc quản lý và điều hành Tổng công ty.
- 2. Kiểm tra tính hợp lý, hợp pháp, tính trung thực và mức độ cẩn trọng trong quản lý, điều hành hoạt động kinh doanh; tính hệ thống, nhất quán và phù hợp của công tác kế toán, thống kê và lập báo cáo tài chính.
- 3. Thẩm định tính đầy đủ, hợp pháp và trung thực của báo cáo tình hình kinh doanh, báo cáo tài chính hằng năm và 06 tháng của Tổng công ty, báo cáo đánh giá công tác quản lý của Hội đồng quản trị và trình báo cáo thẩm định tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông thường niên. Rà soát hợp đồng, giao dịch với người có liên quan thuộc thẩm quyền phê duyệt của Hội đồng quản trị hoặc Đại hội đồng cổ đông và đưa ra khuyến nghị về hợp đồng, giao dịch cần có phê duyệt của Hội đồng quản trị hoặc Đại hội đồng cổ đông.

4. Rà soát, kiểm tra và đánh giá hiệu lực và hiệu quả của hệ thống kiểm soát nội bộ, kiểm toán nội bộ, quản lý rủi ro và cảnh báo sớm của Tổng công ty.
5. Xem xét sổ kế toán, ghi chép kế toán và các tài liệu khác của Tổng công ty, công việc quản lý, điều hành hoạt động của Tổng công ty khi xét thấy cần thiết hoặc theo nghị quyết Đại hội đồng cổ đông hoặc theo yêu cầu của cổ đông hoặc nhóm cổ đông quy định tại khoản 2 Điều 115 Luật Doanh nghiệp.
6. Khi có yêu cầu của cổ đông hoặc nhóm cổ đông quy định tại khoản 2 Điều 115 Luật Doanh nghiệp, Ban kiểm soát thực hiện kiểm tra trong thời hạn 07 ngày làm việc kể từ ngày nhận được yêu cầu. Trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày kết thúc kiểm tra, Ban kiểm soát phải báo cáo về những vấn đề được yêu cầu kiểm tra đến Hội đồng quản trị và cổ đông hoặc nhóm cổ đông có yêu cầu. Việc kiểm tra của Ban kiểm soát quy định tại khoản này không được cản trở hoạt động bình thường của Hội đồng quản trị, không gây gián đoạn điều hành hoạt động kinh doanh của Tổng công ty.
7. Kiến nghị Hội đồng quản trị hoặc Đại hội đồng cổ đông biện pháp sửa đổi, bổ sung, cải tiến cơ cấu tổ chức quản lý, giám sát và điều hành hoạt động kinh doanh của Tổng công ty.
8. Khi phát hiện có thành viên Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc vi phạm quy định tại Điều 165 Luật Doanh nghiệp phải thông báo ngay bằng văn bản cho Hội đồng quản trị, yêu cầu người có hành vi vi phạm chấm dứt hành vi vi phạm và có giải pháp khắc phục hậu quả.
9. Tham dự và tham gia thảo luận tại các cuộc họp Đại hội đồng cổ đông, Hội đồng quản trị và các cuộc họp khác của Tổng công ty.
10. Sử dụng tư vấn độc lập, bộ phận kiểm toán nội bộ của Tổng công ty để thực hiện nhiệm vụ được giao.
11. Ban kiểm soát có thể tham khảo ý kiến của Hội đồng quản trị trước khi trình báo cáo, kết luận và kiến nghị lên Đại hội đồng cổ đông.
12. Kiểm tra từng vấn đề cụ thể liên quan đến quản lý, điều hành hoạt động của Tổng công ty theo đề nghị của cổ đông.
13. Yêu cầu Hội đồng quản trị phải triệu tập họp bất thường Đại hội đồng cổ đông.
14. Thay thế Hội đồng quản trị triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông trong thời hạn 30 ngày trong trường hợp Hội đồng quản trị không triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông theo quy định tại khoản 3 Điều 140 Luật Doanh nghiệp.
15. Đề nghị Chủ tịch Hội đồng quản trị phải triệu tập họp Hội đồng quản trị.
16. Xem xét, trích lục, sao chép một phần hoặc toàn bộ nội dung kê khai Danh sách người có liên quan và lợi ích có liên quan được kê khai quy định tại khoản 1 và khoản 2 Điều 164 Luật Doanh nghiệp.
17. Đề xuất và kiến nghị Đại hội đồng cổ đông phê duyệt danh sách tổ chức kiểm toán được chấp thuận thực hiện kiểm toán Báo cáo tài chính của Tổng công ty; tổ chức kiểm toán được chấp thuận thực hiện kiểm tra các hoạt động của Tổng công ty khi xét thấy cần thiết.
18. Chịu trách nhiệm trước cổ đông về hoạt động giám sát của mình.
19. Giám sát tình hình tài chính Tổng công ty, việc tuân thủ pháp luật của thành viên Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc, người quản lý khác trong các hoạt động.
20. Đảm bảo phối hợp hoạt động với Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc và cổ đông.
21. Trường hợp phát hiện hành vi vi phạm pháp luật hoặc vi phạm Điều lệ Tổng công ty của thành viên Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc và người điều hành doanh nghiệp khác, Ban kiểm

soát phải thông báo bằng văn bản cho Hội đồng quản trị trong vòng 48 giờ, yêu cầu người có hành vi vi phạm chấm dứt vi phạm và có giải pháp khắc phục hậu quả.

22. Xây dựng Quy chế hoạt động của Ban kiểm soát và trình Đại hội đồng cổ đông thông qua.

23. Chứng kiến Hội đồng quản trị tổ chức kiểm phiếu và lập biên bản kiểm phiếu nếu được Hội đồng quản trị yêu cầu trong trường hợp lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản để thông qua nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông.

24. Trường Ban kiểm soát điều hành để Đại hội đồng cổ đông bầu chủ tọa cuộc họp đối với trường hợp Chủ tịch vắng mặt hoặc tạm thời mất khả năng làm việc mà các thành viên Hội đồng quản trị còn lại không bầu được người làm chủ tọa. Trường hợp này, người có số phiếu bầu cao nhất làm chủ tọa cuộc họp.

25. Thực hiện các quyền và nghĩa vụ khác theo quy định của Luật Doanh nghiệp, Điều lệ công ty và Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông.

Điều 12. Quyền được cung cấp thông tin của Ban kiểm soát

1. Tài liệu và thông tin phải được gửi đến thành viên Ban kiểm soát cùng thời điểm và theo phương thức như đối với thành viên Hội đồng quản trị, bao gồm:

- a) Thông báo mời họp, phiếu lấy ý kiến thành viên Hội đồng quản trị và tài liệu kèm theo;
- b) Nghị quyết, quyết định và biên bản họp của Đại hội đồng cổ đông, Hội đồng quản trị;
- c) Báo cáo của Tổng giám đốc trình Hội đồng quản trị hoặc tài liệu khác do Tổng công ty phát hành.

2. Thành viên Ban kiểm soát có quyền tiếp cận hồ sơ, tài liệu của Tổng công ty lưu giữ tại trụ sở chính, chi nhánh và địa điểm khác; có quyền đến địa điểm làm việc của người quản lý và nhân viên của Tổng công ty trong giờ làm việc.

3. Hội đồng quản trị, thành viên Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc, người quản lý khác phải cung cấp đầy đủ, chính xác, kịp thời thông tin, tài liệu về công tác quản lý, điều hành và hoạt động kinh doanh của Tổng công ty theo yêu cầu của thành viên Ban kiểm soát hoặc Ban kiểm soát.

Điều 13. Trách nhiệm của Ban kiểm soát trong việc triệu tập họp bất thường Đại hội đồng cổ đông

1. Ban kiểm soát có trách nhiệm thay thế Hội đồng quản trị triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông trong thời hạn 30 ngày trong trường hợp Hội đồng quản trị không triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông trong các trường hợp sau đây:

- a) Số thành viên Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát còn lại ít hơn số thành viên theo quy định của pháp luật;
- b) Theo yêu cầu của cổ đông hoặc nhóm cổ đông quy định tại khoản 2 Điều 115 Luật Doanh nghiệp;
- c) Khi có yêu cầu triệu tập họp bất thường Đại hội đồng cổ đông của Ban kiểm soát nhưng Hội đồng quản trị không thực hiện.

2. Trường hợp Ban kiểm soát không triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông theo quy định thì Ban kiểm soát phải bồi thường thiệt hại phát sinh cho Tổng công ty.

3. Chi phí triệu tập và tiến hành họp Đại hội đồng cổ đông theo quy định tại khoản 1 Điều này sẽ được Tổng công ty hoàn lại.

Chương IV

CUỘC HỌP BAN KIỂM SOÁT

Điều 14. Cuộc họp của Ban kiểm soát

1. Ban kiểm soát phải họp ít nhất hai (02) lần trong một năm, số lượng thành viên tham dự họp ít nhất là hai phần ba (2/3) số thành viên Ban kiểm soát. Trưởng ban kiểm soát triệu tập và chủ trì tất cả các cuộc họp của Ban kiểm soát; trường hợp vắng mặt có lý do chính đáng, Trưởng ban kiểm soát uỷ nhiệm cho một thành viên khác trong Ban kiểm soát chủ trì cuộc họp. Các cuộc họp nội bộ của Ban kiểm soát có thể được tiến hành bằng hình thức trao đổi qua thư điện tử (email) hoặc văn thư.

2. Ban kiểm soát có quyền yêu cầu thành viên Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc và đại diện tổ chức kiểm toán được chấp thuận tham dự và trả lời các vấn đề cần được làm rõ.

Điều 15. Biên bản họp Ban kiểm soát

Biên bản họp Ban kiểm soát được lập chi tiết và rõ ràng. Người ghi biên bản và các thành viên Ban kiểm soát tham dự họp phải ký tên vào biên bản cuộc họp. Các biên bản họp của Ban kiểm soát phải được lưu giữ nhằm xác định trách nhiệm của từng thành viên Ban kiểm soát.

Chương V

BÁO CÁO VÀ CÔNG KHAI LỢI ÍCH

Điều 16. Trình báo cáo hàng năm

Các Báo cáo của Ban kiểm soát tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông thường niên bao gồm các nội dung sau đây:

1. Báo cáo về kết quả kinh doanh của Tổng công ty, về kết quả hoạt động của Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc để trình Đại hội đồng cổ đông thông qua tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông thường niên.
2. Báo cáo tự đánh giá kết quả hoạt động của Ban kiểm soát và thành viên Ban kiểm soát.
3. Thủ lao, chi phí hoạt động và các lợi ích khác của Ban kiểm soát và từng thành viên Ban kiểm soát.
4. Tổng kết các cuộc họp của Ban kiểm soát và các kết luận, kiến nghị của Ban Kiểm soát; kết quả giám sát tình hình hoạt động và tài chính của Tổng công ty.
5. Báo cáo đánh giá về giao dịch giữa Tổng công ty, công ty con, công ty khác do Tổng công ty nắm quyền kiểm soát trên năm mươi phần trăm (50%) trở lên vốn điều lệ với thành viên Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc và những người có liên quan của thành viên đó; giao dịch giữa Tổng công ty với công ty trong đó thành viên Hội đồng quản trị là thành viên sáng lập hoặc là người quản lý doanh nghiệp trong thời gian 03 năm gần nhất trước thời điểm giao dịch.
6. Kết quả giám sát đối với Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc và những người điều hành doanh nghiệp khác.
7. Kết quả đánh giá sự phối hợp hoạt động giữa Ban kiểm soát với Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc và các cổ đông.

8. Đề xuất và kiến nghị Đại hội đồng cổ đông phê duyệt danh sách tổ chức kiểm toán được chấp thuận thực hiện kiểm tra các hoạt động của Tổng công ty khi xét thấy cần thiết.

Điều 17. Tiền lương và quyền lợi khác

Tiền lương, thủ lao, thưởng và lợi ích khác của thành viên Ban kiểm soát được thực hiện theo quy định sau đây:

1. Thành viên Ban kiểm soát được trả tiền lương, thù lao, thưởng và lợi ích khác theo quyết định của Đại hội đồng cổ đông. Đại hội đồng cổ đông quyết định tổng mức tiền lương, thù lao, thưởng, lợi ích khác và ngân sách hoạt động hằng năm của Ban kiểm soát.

2. Thành viên Ban kiểm soát được thanh toán chi phí ăn, ở, đi lại, chi phí sử dụng dịch vụ tư vấn độc lập với mức hợp lý. Tổng mức thù lao và chi phí này không vượt quá tổng ngân sách hoạt động hằng năm của Ban kiểm soát đã được Đại hội đồng cổ đông chấp thuận, trừ trường hợp Đại hội đồng cổ đông có quyết định khác.

3. Tiền lương và chi phí hoạt động của Ban kiểm soát được tính vào chi phí kinh doanh của Tổng công ty theo quy định của pháp luật về thuế thu nhập doanh nghiệp, quy định khác của pháp luật có liên quan và phải được lập thành mục riêng trong báo cáo tài chính hằng năm của Tổng công ty.

Điều 18. Công khai các lợi ích liên quan

1. Thành viên Ban kiểm soát của Tổng công ty phải kê khai cho Tổng công ty về các lợi ích liên quan của mình, bao gồm:

a) Tên, mã số doanh nghiệp, địa chỉ trụ sở chính, ngành, nghề kinh doanh của doanh nghiệp mà họ làm chủ hoặc sở hữu phần vốn góp hoặc cổ phần; tỷ lệ và thời điểm làm chủ, sở hữu phần vốn góp hoặc cổ phần đó;

b) Tên, mã số doanh nghiệp, địa chỉ trụ sở chính, ngành, nghề kinh doanh của doanh nghiệp mà những người có liên quan của họ làm chủ, cùng sở hữu hoặc sở hữu riêng phần vốn góp hoặc cổ phần trên 10% vốn điều lệ.

2. Việc kê khai theo quy định tại khoản 1 Điều này phải được thực hiện trong thời hạn 07 ngày làm việc kể từ ngày phát sinh lợi ích liên quan; việc sửa đổi, bổ sung phải được thông báo với Tổng công ty trong thời hạn 07 ngày làm việc kể từ ngày có sửa đổi, bổ sung tương ứng.

3. Thành viên Ban kiểm soát và những người có liên quan của các thành viên Ban kiểm soát chỉ được sử dụng những thông tin có được nhờ chức vụ của mình để phục vụ lợi ích của Tổng công ty.

4. Thành viên Ban kiểm soát có nghĩa vụ thông báo bằng văn bản cho Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát về các giao dịch giữa Tổng công ty, công ty con, công ty khác do Tổng công ty nắm quyền kiểm soát trên năm mươi phần trăm (50%) trở lên vốn điều lệ với thành viên Ban kiểm soát hoặc với những người có liên quan của thành viên Ban kiểm soát theo quy định của pháp luật. Đối với các giao dịch nêu trên do Đại hội đồng cổ đông hoặc Hội đồng quản trị chấp thuận, Tổng công ty phải thực hiện công bố thông tin về các nghị quyết này theo quy định của pháp luật chứng khoán về công bố thông tin.

5. Thành viên Ban kiểm soát và những người có liên quan của các thành viên này không được sử dụng hoặc tiết lộ cho người khác các thông tin nội bộ để thực hiện các giao dịch có liên quan.

Chương VI MỐI QUAN HỆ CỦA BAN KIỂM SOÁT

Điều 19. Mối quan hệ giữa các thành viên Ban kiểm soát

Các thành viên Ban kiểm soát có mối quan hệ độc lập, không phụ thuộc lẫn nhau nhưng có sự phối hợp, cộng tác trong công việc chung để đảm bảo thực hiện tốt trách nhiệm, quyền và nhiệm vụ của Ban kiểm soát theo quy định pháp luật và Điều lệ Tổng công ty. Trưởng Ban Kiểm soát là người điều phối công việc chung của Ban kiểm soát nhưng không có quyền chỉ phối các thành viên Ban kiểm soát.

Điều 20. Mối quan hệ với ban điều hành

Ban kiểm soát có mối quan hệ độc lập với ban điều hành Tổng công ty, là đơn vị thực hiện chức năng giám sát hoạt động của ban điều hành. Các báo cáo của ban điều hành gửi tới Hội đồng quản trị thì đồng thời gửi cho Ban kiểm soát vào cùng thời điểm. Các thông tin và tài liệu liên quan trọng yếu đến các hoạt động của Tổng công ty phải được gửi và thông báo kịp thời đến Ban kiểm soát. Ban điều hành đảm bảo cung cấp đầy đủ thông tin, tài liệu và các phương tiện phục vụ công tác kiểm tra theo đề nghị của Ban kiểm soát. Ban điều hành có trách nhiệm tiếp thu xem xét thực hiện các kiến nghị của Ban kiểm soát.

Điều 21. Mối quan hệ với Hội đồng quản trị

Ban kiểm soát có mối quan hệ độc lập với Hội đồng quản trị Tổng công ty, là đơn vị thực hiện chức năng giám sát hoạt động của Hội đồng quản trị. Trong các phiên họp của Hội đồng quản trị, Hội đồng quản trị phải gửi thông báo mời họp và các tài liệu kèm theo cho Ban kiểm soát như đối với các thành viên Hội đồng quản trị. Ban kiểm soát gửi báo cáo cho Hội đồng quản trị kết quả kiểm tra, giám sát của Ban kiểm soát. Khi nhận được báo cáo của Ban kiểm soát Hội đồng quản trị sẽ xem xét để đưa ra kết luận và quyết định xử lý của Hội đồng quản trị. Các thông tin trọng yếu liên quan đến hoạt động của Tổng công ty phải được Hội đồng quản trị cung cấp kịp thời đến Ban kiểm soát. Ban kiểm soát tham khảo ý kiến của Hội đồng quản trị về Báo cáo của Ban kiểm soát trước khi trình Đại hội đồng cổ đông.

Chương VII

ĐIỀU KHOẢN THI HÀNH

Điều 22. Hiệu lực thi hành

Quy chế hoạt động của Ban kiểm soát Tổng công ty cổ phần Điện tử và Tin học Việt Nam bao gồm 07 chương, 22 điều và có hiệu lực thi hành kể từ ngày.....tháng.....năm 2021.

TM. BAN KIỂM SOÁT
TRƯỞNG BAN
(Ký, ghi rõ họ tên và đóng dấu)